

**ĐẠI THỪA
KIM CANG KINH LUẬN GIẢNG GIẢI**

*Thích Nữ Phước Hoàn (Như Thanh)
chủ giải*

Ấn Tổng 2015

Mục Lục

Lời Giới Thiệu.....	5
I-GIẢI THÍCH ĐỀ KINH.....	8
II.PHẦN CHÁNH VĂN.....	27
CÂU HỎI SỐ 1 : Xin Chỉ Phật Tánh (Tri Kiến Phật).....	29
CÂU HỎI SỐ 2: Sao Gọi Là Kinh Kim Cang?.....	35
CÂU HỎI SỐ 3 : Chỉ Tụng 4 Câu Kệ Kinh Kim Cang, Được Nhiều Phước?.....	41
CÂU HỎI SỐ 4 : Tạo Nghiệp Gì, Thọ Thân Hình Khác Nhau?.....	56
CÂU HỎI SỐ 5 : Thế Nào Gọi Là Ngũ Nhãn?.....	60
CÂU HỎI SỐ 6 : Sao Gọi Là Thanh Tịnh Pháp Thân?.....	79
CÂU HỎI SỐ 7 : Sao Gọi Là Vô Dư Niết Bàn?.....	91
CÂU HỎI SỐ 08 : Tu Thế Nào Có Thể Vượt Phàm, Lên Thánh?.....	95
CÂU HỎI SỐ 09 : Hạng Người Nào Có 4 Tướng, Hạng Nào Không?.....	108
CÂU HỎI SỐ 10 : Sao Gọi Là 5 Căn, Đồng Trồng Căn Lành Như Phật?.....	123
CÂU HỎI SỐ 11: Thế Nào Là Tu Chứng Sáu Pháp Ba La Mật?.....	127

CÂU HỎI SỐ 12: Thiện Tri Thức Hành Trì Thế Nào? ...	148
CÂU HỎI SỐ 13: Tu Phước Gì Được Lên Trời?	161
CÂU HỎI SỐ 14: Thế Nào Gọi Là Lục Sư Ngoại Đạo?	171
CÂU HỎI SỐ 15: Người Đền Độn, Tin Phật, Có Thể Thành Phật Không?.....	184
CÂU HỎI SỐ 16: Tà Kiến, Tào Ác, Bị Quả Báo Gì?	191
CÂU HỎI SỐ 17: Tất Cả Nghiệp, Nghiệp Nặng Nhất?..	195
CÂU HỎI SỐ 18: Nghiệp Gì Bị Làm Ngạ Quỷ?	208
CÂU HỎI SỐ 19: Nghiệp Gì Bị Làm Súc Sanh?.....	215
CÂU HỎI SỐ 20: Sao Gọi Là Nhất Thế Tam Bảo?.....	219
CÂU HỎI SỐ 21: Sao Gọi Là Tam Tụ Tịnh Giới?.....	230
CÂU HỎI SỐ 22: Tu Phước Gì, Được Làm Đền Ông?....	236
CÂU HỎI SỐ 23: Trẻ Làm Ác, Già Mới Tu, Có Thành Phật Không?.....	242
CÂU HỎI SỐ 24: Trước Tu, Sau Phá Giới, Quả Báo Gì.	250
CÂU HỎI SỐ 25: Không Tu. Chết, Rước Thầy Cúng, Có Được Siêu Không?.....
CÂU HỎI SỐ 26: Sao Gọi Là Minh Sư Khẩu Quyết?.....	270
CÂU HỎI SỐ 27: Nghe Pháp, ...Nhưng Tâm Không Tin, Làm Sao Độ Họ?.....	284
CÂU HỎI SỐ 28: Thân Có Đủ 7 Báu Bối Thí Là Sao?....	292

CÂU HỎI SỐ 29: Thế Nào Là Vương Xá Thành?	301
CÂU HỎI SỐ 30: Tự Thân Có Phật Pháp Là Sao?	307
CÂU HỎI SỐ 31: Quán Thế Âm Bồ Tát Có Ngàn Tay Ngàn Mắt Là Sao?.....	326
CÂU HỎI SỐ 32. Thế Nào Gọi Là Ba Độc?.....	338
CÂU HỎI SỐ 33: Thế Nào Gọi Là Tứ Đại?	348
CÂU HỎI SỐ 34: Thế Nào Gọi Là Hiếu Thuận?.....	360
CÂU HỎI SỐ 35: Thế Nào Gọi Là Phương Tiện?	371
CÂU HỎI SỐ 36: Thế Nào Gọi Là Hảo Tâm?.....	381
CÂU HỎI SỐ 37: Sao Gọi Là Người Trí, Ngu, Mê, Ngộ?393	
CÂU HỎI SỐ 38: Chúng Sinh Có Phật tánh, Sao Không Thể Thành Phật?..	407
LỜI CẢM ƠN.....	424

ĐẠI THỪA KIM CANG

KINH LUẬN

Dịch Giả : HT Thích Viên Giác

Thích Nữ Phước Hoàn Giảng Giải



Lời Giới Thiệu

Chánh pháp của Đức Phật giống như ngọn đèn sáng chiếu rọi đêm dài tăm tối, làm cho mọi người tỉnh thức và dừng lại; Như một người đang đi lạc đường, họ cứ mãi đi về phía trước mà không biết mình đi lạc; và họ tiếp tục đi, có lúc trèo đèo lội suối, có lúc dãi nắng, dầm mưa, chịu đói khát; Như con tàu lạc biển, lênh đênh trôi theo dòng đời, mang đầy những vui buồn, mừng giận, thương ghét, được mất, ước muốn, mà không bao giờ được toại nguyện.

Hôm nay, mọi người bỗng có duyên lành, gặp được bạn tốt, chỉ cho biết mình bị đi lạc đường. Họ chợt tỉnh ngộ, biết mình đi lạc, nên dừng ngay lập tức và quay đầu trở lại.

“Đời không đạo, đời vô liêm sỉ

Đạo không đời biết chỉ cho ai.”

Giáo pháp của Đức Phật là những phương tiện vi diệu, làm tỉnh thức chúng sinh. Giống như vị lương y tài giỏi, theo căn bệnh của mỗi người mà bốc thuốc kê toa. Đức Phật là Đấng Vô Thượng Y Vương, có tám mươi bốn ngàn pháp môn để hóa giải tám mươi bốn ngàn trần lao phiền não. Mục đích của chánh pháp là cứu chúng sinh thoát khỏi cảnh khổ trầm luân sinh tử, đang mang nhiều thân hình khác nhau và đang lặn ngụp trong sáu đường.

Khi thân chúng ta bị bệnh thì uống thuốc, nhưng khi tâm bệnh thì không có thuốc uống; chỉ có giáo lý của Đức Phật mới chuyển hóa được chúng bệnh tinh thần, vui, buồn, mừng, giận, thương, ghét, được, mất v.v... Chúng là nguyên nhân làm cho thân xác của chúng ta tàn tạ, bơ phờ, đau khổ. Vì thế, khi tâm an thì thân cũng an theo.

Quyển Đại Thừa *Kim Cang Kinh Luận* này là một kho tàng ánh sáng giác ngộ bản tâm, xin trao đến cho những người có duyên. Chúng ta hãy tuần tự đọc, rồi thực tập, rồi tỉnh giác và biết quý trọng Pháp Môn. Khi chúng ta đắc được huệ nhãn, pháp nhãn thì liền nhận ra Tánh Giác vốn sẵn có của chính mình, soi tỏ thật tướng các pháp trong vũ trụ là giả hợp, là thay đổi, là lưu chuyển không dừng. Nhân loại đang sống trên một hành tinh đang quay thì tất cả đều là cõi tạm.

Còn mê lầm thì còn bốn ba

Hết mê làm thì không bám víu.

Chúng ta sẽ đạt được cuộc sống thông dong, tự tại, an vui, sáng suốt giữa cõi đời.

Bước chân đi giữa vô thường

Nào hay sẵn đó con đường Chân Như.

Thích Nữ Phước Hoàn

Ni Viện Thiện Hòa Australia.

Ngày 06-11-2014



I-GIẢI THÍCH ĐỀ KINH

PHẬT NÓI KINH LUẬN KIM CANG ĐẠI THỪA

GIẢNG :

Bộ Đại thừa Kim Cang Kinh Luận này, Đức Phật giảng luận về *kinh Kim Cang*, do bồ-tát Văn Thù Sư Lợi hỏi, gồm có ba mươi tám câu hỏi, Đức Phật đều trả lời đầy đủ, rõ ràng. Đây là một bộ luận. Trong tam tạng kinh điển Phật giáo gồm có kinh, Luật, Luận. Đức Phật thuyết pháp suốt 49 năm, sau khi ngài nhập diệt, các đệ tử kết tập lại thành Kinh và Luật. Thường thì các bộ Luận là do chư vị Tổ sư nói. Nhưng đặc biệt bộ luận này, chính Đức Phật trả lời những điều nghi ngờ của bồ-tát Văn Thù Sư Lợi nêu ra để luận giải ý nghĩa *kinh Kim Cang*, vì vậy gọi là Kinh Luận

Vậy *kinh Kim Cang* nói những gì? Kinh này nói về trí tuệ Bát Nhã, tức là Tri Kiến Phật, là Phật Tánh. Trí Tuệ này sắc bén, chiếu sáng và rất cứng chắc; giống như ngọc kim cương sắc bén, chiếu sáng lấp lánh, nó cắt tất cả vật khác, nhưng các vật khác không thể cắt được nó. Cũng vậy, Phật Tánh thanh tịnh, hay còn gọi là Trí Tuệ Bát Nhã, có sẵn trong mỗi chúng sinh, nó có từ vô thủy kiếp đến nay, không phải nhờ tu chứng mà có. Trí Tuệ Bát Nhã còn có nhiều tên gọi khác nhau như: Tri kiến Phật, Kim Cang Tâm, Như Lai Tánh, Như Lai Tạng, Chân Như, Pháp Thân, Phật Tánh, Tự Tánh Thanh Tịnh Tâm, Thật Tướng Pháp Giới, Pháp Tánh, Tánh Giác. v.v...đều cùng một thể, chỉ khác tên gọi. Ở trong bậc Thánh không tăng,

ở trong bậc phàm không giảm. Khi chúng ta thành Phật thì nó hiện ra hoàn toàn, lúc còn mê muội phàm phu thì nó ẩn. Cho nên chúng ta học kinh Kim Cang là chúng ta tìm về bản lai giác ngộ tự tâm. Sở dĩ chúng ta còn làm chúng sanh vì chúng ta quên thăm hội nó. Còn Đức Phật ngài đã giác ngộ được nó, cho nên ngài thành Phật. Một khi Trí Huệ Bát Nhã hiện ra, nó phá tan vô minh. Cũng như ngọc kim cương có thể cắt lia những vật khác vậy.

“Đường về vạch rõ muôn màu

Nẻo về chỉ một nhịp cầu chân như”

Bộ kinh Kim Cang Đại Bát Nhã gồm có sáu trăm quyển, nhưng đúc kết lại còn hai trăm sáu mươi lăm chữ, thành *Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm kinh*.

(Cốt lõi của bộ Đại Bát Nhã)

CHÁNH VĂN :

I- LƯỢC GIẢI ĐỀ KINH

PHẬT: Chỉ cho Đức Phật Thích Ca, Đấng giáo chủ ở cõi Ta Bà, ngài đã thực hành xong ba điều: Tự giác, Giác tha và Giác hạnh viên mãn.

Phật là vị đã hoàn toàn nhân cách, đã thấu triệt chân lý, hiểu biết và trình bày chân lý ấy đúng như sự thật trong các kinh luận Đại Thừa.

NÓI: Là nghĩa của chữ thuyết. Thuyết là duyệt là vui. người nói thì thích thú nói, còn người nghe thì vui mừng được nghe.

Đức Phật sau khi thành đạo, ngài đã áp ủ trong lòng một hoài bão là muốn nói ra những điều mình đã giác ngộ cho chúng sanh nghe. Nay gặp cơ hội được nói , Đức Phật rất lấy làm vui mà nói, và chúng sanh được nghe giáo lý nhiệm mầu nên chúng sanh cũng vui mà nghe, như thế gọi là NÓI.

KINH: Là Giáo lý của các Đức Phật trong ba đời thường đã nói ra, tức là sự thật mà các ngài đã chứng ngộ được. Nói cho đủ thì phải nói là khế kinh. Khế là khế hợp; là thích hợp. Nghĩa là lời dạy trong kinh cần phải đủ hai điều: một là phải khế hợp với chơn lý, hai là phải khế hợp với trình độ của người nghe. Tóm lại những giáo lý nào hợp lý, hợp tình thì gọi là kinh.

GIẢNG:

KINH: nói cho đủ là Khế Kinh. Khế Kinh có hai nghĩa: Khế Lý và Khế Cơ.

1. **Khế Lý:** Khế hợp với chân lý và không thay đổi theo thời gian. Ví dụ: “các pháp do duyên hợp tạo thành và duyên tan sẽ rã ra. Con người thì chịu cảnh sanh, già, bệnh, chết. Vô thường biến dịch.”

2. **Khế Cơ:** Khế hợp với mọi căn cơ trình độ của chúng sanh.

Kinh có nghĩa là xuyên suốt, không phân tán. Theo *Du Già Sư Địa* luận, quyển 25 ghi: “Nguyên ý của kinh là Tuyền, là Điều, là Ty...(nghĩa là sợi tơ) lấy nghĩa “quán xuyên nhiếp trì”. Chúng sinh nhờ giáo lý nhiếp trì, không bị lưu lạc vào các nẻo ác, nên gọi là Thánh giáo, là khế kinh.

Kinh do Đức Phật giảng nói, gọi là giáo lý, gồm có ba thừa : Đại Thừa, Trung Thừa và Tiểu Thừa.

Tiểu Thừa căn cứ theo giáo pháp Tứ Diệu Đế và Bát Chánh Đạo làm giáo thể để chứng bốn quả, Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A-La-Hán. Gọi là Thanh Văn Thừa.

Trung thừa tu theo mười hai nhân duyên gồm có: vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão, tử. Họ lấy mười hai nhân duyên làm giáo thể để hướng tới quả Bích Chi Phật.

Hai quả A-La-Hán và Bích Chi Phật, tuy mức độ cạn sâu có khác nhau, nhưng đều là sự chứng ngộ quy về Không Tịch Niết bàn. (Tịch Tĩnh vắng lặng Tâm Thức).

Trung Thừa chỉ cho hai quả vị Duyên Giác và Độc Giác. Các ngài chứng ngộ về sự vô thường của vạn vật khi nhìn hoa nở, hoa tàn, thời tiết thay đổi v.v... Để nói về sự chứng ngộ vô thường, thiền sư Vạn Hạnh nói:

**“Thân như điện ảnh hữu hoàn vô
Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô
Nhậm vận thịnh suy vô bố úy
Thịnh suy như lộ thảo đầu phô”**

*(Thân như bóng chớp có rồi không
Cây cỏ Xuân tươi Thu nả nùng.
Mặc cuộc thịnh suy đừng sợ hãi
Kìa kìa ngọn cỏ giọt sương đông)*

Đại Thừa: Đức Phật giảng kinh Đại Thừa cho hàng Bồ-tát như Kinh *Pháp Hoa*, *Kinh Hoa Nghiêm*, *Kinh Niết Bàn*, *Kinh Kim Cang*... chúng ta gọi chung là giáo lý Đại Thừa. Đức Phật chỉ cho chúng sinh biết rõ trong tâm mình có Tri Kiến Phật,

Kim Cang Tâm, Như Lai Tánh. Tánh Giác...(cũng gọi là Trí Tuệ Bát Nhã) Nó luôn hiện hữu trong tâm của chúng ta. Trí Tuệ Bát Nhã luôn luôn đầy đủ những yếu tố sau đây:

1. **Vô hình:** Nó không có hình tướng, nên chúng ta không thể nhìn thấy, sờ mó được.

2. **Tỏa sáng:** Nó luôn tỏa sáng và Biết tất cả mà không suy luận.(Tánh Giác Biết)

3. **Hiện hữu:** Nó luôn hiện hữu trong tâm của chúng ta. (Lúc nào cũng Biết)

4. **Bền chắc:** Nó giống như kim cương, có thể cắt đứt, đập vỡ tất cả mọi vật; nhưng các vật khác không cắt đứt được nó. (Khi ta tỉnh thức và Biết thì tâm thức liền tan).

5. **Rộng lớn:** Tánh Giác bao trùm rộng lớn cùng khắp pháp giới không ngần ngại

6. **Không sanh không diệt:** Ở thánh nó không tăng, ở phàm nó không giảm.

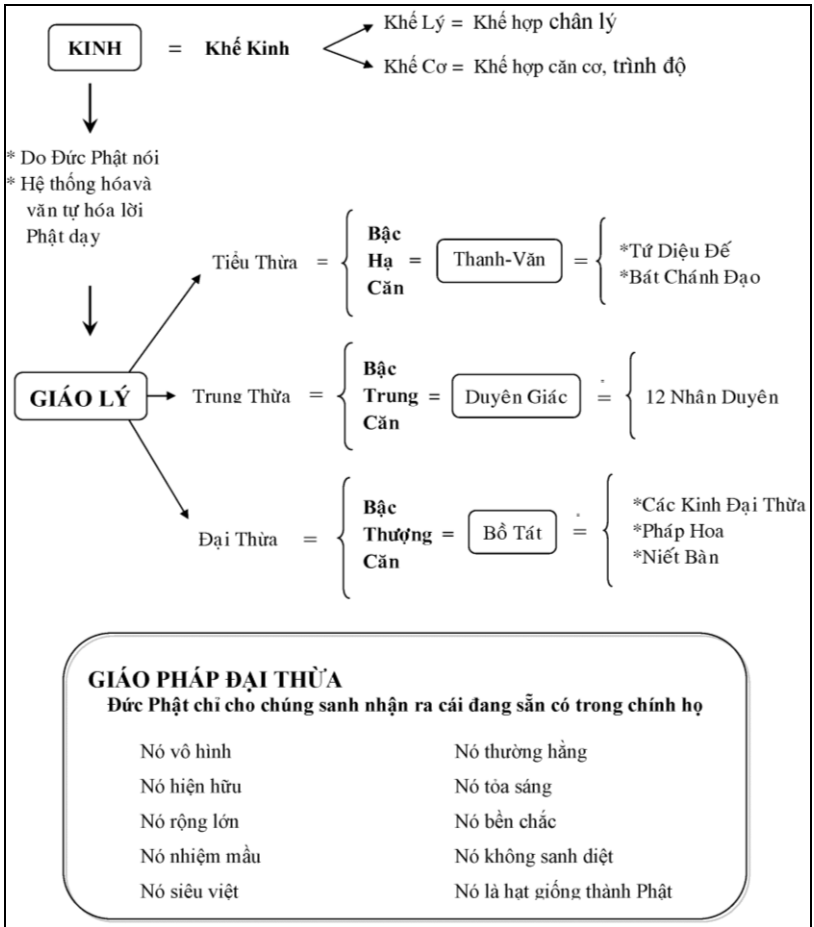
7. **Nhiệm màu:** Nó vi diệu nhiệm màu không thể nghĩ bàn.

8. **Là hạt giống:** Nó là hạt giống thành Phật sẵn có trong mỗi chúng sinh.

9. **Siêu việt:** Nó vượt thoát ngôn ngữ, văn tự không thể diễn bày.

10. **Thành Phật:** Chứng ngộ được nó (an trụ trong nó) nhất định thành Phật.

11. **Thường hằng:** Nó luôn tồn tại trong Thánh nhân cũng như trong phàm phu



Đức Phật thuyết pháp cho chúng sinh tùy căn cơ mà Ngài nói, như vị lương y theo bệnh mà bốc thuốc,

kê toa, như qua sông cho thuyền bè, như đi đêm cho ánh sáng vậy.

CHÁNH VĂN :

LUẬN: luận lý, luận biện, luận nghị. Những bộ sách phần nhiều do các vị Bồ Tát sáng tác dùng để biện minh, luận bàn cho rõ ràng các lý lẽ ẩn mật trong kinh của Phật. Nhưng chữ Luận trên đây không phải dùng để chỉ riêng một bộ luận nào và cũng không phải của một vị Bồ Tát nào làm ra. Chữ Luận này cùng đi theo sau chữ Kinh là chỉ cho những lời biện luận giữa Đức Phật và Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát về ý nghĩa trong Kinh Kim Cang.

GIẢNG: Ở phần luận, chúng tôi xin giảng thêm về mặt lịch sử để các vị hiểu rõ :

CON ĐƯỜNG TRUYỀN PHÁP

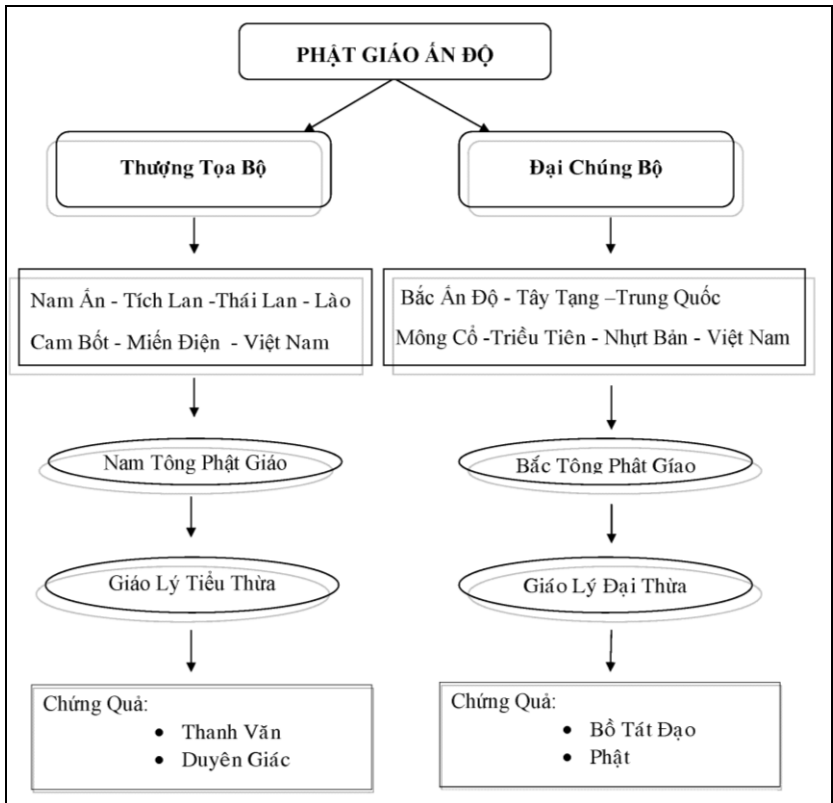
Phật giáo xuất phát từ Ấn Độ. Sau khi Đức Phật nhập Niết bàn, trong giáo đoàn Phật giáo chia ra thành mười chín bộ phái, nhưng tựu trung có hai bộ chính là Thượng Tọa bộ và Đại Chúng bộ.

1- **Thượng Tọa Bộ:** Truyền từ miền nam Ấn Độ qua Tích Lan, Thái Lan, Campuchia, Malaysia, Lào và Việt Nam. Những nước này, gọi là Phật Giáo Nam Tông, tu theo giáo lý Tiểu thừa, chứng quả Thanh Văn, Duyên Giác.

2- **Đại Chúng Bộ**: Truyền từ miền bắc Ấn Độ qua Tây Tạng, Trung Quốc, Mông Cổ, Triều Tiên, Nhật Bản và Việt Nam. Vào khoảng thế kỷ thứ II, Trung Quốc truyền đạo Phật sang Việt Nam. Những nước này, gọi là Phật Giáo Bắc Tông, tu theo giáo lý Đại thừa.

Như thế, ở Việt Nam có cả hai hệ phái Nam Tông và Bắc Tông.

Nhưng về sau, các thầy nghiên cứu Phật pháp, hoặc giảng kinh, thuyết pháp đều nghiên cứu Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa, không có phân biệt. Nhưng Giáo lý nào nói về Phật Tánh có sẵn trong mỗi chúng sinh thì gọi là Giáo Lý Đại thừa. Giáo lý nào không luận bàn Phật Tánh gọi là Giáo Lý Tiểu Thừa. Như chúng ta biết, Phật giáo Tây Tạng tu theo Giáo Lý Đại Thừa, các ngài không quan niệm thành Phật liền mà vẫn ở lại Ta Bà, thực hành hạnh Bồ Tát cứu độ chúng sanh, Vì vậy các ngài thường tái sanh trở lại mà không nhập Niết Bàn. Trước khi các vị Lạt Ma tịch, thường chỉ cho đệ tử biết mình sẽ thác sinh vào một nơi nào đó. Khi các ngài tịch diệt rồi, các đệ tử đi đến nơi đó tìm em bé và đem về nuôi dưỡng, đưa lên kế thừa ngôi vị Lạt Ma.



CHÁNH VĂN :

KIM CANG: là tên một thứ ngọc báu rất quý, rất cứng, không có thứ nào cứng hơn nữa. Không có một vật gì có thể làm hư hoại thứ ngọc này. Trái lại, ngọc này có đủ năng lực phá tan tất cả các vật khác. Đức Phật dùng ngọc này để thí dụ cho trí huệ của Phật, là một thứ trí huệ đã giác ngộ hoàn toàn, có sức mạnh phá tan tất cả những tối tăm mê mờ, phá tan những điều ngu si mê muội,

gọi chung là vô minh của tất cả chúng sinh và đem giác ngộ sáng suốt lại cho tất cả chúng sinh.

GIẢNG:

Đức Phật dùng ngọc Kim Cương để tượng trưng cho Tri Kiến Phật (Tánh Giác). Đây là bộ Kinh nói về Tánh Giác sẵn có, thường hằng, luôn tỏa chiếu, như một thứ Tuệ Giác sẵn có trong tất cả chúng sanh.

Trước hết, chúng tôi nói về trọng tâm kinh Kim Cang; Tôn giả Tu Bồ Đề hỏi Đức Phật hai câu: “Kính bạch Đức Thế Tôn! Làm thế nào hàng phục được vọng tâm? Và làm thế nào an trụ Chơn Tâm?”. Đức Phật dạy: “Này Tu-bồ-đề! Ông đừng đem tâm vọng tưởng dính mắc vào một nơi nào cả”.

“Bất ưng trụ sắc sanh tâm

Bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm

Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”

(Kinh Kim Cang)

(Không nên để tâm vọng tưởng dính mắc vào sắc trần

Không nên để tâm vọng tưởng dính mắc vào âm thanh, mùi thơm, hương vị, xúc, chạm và pháp trần

Không nên để tâm vọng tưởng dính mắc vào một nơi nào cả)

Chúng ta muốn trụ tâm không dính mắc thì phải giữ tâm thanh tịnh, tâm giác biết tức là dùng **Tri Kiến Phật** rọi vào tâm vọng tưởng, ô uế của chúng ta, làm cho Tánh Giác hiển lộ. Dùng Tánh Giác làm ngọn đuốc sáng, soi chiếu tâm mình. Nghĩa là ngay trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta luôn giác biết; khi đi, đứng, nằm, ngồi chúng ta biết mình đang đi, đứng, nằm, ngồi; khi buồn, giận, thương, ghét chúng ta biết mình đang buồn, giận, thương, ghét... Làm được như vậy, là chúng ta áp dụng kinh Kim Cang vào trong cuộc sống. Chúng ta thấy, mở đầu phần kinh Kim Cang, ghi lại hình ảnh Đức Phật đắp y, ôm bát vào thành khất thực, khi trở về, ngài thọ trai, rửa bát, kinh hành, tọa thiền... Ngài làm gì biết nấy. Giáo lý Bát Nhã (Tánh Giác Biết) rất đơn giản, gần gũi ngay trong đời sống của chúng ta, chứ không cao siêu, màu nhiệm, bí ẩn:

**“ Cư trần lạc đạo thả tùy duyên
Cơ tắc xan hề, khốn tắc miên
Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch
Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiên”**

Trần Nhân Tông

(Ở đời vui đạo hãy tùy duyên

Hễ đói thì ăn, mệt ngủ liền.

Của báu trong nhà thôi tìm kiếm

Đôi cảnh vô tâm hỏi chi thiên?)

CHÁNH VĂN :

ĐẠI THỪA: là cỗ xe lớn, ngược lại với Tiểu Thừa là cỗ xe nhỏ. Xe lớn chuyên chở rất nhiều, chạy xa và tốc độ rất nhanh. Xe nhỏ chở ít, và chạy chậm.

Đại Thừa là tiêu biểu cho giáo lý Kim Cang cao siêu, huyền diệu. Người tu theo giáo lý này sẽ phá tất cả cội gốc vô minh, phiền não, mau chóng thành Phật, đồng thời cũng giáo hóa cho tất cả mọi người tu hành thành Phật giống như mình.

Tiến lên một bước, Đại Thừa tức là Phật, là Chân như, Niết bàn; ngoài Đại Thừa ra, không còn thừa nào khác. Vì thế, kinh này lấy Đại Thừa làm hướng đến mục đích, nhưng kinh này cũng chú trọng thực hành; cho nên, sự lý viên dung, Tánh Tướng nhất như.

Người phát tâm Đại Thừa, phát tâm tối thượng thừa, phát tâm Bồ Đề thường thực hành lời dạy của Đức Phật theo kinh này ngay trong cuộc sống hàng ngày. Người tu hành nên lấy trí tuệ làm đuốc để soi sáng tâm mình, để diệt trừ vô

minh tâm tối, lấy từ bi làm phương tiện để giáo hóa chúng sinh, lấy vô sở đắc làm cứu cánh để đến bờ giải thoát an vui.

GIẢNG: Trong đoạn này, nói về người phát tâm tu theo giáo lý Đại Thừa, hay tối thượng thừa, hay phát Bồ đề tâm. Chúng ta hãy áp dụng giáo lý ngay trong cuộc sống hàng ngày, khi chúng ta làm việc gì thì **biết** mình đang làm việc đó, làm cho **Tánh Giác biết** hiển lộ, như dùng đuốc sáng rọi tâm mình vậy. Suốt ngày chúng ta luôn tự hỏi: “Mình đang làm gì đây?” để tỉnh thức ngay trong thực tại. Cho nên trong kinh dạy: “Người tu hành nên lấy trí tuệ làm đuốc soi sáng tâm mình để diệt trừ vô minh tâm tối; lấy từ bi làm phương tiện để giáo hóa chúng sinh, lấy vô sở đắc làm cứu cánh để đến bờ giải thoát an vui”. Chúng ta muốn đạt đến bờ giải thoát thì phải an trụ trong tuệ giác có sẵn, đó là **Cái Biết**, là **Tánh Giác**, là **Phật Tánh**. Chúng ta nên hiển lộ Tánh Giác này để làm mục đích hướng tới, không chạy theo vọng tưởng:

“Muốn qua bể ngạn hãy dừng tâm

Đừng để muôn duyên hoạt động ngầm

Dứt bật sắc tâm, dừng ngựa ý

Thời gian một niệm ví muôn năm. “

Tóm lại, Đại Thừa Kim Cang Kinh Luận là luận bàn về giáo lý Đại Thừa trong kinh Kim Cang

giữa Đức Phật và Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi ,đổi đáp qua lại, để mọi người hiểu và thực hành, chúng được quả vị Phật.

GIẢI THÍCH :

1. NHƯ THỊ NGÃ VẤN: Theo các bản dịch là “Đúng thật như thế, chính tôi được nghe”.

GIẢNG :

Hai chữ “**Như thị**” : (**đúng thật như thế**). Theo tiếng Việt, nó chỉ tác dụng giới thiệu những lời Đức Phật dạy trong kinh này là đúng sự thật, nên dịch “Đúng thật như thế”. Bởi vì, nó không thể bao gồm hết ý nghĩa cao siêu, thâm diệu, ẩn mật tuyệt đối và ẩn ý của Đức Phật dạy trong đó. Vì thế, ở phần đầu của mỗi kinh, đều có hai chữ Như Thị, làm cho người đọc có một niềm tin tuyệt đối, tin đó là sự thật và họ thấy được chân lý . Vậy, Như là gì? Thị là gì?

a) NHƯ là bản thể, là Thật Tính của vũ trụ. Bản thể ấy thanh tịnh tuyệt đối, như như bất động, bao trùm pháp giới, vượt ngoài thời gian và không gian.

b) THỊ là thật tướng, là hiện tượng tuyệt đối của vũ trụ. Nó giống như bản thể đầy khắp pháp giới, không bị thời gian và không gian chi phối. Chúng ta có thể gọi nó là lẽ đúng, là chân lý tuyệt đối, là sự thật.

Hai chữ Như Thị đại ý nói kinh này đúng, như sự thật, như lẽ phải, như chân lý tuyệt đối của vũ trụ, nên nói “đúng thật như vậy”. Ngược lại nếu không đúng như vậy, chẳng phải lẽ đúng, chẳng phải chân lý thì tôi không nghe.

Bản thể và thật tướng tuy hai mà một, tuy một mà hai; giống như nước và tánh ướt của nước vậy, tất cả đều tuyệt đối. Đó là sự thật nên chúng ta nghe theo.

c) NGÃ VĂN. Là Chính tôi được nghe nhưng có người hỏi: Tôi nghe đạo Phật chủ trương thuyết vô ngã. Vì sao trong kinh ghi là “ngã văn” (chính tôi được nghe)?

Thật ra, chữ **nghe** ở đây, chúng tôi nói theo tương đối là tôn giả **A Nan** nói là “tôi nghe”; nhưng thật ra, tôn giả là hiện thân của **Tánh Nghe**. Tánh nghe là diệu dụng nhiệm mầu của bản thể và của thật tướng vũ trụ ở trong hai chữ Như Thị phần trên, nghe ở đây không phải chỉ cho tôn giả A Nan, mà chỉ cho Tánh Nghe không phân biệt nơi nhĩ căn.

Khi nhĩ căn (tai) duyên với thanh trần (tiếng) sinh ra nhĩ thức, gọi là nghe. Thanh trần thì lúc có, lúc không, còn Tánh Nghe thì luôn luôn hiện hữu; có tiếng thì **nghe có tiếng**, không tiếng thì **nghe không tiếng**. Tánh Nghe bao trùm khắp vũ trụ, nó không phải riêng của tôn giả A Nan. Vì thế, chúng ta nên bỏ

Thức Nghe có phân biệt nơi Tôn Giả mà lấy Tánh Nghe không phân biệt của vũ trụ; nghĩa là, bỏ cái riêng mà theo cái chung vậy. Chúng ta hiểu như vậy thì “Nhu thị ngã văn” mới thể hiện đầy đủ ý nghĩa “**Thễ, Tướng và Dụng**”, mới có thể chứng minh lời Đức Phật dạy trong kinh là đúng sự thật, rất đáng tin cậy.

2. **Sáu việc thành tựu:** Từ câu “Đúng thật như thế, chính tôi được nghe” đến câu “vây quanh Đức Phật nghe thuyết pháp” là lời tựa thông thường của kinh . Đoạn này nêu lên sáu điều gọi là sáu thành tựu, để chứng minh kinh này do Đức Phật giảng, đáng tin cậy.

a) **Tín thành tựu:** Đây là sự thật, **đúng thật như vậy**. Kinh này nói rõ sự thật, đúng chân lý, phù hợp trình độ người nghe. Làm niềm tin vững chắc.

b) **Văn thành tựu:** Chính tôn giả A Nan được nghe trực tiếp (**chính tôi được nghe**), chẳng phải Tôn giả nói dối, cũng chẳng phải nghe qua người khác rồi nói lại.

c) **Thời thành tựu:** Thời gian Đức Phật giảng kinh này. (**Lúc bấy giờ**)

d) **Chủ thành tựu:** Chủ tọa. **Đức Phật Thích Ca** làm giáo chủ giảng nói kinh này.

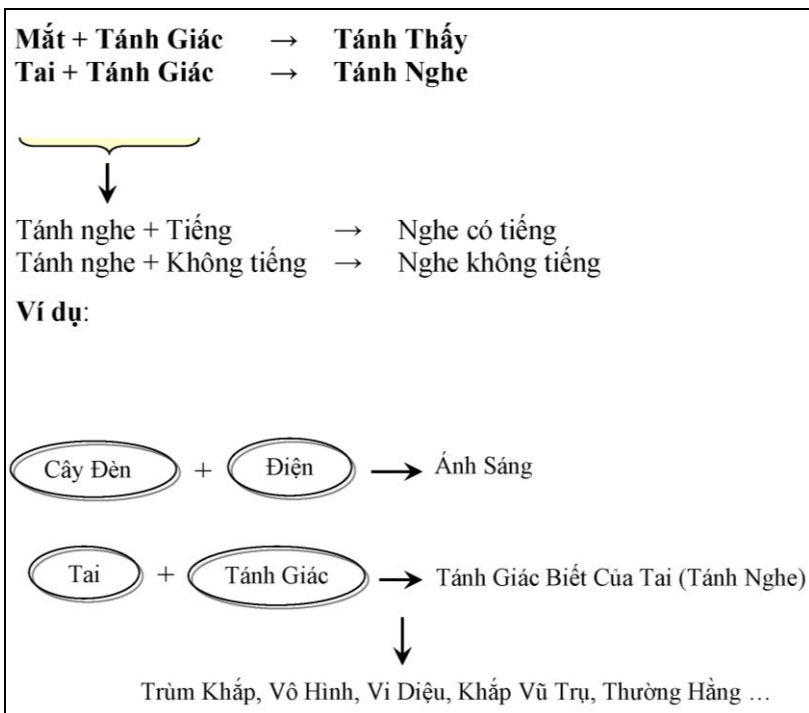
e) **Xứ thành tựu:** Nơi Đức Phật giảng nói kinh này (tại núi **Linh Thứu**).

f) **Chúng thành tựu:** Thính chúng nghe giảng Kinh (**Chư Bồ-tát và Thanh Văn ngồi nghe kinh**).

Sáu điều trên là tín, văn, thời, chủ, xứ và chúng không thể thiếu một điều nào. Bất kỳ trong các buổi thuyết kinh hay pháp giáo của Phật; hoặc báo cáo một phát minh nào, hay trình bày một bản án; các nhà khoa học hay luật học cũng phải đủ sáu điều này thì việc làm mới có giá trị, đáng tin cậy.

LỤC CHỦNG THÀNH TỰU

1. “**Như Thệ**” = Đúng Thật Như Thế = **Tín Thành Tựu**
2. “**Ngã Văn**” = Tôi Là Người Nghe = **Văn Thành Tựu**
3. “**Nhứt Thời**” = $\begin{cases} \text{Thời Gian Ấy} \\ \text{Hôm Nọ} \\ \text{Ngày Ấy} \end{cases}$ = **Thời Thành Tựu**
4. “**Phật**” = Đức Phật Nói Kinh Này = **Chủ Thành Tựu**
5. “**Tại ...**” = Địa Điểm Nói Kinh = **Xứ Thành Tựu**
6. “**Bồ Tát, Thanh Văn ...**” = Những Thính Giả = **Chúng Thành Tựu**



II. PHẦN CHÁNH VĂN

PHẬT NÓI KINH LUẬN KIM CANG ĐẠI THỪA

Đúng thật như thế, chính tôi được nghe: Một thời, Đức Phật ở núi Linh Thứu, trên đài Thanh Tịnh có các vị Bồ-tát, Thanh Văn, Thiên Long Bát Bộ đến nghe Đức Phật thuyết pháp. Khi đó, có vô lượng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu bà tắc và ưu bà di mới phát tâm Đại Thừa đều suy nghĩ: “Hôm nay, Thế Tôn giảng nói pháp Đại Thừa, nhưng chúng con không hiểu. Làm sao thỉnh Ngài giảng nói để

**hiếu để chúng con ngộ được Tri Kiến Phật và
chúng đạo quả. Chúng con muốn thừa hỏi, nhưng
không dám”.**



CÂU HỎI SỐ 1 : Xin Chỉ Phật Tánh (Tri Kiến Phật).

Lúc đó, bồ-tát Văn Thù Sư Lợi biết ý nghĩ của bốn chúng, nên dùng phương tiện từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước Đức Phật thưa:

- Kính Bạch Đức Thế Tôn! Xin Ngài hãy rũ lòng thương xót, dùng phương tiện giáo hóa, chỉ cho chúng sinh mới phát tâm thấy được Phật Tánh để họ tu hành mau thành Phật, và cũng làm cho chúng sinh đời mạt pháp đến gần cửa Phật cầu đạo, thấy được Tri Kiến Phật, không bị tà giáo mê hoặc, dụng công tu hành không lâu mà mau chứng đạo quả.

Đức Phật dạy:

- Nay Văn Thù Sư Lợi! Hay lắm, hay lắm! Ông dùng phương tiện chỉ bày con đường chân chánh cho ba hạng người căn tánh khác nhau, và cho chúng sinh đời mạt pháp mới vào đạo. Theo sự thỉnh cầu của ông, Ta sẽ giảng nói.

Đại chúng yên lặng, lắng nghe. Phật bảo:

- Nay Văn Thù! Ta có một pháp Đà La Ni tên là Kim Cang Tâm. Nếu có chúng sinh nào thấy, nghe pháp này thì chúng được đạo quả.

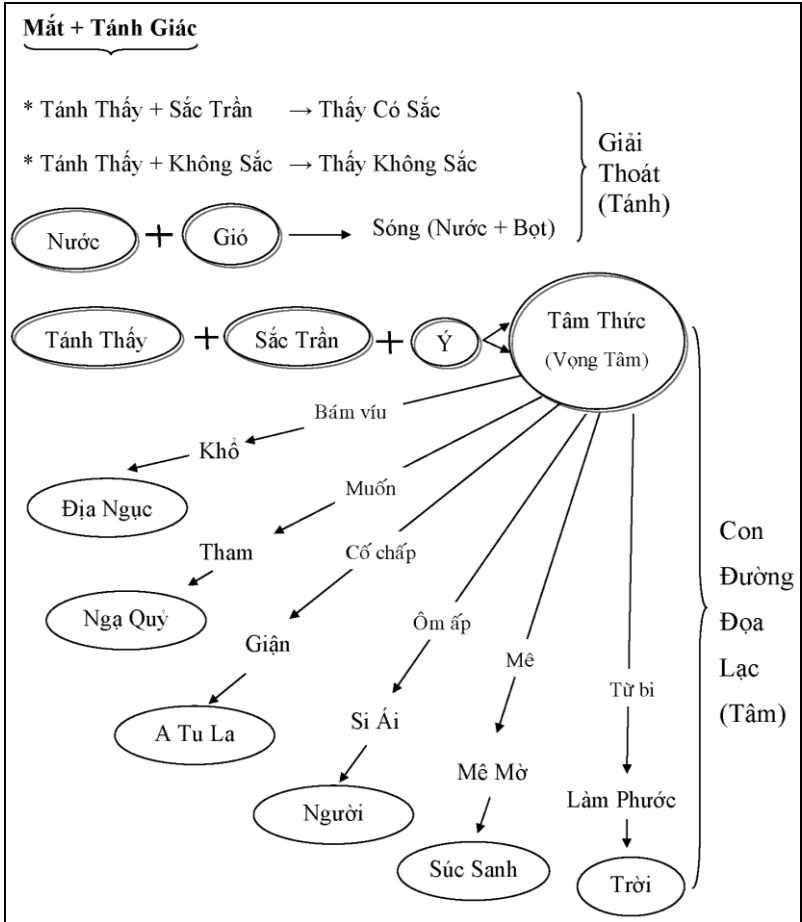
Này Văn Thù! Thế nào gọi là Kim Cang Tâm? Tâm này, mọi người đều có, là tâm bình đẳng, chúng sinh tự hiểu, tự biết. Bởi vì, tất cả việc làm thiện, ác đều do tâm tạo ra. Tâm chúng ta tu thiện thì thân an lạc, tâm sai sử làm điều ác thì thân chịu khổ não. Tâm làm chủ thân, thân là dụng của tâm. Vì sao? Vì thành Phật cũng từ tâm, đạo nhờ tâm học, đức do tâm chứa, công do tâm tu, phước do tâm tạo, họa do tâm gây, tâm làm nên cõi Cực Lạc, tâm tạo ra địa ngục, tâm làm ra Phật, tâm làm ra chúng sinh. Vì thế, tâm chính thì thành Phật, tâm tà thì thành ma, tâm từ bi thì làm trời, tâm ác độc thì làm quỷ, tâm là hạt giống của tất cả tội, phước. Nếu người nào ngộ được tâm mình, giữ được tánh định, tự chủ tâm không làm ác, thường hay tu thiện; tu hành như Phật, hạnh nguyện như Phật thì người này không bao lâu sẽ thành Phật.

GIẢNG :

Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi chứng Tha Tâm Thông nên biết được ý nghĩ của tất cả mọi người trong chúng hội, ngài đứng lên thỉnh cầu Đức Phật chỉ dạy phương pháp cho chúng sinh nghe, dễ tu và dễ chứng

Nếu mắt chúng ta có **Tánh Giác Biết**, mỗi khi có sắc trần hiện ra, thấy có sắc, khi không có sắc trần hiện, thì thấy không có sắc. Lúc đó, ý không khởi phân biệt. Nếu thấy theo tâm thức thì có sự phân biệt

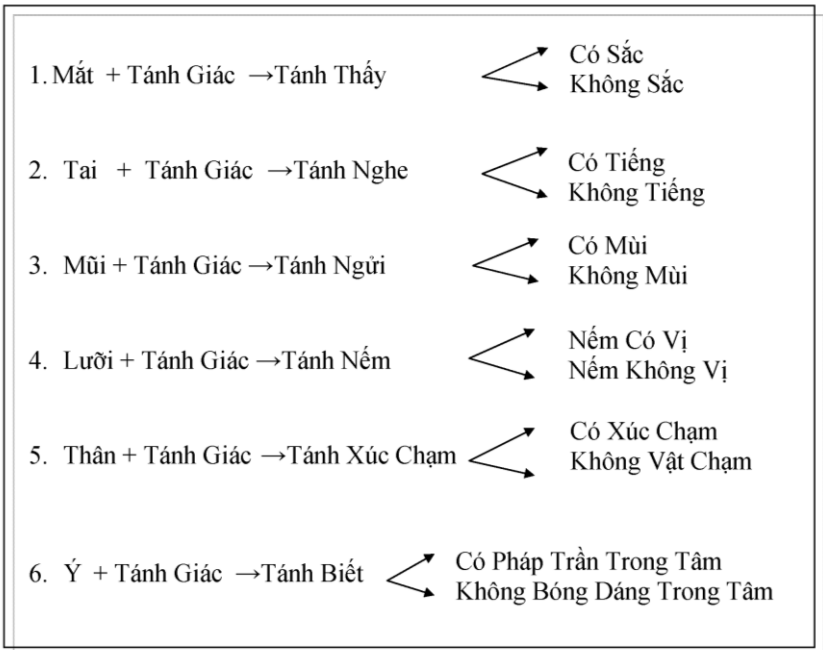
tốt, xấu, đúng, sai, phải, quấy...đó chính là **Tâm Thức** là **vọng tâm**; giống như nước, khi có gió thổi vào thì **bọt nước** nổi lên vậy.



Nếu có kẻ thiện nam, người thiện nữ muốn cầu Phật đạo mà không rõ **tự tâm** thì người đó không thể thành Phật được. Nếu người hiểu rõ tự tâm, biết được **tự tánh**, y theo Phật dạy mà tu hành thì người ấy nhất

định sẽ thành Phật. Công đức của người này nhiều hơn độc tụng hai mươi vạn biến kinh Kim Cang, không pháp nào sánh bằng.

Vì sao? Vì các Đức Phật chứng đạo Vô Thượng từ trong tâm phát ra. Tâm này vô cùng tận, không phá hoại được, không có tạp nhiễm; cho nên gọi là Tâm Kim Cang. Người ngộ được tâm này, gọi là ngộ được tâm Phật. Vì thế, chúng ta biết Phật và chúng sanh tâm tánh như nhau, chỉ là tu hay không tu, tin hay không tin; cho nên, có người thành Phật, kẻ làm chúng sinh.



Đức Phật giác ngộ và thành Phật cũng từ trong Chơn Tâm của ngài. Khi Ngài ngồi dưới cây bồ đề thiền định suốt bốn mươi chín ngày, tất cả cảnh vật diễn ra chung quanh, ngài đều biết rõ, đặc biệt, ngài phát hiện ra một điều vi diệu ở trong tâm, đó là **Tánh Giác Biết**, và ngài luôn sống trong chánh niệm **tĩnh giác, biết** rõ mọi hành động, mọi sự vật, và những diễn biến trong tâm thức. Chỉ nhận Biết nó đang là mà không bám theo suy luận trên nó. Ngài an nhiên tự tại trong vô thường biến đổi.

“Mắt sâu rất bóng thiên đàn

Một khung trời nhỏ lá vàng chợt bay

Người ngồi giữa cuộc đổi thay

Nghe sông núi cạn phút giây vô thường”

Vì sao chúng ta vẫn mãi trôi lăn trong đường sinh tử ? Tại vì tâm chúng ta luôn buông lung bám theo vọng tưởng, phân tích, tạo nghiệp. Nói về tâm, các kinh điển dẫn chứng rất nhiều. Vì thế, Đức Phật cũng nói về chữ tâm như sau :

“Tam điểm như tinh tượng

Hoành câu tợ nguyệt tà

Phi mao tùng thử đắc

Tố Phật giả do tha”

*(Ba điểm như sao sáng
Nét cong như trăng tà
Đọa sa hay thành Phật
Cũng tâm ấy mà ra)*



CÂU HỎI SỐ 2: Sao Gọi Là Kinh Kim Cang?

Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi hỏi Đức Phật :

- Kính Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao gọi là Kinh Kim Cang?

Đức Phật dạy:

- Nay Văn Thù! Kinh dụ cho tâm. Nếu người nào hiểu rõ tâm mình (chơn tâm) thì trong tâm người đó có Kim Cang, từ sáu căn của họ chiếu ra ánh sáng rực rỡ khắp nơi, đầy đủ công đức như số cát sông Hằng, sinh ra Tứ Hướng Tứ Quả¹, Thập Thánh², Tam Hiền³, cho đến ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của Như Lai. Hết thảy công đức này, đều do tâm tu mà được, chứ không phải tìm kiếm bên ngoài. Bởi vì, khi người nào đã minh

¹ **Tứ hướng và tứ quả** (Còn gọi: tứ hướng tứ đắc): Là giai vị tu tập của Thanh văn thuộc Phật giáo Tiểu thừa, gồm có: Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn và A-la-hán. (Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán)

² **Thập thánh**: Hàng Bồ-tát ở giai vị Thập địa.

³ **Tam hiền**: Ba giai vị tu hành các thiện căn để hàng phục phiền não, làm cho tâm được điều hòa. (Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng)

tâm kiến tánh thì trong tâm người đó luôn có Phật thuyết pháp, thường thực hành độ chúng sinh, thường hiện thân thông, thường làm việc Phật. Người đạt được lý này, gọi là người trì Kim Cang, cũng gọi là Thân Kim Cang bất hoại.

GIẢNG:

Minh Tâm: Là thấy rõ **tâm thức**, vọng tâm, nó chỉ tạm khởi theo cảnh rồi sẽ tan, nên chúng ta không bám theo nó gây nghiệp. Nếu có những điều mắt thấy, tai nghe mà chúng ta khởi phân biệt, buồn vui, là chúng ta đã chạy theo vọng tưởng, chạy theo Tâm Thức.

Kiến Tánh: Kiến là thấy, tánh là Tánh Giác. Kiến Tánh là thâm hội **Tánh Giác Biết** luôn hiện hữu nơi sáu căn không lúc nào mất, mặc dù không có cảnh, nhưng nó vẫn hiện.

Mê: Là chúng ta quên mất Tánh Giác, không an trú trong nó.

Làm: là chúng ta nhận Tâm Vọng chọt có chọt không cho là chơn tâm của mình, rồi sinh ra buồn, giận, thương, ghét...

MINH TÂM	=	Thấy rõ tâm thức là vọng tâm, tạm khởi tùy theo cảnh, rồi sẽ tan, nên không bám theo nó để gây nghiệp.
KIỆN TÁNH	=	Thâm hội Tánh Giác Biết hiện hữu nơi 6 căn không lúc nào mất dù không có cảnh.
MÊ	=	Quên Tánh Giác , không an trú trong nó
LÂM	=	Nhận lầm tâm vọng chợt có chợt không cho là tâm của tôi → buồn giận

Minh Tâm Kiến Tánh: Là người thấy được vọng tâm như thế nào. Và nhận ra Phật Tánh như thế nào. Phật Tánh hay Tánh Giác nó vốn có sẵn trong mỗi người, chúng ta biết tu thì nó sẽ hiển lộ, nó là Chân Tâm, là Phật Tánh, là Tri Kiến Phật.... Như chúng ta giữ giới thanh tịnh thì nó liền hiển lộ. Còn như chúng ta khởi tham, sân, si, vọng tưởng, phiền não thì Phật Tánh bị che khuất, như mặt trăng bị mây che vậy. Người nào được minh tâm kiến tánh thì trong tâm người này luôn có Phật thuyết pháp.

Nói về Tâm (Tâm Thức), chúng tôi xin kể câu chuyện ngắn giữa tổ Bồ Đề Đạt Ma và tổ Huệ Khả. Khi tổ Huệ Khả đến gặp tổ Bồ Đề Đạt Ma, ngài thưa:

- Bạch thầy! Xin thầy an Tâm cho con. (An cái Tâm vọng tưởng sinh khởi).

Tổ bảo:

- Ông đưa tâm đó ra, ta an cho. (Đưa cái tâm vọng của ông ra bây giờ đi, để ta làm cho nó an ngay liền cho).

- Bạch thầy! Con tìm tâm không có. (Cái tâm vọng trước đó, nay không tìm được, vì nó đã trôi qua rồi, nó là vọng khởi, giả có, không tồn tại lâu).

- Ta đã an Tâm cho ông rồi. (Vọng tưởng không tồn tại, chợt có, chợt không, đâu cần an).

Qua câu chuyện trên, cho chúng ta thấy vọng tưởng không có **Tự Tánh** (thường hằng). Khi chúng ta mê, **Tánh Giác** ẩn mất. Nếu để sinh khởi vọng tưởng thì nhất định tạo nghiệp luân hồi. Vì thế, thiền sư Huyền Giác nói:

“Còn mê lầm có sáu nẻo luân hồi

Khi tỉnh giác không tìm ra dấu vết”.

Sáu căn phát ra ánh sáng, là khi người đó nhận ra **Tánh Giác**, an trú trong chánh niệm. Nếu khi sáu căn của chúng ta bám theo sáu trần thì tâm khởi vọng

tưởng, phân biệt, chấp trước, nên sáu căn không phát ra Tánh Giác Biết Vô Phân Biệt .

Pháp trần phiền não: Là những bóng dáng còn lưu lại trong tâm, do sáu căn khi tiếp xúc với sáu trần cảnh bên ngoài mà có hình dáng, nhưng khi hình ảnh này qua rồi, chúng vẫn còn tồn đọng mãi trong tâm trí chúng ta một cái bóng, làm cho tâm chúng ta vọng tưởng đuổi theo nó. Chỉ khi nào chúng ta an trụ trong **Tánh Giác Biết**, sống với thực tại thì Pháp Trần không thể hiển lộ được. Nghĩa là khi chúng ta quét nhà thì biết mình đang quét nhà, chúng ta làm việc gì biết mình đang làm việc đó. Nên biết, Tánh Giác của Phật và Tánh Giác của chúng sanh hoàn toàn giống nhau, nhưng Đức Phật có tu nên thành Đẳng Giác, còn chúng ta thì không tin và không tu, còn mê, nên còn làm chúng sanh.

Trạng thái chúng ngộ không có hình dáng mà phát ra từ trong tâm, giống như luồng điện phát ra ánh sáng. Khi chúng ta diệt hết pháp trần trong tâm thì thành Phật.

Nếu có người nam người nữ nào muốn cầu Phật Đạo mà không rõ được Tự Tâm (Tánh Giác) của mình thì người ấy chưa nhận được hạt giống để thành Phật.

TỨ HƯỚNG VÀ TỨ QUẢ

Hướng Tu Đà Hoàn

Tu Đà Hoàn quả

Hướng Tư Đà Hàm

Tư Đà Hàm quả

Hướng A Na Hàm

A Na Hàm quả

Hướng A La Hán

A La Hán quả

(Tứ Quả Thanh Văn . Bốn đôi tám bậc)

THẬP THÁNH TAM HIỀN:

52 QUẢ VỊ BỒ TÁT

- | | | |
|---------------------------------|------|----------------|
| ➤ Thập Tín | → 10 | → Sơ Phát Tâm |
| ➤ Thập Trụ | → 10 | } → Tam Hiền |
| ➤ Thập Hạnh | → 10 | |
| ➤ Thập Hồi Hướng | → 10 | |
| ➤ Thập Địa | → 10 | } → Thập Thánh |
| ➤ Căn Huệ Địa | → 1 | |
| ➤ Đẳng Giác | → 1 | |
| ➤ Phật Quả (Diệu Giác) | | |

CÂU HỎI SỐ 3 : Chỉ Tụng 4 Câu kệ Kinh Kim Cang, Được Nhiều Phước?

Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi hỏi:

- Kính Bạch Đức Thế Tôn! Trong kinh Kim Cang thường khen ngợi người thọ trì bốn câu kệ...và giảng nói cho người thì phước đức này, hơn cả phước đức đem bảy báu chất đầy hư không trong mười phương là đông, tây, nam, bắc, bốn phía và trên dưới, mà bố thí; lại còn hơn cả phước đức đem thân mạng nhiều như số cát sông Hằng mà bố thí, mỗi ngày ba thời: sáng, trưa, chiều; cho đến bố thí suốt trăm ngàn vạn kiếp. Bốn câu kệ này như thế nào mà phước đức nhiều như vậy?

GIẢNG :

CÁC CÂU KỆ CỦA KINH KIM CANG

“Một là thân không
Hai là tâm không
Ba là tánh không
Bốn là pháp không”

“Nhứt thiết hữu vi pháp
Như mộng huyễn bào ảnh
Như lộ diệc như điện
Ứng tác như thị quán”

“Bất ưng trụ sắc sanh tâm
Bất ưng trụ thanh hương vị
xúc pháp thanh tâm
Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”

“Nhược dĩ sắc kiến ngã
Di âm thanh cầu ngã
Thị nhơn hành tà đạo
Bất năng kiên Như Lai”

“Phàm sở hữu tướng
Giai thị hư vọng
Nhược kiến chư tướng phi tướng, tức kiên Như Lai”

Bốn câu kệ ở trong kinh rất nhiều. Ở đây, Đức Phật dạy, nếu có người nào nhớ một bài kệ trong nhiều bài kệ ở kinh *Kim Cang* mà đọc tụng, giảng nói cho người khác thì phước đức của người này vô lượng. Bởi vì, trong kinh *Kim Cang*, Đức Phật chỉ rõ Phật Tánh (vô hình, vô tướng) thường hằng. Còn những vật thuộc về hữu hình thì sẽ hoại diệt, bởi vậy, cho dù chúng ta đem bỏ thí thân mạng cho cọp đói, nhưng phước đức cũng không bằng ghi nhớ đọc tụng bốn câu kệ trong Kinh Kim Cang. Vì thân hữu hình

của chúng ta rồi cũng phải chết, cho nên trong kinh *Kim Cang* Đức Phật dạy:

“Nhứt thiết hữu vi pháp

Như mộng huyễn bào ảnh

Như lộ diệc như điện

Ứng tác như thị quán”

(Tất cả pháp hữu vi

Như mộng huyễn bọt bóng

Như sương, như điện chớp

Phải nên quán như vậy.)

Đức Phật dạy:

- **Này Văn Thù Sư Lợi! Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Tánh này xưa nay không sinh, không diệt, chỉ vì mê, ngộ khác nhau, nên có Thánh có Phàm. Vì sao? Vì chúng sinh bị vô minh che lấp, nên mãi mãi đọa lạc trong sinh tử; chư Phật giác ngộ nên thành Phật đã lâu. Nếu kẻ thiện nam, người thiện nữ nào cầu Phật đạo thì con đường này chia thành bốn bậc, gọi là 4 câu kệ :**

1. Thân không

2. Tâm không

3. Tánh không

4. Pháp không

Thế nào gọi là Thân không? Vì thân này do cha mẹ sinh ra, nên có đầy đủ khí huyết của cha mẹ. Chín lỗ thường chảy ra những chất bất tịnh hôi thối. Thân do bốn đại giả hợp tạo thành, rồi cũng tan rã. Nếu có người nào biết được thân này là giả, dù chưa chết cũng như đã chết; nếu như biết mượn thân giả này mà học Phật tu hành, gọi là ngộ được thân không.

GIẢNG :

Thân không : Là cái thân không thật có, là tam có.

Đoạn này Đức Phật nói thân chúng ta và thân của người khác là giả hợp (tam có), do đất, nước, gió, lửa duyên nhau tạo thành. Thân chúng ta thường chảy ra những chất bất tịnh như uế từ chín lỗ (2 lỗ mắt, 2 lỗ mũi, 2 lỗ tai, lỗ miệng, lỗ đi cầu và lỗ đi tiểu). Sau khi chết rồi, cũng tan trở về cho bốn đại. Vì thế, Đức Phật dạy:

Nhân duyên sở sanh pháp

Ngã thuyết tức thị không

Nhược danh thị giả danh

Thị danh trung đạo nghĩa

(Các pháp do duyên sinh

Nên ta nói là không

Có tên nhưng tên giả

Đây là nghĩa Trung Đạo).

Biết vậy, chúng ta nên mượn thân giả huyễn này để tu hành thành Phật.

Thế nào gọi là Tâm không? Là người biết quán sát Chơn Tâm của mình, không sinh, không diệt, chí thánh, chí linh. Còn Tâm Thức vọng khởi thì tùy theo cảnh mà hiện; lúc gặp cảnh như là có, cảnh qua rồi như là không. Nay ngộ được Chơn Tâm, thường giác, không còn mê lầm, không còn trôi theo tâm thức vọng tưởng, chỉ nương Chân Tánh để làm chủ mình, gọi là tỏ ngộ Tâm Không.

GIẢNG :

Tâm không : chỉ cho cái Tâm Thức không thật có, tạm có thôi.

Chúng ta biết, Chơn Tâm, (Phật Tánh, Tri Kiến Phật...) thì thường hằng. Còn Tâm Thức vọng khởi, duyên theo trần cảnh mà sanh, như nước gặp gió hiện ra sóng, có đó rồi tan đó. Khi gặp cảnh như là có, cảnh qua rồi như là không. (Không có thật tướng).

Thế nào gọi là Tánh không? Người biết quán sát Tự Tánh của mình thường vắng lặng, không lay động, có cảm ứng thần thông, biến hóa vô cùng, uy linh không nghĩ bàn, trong sáng thanh tịnh, tự giác tự ngộ, linh thiêng vô cùng. Còn các

pháp hữu vi đều do duyên hợp, duyên tan, không có Tự Tánh thường hằng (Tánh Không), gọi là tổ ngộ Tánh không.

GIẢNG :

Tánh Không: là không có Tự Tánh thường hằng. Các pháp hữu vi không có Thật Tánh thường hằng vì chúng do duyên hợp mà có.

Người ngộ được “**Tánh Giác Biết**”, biết được các pháp do duyên hợp mà thành, duyên tan thì không còn, thấy các pháp không thật có (tạm có, giả có). *Bát Nhã Tâm Kinh* ghi: “Sắc tức là không, không tức là sắc”. (Tạm có nên xem như là không).

Thế nào gọi là pháp không? Là người hiểu được kinh điển của Đức Phật dạy, đều là những pháp môn phương tiện, hướng dẫn chúng sinh vào đạo; như nước dùng để rửa bụi, như thuốc dùng để chữa bệnh. Nay họ ngộ được Tâm Thức là không thì kinh pháp cũng không. Bệnh khỏi thì không còn cần thuốc, gọi là tổ ngộ pháp không.

GIẢNG :

Pháp Không : Tức là hiểu Giáo pháp của Đức Phật là những phương tiện thiện xảo để hướng dẫn chúng sanh quay về nhận ra Phật Tánh sẵn có trong tâm của mình để an trụ, để không còn bám theo Tâm

Thức nữa. Khi đã giải thoát Tâm Thức rồi thì phải buông pháp môn để được tự tại.

Giáo pháp Đức Phật dạy là phương pháp để chúng ta thực hành, khi đắc đạo rồi, phải buông bỏ; giống như ngón tay chỉ mặt trăng, chúng ta hướng theo ngón tay để thấy mặt trăng; như qua sông phải nương thuyền bè, khi lên bờ rồi thì phải bỏ thuyền. Vì thế, thiền sư Viên Chiếu dạy:

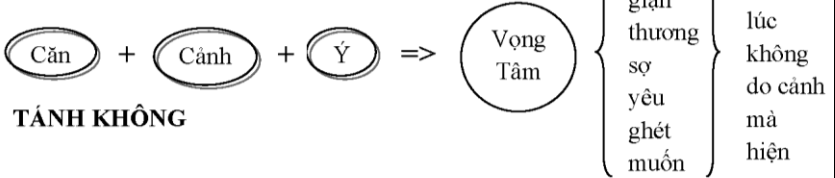
“Qua sông phải dùng bè

Đến bến bỏ thuyền ghe”

THÂN KHÔNG

Đất }
Nước } Duyên
Gió } Hợp
Lửa } Giả
Có = Tam có → Tan

TÂM KHÔNG



TÁNH KHÔNG

Các pháp do duyên hợp mà có. Duyên tan thì không có.

Nên không có tự tánh thường hằng

“Nhứt thiết hữu vi pháp

Như mộng huyễn bào ảnh

Như lộ diệt như điện

Ứng tác như thị quán”

(Kinh Kim Cang)

PHÁP KHÔNG

{ Giáo Pháp là phương tiện để thực hành tu, khi đã đạt đạo phải buông để nhập, giống như nương ghe qua sông rồi phải buông

Khi chúng ta chứng ngộ rồi, tức là an trú trong **Tánh Giác**, nhìn bằng trí tuệ Bát Nhã, cũng gọi là **Tri kiến Phật**. Suốt 49 năm, Đức Phật thuyết pháp độ sinh, cho đến khi ngài sắp nhập Niết bàn, ngài nói: **“Suốt 49 năm, Ta chưa nói một lời”**. Trong kinh Kim Cang Đức Phật dạy: **“Chánh pháp còn bỏ, huống hồ phi pháp”**. Chúng sinh vì vô minh, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thấy tất cả pháp cho là thật có, nên mới bị khổ đau, phiền não chông chát (chấp pháp thì bị pháp chuyển).

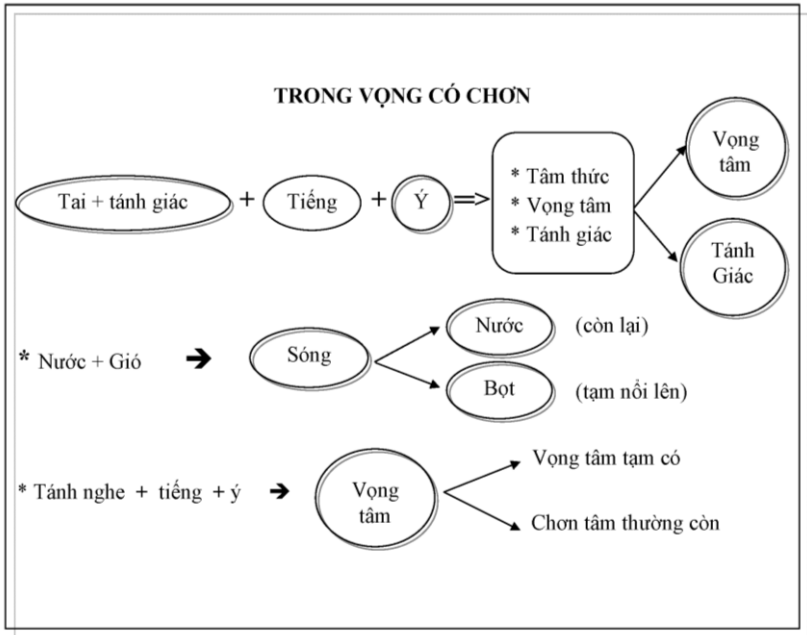
Chèo thuyền trên sóng vô minh

Bóng in đáy nước giạt mình sông mê

Nói về như chẳng có về

Tàn phai giấc mộng bốn bề Chân Như.

Nói vọng tâm và chân tâm thường xen lẫn nhau, gặp cảnh như có, đó là vọng tâm, cảnh qua rồi như không, tức là **Tánh Giác (Vô vi mà không ngoài hữu vi)**. Vì vậy, khi chúng ta buồn, giận, thương, ghét mà **biết** mình đang giận, buồn, thương, ghét, đó là Chơn Tâm hiển lộ (giống như khi sóng tan thì còn lại nước). Nghĩa là trong sáu căn đều có Tánh Giác Biết. Ví dụ: khi tai nghe tiếng mà có Ý phân tích thì sanh ra Tâm Thức, trong Tâm Thức có chứa Vọng Tâm và Tánh Giác. Khi nào Vọng tan thì còn lại Tánh Giác.



Ý nghĩa bốn câu này là cửa ngõ, là con đường vào đạo, siêu phàm nhập Thánh. Mười phương chư Phật trong ba đời nhờ con đường này mà thành Phật; mười phương Bồ-tát cũng nhờ đây mà tiến bước tu hành. Vì sao? Vì người ngộ được ý nghĩa câu kệ thứ nhất (Thân Không) theo đó tu hành, là chứng được quả Dự lưu, Tu-đà- hoàn.

Người tu chứng quả này, là thấy tất cả pháp do nhân duyên giả hợp, không bám theo nữa nên chứng ngộ, nhập vào dòng thánh, còn bảy lần sinh tử nữa mới chứng A La Hán quả .

Người ngộ được ý nghĩa câu kệ thứ hai (Tâm Không) theo đó tu hành, thì chứng được quả Nhất lai, Tu-đà-hàm.

Người chứng quả này, còn một lần sinh tử.

Người ngộ được ý nghĩa câu kệ thứ ba (Tánh Không) theo đó tu hành, thì chứng được quả Bất lai, A-na-hàm.

Người chứng quả này, đời sau sinh lên cõi trời A Na Hàm Thiên, không còn sanh trở lại cõi Ta Bà nữa.

Người ngộ được ý nghĩa câu kệ thứ tư (Pháp Không) theo đó tu hành, thì chứng được quả Vô sinh, A-la-hán.

Người chứng quả này, là quả Thanh Văn A La Hán, không còn luân hồi sanh tử.

Bốn câu kệ này mở rộng cửa Phật Đạo. Nếu người thường thọ trì, đọc tụng, giảng nói cho người khác nghe, làm cho họ ngộ được Tri Kiến Phật thì nhất định sẽ thành Phật. Vì thế, chúng ta biết, phước đức này rất lớn, hơn cả trăm ngàn vạn lần phước đức đem bảy báu và thân mạng bố thí, như trên đã nói.

Đức Phật dạy:

- Nay Văn Thù! Phật trước, Phật sau cùng đồng một thể, Phật Tánh như nhau. Nhưng mỗi

người phải tự mình được minh tâm kiến tánh, tự mình tu tập thành Phật. Bởi vì, Phật Tánh vốn sẵn có trong mọi người, chỉ vì tự mình không nghe theo lời Phật dạy mà tu hành, không có công đức gì trong Phật pháp, nên không thành Phật được.

Nếu người muốn thành Phật phải tu mười điều dưới đây:

MƯỜI ĐIỀU THỰC HÀNH

1. Giữ trai giới làm nền tảng đi đến quả Phật
2. Gân gỏi bậc minh sư nhờ chỉ dạy cách tu học
3. Phải rõ đâu là tâm, đâu là tánh nên an trụ
4. Cố gắng làm phước (tài thí + pháp thí)
5. Gieo duyên với chúng sanh, không chống trái họ
6. Rõ ràng nhân quả, nên tùy duyên, không vọng tìm cầu
7. Tỉnh thức xa lìa tà ma ngoại đạo
8. Sống với Tánh Giác thường hằng, không bám theo ngũ dục lạc
9. Cố gắng sống theo hanh của Phật (từ bi, trí tuệ, thanh tịnh ...)
10. Thấy rõ thật tướng các pháp (biến đổi, duyên hợp, vô tướng, vô tánh)

GIẢNG :

Đoạn này, Đức Phật dạy cho chúng ta biết, tất cả các Đức Phật trong ba đời, mười phương đều có Phật Tánh giống như chúng sinh. Nhưng các Ngài thấy được Thân Không, Tâm Không, Tánh Không và

Pháp Không, nên quý ngài đều đã thành Phật, còn chúng ta thì chưa thành.

1. Giữ gìn trai giới để làm nền tảng đạt đến quả vị Phật.

Người tu hành, điều quan trọng nhất là giữ giới thanh tịnh, mới mong đạt đến quả vị Phật. Vì do giữ giới mới sanh định, từ định mới phát sanh Huệ (Tuệ Giác).

2. Tìm bậc Minh sư chỉ dạy tu hành.

Bậc minh sư ở đây là chỉ vị thầy có duyên với mình. Chỉ bày Tánh Giác cho mình.

3. Phải biết rõ Tâm, Tánh một cách sáng suốt.

Phải biết rõ đâu là Vọng Tâm, đâu là Tánh Giác của mình. Nghĩa là khi tâm tính toán, phân tích (Vọng Tâm), **biết** đang tính toán, phân tích (Tánh Giác).

4. Làm nhiều việc phước đức để tô bồi nền đạo đức của mình.

Tu phước là gồm cả hạnh tài thí và pháp thí.

5. Kết duyên lành với mọi người, làm cho căn lành độ sanh của mình ngày càng tăng trưởng.

Chúng ta có gieo duyên với chúng sinh, đến khi làm việc gì, chúng ta nói ra, họ đều nghe theo.

6. Hiểu rõ nhân quả, không làm việc sai trái.

Nhờ hiểu nhân quả, nên chúng ta tùy duyên, không vọng tìm cầu.

7. Phải tỉnh thức xa lìa tà ma, xa lìa ngoại đạo.

Tà ma là cái tâm xúi mình làm bậy, cũng nên xa tránh ngoại đạo, chỉ một lòng quy y Phật, Pháp, Tăng. Thực hành theo giáo lý của Đức Phật .

8. Sống theo Tánh Giác thường hằng, không nên chạy theo năm dục.

Sống theo Tánh Giác Biết tức là mình Biết mình đang là (đi biết mình đang đi, buồn biết mình đang buồn) không phân tích, suy luận, đúng, sai, phải, quấy... Năm dục là tài, sắc, danh, thực, thùỳ.

9. Tinh tấn tu tập, thực hành theo hạnh của Phật.

Hạnh của Phật là từ bi, trí tuệ, thanh tịnh.

10. Phải thấy rõ thật tướng các pháp.

Bởi vì tất cả pháp luôn sinh diệt, biến đổi, duyên hợp, vô tướng, vô tánh.

Nếu người đủ mười công đức này thì sẽ mau chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Lại nữa, này Văn Thù Sư Lợi! Sau khi Ta diệt độ, vào thời mạt pháp có rất nhiều chúng sinh căn tánh đần độn, thấp kém, tâm ý si mê, tính tình mê muội; mặc dù họ có giữ gìn trai giới, nhưng không có trí tuệ, lại ngã mạn, cống cao, tôn sùng tà kiến, không chịu khiêm tốn, không tìm cầu minh sư để học hỏi theo chánh pháp; họ lại chấp trước, nhận giả làm chân. Hoặc có người chấp kinh sách, văn tự; hoặc chấp tụng cho nhiều; hoặc hiểu một câu, một lời Phật dạy, rồi tự cho mình là thông minh, chưa làm nói làm, chưa chứng nói chứng, căn lành tu ít, quả tốt muốn nhiều. Những kẻ ngu như thế, không hiểu ý Phật, tự mình điên cuồng, lừa mình dối người; tuy có nhân lành, nhưng khó thoát được quả báo dữ. Vì sao? Vì họ trông nhân Bồ đề không chân thật, nên quả Bồ đề không đạt được; khi mất thân người rồi, muôn kiếp khó trở lại.

Đoạn này Đức Phật dạy, sau khi Ngài diệt độ, có những chúng sinh si mê, đần độn, căn tánh thấp hèn mà lại cống cao ngã mạn, chưa chứng mà tự nói mình đã chứng. Phần đông là họ bị bệnh cố chấp, không chịu khiêm tốn học hỏi, cứ cho ta đây là tài giỏi, mắc cái nạn Thế Trí Biện Thông, làm sai cái nhân Bồ Đề, cho nên bị đọa lạc.



CÂU HỎI SỐ 4 : Tạo Nghiệp Gì, Thọ Thân Hình Khác Nhau?

Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi hỏi Đức Phật :

- Kính Bạch Đức Thế Tôn! Bốn loài chúng sinh tạo những nghiệp gì mà thọ thân hình có sai khác?

Đức Phật dạy:

- Nay Văn Thù Sư Lợi! Tất cả chúng sinh từ đời vô thủy đến nay tạo rất nhiều tội nghiệp điên đảo, tâm luôn vọng niệm, đánh mất Tự Tánh, chạy theo cảnh trần; bởi do tham, sân, si mà tạo ra vô lượng vô biên tội lỗi, làm những việc sát sinh, trộm cướp, dâm loạn, nên chịu luân hồi trong sáu đường, thọ thân hình khác nhau.

Nay Ta nói sơ lược về nghiệp chướng căn bản điên đảo của bốn loài:

1. Loài sinh bằng trứng: Người này đời trước vì kế sinh nhai nên tâm họ tham lam, dùng nhiều mưu mô tinh vi thủ đoạn, lừa đảo mọi người, nên đời nay đọa vào loài sinh bằng trứng, như chim, cá v.v...Người tạo nghiệp nhẹ thì sinh làm chim, vừa thấy người liền bay lên cao. Kẻ tạo

nghiệp nặng thì đọa làm cá, vừa thoảng thấy người thì lặn sâu xuống nước.

2. **Loài sinh bằng thai**: Người này đòi trước tham đắm chuyện tình dục, nên bị đọa, sinh ra bằng bào thai, như người, thú vật, loài có vú sinh con. Người tham đắm chuyện tình dục chánh đáng, như vợ chồng thì được sinh làm người; nếu sinh hoạt tình dục tà vạy (tà dâm) thì sinh làm loài thú bốn chân.

3- **Loài sinh chỗ ẩm ướt**: Người này đòi trước ưa thích nhậu nhẹt, say xỉn, thích gây lộn, đánh đập mọi người, nên bị đọa vào loài côn trùng, như muỗi, gián, ở nơi ẩm ướt, dơ dáy.

4- **Loài sinh biến hóa**: Người này đòi trước sống không chân thật, trước mặt khen người, sau lưng chê họ, nên bị đọa vào loài hóa sinh như ve, bướm .v.v.

BỐN LOÀI (Tứ Sanh)

1. Noãn sanh = Sanh ra bằng trứng
2. Thai sanh = Sanh ra bằng bào thai
3. Thấp sanh = Sanh ra bằng nơi ẩm ướt
4. Hóa sanh = Loài biến hóa sanh ra

NOÃN SANH

		* Thành Chim	→	Bay cao
	* Kê mưu mô	* Thành Cá	→	Lặn sâu
Loài sanh ra bằng trứng →	* Kê xảo trá →	* Thành Gà	→	Trà nợ thịt
	* Kê quý kẻ	* Thành Thần Lẫn	→	Núp trốn
	* Kê lường gạt	* Thành Kiến	→	Chui rút
		* Thành Gián	→	Chui rút

THAI SANH

Sanh bằng bào thai →	Tình ái, Dâm dục, Vợ chồng, Ái dục			Người (2 chân)	Dâm dục, Đi thẳng
			↙	Thú (4 chân)	Dâm dục, Bò ngang

THẤP SANH

Sanh ra nơi ướt →	Ăn thịt, Uống rượu, Bè đăng, Gây lộn, Ôn ào, Nhiều chuyện			Trùng, Đế, Ruồi, Muỗi, Kiến, Vi trùng ...
-------------------	---	--	--	--

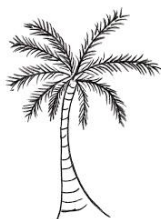
HÓA SANH

Biến hóa sanh ra →	Lòng dạ thay đổi (lật lọng), Tâm niệm khác thường, Khen chê nịnh bợ, Điều ngoa xảo trá, Trước mặt nói phái, sau lưng nói quấy			Bướm bướm, Ve sầu, Đom đóm, Côn trùng
--------------------	--	--	--	---

Này Văn Thù Sư Lợi! Trong bốn loài, sáu đường, chỉ có loài người là quý nhất. Đức Phật tu đắc đạo từ trong loài người, kẻ tạo nghiệp báo cũng trong loài người. Người tu phước nhất định

sinh lên cõi trời; kẻ tạo nghiệp ác chắc chắn đọa vào địa ngục; người có đức được làm Thần; có đạo được làm Thánh. Tội phước đều có nguyên nhân, chỉ do mình tạo ra; đến khi lâm chung, theo nghiệp lành hay dữ mà chịu quả báo tốt, xấu.

Trong bốn loài, sáu đường, chỉ có cõi người là dễ tu nhất, các cõi khác không sánh bằng. Một khi mất thân người thì khó mà trở lại.



CÂU HỎI SỐ 5 : Thế Nào Gọi Là Ngũ Nhãn?

Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi hỏi Đức Phật :

- Kính Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là năm nhãn?

Đức Phật dạy:

- Nay Văn Thù Sư Lợi! Năm nhãn gồm có:

1. Nhục nhãn: Mắt nhìn thấy được chỗ sáng, không thấy được chỗ tối, chỉ thấy trước mặt, không thấy sau lưng. (Con mắt của người đời).

2. Thiên nhãn: Nhìn thấy rõ trước, sau, trong, ngoài, núi gò, vách đá không bị ngăn ngại. (Con mắt của Chư Thiên cõi trời).

3. Huê nhãn: Nhìn thấy rõ nghĩa lý cạn sâu trong văn tự, thấy được quả báo đời trước, đời sau, lành hay dữ, như thấy chỉ trong lòng bàn tay. (Con mắt của người tu hành).

4. Pháp nhãn: Thấy được pháp của chư Phật trong ba đời, mười phương, Thấy được Phật Tánh trong chúng sanh, dùng các pháp làm phương tiện, theo căn cơ của chúng sinh mà giáo hóa. (Con mắt Đạo Lý).

5. Phật nhãn: Sáng suốt hoàn toàn, nhìn thấy khắp mọi nơi, thấy nhiều đời, từ đời vô thủy đến nay và cả về sau, thấy rõ tất cả nhân quả của chúng sinh, như ở trước mắt. (Con mắt của bậc Đại Giác Ngộ).

Năm loại mắt này nhờ công đức tu hành cảm ứng được. Chỉ có Đức Phật đầy đủ viên mãn, còn các vị thánh không sánh bằng.

Mặc dù chia ra năm loại mắt, nhưng đều phát ra từ trong tâm. Người tu hành đạt đến minh tâm kiến tánh thì ai cũng có đầy đủ năm loại mắt này.

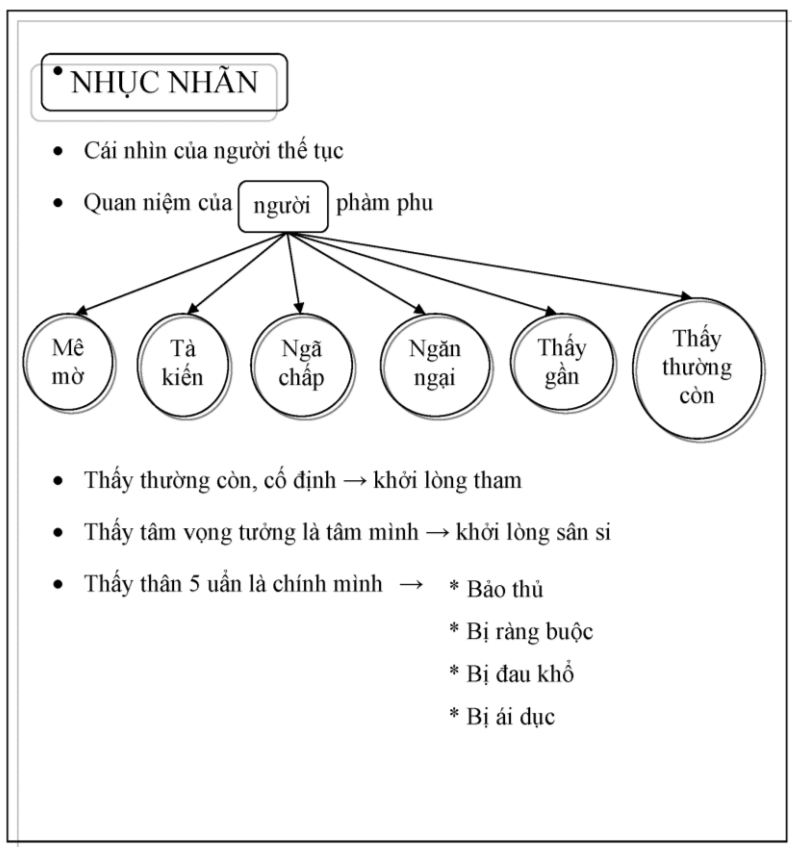
SAO GỌI LÀ NGŨ NHÃN?

- | | | |
|---------------|---|--|
| 1. Nhục nhãn | = | Con mắt phàm tục |
| 2. Thiên nhãn | = | Con mắt cõi trời |
| 3. Huệ nhãn | = | Con mắt của người tu hành |
| 4. Pháp nhãn | = | Con mắt đạo lý |
| 5. Phật nhãn | = | Con mắt của bậc đại giác rõ thông 3 đời về nhân quả, nhân duyên, thật tướng các pháp |

GIẢNG:

Đức Phật đã trả lời câu hỏi của ngài Văn Thù Sư Lợi như trên. Sau đây, chúng tôi sẽ triển khai thêm lời dạy của ngài về năm loại mắt:

1. **Nhục nhãn** là con mắt phàm phu, là cách nhìn của người thế tục. Theo quan niệm của kẻ phàm phu. Họ luôn cho rằng bất cứ điều gì thấy, hiểu, làm, là đúng, là thường còn. Cái nhìn của người thế tục thì mê mờ, tà kiến, ngã chấp, ngăn ngại, thấy gần, thấy thường còn...



Mê mờ nghĩa là không hiểu rõ bản chất thật sự của cuộc đời, cứ tưởng mọi sự việc là thường còn, lòng người không bao giờ thay đổi...(quan niệm sai lầm).

Tà kiến là cố chấp theo những điều sai lầm, bảo thủ tư tưởng, ý kiến của mình mà không biết rằng, ý kiến ấy không phải là mình, mà là ý phát khởi từ sự phân tích, sân giận, si mê, điên đảo, có ra từ Tâm Thức...Mình vốn là Tánh Giác, là Tri Kiến Phật, còn

những hiểu biết do suy luận thì không phải là mình, thế mà cứ cho là mình ,rồi ôm ấp, bảo thủ.

Ngăn ngại tức là chướng ngại, vì con mắt thịt của chúng ta chỉ nhìn thấy đằng trước, không thấy đằng sau, không thấy cách vách, thấy gần chẳng thể thấy xa...

Thấy thường còn tức thấy mọi sự vật, mọi vật đều thường còn, không thay đổi, rồi khởi lòng tham đắm. Do tâm vọng tưởng rồi khởi sân, si. Thấy thân năm uẩn là chính mình nên bảo thủ, dẫn đến chính thân mình bị ràng buộc, bị đau khổ, bị ái dục.

2. **Thiên nhãn**: Là con mắt có thể thấy xa, thấy rõ chúng sanh luân hồi trong sáu đường, thấy trong bóng tối, thấy xuyên qua đất, qua núi, không bị ngăn ngại.

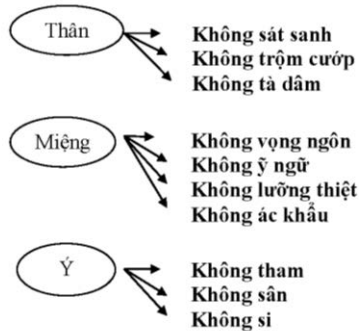
THIÊN NHÂN

CON MẮT CÔI TRỜI

- Thấy xa xôi (thiên lý nhân)
- Thấy chúng sanh trong 6 đường luân hồi
- Thấy trong bóng tối
- Thấy xuyên qua núi, qua đất, qua nước
- Thấy sau lưng mà không cần quay đầu

Muốn Đắc Thiên Nhân

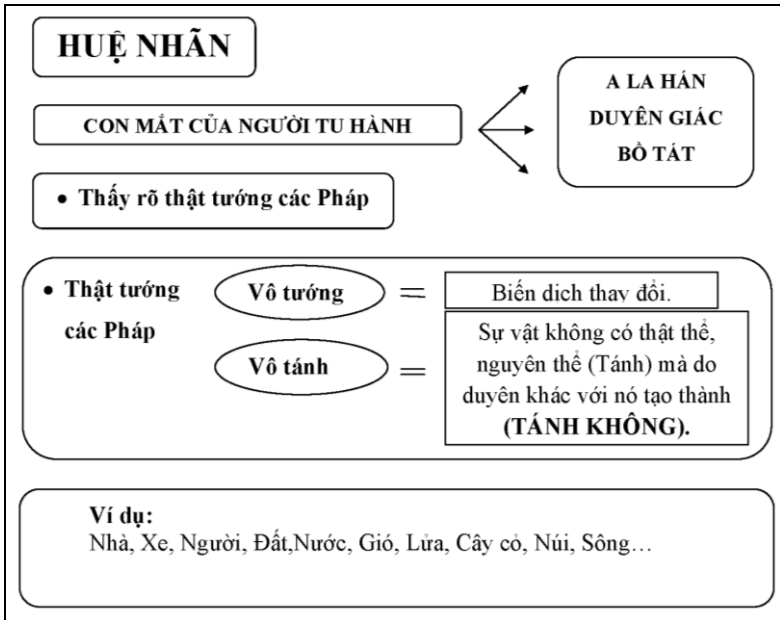
1. Tu thiên định để có lục thông
2. Tu 10 điều thiện =>



Người muốn đắc thiên nhân phải tu thiên định để chứng quả A-la-hán, đạt Lục Thần Thông (thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, thần túc thông, túc mạng thông, tha tâm thông, lậu tận thông) hoặc tu mười điều thiện (không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không hai lưỡi, không thêu dệt, không ác khẩu, không tham lam, không sân hận, không si mê) để sau khi chết, được sinh lên cõi trời, sẽ có thiên nhãn thông.

3. **Huệ nhãn**: Là con mắt của người tu hành đã chứng quả A La Hán, Duyên Giác, Bồ Tát, thấy rõ thật tướng các pháp là vô thường, sinh diệt, thay đổi.

Tất cả sự vật trong thế gian này đều tuân theo qui luật **thành, trụ, hoại, không; sanh, trụ, dị, diệt**; cũng như bản thân chúng ta phải theo qui luật **sanh, già, bệnh, chết**. Tất cả các pháp cũng như thân mình, tuy thấy có nhưng tất cả đều do giả hợp, tức không thật có. Các pháp đều giả danh, tạm có mà thôi, không có gì trường tồn vĩnh cửu cả.



4. **Pháp nhãn** : Là con mắt đạo lý

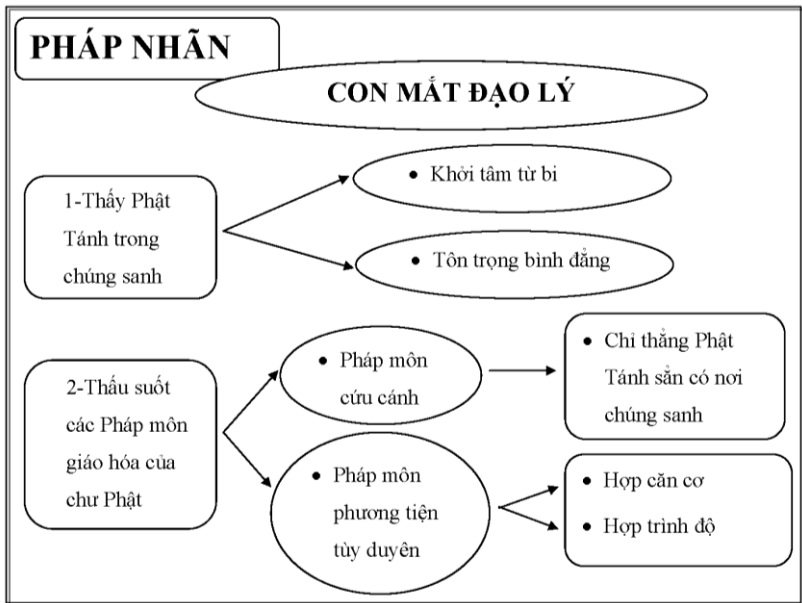
Con mắt Đạo Lý có hai :

a- **Thấy được Phật Tánh trong chúng sanh** nên khởi tâm từ bi thương xót, tôn trọng bình đẳng với mọi loài, không phân biệt quan dân, chủ tớ, sang hèn, người vật...

b- **Thấy suốt các pháp môn giáo hóa của ba đời chư Phật.** Pháp môn gồm có hai: pháp môn cứu cánh và pháp môn phương tiện.

Pháp môn cứu cánh là chỉ thẳng Phật Tánh (Tánh Giác Biết) sẵn có nơi mỗi chúng sanh.

Pháp môn phương tiện tức tùy duyên, tùy căn cơ người mà hóa độ; nghĩa là chúng ta không thể chỉ thẳng Phật Tánh cho người khác hiểu, vì sợ họ không tin. Do đó, chúng ta phải dùng các pháp môn khác để giáo hóa như Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo...giúp họ hiểu được giáo lý của Đức Phật, rồi sau đó mới chỉ cho họ nhận ra Phật Tánh trong chính con người của họ. Đạo lý tức là con mắt của Bồ-tát.



5. **Phật nhãn** là con mắt nhìn thấy thông suốt vô ngại, thấy vô lượng vi trần số kiếp, từ quá khứ đến tận vị lai, thấy rõ căn tánh, trình độ chúng sanh, thấy rõ nhân quả ba đời nhân sinh vũ trụ mà không bị lệ thuộc vào thời gian lâu xa... Chúng sanh tu hành đắc đạo thành Phật rồi, mới có được Phật nhãn.

PHẬT NHÃN

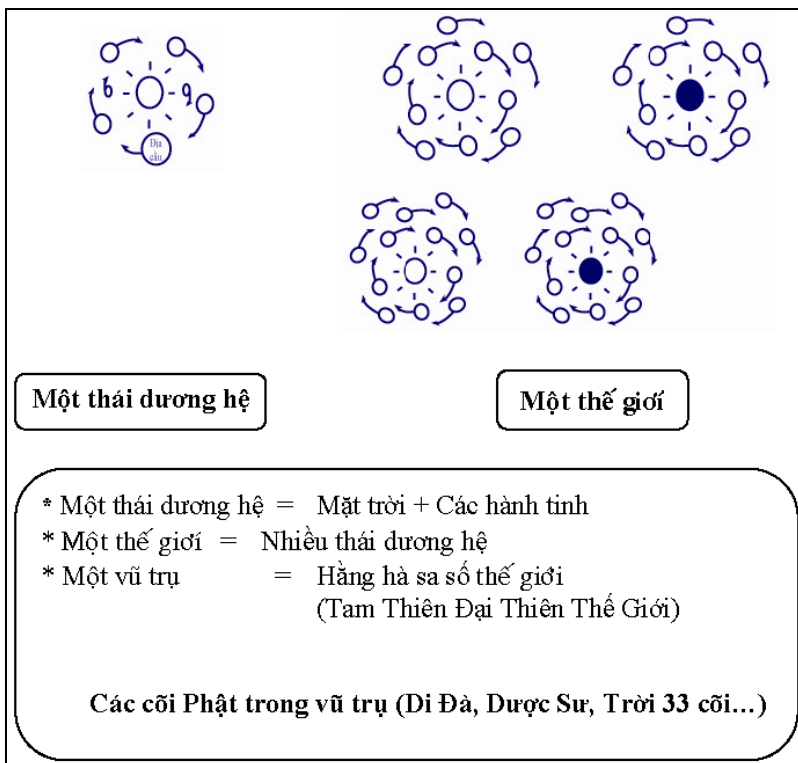
CON MẮT VÔ NGẠI QUÁ KHỨ VỊ LAI

1. Thấy vô lượng vi trần số kiếp quá khứ, vị lai
2. Rõ thấu nhân quả 3 đời nhơn sinh, vũ trụ
3. Không lệ thuộc thời gian lâu xa (bây giờ, như nay)
4. Thấy trùm khắp vũ trụ thành hoại hợp tan...
5. Khi thành Phật rồi, mới có Phật nhãn
6. Thấy rõ căn tánh, trình độ chúng sanh

Với Phật nhãn, chư Phật có thể thấy thông suốt vũ trụ, nhân sinh....

Vũ trụ:

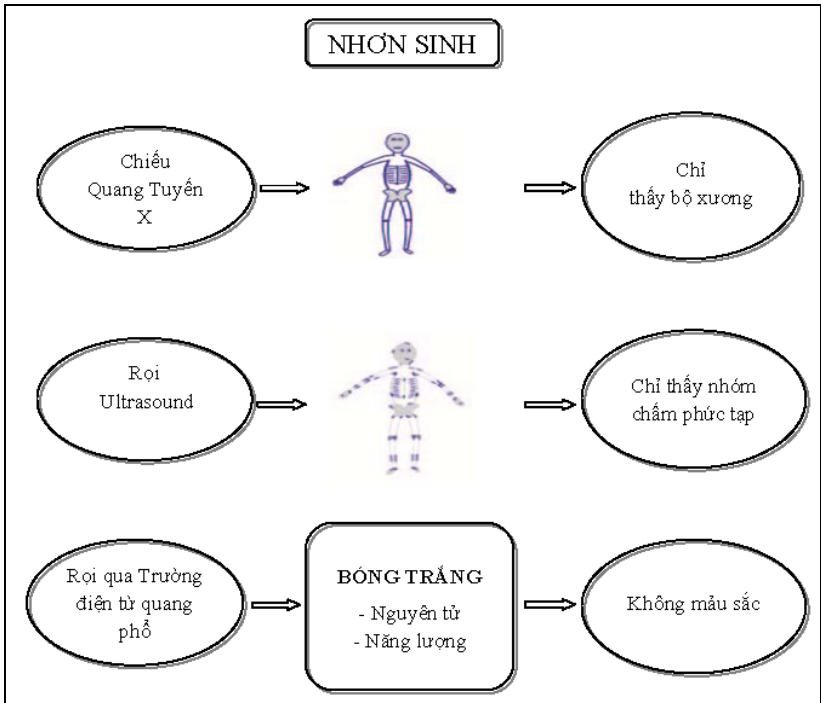
Trong vũ trụ này, chúng ta biết rằng mặt trăng quay xung quanh địa cầu, còn địa cầu lại quay xung quanh mặt trời. Ngoài ra, còn có các hành tinh khác cũng quay quanh mặt trời. Tất cả hợp lại tạo thành một thái dương hệ. Trong vũ trụ bao la này, có rất nhiều thái dương hệ như vậy, nhiều thái dương hệ sẽ tạo thành một thế giới, nhiều thế giới sẽ tạo thành một vũ trụ.



Ban đêm, nhìn lên bầu trời ta thấy hàng hà sa số vì sao. Thực ra, đấy chính là những hành tinh, chúng cũng đang quay xung quanh mặt trời như địa cầu của chúng ta.

Nhờ ánh sáng mặt trời chiếu đến, địa cầu của chúng ta mới sáng, còn những cõi khác, như cõi Phật Dược Sư, Phật A Di Đà, không cần mặt trời chiếu, mà vẫn luôn sáng, vì nhờ có hào quang của Chư Phật, Bồ-tát chiếu khắp mà sáng. Tại sao ta không phát nguyện sanh về những cõi ấy!

Nhân sinh :



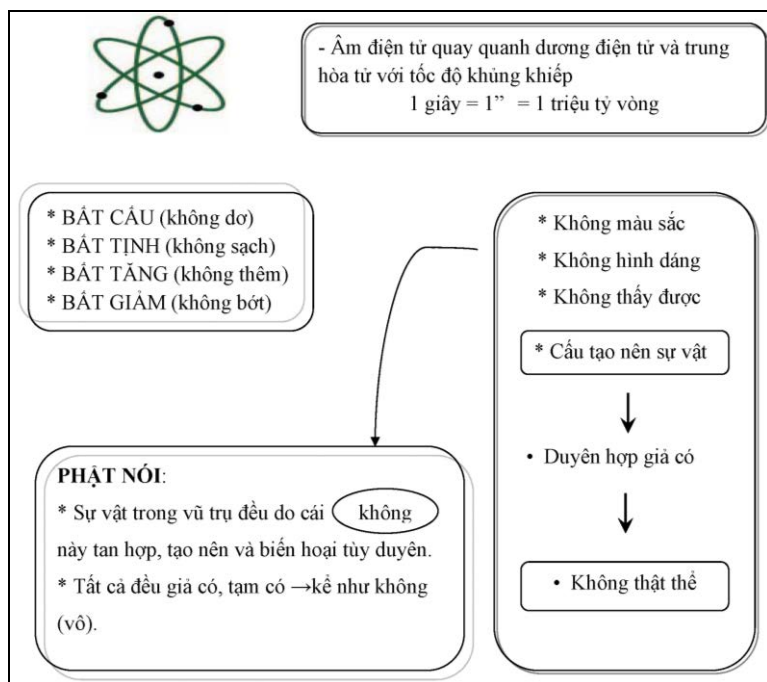
Sự thật, con người chỉ là một hợp chất. Nếu chiếu quang tuyến x vào thân con người, ta thấy cơ thể con người chỉ là một bộ xương. Nếu đưa qua kính hiển vi, con người chỉ là những chấm phức tạp. Nếu đưa qua trường điện từ quang phổ, con người chỉ là một cái bóng trắng.

Tại sao con người một khi bị chiếu những tia điện ấy xuyên qua thân thể lại thành như vậy?

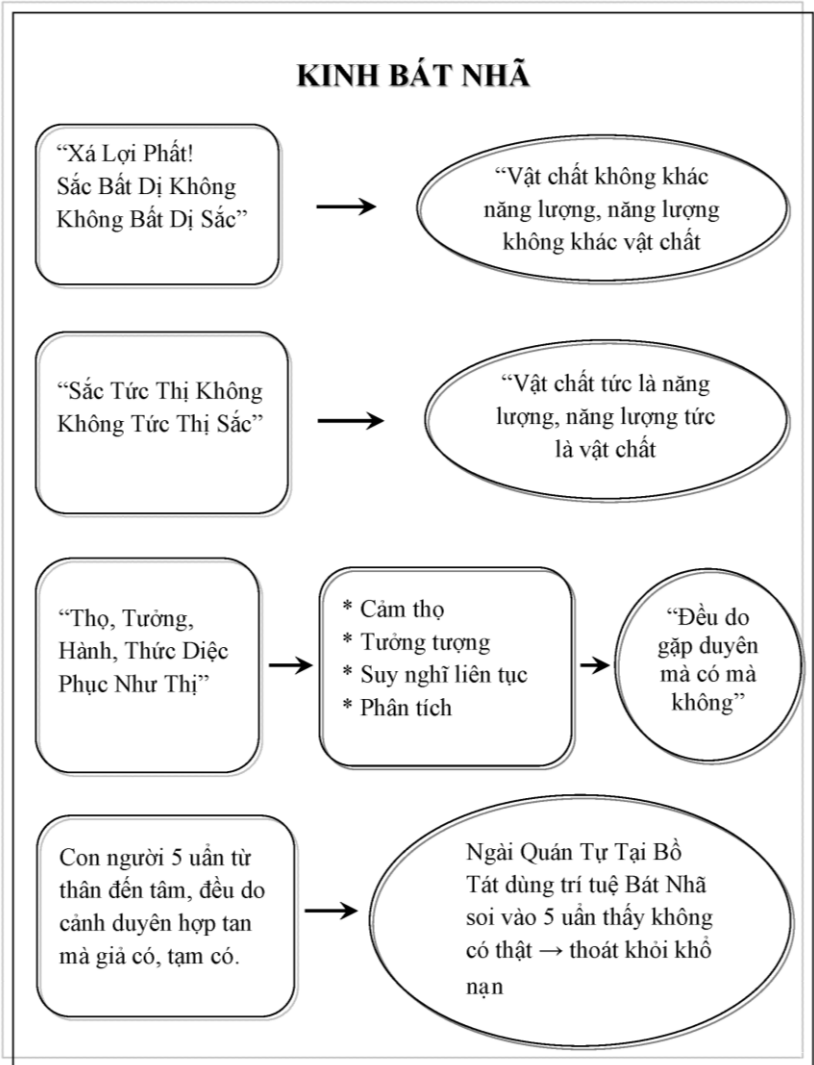
Bởi vì con người cũng như tất cả các pháp đợc cấu tạo từ những hạt năng lượng. Những hạt này chứa

điện tử âm quay xung quanh điện tử dương và trung hòa tử với tốc độ khủng khiếp, nên bản chất của chúng không đứng yên. Và lại, hạt năng lượng lại không có màu sắc, không hình dáng, không thấy được... Con người cũng như sự vật, được cấu tạo từ những hạt này, nên cũng chỉ là do duyên giả hợp, không thật thể, là những bóng trắng mà thôi.

Vì vậy, Đức Phật dạy rằng, sự vật trong vũ trụ đều do **cái không** này tan hợp (năng lượng), tạo nên và biến hoại tùy duyên. Tất cả đều là giả có, tạm có, nên kể như là không.



Bây giờ, ta sẽ tìm hiểu Phật nhãn qua kinh Bát nhã.



Trong kinh Bát Nhã, Đức Phật dạy:

“**Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc**”, theo khoa học nghĩa là vật chất không khác năng lượng, năng lượng không khác vật chất, như vậy :

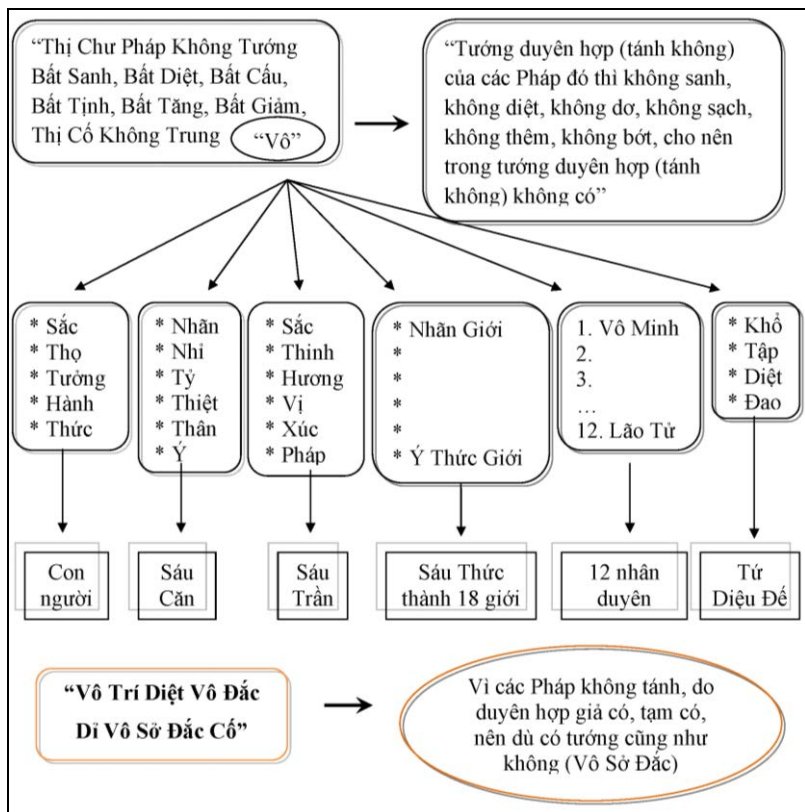
“**Sắc tức là không**”: vật chất đang tạm có ,kể như là không (vật chất là năng lượng).

“**Không tức là sắc**” : Nếu nói vật chất là không cũng không được, bởi vì nó đang hiện có nên phải nói là **tạm có** (năng lượng là vật chất).

Cũng vậy, tất cả **cảm thọ, suy nghĩ, tưởng tượng, phân tích**...đều do gặp duyên mà có, mà không. Vì các pháp không giữ được tướng trạng còn hoại, nên con người (sắc, thọ, tưởng, hành, thức), sáu căn (nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý), sáu trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp)...đều do cảnh duyên hợp tan mà giả có, tạm có.

Bồ-tát Quán Tự Tại dùng trí huệ Bát nhã quán chiếu thân ngũ uẩn và các pháp như thế nên được thoát khỏi khổ nạn.

Chúng sanh học đạo, thâm nhập giáo pháp, hiểu thông kinh Bát Nhã, chứng được Trí Bát Nhã, sẽ thoát khỏi luân hồi, sanh tử, được tự tại như ngài Quán Thế Âm Bồ Tát.



Vì con người và sự vật đang **tạm có**, giả có. Đang thay đổi hình dạng liên tục. Vì vậy ,tuy có mà như là **không**. Nếu quán chiếu con người là KHÔNG, thì không có Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức (Ngũ Uẩn). Khi con người không có thật (chỉ tạm có) thì cũng không có Nhãn, Nhi, Tỷ, Thiết, Thân, Ý (sáu căn). Một khi sáu căn không có thì đâu có Sắc, Thinh, Hương, Vị, Xúc, Pháp (sáu Trần). Sáu Trần đã không thì đâu có thể sanh ra Sáu Thức. Mười Tám Giới,

Mười Hai Nhân Duyên, Tứ Diệu Đế, Trí, Đắc, Sở Đắc.

Tóm lại, khi đã không có Con Người, thì :

- Không có Khô, Tập, Diệt, Đạo (Tứ Diệu Đế)
- Không có Vô Minh... Lão Tử (12 Nhân Duyên)...

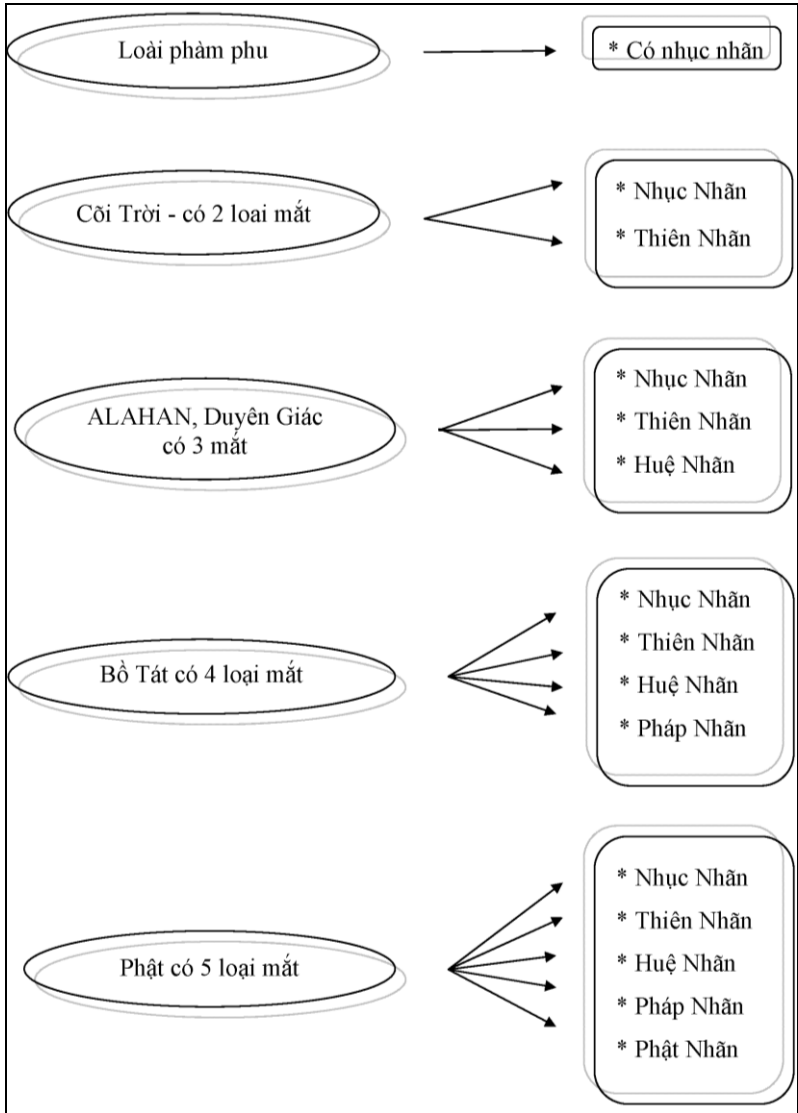
Năm loại con mắt trên, người phàm phu chỉ có nhục nhãn, nếu người có học đạo, có thể được thêm một chút huệ nhãn, pháp nhãn.

Cõi trời có hai loại con mắt: nhục nhãn và thiên nhãn.

A-la-hán, Duyên giác có ba loại con mắt: nhục nhãn, thiên nhãn, huệ nhãn.

Bồ-tát có bốn loại con mắt: nhục nhãn, thiên nhãn, huệ nhãn, pháp nhãn.

Phật có năm loại con mắt: nhục nhãn, thiên nhãn, huệ nhãn, pháp nhãn, Phật nhãn.



Nhờ có năm loại mắt, Đức Phật thấy rõ nhân sinh, vũ trụ và căn cơ, trình độ, nhân duyên của mỗi chúng sinh, nên ngài có thể khéo léo tùy

duyên hóa độ; những chúng sanh được Phật độ
đều dễ dàng thâm nhập Phật pháp, tu hành đắc
đạo.



CÂU HỎI SỐ 6 : Sao Gọi Là Thanh Tịnh Pháp Thân?

Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi hỏi Đức Phật :

- Kính Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào gọi là Thanh Tịnh Pháp Thân?

Đức Phật đáp rằng:

- Nay Văn Thù Sư Lợi! Tự Tánh Thanh Tịnh là bản tánh sẵn có của chúng sinh, gọi là Pháp Thân. Nhưng chúng sinh chỉ thấy nhục thân, không thấy được Pháp Thân. Chỉ có tu hành thành Phật, mới thấy được Pháp Thân của mình từ vô thủy đến nay vốn thanh tịnh. Pháp Thân này không sinh, không diệt, không thành, không hoại; ở hàng phàm phu gọi là Tâm Tánh; ở bậc Thánh Hiền gọi là Thánh Tánh; ở trong trời đất gọi là Thiên Tánh; ở địa vị Bồ-tát gọi là Phật Tánh; ở địa vị Phật gọi là Thanh Tịnh Pháp Thân .

Nếu người không tu hành thì không bao giờ thấy được bản lai diện mục, tức là không tỏ ngộ được Pháp Thân Thanh Tịnh của mình. Nếu người muốn ngộ được bản lai diện mục mà không cầu thầy chứng minh thì chỉ lấy vọng làm chân, lâu ngày sẽ thành tà ma ngoại đạo, thành yêu quái lừa

gạt chúng sinh. Đòi nay bị pháp luật thế gian hình phạt; sau khi chết bị đọa vào trong ba đường ác, khi mất thân người rồi, khó mà trở lại được.

GIẢNG :

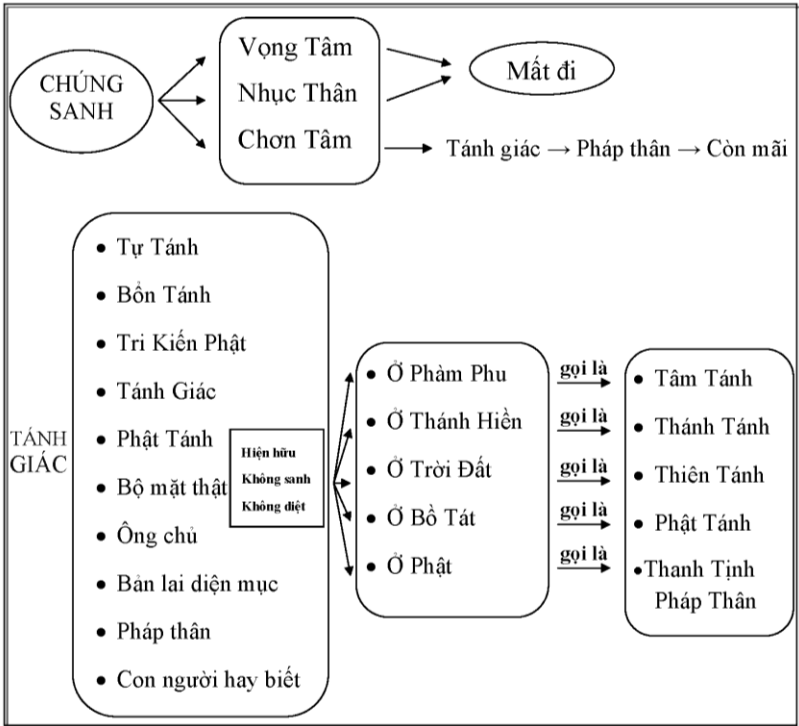
Ở đây, Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát bạch Phật: “Thế nào là Thanh Tịnh Pháp Thân?”.

Đức Phật đáp, Thanh Tịnh Pháp Thân còn gọi là Tự Tánh Thanh Tịnh, là Bản Lai Diện Mục, là Tri Kiến Phật, là Phật Tánh, là Tánh Giác, là Tánh Viên Giác, là Như Lai, là Ông Chủ, cũng gọi là Bộ Mặt Thật... Vì thế, trong Thiền Tông thường nói: “Mặt mũi thật của ông trước khi cha mẹ chưa sinh là ai?”. Nói về Thanh Tịnh Pháp Thân có rất nhiều tên gọi, trong phạm phu thì tên khác, trong Thánh hiền thì tên khác, trong Bồ-tát thì tên khác, chỉ khi nào thành Phật thì mới gọi là Thanh Tịnh Pháp Thân.

Đức Phật dạy, khi thành Phật mới thấy được Thanh Tịnh Pháp Thân, chưa thành Phật thì không thấy, nhưng có thể thấy được cái diệu dụng của nó. Tức là ở trong loài nào thì nó làm chủ nhân ông của loài đó. (**Tánh Giác Biết** của muôn loài).

Người muốn tỏ ngộ được bản lai diện mục của mình, thấy được, cảm nhận được thì phải có thầy khai thị. Có người nói: tôi thấy Phật Tánh rồi, tôi có hào quang rồi, tôi niệm Phật có mùi thơm rồi, nếu nghĩ là

mình thành Phật rồi thì đó là ngoại đạo, là thành yêu quái. Vì họ muốn nói ra để phỉnh gạt chúng sanh, họ nói: “Ta đã thành Phật rồi, ta đã chứng đạo rồi”. Cho nên khi ở hiện đời, họ thường bị pháp luật hành phạt, lúc mất thân này rồi thì muôn kiếp bị đọa lạc, không bao giờ được trở lại làm thân người nữa.



Đức Phật dạy, chúng sanh thì phải có đủ ba thứ: Có vọng Tâm, có nhục thân, và có Chơn Tâm.

Vọng tâm và chơn tâm thuộc về **Tâm**, còn nhục thân thuộc về **Thân xác**. Vọng tâm và nhục thân thì sau khi chết sẽ mất đi. Vọng tâm này khi gặp cảnh thì

hiện ra buồn, vui, thương, giận, lo, sợ, yêu, ghét, mong muốn, tham lam, cảnh qua rồi thì nó không còn.

Nhục thân này khi chết đi thì không còn gì hết. Chỉ có **Chơn Tâm** là **Tánh Giác**, tức là **Pháp Thân** thì còn mãi. Khi còn trong phàm phu, nó chính là chủ nhân ông.

Đức Phật dạy, Pháp Thân này có nhiều tên như: **Thanh Tịnh Pháp Thân, Bản Lai Diện Mục, Tự Tánh, Bản Tánh, Tri Kiến Phật, Phật Tánh, Tánh Giác...**

Người thường Giác Biết là người sống trong chánh niệm, theo Thiền Tông nói, khi đi mình **biết** mình đang đi, khi ngồi mình **biết** mình đang ngồi, khi giận, mình **biết** mình đang giận, khi vui, mình **biết** mình đang vui... Cho nên thiền sư Huyền Giác nói:

“Đi cũng thiền, ngồi cũng thiền

Nói nín động tĩnh, thẳng an nhiên”

Người không giác biết thì trôi lăn theo vọng tưởng, quên mất **cái hay biết** của mình. Đến khi **Tánh Giác Biết** trở lại, thì mới giật mình. Khi **Tánh Giác** hiển lộ ra thì cái vọng tâm bật dứt và cái ý dừng lại ngay. Đức Phật dạy, trong phàm phu thì nó là **Tâm Tánh**, trong thánh hiền gọi là **Thánh Tánh**, trong trời đất gọi là **Thiên Tánh**, trong Bồ-Tát gọi là **Phật Tánh**, trong Phật gọi là **Thanh Tịnh Pháp Thân**.

Bình thường, tất cả những hành động, suy nghĩ của chúng ta ngay trong cuộc sống hàng ngày là do ý chủ động. Ý sai khiến tất cả mọi hành động của chúng ta. Vì thế, thiền sư Huyền Giác nói:

*“**Tâm như người thợ vẽ***

Hay vẽ ra các uẩn

Cùng các loại thế gian

Tất cả do tâm sinh”.

Trong tâm ý của chúng ta thường bị chi phối theo ngoại cảnh buồn, vui, thương, giận, lo, sợ, yêu, ghét. Cho nên, mục đích tu là dừng tâm ý lại. Trong *kinh Tứ Thập Nhị Chương* ghi: “Dừng tâm lại một chỗ thì không việc gì không thành”. Nhưng tâm ý của chúng ta vẫn chạy mãi không dừng lại được. Vì thế, *Duy Thức Tam Thập Tụng* ghi: “Tuôn chảy như dòng nước”. Ý thức cứ tuôn chảy mãi làm cho chúng ta không dừng lại được, muốn quên cũng không được. Vì vậy, tu là tỉnh giác. Tâm ý của chúng ta luôn suy nghĩ việc quá khứ, tương lai mà bỏ quên hiện tại; cứ mãi miên man theo ý nghĩ, không yên được. Đa số người học đạo đều không biết được **cái ý** này là **Tâm Thức** vọng động điên đảo; nó không phải là mình. Mình chính là **Tánh Giác**, là **Ông Chủ**, đang ra lệnh cho cái Ý dừng lại. Điều này hòa thượng Thích Bửu Huệ dạy rất hay:

“Từ xưa tâm cảnh liên quan

Cảnh mà xao động tâm an mấy người

Muốn tâm lắng bớt duyên đời

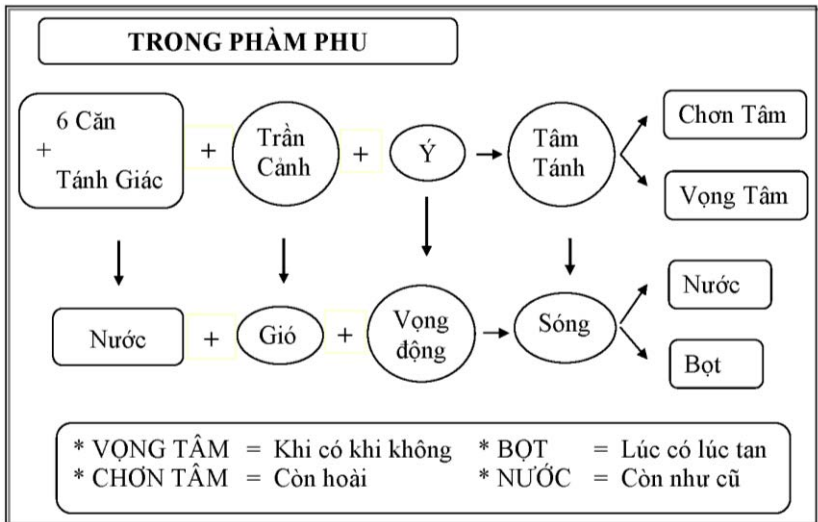
Cảnh mà thay đổi dễ đời được tâm”.

(Cảnh và tâm)

Tại sao ở trong loài người thì gọi nó là Tâm Tánh?
(trong Vọng Tâm, có Tánh Giác)

Khi ta tu tập, muốn dừng ý lại, thì ai chỉ huy? (khi Vọng Tâm hết, thì còn lại Tánh Giác chỉ huy). **Tánh Giác** chính là **Chủ Nhân Ông** của loài người vậy.

Khi ở trong loài nào, thì nó là Chủ Nhân Ông của loài đó. Chúng tôi chỉ chứng minh ở trong loài người như sau :



Sáu căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Trong sáu căn này đều có Tánh Giác biết theo sát. Khi nhìn trái cam mà biết đây là trái cam (nhưng chưa phân tích), đó là Tánh Giác Biết. Nếu không có **Tánh Giác Biết** thì mình không biết đó là trái cam.

Khi **Sáu Căn** gặp **Sáu Trần cảnh**, cộng thêm **Ý Thức** thì sinh khởi phân tích; khi có ý chen vô thì nó biến ra thành **Tâm Thức** phân biệt. Trong phạm phủ gọi là **Tâm Tánh**.

Trong Tâm Tánh này có hai: ChânTâm và Vọng Tâm. (Tánh Giác + Tâm Thức).

ChânTâm gọi là Tánh. Tánh này không thay đổi, lúc nào cũng hiện hữu. Vọng tâm là suy nghĩ mộng lung: buồn vui, thương giận (thay đổi)... Hai trạng thái này luôn đan xen lẫn nhau, dẫn chúng ta tạo nghiệp bất thiện. Nếu chúng ta biết tu tập hướng thiện, thì đó là Chơn Tâm.

“Một chút giận, hai chút hờn

Lận đận cả đời, ri cũng khổ

Trăm điều bỏ, ngàn điều xả

Thong dong tác dạ, rứa mà vui”.

(Hòa thượng Thích Trí Thủ)

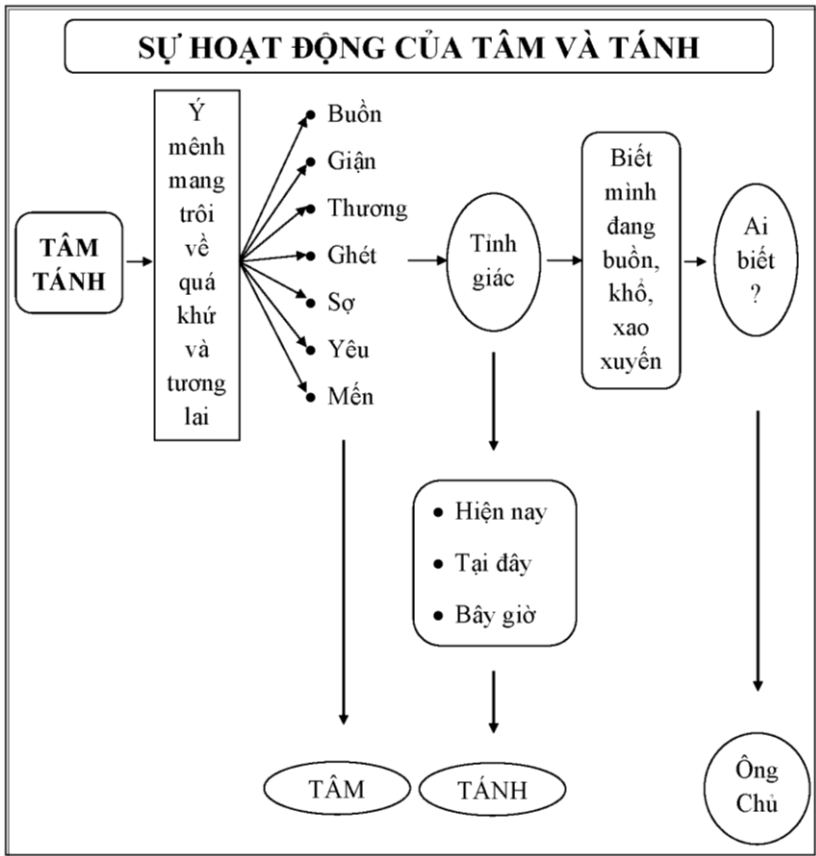
Khi sáu căn gặp trần cảnh giống như nước gặp gió, vì cái ý xen vô nên sanh vọng động. Vọng động thì

sanh ra sóng. Sóng ở đây như là tâm tánh vậy. Trong sóng thì có nước và bọt. (Tánh Giác và Vọng Động).

Chúng ta đi biển chỉ thấy có sóng mà không để ý tới nước, cũng như trong tâm chúng ta luôn thấy vọng mà không thấy chơn (Tánh Giác Biết) xen lẫn trong đó. Nếu chúng ta không biết được đâu là Vọng động, đâu là Tánh Giác Biết thì rất khó tu.

Vọng tâm là trạng thái buồn, giận, vui, sợ, thương, ghét ... khi có, khi không. Tánh Giác (Chân Tâm) luôn hiện hữu, như nước vẫn mãi là nước, còn vọng tâm như bọt nước, lúc hiện, lúc tan.

Sở dĩ ở trong phạm phu gọi là Tâm Tánh, bởi vì trong Vọng Tâm đã có Tánh Giác nằm trong đó. Cho nên khi chúng ta **buồn**, chúng ta cũng **biết** mình đang buồn. Khi **vui**, chúng ta cũng **biết** mình đang vui ...



Vậy thì **ai** biết mình đang đau khổ, **ai** biết mình đang giận?

Đó là **Tánh Giác**, là **Chủ Nhân Ông** của loài người. Khi tỉnh giác, chúng ta buông hết quá khứ, tương lai, chỉ sống trong hiện tại là sống với Tánh Giác. Nó không trôi theo quá khứ và tương lai, chỉ có giây phút hiện tại thôi. Nhưng hiện tại thì không có. Nhìn chiếc đồng hồ đang kêu “tích tắc...tích tắc...” Nó hết “tích” thì qua “tắc”. Cái “tích” lúc trước nó

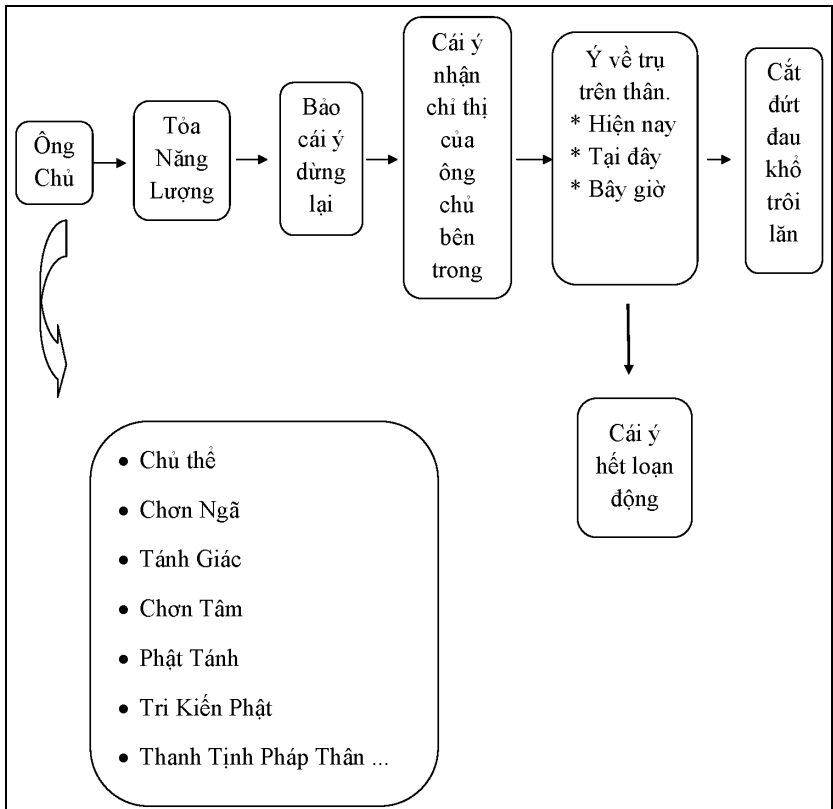
qua đi “tắc” để trở thành quá khứ. Cho nên **cái giây phút hiện tại rất ngắn ngủi**, cái giây phút hiện tại cũng **rất màu nhiệm** mà chúng ta cứ mông lung theo vọng tưởng, để nó trôi về quá khứ mất rồi. Còn tương lai thì chưa tới. Vì thế, thiền sư Thiên Lão nói:

***“Sống ngày nay biết ngày nay
Còn xuân thu trước ai hay làm gì”.***

Tỉnh giác là tỉnh giác ngay ở giây phút hiện tại, là cái thực thể đang nằm sâu ở bên trong, bây giờ nó hiển lộ ra. Khi chúng ta tỉnh giác thì nó hiển lộ ra để **biết**, vì nó vô hình và nằm sâu ở trong cõi lòng nên chúng ta không thấy được. Tuy nó vô hình nhưng nó là chủ động. Lúc chúng ta tỉnh giác, ngay khi đó, **Tánh Giác** hiện hữu, đem chúng ta trở về cội nguồn, Chân Như Phật Tánh của mình.

***“Trở về nguồn cội liền đến nhà
Cũng không huyền diệu để phô khoe
Một khối Chân Như thật trong suốt
Quên mất cũng vì một niệm sai”.***

Phổ Âm



Ông Chủ là chủ nhân ông của loài người. Ông là Chủ Thể, là Chơn Ngã, Tánh Giác, Chơn Tâm, Phật Tánh, Tri Kiến Phật, Thanh Tịnh pháp Thân.... Nói chung, ông chủ có rất nhiều tên. Khi ông chủ tỏa ra năng lực là lúc chúng ta buồn quá, giận quá, đau khổ quá mà tỉnh giác được. Tỉnh giác ngay ở giây phút hiện tại thì ông chủ hiện ra. Tỏa năng lực và ra lệnh bảo cái ý dừng lại. Đức Phật dạy: “Nếu người không tu hành thì không bao giờ nhận được **bộ mặt thật của mình**”.

Đức Phật dạy, nếu người nào muốn tỏ ngộ bản lai diện mục của mình mà không cần thầy chứng minh thì chỉ nhận vọng làm chân. Tại sao phải cần thầy chỉ dạy? Bởi vì, những người có tu rồi, mới thâm hội được nó và giảng nói lại cho người khác nghe hiểu. Vì Phật Tánh không có hình tướng. Còn nói về người niệm Phật họ có mùi thơm là vô lý, chỉ khi chúng ta sắp lâm chung, có các bậc Thánh, các vị Bồ-tát, có Phật ở Tây phương đến... lan tỏa mùi thơm khắp nhà mình, mùi thơm này chính là mùi thơm của các vị ấy tỏa ra, chứ không phải mùi thơm trong cái thân tứ đại phàm phu tỏa ra. Ánh sáng trong nhà mình cũng không phải là ánh sáng của cây chết tỏa ra mà là ánh sáng của các vị Thánh ấy tới. Do đó, không có thầy chứng minh mà tự nói mình đã chứng ngộ. Vì tự mãn thì đâu có thể tiến tu đến quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Chuyện không nói có, lừa gạt chúng sanh, thành ma, thành tà. Cho nên, người tu hành cần phải quán sát lại mình, đừng chạy theo trần cảnh bên ngoài:

“Hàng ngày quán lại nơi chính mình

Xét nét kỹ càng chớ dễ khinh

Trong mộng tìm chi người tri thức

Mặt thầy sẽ thấy trên mặt mình”.

Thiền Sư HƯƠNG HẢI

CÂU HỎI SỐ 7 : Sao Gọi Là Vô Dư Niết Bàn?

Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi hỏi Phật :

- Kính Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào gọi là Vô Dư Niết Bàn?

Đức Phật dạy:

- Nay Văn Thù Sư Lợi! Vô Dư Niết Bàn là tâm vắng lặng không lay động. Các Đức Phật trong ba đời đều theo con đường này mà đạt đến tâm bất động, an lạc, gọi là vô Dư Niết Bàn.

GIẢNG :

Đức Phật trả lời, Niết bàn là tịch tịnh, vắng lặng, không có bóng dáng phiền não. Sự an lạc của Niết Bàn là sự an lạc không có đối tượng, còn niềm vui ở thế gian thì có đối tượng; như chúng ta trúng số thì vui, hay được người khác khen thì chúng ta vui.... Niềm vui của Niết Bàn tịch tịnh, vắng lặng, không có căn cứ vào một đối tượng nào cả.

Đức Phật dạy, Niết bàn là trạng thái tâm linh của người tu hành khi đã dứt sạch phiền não sanh tử. Vui là trạng thái của chư thiên, giận là trạng thái của ngạ quỷ, địa ngục. Từ sáng đến chiều chúng ta có đủ những trạng thái này vì chúng ta còn là phàm phu.

Tịch tịnh vắng lặng là trạng thái không vui không buồn, không có bóng dáng gì hết, hoàn toàn vắng lặng. Nếu vui có đối tượng thì đâu có vui lâu. Vì do có cái gì đó mà mình mới cảm thấy vui. Khi cảnh đó tan, thì niềm vui đó cũng không còn. Điều này thi hào Nguyễn Du nói rất hay:

“Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu

Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ.”

Niết Bàn có 2 :

* Hữu Dur y Niết Bàn

* Vô Dur y Niết Bàn

* **HỮU DUR Y NIẾT BÀN :**

Hữu Dur Y Niết Bàn là Niết Bàn của các Bậc đã chứng quả Thanh Văn, Duyên Giác Bồ Tát, tuy đã ra khỏi sanh tử nhưng còn sống trong cõi Ta Bà.

Hữu dư là còn dư cái gì? Là còn mang thân này. Khi Đức Phật thành Phật đạt được trạng thái tâm linh của đấng giác ngộ, nhưng ngài phải chịu theo nghiệp lực của thân tứ đại này. Trời nóng, Ngài cũng thấy nóng; trời lạnh, ngài cũng thấy lạnh. Cho nên, dù là bậc giác ngộ, nhưng khi còn sống thì phải chịu những cảnh bức bách ở thế gian. Các vị A La Hán cũng còn thân tứ đại, cũng chịu nóng, lạnh...

* VÔ DƯ Y NIẾT BÀN :

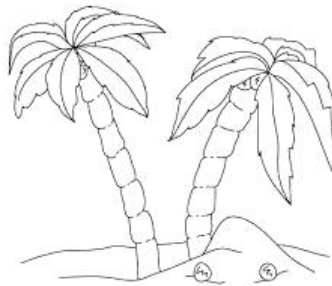
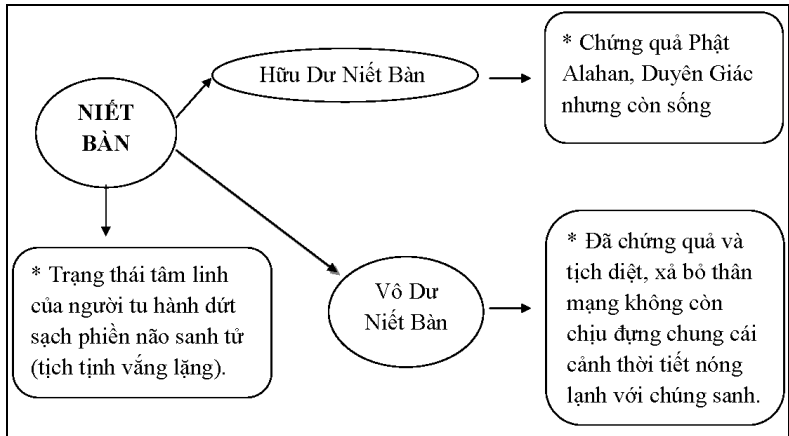
Vô dư y Niết bàn là trạng thái chứng ngộ của các vị đã chứng quả và tịch diệt, đã xả bỏ thân mạng, không còn chịu những cảnh thời tiết nóng lạnh với chúng sanh. Vô dư y Niết bàn còn gọi là Bất sanh, tức không còn dính mắc, ràng buộc, là trạng thái tâm linh an tĩnh vắng lặng; giống như tấm gương soi mặt, không lưu giữ lại hình bóng nào cả.

Trong Kinh Đại Bát Niết Bàn, quyển 33, Đức Phật nói về trạng thái Niết Bàn của Chư Phật trong Vô Dư Y Niết Bàn là :

- * Vô Sanh : không sanh
- * Vô úy : không sợ
- * An Xứ : chỗ yên ở
- * Vô thối : không thối chuyển
- * Vô tác : không tạo tác
- * Thanh lương : trong mát
- * Vô Vi : không cố tạo
- * Quãng đại : rộng lớn
- * Quang minh : sáng tỏ
- * Vô trước : Không xấu ác
- * Đẳng minh : đèn sáng
- * Tịch tĩnh : vắng lặng

* Bỉ ngạn : bờ bên kia

* Linh đượ : trường sanh bất tử



CÂU HỎI SỐ 08 : Tu Thế Nào Có Thể

Vượt Phàm, Lên Thánh?

Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi hỏi Phật :

- Kính Bạch Đức Thế Tôn! Người tu chứng như thế nào mà vượt khỏi phàm phu, chứng nhập quả thánh?

Đức Phật dạy:

- Nay Văn Thù Sư Lợi! Nếu có kẻ thiện nam, người thiện nữ nào tin theo đạo Phật, từ bỏ đời sống gia đình, giữ gìn trai giới, chuyên tu mười điều lành, ba nghiệp thanh tịnh, xa lìa sáu trần, tìm vị thầy sáng suốt học hỏi chánh pháp, thực hành theo lời thầy dạy, chuyên tâm nhất ý, không khởi vọng tưởng theo chuyện thế tục; người đạt công phu như vậy thì chứng quả Tu Đà Hoàn.

Lại có kẻ thiện nam, người thiện nữ nào giữ giới luật và oai nghi thanh tịnh, nhất tâm thiền định, tâm không tán loạn. Các nghiệp thân, khẩu, ý đều chế ngự, chẳng nghĩ đến chuyện thế gian; người đạt công phu như vậy thì chứng quả Tư Đà Hàm.

Lại có chúng sanh ba nghiệp không khởi; sáu trần không sanh; thanh tịnh lâu ngày; công đức bền vững; Tâm và Tánh thường hiệp nhứt; lòng

trần thường vắng lặng; Ý chẳng động lay; tâm được tự tại. Người có công phu như vậy thì chứng được quả A Na Hàm.

Lại có kẻ thiện nam, người thiện nữ nào, ba nghiệp không khởi, sáu trần không sinh, giữ tâm luôn thanh tịnh, công đức bền vững, thân an lạc, tâm không vướng bận cảnh trần tự tại; người đạt công phu như vậy thì chứng quả A-la-hán.

Bốn hạng người trên, chứng bốn quả này, công đức thù thắng hơn cả phàm phu ở cõi người và cõi trời Lục Dục, vào được đạo tràng Tịch Diệt của thánh hiền, cùng ra khỏi thế gian giống như Phật, giúp Phật hóa độ chúng sinh, làm cho thế giới này thanh tịnh, giống như thế giới chư Phật, thẳng đến Bồ-đề, không điên đảo. Đây là bốn quả vị của bậc thánh chứng đạo.

Lại nữa, này Văn Thù Sư Lợi! Bốn hạng người chứng quả vị này, nếu người có niềm tin chân thật, thực hành theo thầy dạy, chuyên tâm tu tập, giới đức tinh nghiêm, uy nghi đầy đủ, không màng đến danh lợi thế gian, chỉ một lòng vì đạo; mặc dù chưa thông suốt triệt để, nhưng tâm kiên cố thanh tịnh giải thoát, giống như Phật; cho nên được vào địa vị siêu phàm nhập thánh.

GIẢNG :

Bốn quả thánh là Tu Đà Hoàn, Tu Đà Hàm, A Na Hàm và A-La-Hán.

Siêu phàm nhập Thánh là ra khỏi địa vị phàm phu, nhập vào dòng Thánh.

Thánh quả Tu Đà Hoàn: Là rời bỏ ái ân, dâm dục (giống như các vị xuất gia), đoạn dứt trần duyên, trai giới thanh tịnh, chuyên tu mười điều lành (thân không sát sanh, trộm cắp, tà dâm; miệng không vọng ngôn, ý nghĩ, ác khẩu, lưỡng thiệt; ý không tham, sân, si, xa lìa sáu trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp).

Nên biết rằng, tất cả vật chất ở thế gian này không tồn tại mãi, nó thay đổi theo chu kỳ sinh, trụ, dị, diệt. Thân con người chúng ta cũng phải chịu sanh, lão bệnh, tử. Tất cả mọi vật đều bị vô thường chi phối:

“Thoáng trước, lá vẫn còn đây

Thoáng sau, lá đã rơi đầy ngoài sân

Nào ai có biết trong giây phút

Chiếc lá lìa cành, chiếc lá bay.

Chúng tôi nói thêm về nhân quả. Trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta, gieo nhân thì hưởng quả, vay thì phải trả mà trả thì phải trả có lời; đó là một định luật tất yếu. Vì thế, dân gian ta có câu:

“Hồi xưa trả báo thì chày

Ngày nay trả báo bằng vay nhĩn tiền”.

Thời kỳ mạt pháp này,  n o n tới  oi r t nhanh, làm người mà kh ng chịu vun bồi  ức hạnh th  kh ng thể n o vượt qua nh ng kh  nạn.

Ngũ Dục Lạc l  t i, s c, danh, thực, th y.  n ngon, mặc  p, ngủ nhi u... làm cho con người  a lạc v  tr  quả r t nặng. Con người sống ở thế gian, họ cho rằng v t chất đầy  , v   p, con ngoan l  hạnh phúc mỹ m n rồi, nhưng họ kh ng biết rằng hạnh phúc ở thế gian gắn liền v i tham  i v  kh   au, n n cuối c ng thường trở th n hận thù v  phi n mu n. V  vậy,  au kh  luôn đi  oi v i hạnh phúc, h  c  vui l  c  buồn. Do  , tình y u thương ch n thật kh ng phải l  ham mu n ở thế x c m  l  tr  hu .

B c chứng quả Th nh kh ng c n khởi t m  ộng ni m. Khi t m sinh khởi, c c ng i **li n biết**, n n c c ng i luôn sống trong ch nh ni m tỉnh gi c. C n ch ng ta nhìn thấy sự v t li n ph n biệt, chấp trước. Theo c ch nhìn của  ức Phật th  tất c  đều l  **Kh ng**. C ng vậy, t m thức ch ng ta luôn chấp **C **, n n sinh khởi vui buồn, thương gh t; suốt ngày ch ng ta luôn bị chi phối bởi nh ng trạng th i này, v  vậy m  c  kh   au. B c chứng ngộ thấy **C ** v  **Kh ng** ở thế gian như bầu hư kh ng r ng rang, v ng l ng. Thi n sư T r  ạo Hạnh n i:

“Có thì có tự mảy may

Không thì cả thế giới này cũng không

Có Không bóng nguyệt giòng sông

Chớ nên chấp Có chấp Không làm gì?”

Sở dĩ chúng ta khó tu được là vì bỏ quên Tánh Giác của mình, bỏ quên ông chủ của mình. Ông chủ chính là chủ nhân ông điều khiển tâm ý của chúng ta. Cho nên, Đức Phật dạy mình chỉ nương vào chính mình mà thôi, không nương vào người khác. Tức là khi chúng ta nghe người khác nói chuyện thì biết mình **đang nghe có tiếng** mà không chú ý đến nội dung câu nói, rồi sau đó hãy trở về **thâm hội tánh giác của mình đang hiện hữu** thì lúc đó chúng ta mới không bị trôi theo trần cảnh.

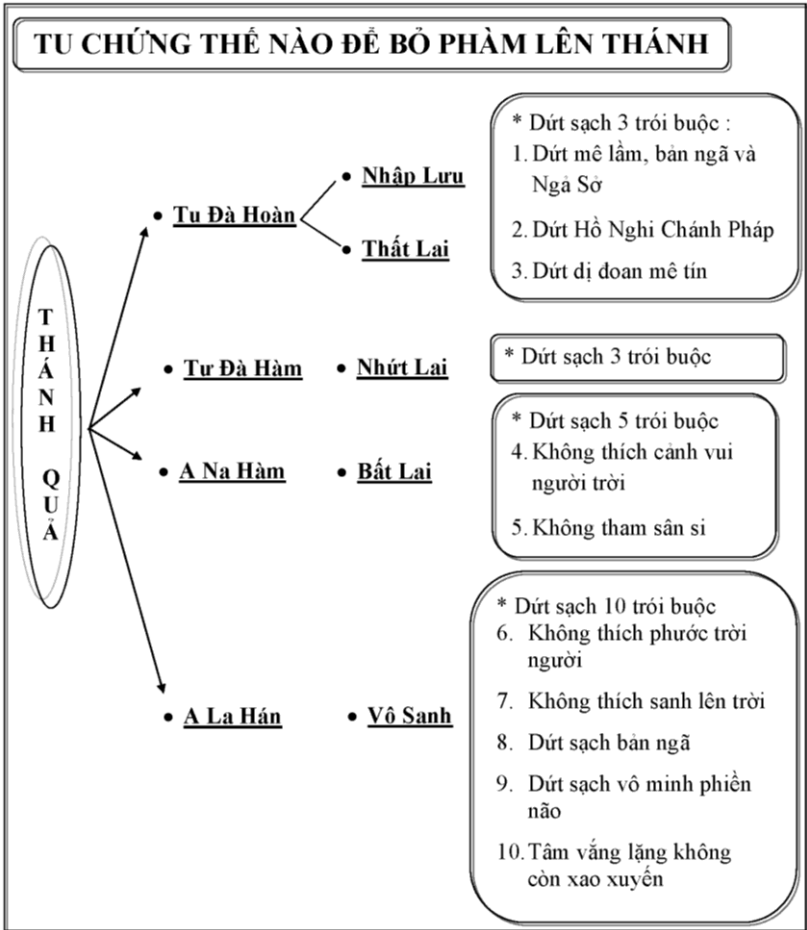
Sở dĩ chúng ta học đạo mà còn khổ đau là vì không thực hành. Đức Phật nói, mình cứ để tự nhiên đi, **biết rõ sự diễn biến của nó thôi** mà không nên chống lại nó. Cây có sự diễn biến của cây, trái cam có sự diễn biến của trái cam... Chúng ta muốn nó mau chín cũng không được. Đức Phật dạy mình không trông mong vào một điều gì cả, mà phải để nó tự nhiên trôi qua và nhìn nó tự nhiên trôi đi thôi. Cũng như khi trồng cây thì chúng ta chỉ có bốn phận: tưới nước, bón phân, bắt sâu... đến đúng lúc đủ duyên nó sẽ ra quả, chúng ta

không ép buộc nó điều gì cả; nếu chúng ta ép buộc (đặt **cái muốn** vào đó) thì tâm chúng ta sẽ loạn động.

Chuyện kể rằng: Chú tiêu vào thưa thầy rằng : sư huynh của chú nói oan cho chú. Vị thầy bảo:

- Con cứ để tự nhiên đi, đừng cãi sư huynh con, cũng đừng biện bạch. Nếu con cãi vả với sư huynh con thì hóa ra con tự làm cho tâm con bị loạn động.

Vì vậy, chúng ta phải nhìn vào bộ mặt thật của lòng mình, nương tựa chính mình. Hãy nhìn vào bên trong để có sự tỉnh giác về trạng thái tâm linh của chính ta mà thôi.



Thánh là ai? Thánh là bốn quả Thanh Văn: Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm và A-La-Hán.

Tu Đà Hoàn có nghĩa là Nhập lưu, Thất lai. Nhập lưu là mới nhập vào dòng Thánh. Thánh quả này còn sanh lại cõi trần gian bảy lần nữa, nên gọi là Thất Lai.

Người chứng quả Tu Đà Hoàn là dứt sạch ba trói buộc: dứt mê lầm bản ngã và ngã sở, dứt sự nghi ngờ

chánh pháp, dứt đi đoan mê tín. Vì xác thân này có ngày hoại diệt, tâm này cũng không thật, nó luôn vọng tưởng điên đảo.

1- Dứt mê lầm về bản ngã và ngã sở :

Bản ngã là mình, còn **ngã sở** là những gì thuộc về của mình như nhà cửa, quần áo, xe cộ, vợ, con, chồng con... thuộc về ngã sở tức thuộc về quyền sở hữu của mình.

Nhưng ngã sở có thuộc của mình không? Nhà của mình, xe của mình, vợ của mình, con của mình... những thứ này không phải là của mình, vì tất cả đều là giả tạm; ngay cả vợ chồng cũng là tạm thời chưa chắc bền lâu. Ngày nay còn đó nhưng ngày mai thì không biết sẽ ra sao, vì thân và tâm của con người luôn biến dịch vô thường.

2-Không còn nghi ngờ chánh pháp: Chánh pháp là pháp của Đức Phật nói ra, một khi tin là tin chắc chắn, không còn nghi ngờ.

3-Không còn mê tín dị đoan: Chúng ta tu học Phật pháp cần phải có chánh kiến, tin đúng lời Đức Phật dạy, tin luật nhân quả, tin thuyết nhân duyên tan hợp, tin lý nhân quả, không nên cầu khẩn, lạy lục, van xin, mà phải tự mình tạo nhân tốt để có quả tốt.

Tư Đà Hàm có nghĩa là Nhứt Lai, tức còn sanh trở lại thế gian một lần nữa thôi. Tư Đà Hàm cũng dứt sạch ba thứ trói buộc. (Giống như trên).

A Na Hàm có nghĩa là Bất Lai, tức không còn sanh trở lại thế gian này mà sanh lên cõi trời, sau khi chết sẽ sanh lên cõi trời A Na Hàm Thiên để tu cho đến khi chứng quả A La Hán. A Na Hàm dứt sạch năm trói buộc (ba trói buộc như trên và không còn vui thích cảnh giới cõi trời cõi người, không còn tham sân, si).

A La Hán có nghĩa là Vô Sanh, tức là không còn sanh tử. A La Hán dứt sạch mười trói buộc, tức là dứt năm trói buộc trên và không thích phước trời người, không thích sanh lên trời, dứt sạch bản ngã, dứt sạch vô minh phiền não, tâm luôn ở trạng thái vắng lặng hoàn toàn.

THÁNH QUẢ TU ĐÀ HOÀN

1. Lìa bỏ ân ái vợ chồng dâm dục
2. Trường chay, giữ giới
3. Đoạn dứt trần duyên (tài, sắc, danh, thực, thù)
4. Tu 10 điều thiện (thân 3, miệng 4, ý 3)
5. Sạch 3 nghiệp (tham, sân, si)
6. Xa lìa 6 trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp)
7. Gần bậc minh sư học đạo, tu hành, áp dụng
8. Tâm không tạp niệm (bám theo mọi việc suy nghĩ)
9. Không trôi theo tình đời (buồn, giận, thương, sợ, ghét...)
10. Không hoài nghi chánh Pháp (thâm tín Tam Bảo)

- Một phen dứt là dứt hẳn
- Một phen tuyệt là tuyệt luôn

→ Nhập vào
giòng thánh

Thánh quả Tu Đà Hoàn không còn sinh hoạt tình dục vợ chồng; giống như những vị trưởng giả tu hành, tuy có vợ nhưng họ sống không có duyên ái, chỉ xem như bạn.

Quả Tu-Đà-Hoàn:

- Trường chay, giữ giới.

- Đoạn dứt trần duyên: tài, sắc, danh, thực, thù.
- Tu mười điều thiện về thân, khẩu, ý.
- Dứt sạch ba nghiệp: tham, sân, si.
- Xa lìa sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.
- Gắn bậc minh sư học đạo, tu hành.
- Tâm không tạp niệm, trôi theo dòng suy nghĩ.
- Không trôi theo tình đời: buồn, giận, thương, sợ, ghét...
- Không hoài nghi chánh pháp tức là thâm tín tam bảo. Một khi dứt là dứt sạch.

Quả Tư Đà Hàm :

Quả Tư Đà Hàm cũng dứt sạch ba nghiệp và thêm :

- Giới luật thanh tịnh là thuộc oai nghi tế hạnh.
- Nhất tâm tịnh tọa là ngồi thiền định tâm.
- Tâm không tán loạn.
- Nhiếp phục ba nghiệp (thân, miệng, ý).
- Không theo tình đời (buồn, giận...)

Quả A Na Hàm:

- Không còn sanh khởi ba nghiệp sáu trần.
- Tâm luôn thanh tịnh.

- Đạo tâm đạo lực bền vững, người có đạo lực thì
ngăn chặn được tất cả nghiệp.

- Tâm và Tánh hiệp một.

- Ý nghiệp thanh tịnh, không còn vọng tưởng, phân
biệt, thấy là thấy thôi.

- Tự tại an lạc.

Quả A La Hán:

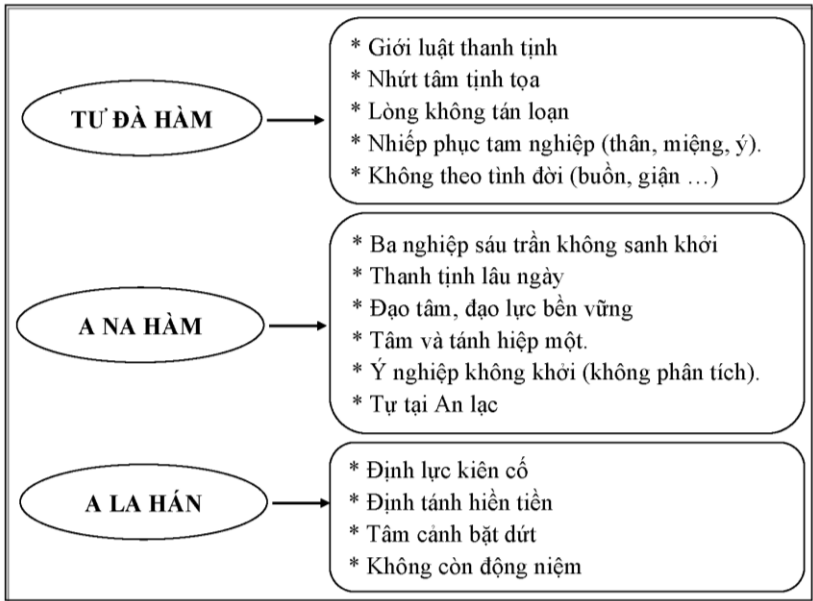
- Định lực kiên cố, có thể biết được những kiếp
trước.

- Định tánh hiện tiền, tức là Ông Chủ, lúc nào cũng
có mặt, luôn sống trên Tánh Giác Biết. Không còn bị
tâm thức chi phối nữa.

- Tâm cảnh bật dứt, tâm cảnh hiện ra như gương
sáng, không lưu lại bóng hình.

- Không còn động niệm.

Xưa kia Thiện Tài Đồng Tử phát tâm Bồ-Đề đi tìm
cầu học đạo, ông chỉ đến học với thầy về những kinh
nghiệm, chứ không để ý đến tâm tánh, hành vi của vị
thầy đó, và chỉ học đạo với vị thầy đã đạt được Đạo,
không phê phán thầy; cho nên Đức Phật dạy: “Y pháp
bất y nhơn”



CÂU HỎI SỐ 09 : Hạng Người Nào Có 4 Tướng, Hạng Nào Không?

Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi hỏi Phật :

- Kính Bạch Đức Thế Tôn! Những người nào chấp có ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng và những người nào không chấp bốn tướng này?

Đức Phật dạy:

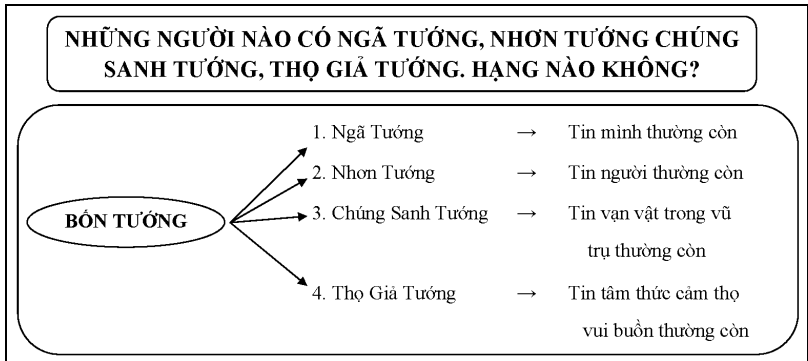
- Nay Văn Thù Sư Lợi! Hàng phàm phu chấp thân bốn đại giả hợp này làm ngã, lại còn tham sống sợ chết, gọi là người chấp ngã tướng. Người có lòng thương, ghét, tâm không bình đẳng, gọi là người chấp nhơn tướng. Người có tâm niệm luôn trôi theo dòng thế tục, không cầu giải thoát, gọi là người chấp chúng sanh tướng. Người có tâm thức không thanh tịnh, chủng tử nghiệp luôn nảy mầm, không ngộ được lý vô sinh, Chân Không, Thật Tánh, nên ý thức thường vọng động theo cảnh trần, gọi là người chấp thọ giả tướng.

Người nào chứng ngộ biết thân này là giả, thế gian vô thường, nên không tiếc thân mạng và của cải, chỉ luôn nghĩ nhớ giáo lý Vô Thượng Đại thừa của chư Phật, gọi là không có ngã tướng. Người

nào thương chúng sinh như con một, không phân biệt thân sơ, cứu độ bình đẳng, gọi là không có nhơn tướng. Người nào dứt hẳn chuyện thế gian, không còn nhớ nghĩ, gọi là chúng sanh tướng. Người nào chứng ngộ Tự Tính vô sinh chân thật của mình, tâm không lay động, chỉ theo nguyện lực mà độ sinh, gọi là không có thọ giả tướng.

Kẻ nào còn chấp bốn tướng này là phạm phu; người không còn chấp bốn tướng này thì gọi là Bồ-tát.

GIẢNG :



Đoạn này, bồ-tát Văn Thù Sư Lợi hỏi Phật, thế nào là bốn tướng? Đó là:

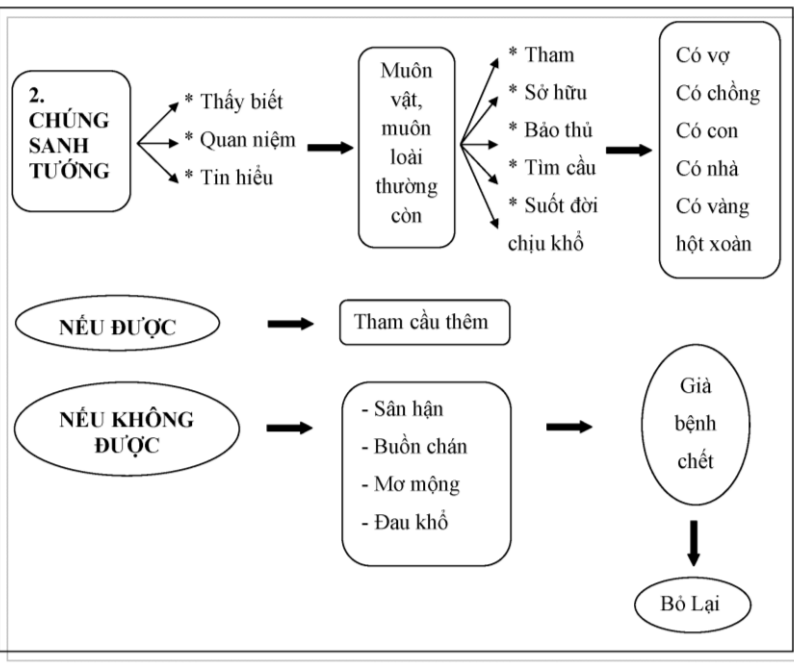
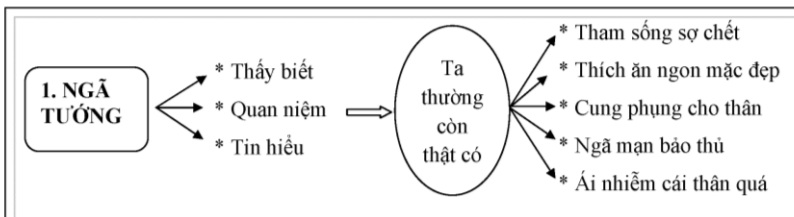
1. **Ngã tướng:** Là tin mình thường còn. Ngã là ta, là hình bóng của mình, chấp mình là số một. (Bản ngã).

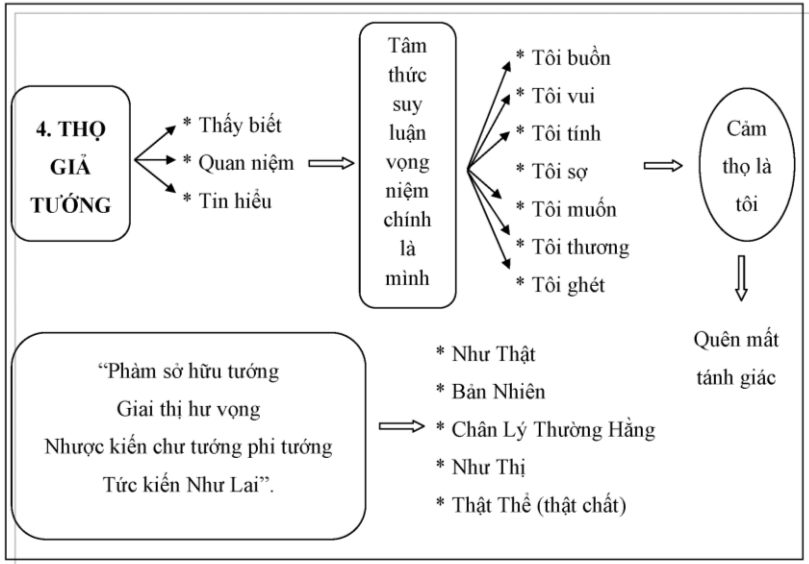
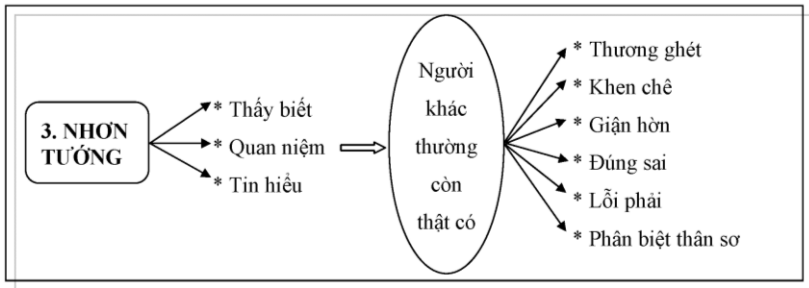
2. **Nhơn tướng:** Là tin người khác thường còn, tức là người sống chung với mình. Tin những người chung quanh mình như chồng, con, bạn bè... là thường còn.

3. **Chúng sanh tướng:** Là hữu tình chúng sanh và vô tình khí thế giới. Tức là tin vạn vật trong vũ trụ thường còn.

4. **Thọ giả tướng:** Là cảm thọ. Thọ giả tướng là tin tâm thức cảm thọ vui, buồn, thương ghét... là thường còn.

A. QUAN NIỆM PHÀM PHU CÓ 4 TƯỚNG





Đức Phật nói hàng phàm phu thì có bốn tướng này, còn Bồ-tát thì không có, vì các ngài đã chứng ngộ, buông bỏ tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước.

Hàng phàm phu thì mong cầu, chấp giữ đủ thứ. Họ mong mình giàu, có vợ đẹp, có con ngoan, khỏe mạnh mãi mãi; nếu họ biết cảnh đời không thật thì đâu có mong cầu.

“Người đời say đắm cảnh trần gian

Chấp ngã gây nên nổi đoạn trường

Nếu biết thân này là huyễn mộng

Cảnh đời đâu có chuyện tang thương”.

Thật vậy! Muôn vật thay đổi liên tục không bao giờ dừng nghỉ, cho nên Đức Phật dạy: “Tâm quá khứ không thể nắm giữ, tâm hiện tại không thể nắm giữ, tâm vị lai không thể nắm giữ”. Bởi vì quá khứ trôi qua rồi, hiện tại không dừng lại mà nó đang trôi về quá khứ và vị lai thì chưa đến. Như tâm trạng chúng ta sáng nay vui mừng, cùng ngồi nói chuyện với bạn bè, nhưng bây giờ tìm lại cái trạng thái vui hời sáng, nay có còn không? Nó trôi qua mất rồi, không nắm lại được. Còn cái trạng thái tâm hiện tại bây giờ nó vẫn đang trôi qua; trong tích tắc, vừa hiện tại liền đã trôi về quá khứ. Do đó, Đức Phật dạy:

“Quá khứ không truy tìm

Tương lai không ước vọng

Quá khứ đã đoạn tận










Tương lai lại chưa đến

Chỉ có pháp hiện tại

Tuệ quán chính ở đây”.

(Kinh A Nan Nhất Dạ Hiền)

Đức Phật nhìn thấy các sự vật hữu hình trong vũ trụ, tất cả đều được cấu tạo từ hạt bụi, kể cả sự cấu tạo của các hành tinh, như trái đất mà chúng ta đang sống đây. Trong kinh nói, **vi trần** tức là hạt bụi. Vi trần cấu tạo từ lớn tới nhỏ gồm có chín loại:

SỰ CẤU TẠO THỂ GIỚI (VŨ TRỤ)	
1. KÍCH DU TRẦN	Hạt bụi bay qua kẽ hở 
2. NGUU MAO ĐÀU TRẦN	Hạt bụi dính đầu lông con trâu. 
3. DƯƠNG MAO ĐÀU TRẦN	Hạt bụi dính đầu lông con dê 
4. THỔ MAO ĐÀU TRẦN	Hạt bụi dính đầu lông con thỏ 
5. THỦY MAO ĐÀU TRẦN	Hạt bụi rớt trong nước không ướt 
6. KIM MAO ĐÀU TRẦN	Hạt bụi lọt qua kẽ hở trong khối vàng 
7. VI TRẦN	Hạt bụi cực nhỏ (thấy bằng kính hiển vi) 
8. CỰC VI TRẦN	Hạt bụi cực nhỏ kính không thấy 
9. LÂN HƯ TRẦN	Hạt bụi gần như hư không, không thấy gì cả 

Hạt bụi lớn nhất là **kích du trần** tức hạt bụi bay qua kẽ hở trong tủ, trong bàn. Lúc có ánh mặt trời rọi qua, thấy trong ánh sáng đang rọi qua kẽ hở vào nhà, ta thấy có những hạt bụi bay bay, đó là kích du trần,

mắt thường có thể trông thấy được. Lúc không có ánh nắng thì mắt thường không thể thấy được.

Hạt bụi kích du trần nếu đem chia nhỏ làm bảy phần thì thành ra **ngưu mao đầu trần** tức là hạt bụi dính trên đầu cái lông con trâu.

Hạt bụi này nếu đem chia nhỏ ra làm bảy phần nữa thì thành **đương mao đầu trần** tức là hạt bụi dính trên đầu cái lông con dê.

Hạt bụi này nếu đem chẻ nhỏ ra làm bảy phần nữa thì thành **thỏ mao đầu trần** tức là hạt bụi dính trên đầu sợi lông con thỏ.

Hạt bụi này nếu đem chẻ nhỏ ra làm bảy phần nữa thì thành **thủy mao đầu trần** tức là hạt bụi rớt trên mặt nước, nổi bênh bồng, không ướt, không chìm.

Hạt bụi này nếu đem chẻ nhỏ ra làm bảy phần nữa thì thành **kim mao đầu trần** tức là hạt bụi lọt qua kẽ hở trong khối vàng.

Hạt bụi này nếu đem chẻ nhỏ ra làm bảy phần nữa thì thành **vi trần**. Vi trần này mắt thường không thể thấy được mà phải thấy bằng kính hiển vi. Đức Phật thường nói đến vi trần số kiếp.

Hạt bụi này nếu đem chẻ nhỏ ra làm bảy phần nữa thì thành **cực vi trần**. Cực vi trần cực nhỏ, kính hiển vi không trông thấy được. Hạt bụi này nếu đem chẻ

nhỏ ra làm bảy phần nữa thì thành **lân hư trần**. Nó gần như hư không trống rỗng, không nhìn thấy được.

Từ hạt bụi đầu tiên mà chia nhỏ ra lần lần trở thành như vậy, nên Đức Phật dạy: “Thế giới này, từ hành tinh cho đến trái đất đều kết cấu từ **lân hư trần** cộng làm bảy lần thành ra cực vi trần. Bảy cực vi trần cộng lại thành **vi trần**. Bảy vi trần cộng lại thành **kim mao đầu trần**. Bảy kim mao đầu trần cộng lại thành **thủy mao đầu trần**. Bảy thủy mao đầu trần cộng lại thành **thố mao đầu trần**. Bảy thố mao đầu trần cộng lại thành **dương mao đầu trần**. Bảy dương mao đầu trần cộng lại thành **ngưu mao đầu trần**. Bảy ngưu mao đầu trần cộng lại thành **kích du trần**. Kích du trần bay trong không gian, lâu ngày, rồi tụ thành núi, sông, đất, đá...”.

Do vậy, nếu chúng ta phân tích thế giới này, lần lược đem chia nhỏ nó ra thì nó trở thành không. Đức Phật nói: “Không có ta, không có người, tất cả vạn vật trên thế gian này đều Không”. Trong *kinh Kim Cang*, ghi: “Nếu người nhìn thấy ba mươi hai tướng tốt của Như Lai mà cho là thật, đó là tà đạo”. Vì Phật là tuệ giác vô hình, ngài đang có trong tất cả chúng sanh. Nếu chúng ta thấy hình tượng mà cho là Phật thì không đúng.

“Nhược dĩ sắc kiến ngã, Dĩ âm thanh cầu ngã

Thị nonh hành tà Đạo, Bất năng kiến Như Lai “

(Kinh Kim Cang)

Nhưng nếu không có **hình tượng** bên ngoài thì chúng ta không nhận ra được Đức Phật bên trong của mình. Như vậy, khi chúng ta đến chùa lạy Phật, là kính lạy tuệ giác của ngài, biết ngài khuyên chúng ta bỏ tà theo chánh, tu theo pháp lành; có như thế, ta mới cảm được Đức Phật đang hiện ra và đang nói chuyện với chúng ta. Tất cả pháp trên thế gian đều do sự thấy biết của chúng ta mà hiện hữu. Chúng ta biết được nó thì nó hiện hữu, chúng ta không biết thì nó không hiện hữu. Cũng vậy, khi tâm chúng ta **Biết** đây là Phật thì Đức Phật mới hiện hữu trong cõi lòng chúng ta. Khi chúng ta ngắm hoa hồng hay hoa cúc, qua thức phân biệt, chúng ta cho đó là hoa hồng đẹp, hoa cúc xấu... thì chúng ta không thấy được cái chân thật của hoa. Bạc giác ngộ khi nhìn sự vật, thấy nó là chính nó thôi, “pháp vốn như vậy” (Như Thị) không khởi tâm thức phân biệt, chấp trước. Nhà thơ Trữ Vũ nói rất hay:

“Bởi vì mắt thấy màu xanh

Cho nên mắt cũng long lanh màu trời.

Bởi vì mắt thấy biển khơi

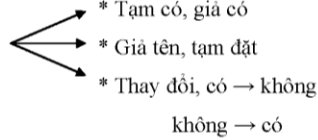
Cho nên mắt chẳng xa rời đại dương”

(Trữ Vũ).

**“Bất ưng trụ sắc sanh tâm
Bất ưng trụ thanh hương vị xúc pháp sanh tâm
Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”**

(Đừng để vọng tâm bám với sáu trần
Không nên dính mắc vào một nơi nào cả)

Vì tất cả đều do duyên

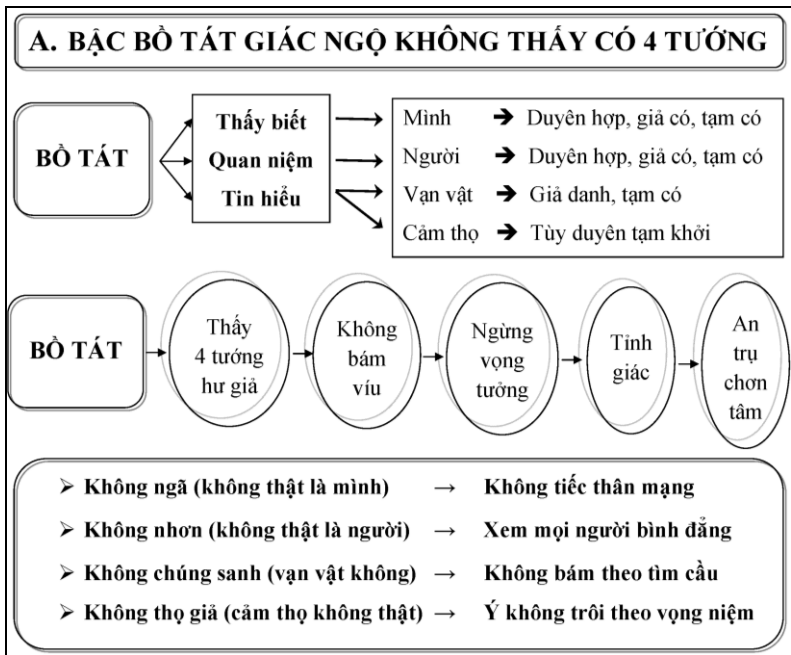


PHẬT DẠY

- * Các tướng không phải là thật tướng thường hằng vì chúng thay đổi biến dịch từng sát na (1/60 giây) và do duyên hợp giả có
- * Không ta = ngã không
- * Không người = nhơn không
- * Không muôn loài vạn vật = không chúng sanh
- * Không thật cảm thọ = không thật là cảm thọ (giả có tạm có)

Bài kệ trong *kinh Kim Cang*, Đức Phật dạy: “Bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm. Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”. Nghĩa là đừng để vọng tâm của mình bám với sáu trần và cũng không nên để tâm thức vọng động dính mắc vào một nơi nào cả. Vì sao? Vì tất cả đều do duyên hợp, là tạm có, là giả danh, nó thay đổi từ có thành không, không rồi thành có. Do đó, chúng ta đừng nên dính mắc vào nó; nếu chúng ta dính mắc, sẽ cấu thành

nghiệp lực. Đức Phật dạy, các tướng không phải là thật tướng thường hằng, vì chúng thay đổi biến dịch trong từng sát na và do nhân duyên giả hợp mà có, đừng để tâm dính mắc vào một nơi nào cả. Do đó, hàng Bồ-tát thấy được không có ta (là ngã không), không có người (là nhơn không), không có muôn loài vạn vật (là không chúng sanh), không có cảm thọ thật (trạng thái vui buồn mừng giận thương sợ... sẽ trôi qua theo thời gian. Tạm có, kể như là không).



Hàng Bồ-tát là những vị tu chứng, đạt được trí huệ, nên thấy biết mình, thấy biết người, thấy biết vạn vật, tất cả đều do duyên hợp giả có, tạm có; các ngài xem cõi Ta Bà là quán trọ, các ngài chứng pháp Vô sanh:

***“Vô thường thân mạng quá mong manh
Cảnh tạm trần duyên Phật chỉ rành
Xem cõi Ta Bà như quán trọ
Gắng hành Vô ngã chứng Vô sanh”***

Bậc Bồ-tát thấy các tướng là hư giả nên không dính mắc, không khởi vọng tưởng, phân biệt, đạt đến tinh giác, an trụ chân tâm. Các ngài thấy không có ngã (không thật là mình) nên không tiếc thân mạng, không có Nhơn tướng (không thật là người) nên xem mọi người bình đẳng, không có chúng sanh (vạn vật không thật thường còn) nên không bám theo tìm cầu, không có thọ giả (cảm thọ không thật) nên ý không chạy theo vọng niệm.

Còn chúng ta, khi nhìn vào đối tượng nào ưa thích thì bám theo tìm cầu, liền có ngay trạng thái đau khổ. Giống như trong tay nắm con rắn độc, bị nó cắn mà chúng ta không hay biết.

Ngày xưa, có vị thầy dẫn đệ tử Sa Di xuống núi. Lần đầu tiên Sa Di theo Thầy xuống núi, trên đường đi, chú thấy các cô gái đẹp đang gieo mạ dưới ruộng, liền hỏi thầy:

- Thưa thầy! Thứ gì vậy thầy?

Vị thầy đáp:

- Cọp đó con! Chúng ta đi nhanh lên, đừng có dòm ngó.

Nhưng hình ảnh đẹp của các cô gái làm chú nhớ mãi không quên được. Khi về chùa trên núi, hai ba ngày sau chú vẫn luôn thần thờ, không còn thích thú ngồi thiền. Thấy vậy, vị thầy hỏi:

- Con có chuyện gì vậy?

Chú đáp:

- Thưa thầy! Sao con nhớ con cọp quá.

- Thầy !

Chúng ta thấy không, tình cảm rất là sâu nặng. Trạng thái tâm linh vô hình khó xóa nếu không có trí tuệ và tỉnh giác.

“ Nhớ ai ra ngẩn vào ngơ

Nhớ ai ai nhớ bây giờ nhớ ai “

Nếu như Chú Sa Di thấy rõ được bản chất vô ngã, vô nhơn thì đâu đến nỗi nhớ cọp ngẩn ngơ. Hàng ngày chúng ta cũng luôn chạy theo trần cảnh nên tâm không giác ngộ được.

“Tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi thơm

Mắt theo sắc, lưỡi nếm vị ngon.

Lênh đênh chịu kiếp phong trần mãi

Làm kẻ xa quê muôn dặm đường”.

Trần Nhân Tông

Đức Phật dạy chúng ta phải giữ chánh niệm, biết rõ những gì đang xảy ra ngay hiện tại, biết nó đang xảy ra, biết và ghi nhận như vậy thôi, cứ để tự nhiên, nhìn nó trôi qua mà không nên suy luận gì cả.

Sống ở đời, chúng ta rất cần những nhu yếu cho sự sống. Nhưng khi bạn muốn nắm giữ nó, **hãy nắm giữ bằng tay chứ không nên nắm giữ bằng tâm:**

* **Khi tay nắm giữ** sự vật, lúc muốn buông bỏ, thì nó rời ra ngay

* **Khi Tâm nắm giữ** những trạng thái đau khổ, thì giống như bạn đang bị con rắn độc cắn, nọc của nó sẽ chiếm cứ toàn thân, khiến cho cả thân tâm đều rũ rượi, không còn sức sống.

* **Khi Tâm nắm giữ** những cái thuộc về tham dục và ái nhiễm, thì giống như bạn đang nắm đuôi một con rắn vậy. Chỉ nắm được một thời gian ngắn ngủi vài ba năm, rồi sau đó không lâu, con rắn tham dục và ái nhiễm đó, nó sẽ quay đầu trở lại cắn bạn. Vừa buồn khổ, vừa đau nhức, vì nọc độc của nó ngấm dần, ngấm dần mà không thoát ra được.



CÂU HỎI SỐ 10 : Sao Gọi Là 5 Căn, Đồng Trồng Căn Lành Như Phật?

Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi hỏi Đức Phật :

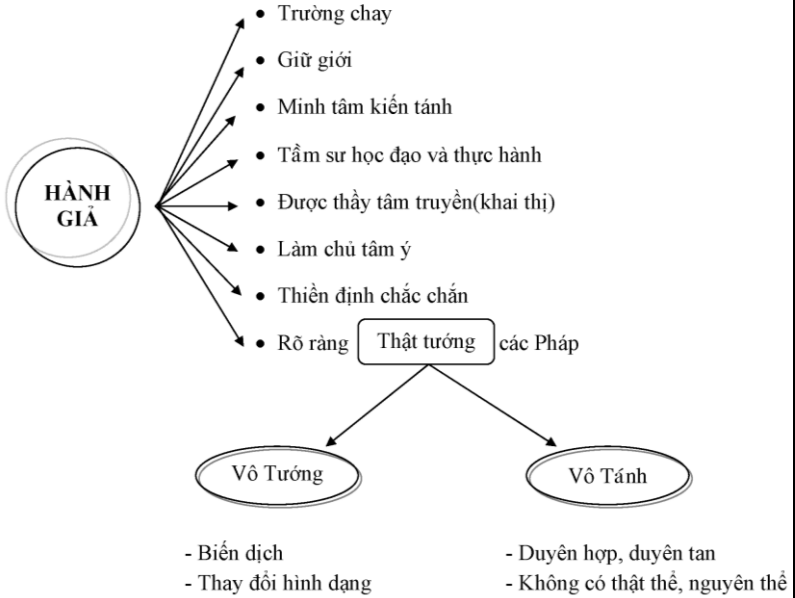
- Kính Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao nói năm căn cùng trồng căn lành như Phật?

Đức Phật dạy:

- Nay Văn Thù Sư Lợi! Nếu người nào giữ gìn trai giới thanh tịnh, minh tâm kiến tánh, tìm thầy học đạo, được sự khẩu truyền, hiểu biết đúng chánh pháp thì thấy như Phật thấy, nghe như Phật nghe, nghĩ như Phật nghĩ, nói như Phật nói, tâm như Phật biết. Năm căn thường hiện thân thông như Phật, cùng trồng căn lành, đồng thành Phật đạo.

Nếu người nào chứng đắc thiền định, làm chủ tâm mình, thực hành theo lời Phật dạy thì người đó thành Phật ngay hiện tại.

SAO GỌI LÀ 5 CĂN ĐỒNG TRỒNG CĂN LÀNH NHƯ PHẬT



GIẢNG :

Năm căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, ý. Người đời, khi mắt thấy sắc thì liền vọng tưởng phân biệt. Hành giả muốn tu tập năm căn giống như Phật thì phải thực hành các điều kiện sau:

1.Trường chay là không ăn thịt chúng sanh.

2.Giữ giới là để sanh định, định sanh tuệ; vì không có tuệ thì không thành Phật.

3.Minh tâm kiến tánh là biết được Tâm Thức của mình thường vui buồn, thương, giận, yêu, ghét... Còn

Tánh Giác thì chỉ **Biết** mà thôi, không phân tích đúng, sai...

4.Cần phải tìm thầy học đạo và thực hành :

Chúng ta đến chùa là phải học đạo. Thông thường, các vị thầy dạy chúng ta học đạo, họ chú ý xem chúng ta có thực hành không.

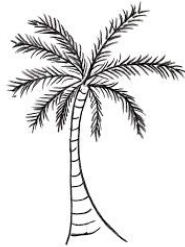
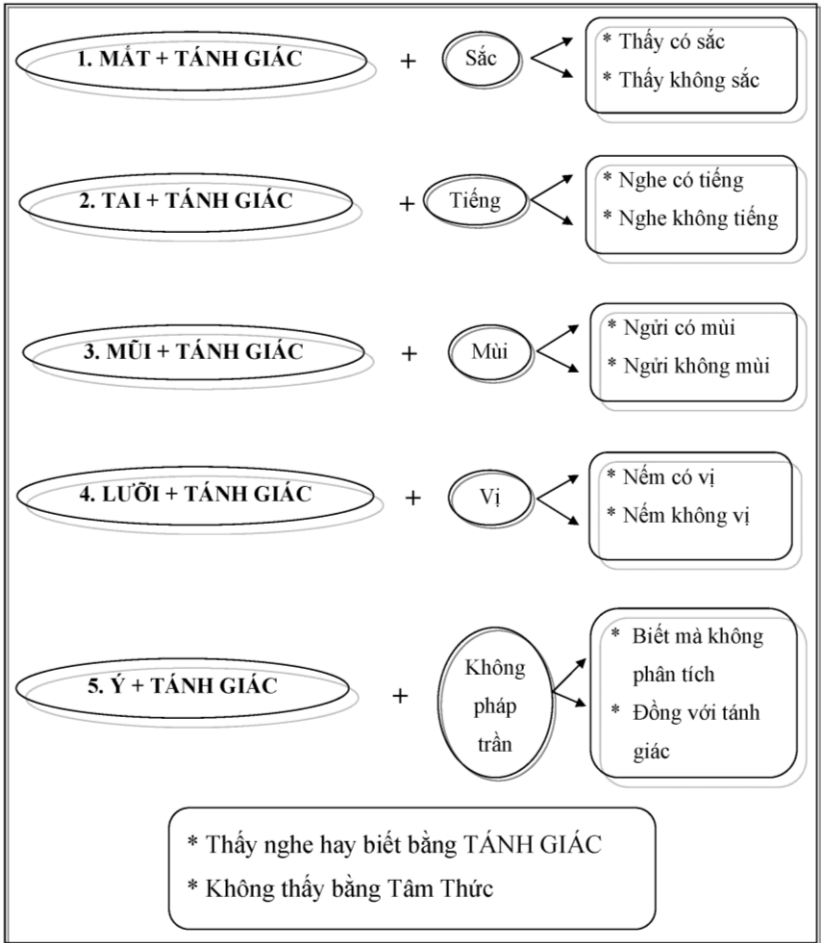
5.Được thầy tâm truyền (khai thị): Thầy chỉ Tánh Giác cho chúng ta.

6.Làm chủ tâm ý: không cho nó khởi vọng tưởng, phân biệt.

7.Thiền định chắc chắn : khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần thì bên ngoài, không bám theo để phân biệt, là Thiền; bên trong, không có bóng dáng khách trần là Định.

8.Rõ ràng thật tướng của các pháp: dùng trí huệ, thấy các pháp là **Vô Tướng** (vì nó biến dịch, thay đổi) là **Vô Tánh** (vì nó đang duyên hợp, duyên tan, không có thật thể)

Bậc chứng ngộ thì luôn luôn an trụ Tánh Giác nơi sáu căn, khi mắt thấy sắc, tai nghe tiếng... không còn phân tích theo Tâm Thức nữa. Tánh Giác **Biết** hiện tiền khi tiếp xúc với sáu trần cảnh, nên vẫn luôn hằng giác. Vì thấy, nghe, hay, biết luôn luôn bằng Tánh Giác vậy.



CÂU HỎI SỐ 11: Thế Nào Là Tu Chứng Sáu Pháp Ba La Mật?

Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi hỏi Đức Phật :

- Kính Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào gọi là tu chứng Sáu Pháp Ba-la-mật?

Đức Phật đáp rằng :

- Nay Văn Thù Sư Lợi! Nếu có người nào không ăn thịt uống rượu, xả bỏ của cải, không tham đắm chuyện thế gian, không làm việc ác, không tranh nhơn ngã thì người này được gọi là bồ thí Ba la mật.

Nếu có người nào giữ giới thanh tịnh, oai nghi đĩnh đạc, hàng phục được sáu căn, đoạn trừ tà ma thì người đó được gọi là trì giới Ba la mật.

Nếu có người nào nhẫn được khi bị người chê bai, mắng nhiếc; lấy chân chánh hàng phục tà ma, lấy hiếu thuận hóa độ trái nghịch, đối với kẻ thù không có oán hận mà còn tìm cách cứu độ họ thì người này được gọi là nhẫn nhục Ba la mật.

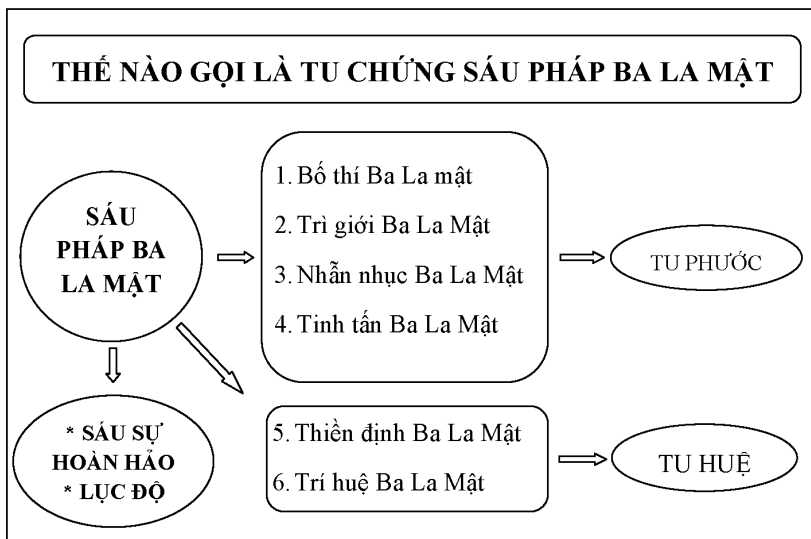
Nếu có người nào siêng năng học tập mười hai bộ kinh, lại còn thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng nói cho mọi người; những điều chưa hiểu cố gắng tìm tòi cho hiểu, nếu chưa chứng thì tinh tấn tu tập

cho chúng, người đó được gọi là tinh tấn Ba la mật.

Nếu có người nào đoạn trừ cảnh trần, không còn khởi vọng niệm, dứt hết hôn trầm, tán loạn, chuyên tu thiền định, vững vàng như núi, tà ma không quấy rối được thì người đó được gọi là thiền định Ba la mật.

Nếu có người nào phá trừ được vô minh, không còn chấp tướng, thông hiểu giáo lý Phật pháp, không nói chuyện thị phi, lời nói chân thật, văn tự rõ ràng thì người đó được gọi là trí tuệ Ba la mật.

Nếu người đầy đủ sáu pháp Ba la mật này thì người đó thoát khỏi sinh tử, đến bờ giải thoát, ra khỏi ba cõi, chúng quả Thập địa, nhập Kim Cang, thành Chánh Giác Đạo.



GIẢNG :

Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiên định, Trí huệ, gọi là sáu pháp hoàn hảo.

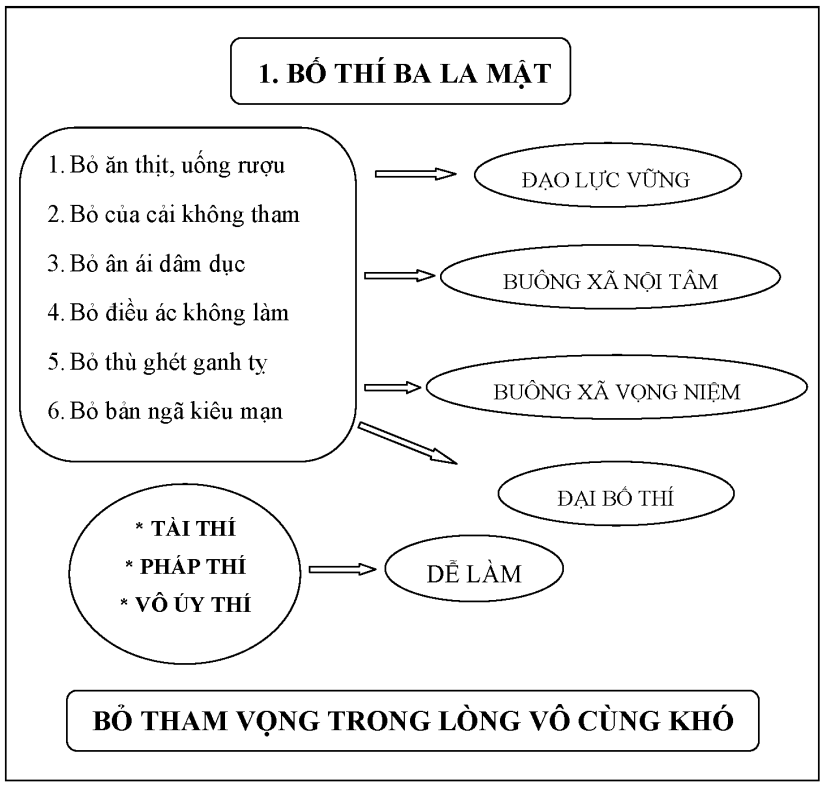
Sáu pháp Ba La Mật còn gọi là sáu việc hoàn hảo hay là Lục Độ.

1. Bồ Thí Ba La Mật.
2. Trì Giới Ba La Mật.
3. Nhẫn Nhục Ba La Mật.
4. Tinh Tấn Ba La Mật.
5. Thiên Định Ba La Mật.
6. Trí Huệ Ba La Mật.

Ba la mật là rốt ráo, là tột đỉnh.

Bốn hạnh: Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn là tu về phước. Thiên định và Trí huệ là tu về huệ.

Ở đây, Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi hỏi “Thế nào là tu chứng sáu pháp Ba la mật?”, chứ không phải hỏi “thế nào là sáu pháp Ba la mật?”. Điều quan trọng là làm sao để tu chứng được.



1. Bồ Thí Ba La Mật :

Đức Phật dạy, bồ thí Ba la mật là bỏ ăn thịt, uống rượu, ân ái, dâm dục; xả bỏ của cải không tham;

không làm các điều ác; tâm không thù ghét, ganh tỵ; không còn kiêu mạn.

Nói về bố thí, chúng ta liền nghĩ đến tài thí, pháp thí và vô úy thí. **Tài thí** là lấy tiền của đem ra cho. Tài thí gồm có nội tài và ngoại tài. Ngoại tài là đem tiền của cho người ta. Nội tài là đem thân để làm giúp công chuyện. **Pháp thí** là giảng dạy giáo pháp cho mọi người. **Vô úy thí** là ban cho người ta những điều không lo sợ. Tài thí, Pháp thí và Vô úy thí dễ làm, vì thuộc về bên ngoài, còn tham sân si trong lòng. Chỉ có buông xả vọng tưởng nội tâm mới gọi là buông xả, mới gọi là Đại Bố Thí .

Người mê tu phước không tu đạo

Chỉ nói tu phước tưởng là đạo

Bố thí cúng dường phước vô biên

Trong tâm ba ác xưa nay tạo.

Nhưng theo *Đại thừa Kim Cang kinh luận* này là nói về Tánh Giác Biết. Tánh giác biết tức Phật Tánh thanh tịnh, buông xả nội tâm và buông xả vọng niệm. Buông xả trong tâm là tu tập trở về Tự Tánh thanh tịnh, chúng ta phải có đạo lực vững vàng mới có thể buông xả được, nếu buông xả được nội tâm thì gọi là Đại bố thí. Nhưng chúng ta có thể bỏ chồng con, bỏ của cải được, còn vọng tưởng sinh khởi thì không dừng lại được. Vì sao chúng ta bỏ ăn uống, bỏ của cải

được? Tại vì cái đó thuộc về hữu hình, dễ bỏ. Nhưng có thể thấy được thật tướng các pháp là vô tướng, là vô tánh, là hư giả, tâm không còn tham đắm thì rất là khó. Trong *kinh Tâm Địa Quán*, Đức Phật dạy:

“Năng thí, sở thí và vật thí

Ở trong ba đời không nắm bắt

Tôi nay an trú tối thắng tâm

Cúng dường hết thấy mười phương Phật”.

Bồ thí ở đây là buông xả vọng tưởng, không còn phân biệt, chấp trước, trở về Phật Tánh, để tâm được bình thản an nhiên, chứ không phải cho ra, thấy ra bên ngoài về những việc ta làm cho người khác mà phải thấy vào bên trong, tức thấy vọng tưởng hiện ra trong tâm và từ bỏ, xả bỏ nó, đó là Đại Bồ Thí. Bồ Thí Ba La Mật là thí mà không thấy thí: 1- Không thấy mình bố thí, 2- không thấy người nhận, 3- không thấy vật đem ra bố thí, gọi là Tam Luân Không Tịch. Khi Phật Tánh đã hiển lộ, chúng ta sẽ thấy được thật tướng các pháp, đó là lúc chúng ta an trú tâm tối thắng, bao la không bờ mé (Tánh Giác), đem cúng dường tất cả mười phương chư Phật.

Thật tướng các pháp là không có tướng, vì các pháp đều do duyên hợp, là giả danh, như huyễn hóa, thay đổi hình dạng liên tục thì không thể nào giữ được cái tướng đó còn mãi. Tình ái, dâm dục cũng vậy, là

những tình cảm nhất thời. Bởi vì, tình cảm con người đích thực chính là tình cảm trí huệ chứ không phải là tình ái.

Ngày xưa, có sáu thầy trò tu thiền định trên núi cao, bỗng có một con quỷ đến phá mỗi ngày. Nó có thần thông, hiện ra Đức Phật ôm bình bát đi khát thực, rồi ngồi dưới gốc cây bồ đề thuyết pháp, nó lại hiện bồ-tát Quán Âm... Khi thầy trò đang ngồi thiền thì chúng trỗi nhạc trời lên ồn tai nhức óc không tu được. Các đệ tử hỏi:

- Thưa thầy! Vì sao hôm nay Phật hiện ra, ngày mai Bồ-tát hiện ra, làm cho chúng con không tu được. Bây giờ phải làm thế nào?

Vị thầy đáp:

- Này các con! Không hề gì. Khi ma hiện ra thì con thấy là không, là giả. Nếu đúng là Đức Phật thì ngài đã tới đây rồi. Còn ma hiện thì lúc có, lúc không. Các con cứ xem như **không thật** và cứ an nhiên tịnh tọa, dù nó hiện ra cái gì.

Sau đó, Ma lại hiện mưa bão, gió thổi vù vù, phá rối không cho các thầy tu. Vị thầy lại bảo:

- Các con hãy lặng yên **quán không** .

Chẳng bao lâu, ma biến mất. Các vị đệ tử lại hỏi:

- Thưa thầy! Ma biến đâu mất rồi?

Thầy bảo:

- Chẳng có gì là lạ cả, khi nó hiện ra hình ảnh là có cảnh, cảnh thì mang hình dáng khoảng bao nhiêu, như Đức Phật cao bao nhiêu; còn gió thổi tiếng vù vù là nó hiện ra có âm thanh. Nếu các con tin nó là **CÓ** thật (thấy là có), thì các con đã đem cái **CÓ** để trị cái **CÓ**, như vậy, không thể trừ nó được, phải đem cái không (thấy là không) để trị cái có (có hình tướng) thì cái có mới mất được. Cái **CÓ** thì bị giới hạn, còn cái **KHÔNG** thì bao la . Vì vậy, Đức Phật bảo nên đem **cái không** để trị **cái có**, tức là phải mặc nhiên vậy .

2. Trì Giới Ba La Mật :

Trì là giữ gìn.

Giới là luật lệ, là ranh giới, là phép tắc, là khuôn mẫu. Nhờ giới mà chúng ta gạt bỏ ảo tưởng sai lầm, vì chúng ta nghĩ nó là đúng, rồi chạy theo. Chúng ta muốn thành Phật thì không được chạy theo những thứ hư ảo, phải sống chánh trực.

Chúng ta giữ giới để làm gì? Để làm cho thân tâm được thanh tịnh, Tâm chúng ta lúc nào cũng như con khỉ chuyền cành. Cho nên cần phải giữ giới để trong sạch các nghiệp. Nếu các nghiệp không được trong sạch thì mình bị quả báo, vay nợ, đòi nợ. Lại nữa, chúng ta giữ giới để dứt vòng luân hồi. Vì vậy, bậc BỒ-tát tu hành phải bỏ ảo giác mê lầm trước. Nếu một

vị Bồ-tát tu Lục Độ, đi cứu độ chúng sanh mà mang nhiều ảo giác thì có cứu độ được không? Do đó, Bồ-tát phải quán sáu pháp này. Nếu muốn cứu độ chúng sanh thì Bồ-tát không phải là người mang ảo giác mới được:

“Đi trong cõi mộng ta không mộng

Đứng giữa đất trời chẳng hướng trông

Ngồi đây soi bóng mình qua lại

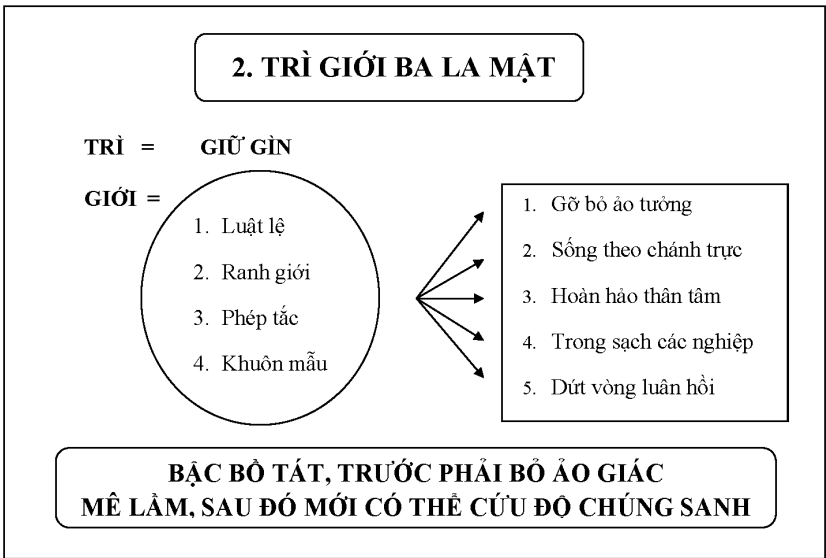
Đêm ngủ mơ màng luống Tánh Không.”

Ảo giác là gì? Là nhìn nhận mê lầm, không thật, giả có mà cho là thật có, không trường tồn mà cho là trường tồn...

Cũng như nhà ảo thuật, họ chỉ diễn trò ảo thuật thôi. Ảo giác cũng giống như ảo thuật. Cho nên, bậc Bồ-tát trước phải bỏ cái ảo giác, tuy sống trong cõi mộng nhưng các ngài không mộng, thấy rõ vạn pháp duyên sanh giả hợp, nên các ngài phát tâm cứu độ chúng sanh. Nếu chúng ta thật sự muốn cứu độ chúng sanh mà chưa buông xả ảo giác, chưa tháo gỡ được mê lầm thì làm sao hóa độ người khác hết mê lầm được. Vì vậy, trước tiên chúng ta phải bỏ mê lầm, bỏ dục vọng rồi mới dạy người khác bỏ được. Chúng ta muốn làm được điều này thì phải nương theo giới luật, sống trong phép tắc, có ranh giới để hoàn hảo chính mình trước, đạt được đời sống thanh tịnh, chánh

trực, không chạy theo ảo tưởng, không tạo nghiệp thì mới có thể cứu độ người. Cũng như chúng ta muốn cứu độ người đang bị chìm ngoài biển thì mình phải biết bơi.

Muốn giáo dục mọi người, phải có đầy đủ hai yếu tố là **thân giáo** và **khẩu giáo**. Khẩu giáo là lời nói đúng, thân giáo là thể hiện bằng hành động biểu lộ trong đời sống.



3. Nhẫn Nhục Ba La Mật :

Nhẫn là chịu đựng, nhẫn nại chờ đợi. Ba La Mật là rốt ráo. Muốn tu rốt ráo thì phải tu trong tâm mới rốt ráo được. Nhục là nhục nhã, khó khổ. Nghĩa là chúng ta phải an nhiên chịu đựng, chứ không phải đau khổ chịu đựng. An nhiên chịu đựng là chờ đợi cho đủ

duyên để cho nó trôi qua hoặc chờ đủ duyên cho nó thành tựu, điều này mới là quan trọng; phải an nhiên, không nôn nóng, vội vàng, chờ đợi duyên đến thì nó sẽ đến. Nên nhớ, trên đời này, không có cái gì đứng yên một chỗ cả, tất cả sẽ trôi qua.

Xưa kia, các vị tu sĩ luôn thực hành ba phương ngôn: **chờ đợi**, **suy tư** và **nhịn đói**. Các tu sĩ này sẵn sàng chịu đói mười ngày không sao cả, ngồi thiền định hai mươi ngày không ăn. Vì thế, Đức Phật dạy:

“Đức tu nhẫn nại vẹn toàn.

Nuốt điều cay đắng, nuôi phần tinh anh

Chông gai khéo tạo tâm thành

Xưa nay nguyện lớn hành trình gian nan”

Tu là phải nhẫn nại, mà nhẫn nại một cách vẹn toàn, không nóng nảy. Điều cay đắng, không nói ra, mà nuốt vào trong lòng để giữ cái đức tính tươi trẻ, vui vẻ, an nhiên tự tại.

Phần tinh anh là gì? Cái phần tinh anh là tâm thanh tịnh, là Phật tánh hiển lộ, hoàn toàn không xáo trộn, tâm bình an như mặt nước trong ly vậy.

Chông gai khéo tạo tâm thành tức là người càng đi trong chông gai, càng khổ cực nhiều thì tâm càng cứng rắn, không ai quật ngã được. Cho nên mọi người thường nói:

“Đất càng cứng cây càng vững chắc

Người gian nan chí vững như đồng “

Nhẫn nhục là đức tính rất quan trọng để thành công. Chúng ta học ngành gì cũng phải nhẫn nại, đến như làm việc, nuôi con, có chồng, có vợ đều phải nhẫn nại. Đó là một đức tính thật tốt đẹp.

Dù người đời hay tu sĩ; hoặc Bồ-tát cứu độ chúng sanh đều phải nhẫn nhục, nhẫn nhục là một lợi khí, không có nhẫn nhục sẽ thất bại. Đôi khi làm việc nghĩa mà còn bị người ta chửi, lúc đó thì mình cũng làm thinh. Đừng biểu lộ tài của mình ra nhiều, giấu bớt đi, cũng là nhẫn nại.

Đức Phật có rất nhiều hạnh nhưng do hạnh nhẫn nhục, khiến cho ngài kiên trì ngồi thiền định dưới cây bồ đề suốt bốn mươi chín ngày đêm cho đến khi thành Phật. Và suốt cuộc đời hành đạo, trải qua tám mươi năm ngài gặp rất nhiều chướng ngại như: Đề Bà Đạt Đa xô đá, và bị ngoại đạo tìm đủ loại âm mưu thủ đoạn để phá hoại ngài. Vậy mà lúc nào ngài cũng nhẫn nại, từ bi, độ lượng.

Một hôm, có nhà vua thỉnh Phật và chúng Tăng về nước mình để cúng dường ba tháng an cư kiết hạ. Nhưng khi Phật và chúng Tăng về nước đó, gặp lúc có giặc đến, vua bèn chỉ huy binh lính đi dẹp giặc, nên quên mất chuyện cúng dường. Vì vậy, Đức Phật và

Tăng Đoàn phải dùng thóc của ngựa trong ba tháng.
Tôn giả Mục Kiền Liên thấy như vậy liền thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con dùng thần thông, đem hết Tăng đoàn qua nước khác ?

Đức Phật bảo:

- Nay Mục Kiền Liên! không được. Nhà vua thỉnh chúng ta về đây mà quên cúng dường thì thầy trò chúng ta dùng tạm thức ăn khác.

- Bạch Thế Tôn! Hay con dùng thần thông qua nước khác đem thức ăn về ?

- Nay Mục Kiền Liên! Không được.

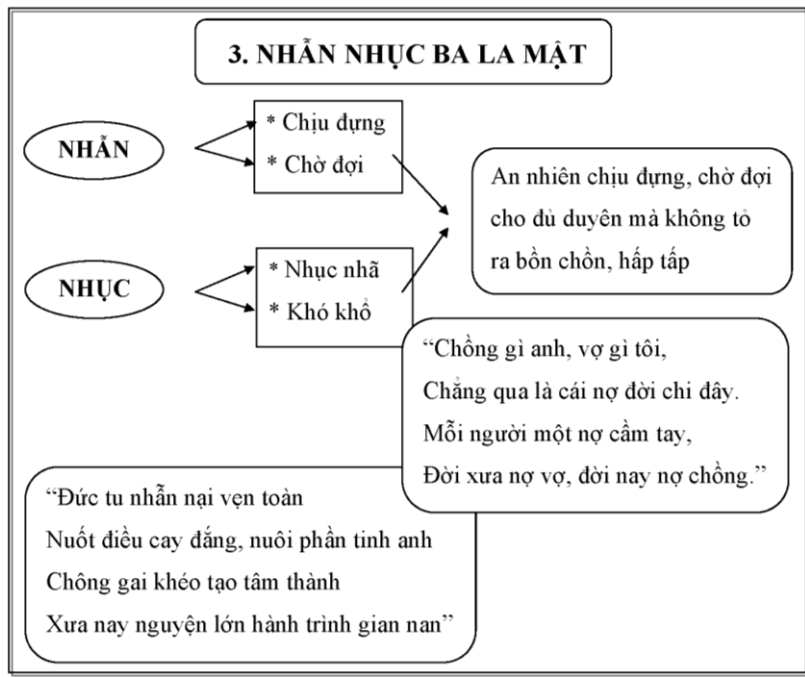
Đây là một bài học thân giáo về sự nhẫn nại của Đức Phật vô cùng sống động để cho chúng ta học tập theo. Bất cứ làm việc gì chúng ta cũng cần sự nhẫn nại, chịu thử thách theo thời gian, tất cả những điều không như ý rồi cũng qua đi. Như mùa đông rét trải qua mấy tháng, thì đến mùa xuân ấm áp. Nói về đức nhẫn nại, trong *Cổ Học Tinh Hoa* nói rất hay:

“Có khi nhẫn để yêu thương

Có khi nhẫn để liệu đường lo toan

Có khi nhẫn để vẹn toàn

Có khi nhẫn để đừng tàn hại nhau”.



4. Tinh Tấn Ba La Mật :

Tinh tấn ở đây, Đức Phật muốn nói về Tứ Chánh Cần (4 điều trong 37 Phẩm Trợ Đạo):

- 1- Điều lành chưa sanh thì tinh tấn làm cho sanh.
- 2- Điều lành đã sanh thì tinh tấn làm cho tăng thêm.
- 3- Điều ác chưa sanh thì tinh tấn không để nó sanh.
- 4- Điều ác đã sanh thì tinh tấn tiêu trừ nó liền.

Tinh tấn là động cơ thiết yếu để thành công, là một đức tính rất quan trọng.

Bồ-tát muốn cứu độ chúng sanh phải dùng nhiều phương tiện khéo léo, giống như con thuyền lướt trên sóng, sóng ập đến thì cố gắng lướt sóng mà đi, nếu không sẽ bị lật thuyền. Vì thế, bậc Cổ Đức dạy:

*“Trên đường đạo không gì bằng tinh tấn
Không gì bằng trí tuệ của đời ta
Sống đều linh trong kiếp sống Ta Bà
Chỉ tinh tấn là vượt qua tất cả”.*

TINH

=

* Tinh chuyên cần mẫn, không xen tạp

TẤN

=

* Tiến tới liên tục

1. ĐIỀU LÀNH CHƯA SANH → Tinh tấn làm cho phát sanh
2. ĐIỀU LÀNH ĐÃ SANH → Tinh tấn làm cho tăng thêm
3. ĐIỀU ÁC CHƯA SANH → Tinh tấn không để nó sanh
4. ĐIỀU ÁC ĐÃ SANH → Tinh tấn tiêu trừ nó liền

5.Thiền Định Ba La Mật :

Thiền định là trạng thái tĩnh lặng trong tâm, không dao động.

Thiền là khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần mà không bám theo suy luận gọi là thiền (bên ngoài). Tức

là khi chúng ta thấy hình ảnh nào đó, chỉ thấy thôi, chứ không suy luận. Chúng ta nghe, ngửi, nếm... cũng như vậy, không lưu giữ lại hình bóng nào; đó là tiếp xúc mà không dính mắc.

Định là trong tâm không có bóng dáng gọi là định (bên trong).

Có ba yếu tố chính khi tu thiền:

- **Thông hiểu giáo lý** về nhân sinh và vũ trụ. Tức là hiểu rõ con người do duyên hợp, thay đổi liên tục sanh, già, bệnh, chết... hình dáng luôn thay đổi, tâm tánh cũng thay đổi. Ngay cả vũ trụ đất đá, cây cỏ... cũng do duyên hợp, giả có.

- **Tập trung vào đối tượng duy nhất** là làm cho Tánh Giác Biết hiện ra, nhìn sự vật bằng cái tâm tĩnh lặng, thấy đúng bản chất thật tướng của các pháp (minh sát tuệ).

- **Tìm ra đường lối đúng**, là giữ vững thái độ ứng xử khi đối diện với các pháp, tức là biết các pháp do duyên hợp giả có, con người thay đổi, tâm tánh thay đổi... Biết vậy thì chúng ta tìm ra phương hướng thích hợp khi xử sự với chồng hay vợ mình, bà con mình... Nếu chúng ta tu thiền thì phải thân đầu tâm đó. Khi đi, đứng, nằm, ngồi đều biết mình đang đi, đứng, nằm, ngồi...

Thiền sư Tedo ở Nhật, lên núi cao tu thiền mười năm. Khi tự thấy nội tâm vững vàng rồi, thiền sư liền hạ sơn đến tìm thăm một thiền sư tên Nanen. Ông này rất giỏi nhưng không tu trên núi.

Khi thiền sư Tedo đến mở cửa tịnh thất vô thăm, thiền sư Nanen nói:

- Chào thiền sư Tedo! Khi ngài vô tịnh thất của tôi thì ngài bỏ cái dù bên trái hay bên phải đôi guốc của ngài vậy?

Thiền sư này không biết trả lời thế nào, vì khi đi vô ông để cây dù xuống mà không để ý là để bên nào. Thiền Sư Tedo tự thấy mình chưa đạt đạo, bèn xin ở lại tu với thiền sư Nanen một thời gian để học thêm về pháp tu tĩnh thức.

Thiền sư Tedo ở đó tu được hai năm. Một hôm, ông bung nước lên cho thiền sư Nanen. Thiền sư Nanen hỏi:

- Vừa rồi ông bung nước vào cho ta, khi vô tịnh thất ông bước chân phải trước hay chân trái trước?

Thiền sư Tedo không nhớ bước chân trái trước hay chân phải bước trước, tự thấy mình chưa đạt được lối sống thiền, ông nói:

- Thưa thầy! Cho con xin ở thêm hai năm nữa để con học đạo.

Khi đã ở thêm bốn năm, thiền sư Tedo biết mình luôn đi trong chánh niệm, biết mình bước chân nào trước và để dép bên phải hay bên trái. Một hôm, thiền sư liền lên chào thầy để đến vị thầy khác học thêm. Lúc lên tịnh thất, thiền sư đẩy cửa nghe cái rầm, liền nghĩ: “Vừa rời mình đẩy cửa mà mình không biết mình đang đẩy cửa, nên đã dùng sức quá mạnh; như vậy là chưa được”.

Thiền sư lại thưa:

- Bạch thầy! Con đẩy cửa mà không biết con đang đẩy cửa, gây nên âm thanh lớn do dùng sức quá độ. Xin Thầy cho phép con ở lại với thầy thêm hai năm nữa.

Bắt đầu từ đó, Thiền sư Nanen dạy ông cách ăn, uống, đi, đứng...trong chánh niệm suốt sáu năm trời như vậy. Sau đó, ông được thuần thục. Mỗi lần thiền sư Nanen hỏi cái gì thì ông trả lời được hết. Từ đó về sau, ông trở thành vị thiền sư nổi tiếng, thân đâu tâm đó (minh sát tuệ).

Xưa kia, một lần thuyết pháp ở trong chúng hội, Đức Phật dạy:

- Nay các tỳ-kheo! Nếu có người nào ngồi thiền mà chuyên chú như Ta thì trong bảy ngày sẽ thành Phật.

Có một vị tỳ-kheo trẻ nghe Đức Phật dạy như thế, liền thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ ngồi.

Vị Tỳ-kheo này bắt đầu ngồi thiền, nhưng khoảng năm phút thì thấy tâm chạy lung tung, hết nghĩ điều này đến nghĩ điều kia, không thiền định được, thầy liền bỏ và bắt đầu ngồi trở lại. Suốt một ngày, thầy cứ ngồi được năm phút thì vọng tưởng nổi lên, thầy đứng lên bỏ nữa rồi ngồi trở lại...

Qua ngày thứ hai, thứ ba cũng như vậy. Bảy ngày thành Phật mà ba ngày vọng tưởng sinh khởi không ngừng. Thầy tự nói: “Thật kỳ lạ cho cái tâm này, mà cứ chạy lung tung không chịu dừng lại à?”. Từ đó về sau, thầy mới biết tu bảy ngày thành Phật chẳng dễ tí nào. Chúng ta tu tập mà không hàng phục được tâm vọng tưởng thì mãi mãi vẫn là phàm phu. Vì thế, bậc Cổ đức dạy:

“Cột tâm lấy giới làm dây

Lắng tâm lấy định dựng xây đạo tràng

Rõ tâm lấy tuệ soi đường

Tâm không cảnh tịnh Niết Bàn an vui”.

Do đó, chúng ta niệm Phật, muốn Phật Di Đà phóng hào quang đến không dễ. Muốn đắc đạo thì phải chuyên tâm, khi ngồi biết mình đang ngồi, khi

khởi tâm vọng tưởng, biết trong tâm mình đang vọng tưởng thì vọng sẽ mất liền. Chỉ cần lấy Tánh Giác Biết ra để Biết thôi.

Trí huệ tức là Tánh Giác phá trừ vô minh phiền não, dứt hết mê lầm. Mê lầm tức là thấy mình và vạn vật thường còn mãi mãi. Chúng ta có trí huệ để làm gì? Để soi sáng sự vật, thấy rõ thật tướng các pháp. Người có trí huệ thì thể nhập chân lý, tâm cảnh nhất như, không thấy có bốn tướng (ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả), và biết một là tất cả, tất cả là một, là duyên hợp, duyên tan; biết các pháp trùng trùng duyên khởi, do nhiều món hợp lại thành một món và trong một cái đã ẩn chứa nhiều cái trong nó (**tất cả là một, một là tất cả**) ví dụ như nhìn một trái cà chua, ta thấy trong nó có ánh nắng mặt trời, có nước, có hơi ẩm, có phân bón, có đất, có không khí... Chúng ta muốn có trí huệ thì phải tu, thông hiểu giáo lý, tập trung vào Tánh Giác để khi đối diện với sự vật phải có thái độ như thế nào. Nếu chúng ta muốn đoạn trừ vô minh thì phải có Tánh Giác hiện ra.

TĨNH LẶNG KHÔNG DAO ĐỘNG TRONG TÂM

THIỆN

* Khi 6 căn tiếp xúc 6 trần không bám theo suy luận

ĐỊNH

* Không có bóng dáng trong tâm là Định

**3 BƯỚC
CĂN
YẾU
KHI
TU
THIỆN**

1. Thông hiểu giáo lý
 - * Nhân sinh
 - * Vũ trụ
2. Tập trung vào đối tượng duy nhất (Tánh Giác) nhìn sự vật bằng cái tâm tĩnh lặng thấy đúng bản chất thật tướng của nó (Minh Sát Tuệ)
3. Tìm ra đường lối đúng, giữ vững thái độ xử sự khi đối diện với các Pháp



CÂU HỎI SỐ 12: Thiện Tri Thức Hành Trì Như Thế Nào?

Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi hỏi:

- Kính Bạch Đức Thế Tôn! Bậc Thiện Tri Thức hành trì như thế nào?

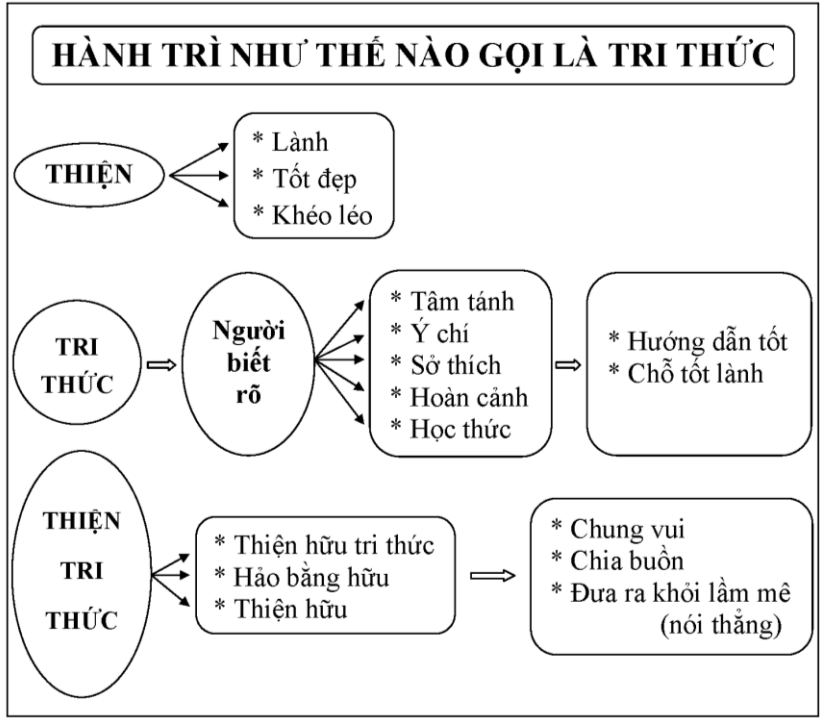
Đức Phật dạy:

- Nay Văn Thù Sư Lợi! Thiện Tri Thức tính tình phải hòa nhã, giới hạnh tinh nghiêm, không tham lam ganh tị, không tham đắm vật chất, thực hành bình đẳng, không có tâm thương ghét, thường dùng phương tiện độ người, tùy theo căn cơ của họ mà chỉ dạy, luôn đối xử tốt với mọi người, làm ơn không cần đáp trả, tu hành thanh tịnh, không sai phạm lỗi lầm, thuyết pháp, luận bàn nghĩa lý đều hợp ý kinh. Người đầy đủ những yếu tố như vậy, gọi là thiện Tri Thức.

Lại nữa, thiện tri thức phải có trí tuệ hơn người, đầy đủ phước đức, làm tất cả mọi việc, thông hiểu tất cả các pháp, làm gương mẫu cho trời người, làm rường cột cho ngôi nhà Phật pháp, kế thừa các Tổ sư, hướng dẫn mọi người tu hành, mở cửa chánh đạo, lấp đường tà ma, chấn hưng chánh pháp, đem ánh sáng trí tuệ của Đức Phật chiếu sáng muôn đời, dùng tâm ấn tâm, lưu truyền

mãi mãi; trí tuệ thâm sâu, diệu dụng, hạnh nguyện rộng lớn; đây là bậc thiện tri thức chân chánh.

GIẢNG :



Thiện tri thức là người biết rõ tâm tánh, ý chí, sở thích, hoàn cảnh, học thức của chúng ta. Họ có thể là bất cứ là người nào, có thể họ là bạn đồng tu, là thầy, là những người hỗ trợ cho chúng ta tu hành... Vì thế, chúng ta thường gần gũi họ để học đạo, tu tập. Nếu tu mà không có thiện tri thức thì con đường tu không vững chắc. Cho nên mọi người thường nói: “Ăn cơm

có canh, tu hành có bạn”. Đức Phật dạy, Thiện Tri Thức có hai bậc:

1. Bậc Thiện Tri Thức.
2. Bậc Đại Chân Chánh Thiện Tri Thức.

Câu hỏi là: **hành trì như thế nào** được gọi là thiện tri thức? Trước tiên, chúng ta nên hiểu thiện là gì? **Thiện** là lành, là tốt đẹp, là khéo léo. Khéo léo tức là có đủ năng lực làm cho người kia từ ác trở thành thiện, từ phạm phu trở thành Thánh. Nghĩa là tùy theo căn cơ mỗi người mà chúng ta hướng dẫn làm cho họ vui vẻ, sửa đổi được. Như vậy mới gọi là khéo léo.

Khéo còn gọi là **Thiện Thệ**. Như người đang gây tội lỗi mà chúng ta dùng phương tiện khéo léo hướng dẫn, đưa họ đến giác ngộ, Kinh Kim Cang gọi là thiện thệ. Thiện thệ cũng là một trong mười danh hiệu của Đức Phật Thích Ca: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật Thế Tôn.

Tri thức là gì? Là người biết rõ tâm tánh, ý chí của những người mà mình muốn giúp đỡ, biết sở thích, hoàn cảnh, học thức của người kia...tất cả những gì của họ, thiện tri thức này đều biết một cách rõ ràng. Vì vậy, khi hướng dẫn một người mà chúng

ta hiểu rõ về họ thì mới có thể hướng dẫn họ tỉ mỉ, tốt đẹp được .

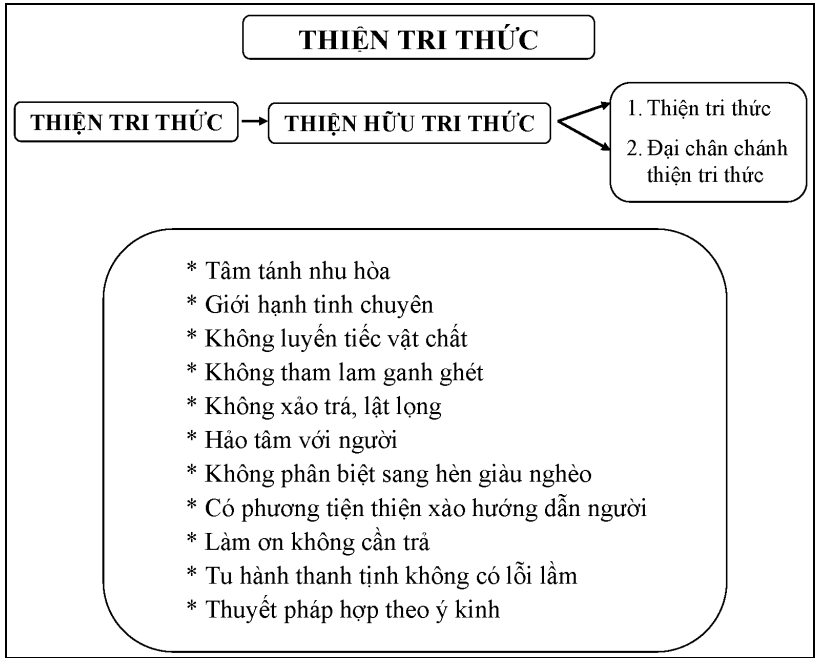
Thiện tri thức tức là **thiện hữu tri thức**. Hữu là bạn bè. Thông thường chúng ta có chuyện gì tâm sự, ta không nói với ba má, chị em của mình mà nói với người bạn của chúng ta; cho nên tình bạn rất quan trọng, chúng ta thành công hay thất bại đều do bạn. Vì vậy, Tục ngữ nói: “Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng”. Cho nên, chúng ta phải chọn bạn mà chơi. Khi người ta hỏi, anh chơi với ai, bạn của anh là ai. Khi biết được bạn của người đó là ai thì chúng ta biết người đó là ai rồi. Thánh nhân dạy: “Không biết anh là ai, tôi chỉ cần biết bạn thân của anh là ai thì tôi biết anh là ai”.

Thiện hữu tri thức là bạn lành. Hiểu được chúng ta là bạn tri kỷ. Bạn tri kỷ này khó tìm được ở trên đời. Nếu chúng ta có phước, có tu thì gặp, nhiều người suốt cuộc đời không bao giờ gặp bạn tri kỷ được. Bạn tri kỷ là người hiểu rõ chúng ta tường tận. Cũng như đôi bạn tri kỷ Bá Nha và Chung Tử Kỳ ở Trung Quốc, khi Bá Nha chết rồi thì Chung Tử Kỳ đập cây đàn

“Triệu người quen có mấy người thân

Đến khi liạ trần có mấy người đưa”.

Vũ Thành An



Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi nói: “Muốn học với Bậc Thiện Tri Thức thì đừng tìm khuyết điểm của họ mà phải thấy được tài năng, sở trường của họ để học”. nếu chúng ta tìm khuyết điểm của họ, rồi chê bai thì mình không học được điều gì cả .

Bậc thiện tri thức thấy được Phật Tánh tức là Tánh Giác Biết bình đẳng trong chúng sanh. Ai cũng như ai, người sang hèn, giàu nghèo, cao thấp đều như nhau, cùng giống nhau trên Tánh Giác Biết, cho nên không có sự phân biệt. Chỉ nhìn trên hoàn cảnh của họ để giúp đỡ mà thôi.

Bậc thiện tri thức thuyết pháp lúc nào cũng hợp theo ý kinh.

Đại Chân Chánh Thiện Tri Thức có trí huệ hơn người, phước đức xuất chúng, không việc gì mà không biết. Trí huệ này thuộc về tâm linh, thuộc về đạo lực.

Phước đức xuất chúng tức là người có phước đức hơn người. Đạo Lực của họ thể hiện qua lời nói, việc làm, cách sống của người đó. Đời sống của vị này rất thanh tịnh, làm việc gì cũng tốt lành. Họ làm gương mẫu cho cõi trời, cõi người, chỉ dạy mọi người hiểu biết đúng. Bậc Đại Thiện Tri Thức còn làm rường cột trong Phật pháp, gọi là bậc Pháp khí, giữ gìn đạo lý, kinh điển, giới luật của Phật truyền, không để hoại mất. Chúng ta tu là phải giữ gìn giới luật, khép mình tòng chúng, có oai nghi tế hạnh. Tu sĩ phải mặc áo tu, bác sĩ mặc áo bác sĩ. Mỗi giới đều hiện ra nét riêng biệt. Người xuất gia là để cầu thành Phật, không phải muốn xuất gia vào chùa để cầu cơm ăn áo mặc, để có cuộc sống an nhàn, phải có tâm nguyện xuất gia để cầu thành Phật, để truyền bá Chánh Pháp mà thôi .

Theo Giới Luật trong Phật giáo, người phạm tội phải ra giữa chúng phát lồ sám hối. Nếu y theo giới luật thấy đã phạm trọng tội, **chưa tác pháp sám hối** thì người đó không được sinh hoạt chung trong Đại Chúng, tức là mọi người trong chúng không được nói

chuyện, ăn cơm chung, ngồi thiền chung, tụng kinh chung với người phạm tội; đây là tội biệt chúng, có định thời gian cho phép sám hối. Nếu tái phạm, bị thi hành luật biệt chúng đến lần thứ ba thì đuổi ra khỏi thiền môn. Nửa tháng nhóm chúng một lần, đọc giới luật ra, ai phạm thì phải sám hối.

Người làm lãnh tụ trong thiền môn là người hướng dẫn trong Tăng đoàn.

Quốc có quốc pháp,

Gia có gia quy,

Thiền môn có luật của thiền môn,

Làm nền tảng cho con đường hướng thượng.

Mở cửa chánh pháp là truyền bá, giảng đạo cho người, chánh pháp đang nằm trong lòng người tu sĩ. Tình thương yêu, hỷ xả, sáng suốt...người tu sĩ cần nên có và phải mở rộng lòng, phát nguyện hoằng dương chánh pháp. Cư sĩ tại gia đi học đạo, phải được mở mang trí huệ và hộ trì Tam bảo.

Nói **dùng tâm ấn tâm** tức là vị thầy truyền những điều hiểu biết của mình cho người đệ tử. Thầy trò cùng hiểu như nhau. Tâm của thầy cũng giống như tâm của trò (như con dấu đóng xuống, gọi là Tâm Ấn), giống nhau ở Tánh Giác hiển lộ. Khi vị thầy thấy được đạo rồi, nhìn qua người đệ tử liền biết họ có đang hiển lộ Tánh Giác Biết hay không. Ông Thầy chỉ

cần hỏi một câu là biết người đệ tử có đang an trụ Phật Tánh hay không.

Giáo thọ thiện tri thức là bậc thầy giáo hóa, ban cho đệ tử giới thân huệ mạng (đăng đàn truyền giới), ban giới luật và dạy oai nghi tế hạnh. Các thầy còn phải hết lòng phụng sự đạo pháp, làm các Phật sự nặng nhọc, truyền bá Phật pháp, chỉ dạy mọi người tu học, làm bậc thầy mô phạm ở đời:

“Kính lạy Tăng người thừa chí cả

Thay Phật Đà truyền bá đạo màu

Tùy duyên hóa độ vô cầu

Làm thầy mô phạm dẫn đầu chúng sinh”.

Khi chúng ta đến học với thiện tri thức, phải bỏ hết cố chấp và định kiến. Nếu chúng ta ở chung với mọi người mà thường dòm ngó, soi xét họ thì không thể nào sống chung được. Nếu cố chấp rằng người đó phải có danh, phải là Hòa thượng, phải là Sư bà...Người đó phải thế này, thế nọ...Người đó phải học cao, có bằng cấp, học thức rộng...Người đó phải tốt hoàn toàn, phải tu ở chùa to, Phật lớn, danh thơm, tiếng tốt, ta chỉ thích nghe kinh với những thầy nổi tiếng...Nếu chúng ta chấp như vậy thì học đạo không bao giờ thành tựu được. Trong *kinh Hoa Nghiêm* nói Thiện Tài đồng tử đi cầu Đạo, ông học từ trưởng giả, vua, dân nữ, đồng nữ cho đến học với thiện tri thức,

mỗi vị chỉ dạy kinh nghiệm riêng của mình cho Thiện Tài. Chúng ta phải biết chọn ưu điểm của vị Thầy để học, không nên để ý khuyết điểm của họ, lại còn phải khiêm cung, tin tưởng, nhẫn nại, chánh trực, không xảo trá, lật lọng, phản bội thầy. Vì thế, lục tổ Huệ Năng dạy:

***“Nếu người thật tu đạo
Không thấy lỗi thế gian”.***

Người học đạo phải đem sở tri của mình chuyển thành sở hành ngay khi học, nghĩa là thiện tri thức dạy điều gì, mình phải thực hành ngay. Họ dạy cho chúng ta là muốn ta thực hành liền, vì Đạo Phật là Đạo thực hành. Chúng ta học Đạo, phải có đủ Văn, Tư, Tu thực hành cùng lúc, tức phải **nghe, tư duy** hiểu rõ, rồi **thực hành**, thể nhập giáo pháp, làm thành chất liệu ngay trong đời sống của chúng ta.

Trong *kinh Hoa nghiêm*, bồ-tát Văn Thù Sư Lợi dạy Thiện Tài đồng tử: “Khi đến học với thiện tri thức, thì ông nên cung kính hết mình, chứ không phải đến đó rồi xem thường họ. Họ dạy điều gì, ông liền thực hành để biến thành chất liệu của ông. Cho nên, khi gặp thiện tri thức thứ nhất, Thiện Tài Đồng Tử đã tăng lên một bậc đạo lực; gặp thiện tri thức thứ hai, ông càng tăng thêm đạo lực. Vừa học vừa tu chứ

không phải đi cầu học vài năm rồi về, sau đó mới tu là sai.”

Nghĩa là Bồ-tát dạy chúng ta đến gặp thiện tri thức để học điều hay của họ, không nên dòm ngó, so sánh họ học lực không bằng mình, hay không bằng vị thiện tri thức khác...

Ngài Văn Thù Sư Lợi dạy: hãy bỏ qua tất cả những thành kiến phân tích, phê phán của mình. Mỗi vị thiện tri thức khi dạy Thiện Tài Đồng Tử một pháp môn tu cao tột của họ xong, liền giới thiệu qua vị thiện tri thức khác, mỗi vị chỉ dạy có một môn tối thắng của họ mà thôi.

Đức Phật dạy, tất cả những điều cố chấp, thành kiến của mình không có lợi gì cho sự phát triển trí huệ. Chúng ta nghe, rồi thực hành, đừng có phê phán đúng sai phải quấy cao thấp sang hèn chi cả.

Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi nói, “ông phải chú ý đến sự thực hành và đức hạnh của bậc thiện tri thức, thấy được sự vĩ đại trong họ, rồi sinh tâm kính phục và học hỏi, thực hành theo”.

Người tu hành phải phát khởi thiện căn. Từ Thiện Căn sẽ sanh ra phước đức và nhân duyên.

Như Thiện Tài Đồng Tử phát tâm tu Bồ-tát đạo (tức là có Thiện Căn), tìm học thiện tri thức để tự mình thực hành Bồ-tát đạo. Khi phát tâm hành Bồ-tát

(có phước đức), gặp bồ-tát Văn Thù Sư Lợi, được bậc đại thiện tri thức hướng dẫn. (Nhân Duyên).

Phước đức, nhân duyên là do phát cái tâm chí thành từ cái thiện tâm của mình. Người tu hành mà có đủ phước đức, nhân duyên thì đời sống của họ đầy đủ cơm ăn, áo mặc, Thầy tốt, bạn lành.

“Muốn tu đừng có sợ nghèo

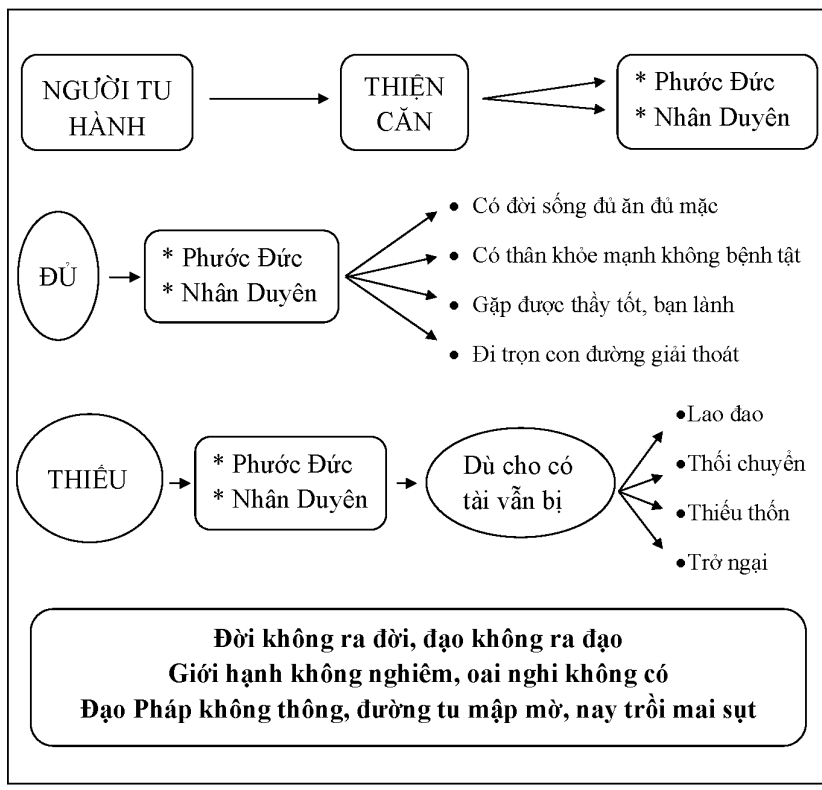
Muốn thành Phật chớ nên đeo lòng tà.”

Chúng ta đừng có sợ nghèo, cứ phát tâm Bồ đề đi, tự nhiên mình sẽ được đầy đủ. Người ta nói: “Của mình ăn thì nó hết ngày nay, của mình để dành thì bị bỏ lại, của mình đem bố thí thì nó sẽ theo mình đến đời sau”.

Người có phước đức, nhân duyên thì có thân thể khỏe mạnh, gặp được thầy tốt, bạn lành, đi trọn con đường giải thoát. Nếu thiếu phước đức nhân duyên thì dù có tài vẫn bị lao đao, thoái chuyển tâm Bồ đề, chịu nhiều thiếu thốn, trở ngại. Ở đời rất nhiều người có tài, nhưng không có đức, họ trở thành người ác, có đức mà không có tài là người quê, cũng chẳng làm được gì; cho nên, có tài là phải có đức.

Những người không có đức, tu hành chẳng ra gì, tu không ra tu, đời không ra đời, đạo không ra đạo. Những người này giới hạnh không nghiêm, oai nghi

không có, đạo pháp không thông, đường tu mập mờ, nay trời mai sứt.



ĐẠI CHƠN CHÁNH THIỆN TRI THỨC

- * Trí huệ hơn người
- * Phước đức xuất chúng
- * Làm việc gì cũng lành
- * Thông thạo mọi việc
- * Làm tai mắt cho Trời, người (chỉ chỗ thấy biết đúng)
- * Làm rường cột trong Phật Pháp (bậc pháp khí) → giữ gìn đạo lý
- * Giữ quyền hành của Phật Tổ (luật lệ)
- * Làm lãnh tụ của Pháp môn (hướng dẫn Tăng Đoàn)
- * Mở cửa chánh đạo
- * Lấp đường tà ma
- * Hoàng dương chánh Pháp



CÂU HỎI SỐ 13: Tu Phước Gì Được Lên Trời?

Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi hỏi:

- Kính Bạch Đức Thế Tôn! Người tu phước nghiệp gì được sinh lên cõi trời?

Đức Phật dạy:

- Nay Văn Thù Sư Lợi! Nếu có người nào tin nhân quả, quy y Tam bảo, giữ năm giới, tu mười điều thiện, phụng thờ cha mẹ, không sinh hoạt tình dục với người khác ngoài vợ chồng, thường thực hành theo chánh đạo, cúng dường Tam bảo, xây cất chùa tháp, đọc tụng kinh điển Đại thừa, vẽ khắc tượng Phật, làm việc lành, không làm điều ác, được phước đức rộng lớn thì người này sau khi mạng chung được sinh lên cõi trời Ba Mươi Ba, thụ hưởng phước trời, vui say năm dục, muốn ăn có ăn, muốn mặc có mặc, tất cả mọi vật dụng đều biến hóa tự nhiên, không cần dùng sức để làm ra. Một ngày ở cõi trời bằng một trăm năm ở nhân gian, làm chư thiên có đầy đủ năm thứ thần thông, sống an lạc tự tại.

GIẢNG :

TU PHƯỚC NGHIỆP GÌ ĐƯỢC SANH LÊN CỖ TRỜI?

ĐỨC PHẬT ĐÁP

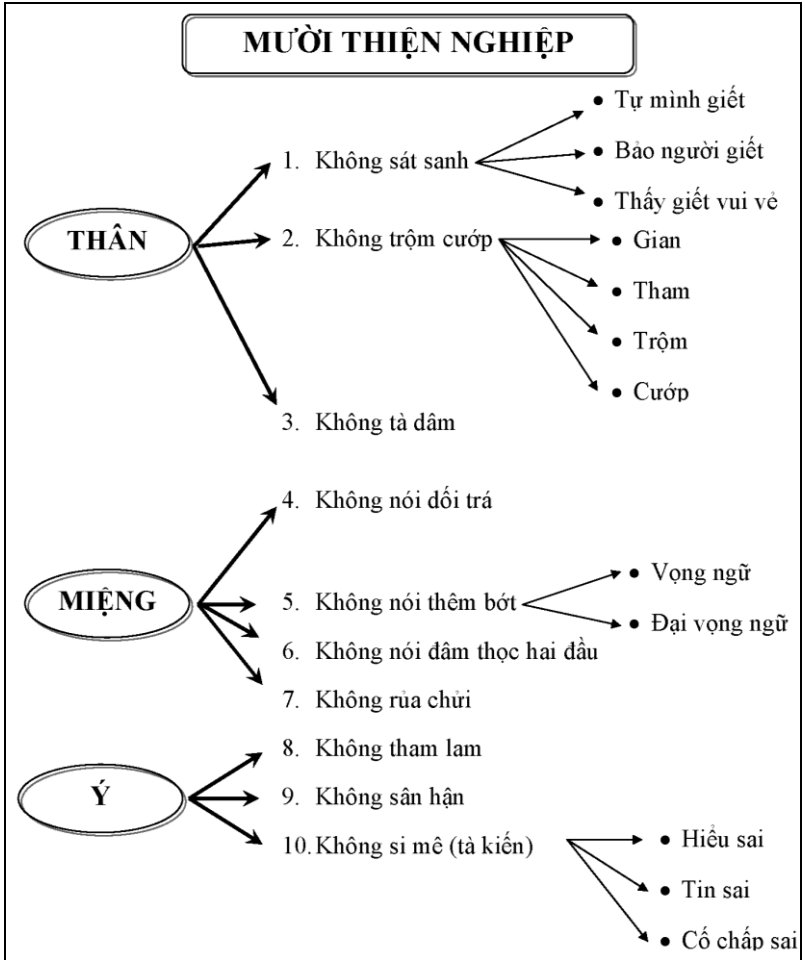
- Quy y Tam Bảo, giữ 10 giới về thân, miệng, ý
- Tin sâu nhân quả
- Tu 10 thiện nghiệp
- Phụng thờ cha mẹ, thầy tổ
- Đoạn tuyệt tà dâm
- Học hiểu giáo lý và thực hành
- Không giết sanh mạng
- Không ăn thịt chúng sanh (ăn chay trường)
- Hiểu biết chân chánh
- Quan niệm chân chánh

Chúng ta quy y Phật là làm đệ tử Đức Phật. Quy y Pháp là nương theo chánh pháp của Phật để áp dụng vào đời sống của mình. Quy y Tăng là nương thầy lành (Hiền Thánh Tăng, A La Hán ra khỏi Thế Gian), bạn tốt, không theo bạn xấu, thầy tà.

Người đoạn tuyệt tà dâm được lên tầng trời ba mươi ba thuộc sáu tầng trời cõi dục, (6 cõi trời dục còn thuộc Dục Giới). Ở cõi này chỉ sống một vợ, một

chồng. Nhưng sinh lên cõi trời Sắc giới là đoạn tuyệt
dâm dục.

Tiên ở cõi trời không giết sanh mạng. Nếu chúng
ta giết sanh mạng thì phải ở cõi Ta Bà này để trả nợ
máu xương.



Thập thiện nghiệp: Là mười điều lành của thân, miệng, ý.

Thân: (có 3)

- Không sát sanh: Tự mình không giết, không bảo người giết, thấy người giết không vui theo.

- Không trộm cắp: Không gian, tham, trộm, cướp.

- Không tà dâm: Chỉ có một vợ, một chồng sống với nhau mà thôi

Miệng: (có 4)

- Không nói dối trá: Không vọng ngữ (chuyện không nói có, chuyện có nói không); không đại vọng ngữ (chưa chứng nói đã chứng)

- Không nói thêm bớt.

- Không nói đâm thọc hai đầu.

- Không chửi rủa.

Ý: (có 3)

- Không tham lam.

- Không sân giận.

- Không si mê.

Người tu mười điều thiện này sẽ được sanh lên cõi trời.

Trong kinh thường ghi là tham, sân, si, nhưng đúng hơn, phải nói là: si, tham, sân. Vì thấy sai (Si), hiểu sai nên tham (Tham), tham không được nên sân giận (Sân).

Đức Phật dạy: “Người tu giữ mười điều thiện, sau khi mạng chung được sinh lên cõi trời Ba Mươi Ba, thụ hưởng phước trời, vui say năm dục, muốn ăn có ăn, muốn mặc có mặc, tất cả mọi vật dụng đều biến hóa tự nhiên đầy đủ, không cần dùng sức người để làm ra”.

Cõi trời Ba Mươi Ba ở đâu? Từ cõi Ta Bà lên tầng trời này có sáu tầng trời cõi Dục. Đến nữa là hai mươi hai tầng Trời Cõi Sắc. Lên trên nữa là bốn tầng Trời Vô Sắc. Từ dưới tính lên gồm: trời Tứ Thiên Vương, trời Đao Lợi, trời Dạ Ma, trời Đâu Suất, trời Hóa Lạc, trời Tha Hóa Tự Tại. (Đây là sáu tầng Trời Cõi Dục)

Phu nhân Ma Da sau khi qua đời được sanh lên cõi trời Đao Lợi. Sau khi Đức Phật Thích Ca thành Phật, ngài liền lên cõi trời này để giảng *kinh Địa Tạng* cho phu nhân nghe. Hiện nay, bồ-tát Di Lạc ở cõi trời Đâu Suất chưa giáng sanh. Một ngày ở cõi trời Đao lợi bằng một trăm năm ở thế gian.

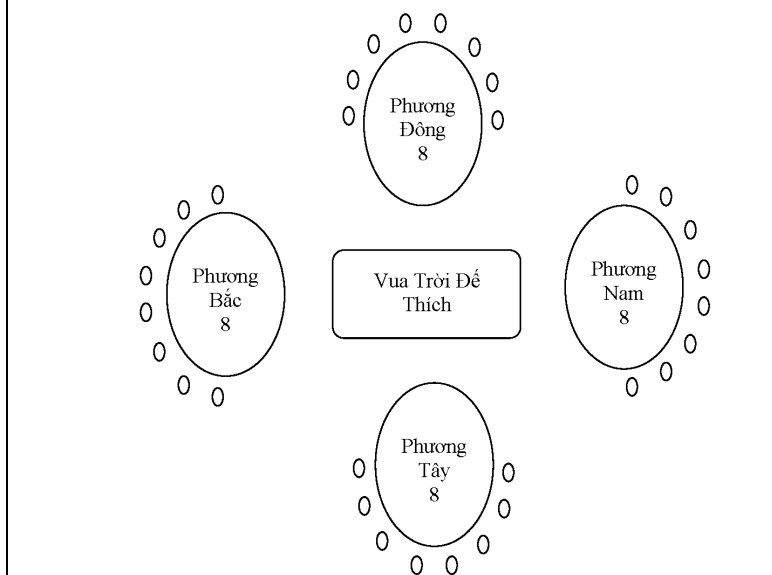
33 CÔI TRỜI



33 CÔI TIÊN Ở ĐAO LỢI THIÊN DO TRỜI ĐẾ THÍCH CAI QUẢN

ĐAO LỢI THIÊN CÓ 33 CÔI

- * Mỗi phương có 8 côi Trời
- * Côi giữa tên là Hỷ Kiến Thành có Vua Trời Đế Thích ngự



Côi trời Dao lợi ở tầng thứ hai này có ba mươi ba côi tiên.

Ba mươi ba côi tiên ở Dao lợi do Đế Thích cai quản. Trời Đế Thích thường hộ pháp cho Phật Thích Ca, còn Đại Phạm thiên là vua trời côi Sắc.

Ở côi trời Dao lợi, vua Đế Thích ở chính giữa, đó là côi thứ Ba Mươi Ba. Côi trời này có ba mươi hai

cõi ở chung quanh; phương đông, phương nam, phương tây, phương bắc, mỗi phương có tám cõi trời.

Cõi ở giữa tên là thành Hỷ Kiến có vua Đê Thích ngự. Người nào tu thập thiện thì được sanh lên cõi này, muốn ăn có ăn, muốn mặc có mặc, sống một ngày ở cõi trời bằng một trăm năm thế gian.

Lại nữa, này Văn Thù Sư Lợi! Thế gian có rất nhiều tà sư ngoại đạo không biết thiện ác, nhân quả, chẳng hiểu luân hồi báo ứng. Họ làm việc nông cuồng, điên đảo, tin theo tà kiến, tôn thờ quỷ thần, tuân theo ma quỷ chỉ bày, mê hoặc mọi người, giết hại vô số heo, dê, trâu, ngựa; tự mình thích ăn thịt nên họ giết hại vô số chúng sinh, lại nói dối là giết để tế trời đất, cúng quỷ thần, cầu phước, cầu sống lâu, mong thần bảo hộ nhà cửa, thân mạng; chúng lấy có dưng cúng cho thần để chiêm chĩa của người. Bọn chúng lại bày vẽ bùa, niệm chú, lừa đảo mọi người, nói rằng bùa chú có công năng đưa người lên cõi trời, mục đích của bọn chúng vì tham tài sản của mọi người, dùng thủ đoạn lừa đảo. Nếu như giết mạng người cứu được mạng người thì các vua quan sống mãi không chết; còn nếu vẽ bùa, đọc chú hộ trì cho mọi người thì bọn tà sư nhất định sinh lên cõi trời hết rồi. Nếu như mọi người mê muội tin theo họ thì sẽ cùng

**nhau xuống địa ngục; một khi mất thân người thì
muôn kiếp khó trở lại.**

Đoạn này nói về quả báo của ác nghiệp.

Sát sanh: Người ăn thịt chúng sanh nhiều quá thì bệnh tật nhiều, bị chết yểu. Nhưng người này biết phóng sanh thì sẽ hết bệnh. (Không giết sanh mạng nữa)

Bị nạn đao kiếm: Chúng ta đánh giết người thì bị người đánh giết lại.

Kẻ trộm cướp sẽ bị quả báo nghèo đói khổ sở, bị giựt nợ, bị nhiều nạn hao tài, tức là làm bao nhiêu bị người ta giựt hết, có tiền có của nhưng bị vua tịch thu tài sản, bị giựt cướp lấy, bị nước cuốn trôi, bị lửa cháy, bị con hư phá...

Kẻ tà dâm sẽ bị quả báo tình duyên tan vỡ, người tình phản bội, sống kiếp cô đơn.

Kẻ xảo trá lật lọng sẽ bị quả báo gặp người lừa dối, bị tai nạn, làm ăn thất bại.

Ý tham lam sẽ bị quả báo đọa vào ngục quỷ, sân hận bị đọa vào địa ngục, ngu si bị đọa vào súc sanh. Trong *kinh Pháp Cú*, Đức Phật dạy:

“Nếu người làm điều ác

Chớ tiếp tục làm thêm.

Chớ ước muốn điều ác,

Chứa ác, ắt chịu khổ”. (117)

Đức Phật dạy: “Người cầu phước không gì hơn là lo giữ gìn trai giới, cầu sống lâu không gì hơn là không sát sinh mà phóng sinh, cầu huệ cần phải học rộng nghe nhiều Chánh Pháp, cầu an vui tốt nhất là không nói chuyện thị phi phải quấy. Cho nên, người cầu chánh đạo, không nên tin theo tà ma; người muốn thoát khỏi luân hồi thì không nên xem thường nhân quả. Tội phước báo ứng như bóng không rời hình; tà chánh, khổ vui hai đường không giống nhau”.

Đoạn này, Đức Phật dạy về mười giới căn bản của Tỳ kheo và giới căn bản của Bồ-tát.

Một hôm, Đức Phật bảo ngài Xá Lợi Phất dạy luật cho một vị Tỳ-kheo mới vào Đạo. Giới bốn của Tỳ-kheo gồm có: pháp Ba La Di, pháp Tăng Tàn, pháp Xả đạo...tổng cộng hai trăm năm mươi giới.

Khi nghe lược qua 250 giới xong, vị Tỳ-kheo này thấy nhiều quá, nhớ không hết, tu không nổi. Thầy ở trong chúng tu được khoảng một tháng, liền vào xin tôn giả Xá Lợi Phất cho Thầy xả giới hoàn tục trở về nhà. Tôn giả bảo: “Khi ông vô tu thì ông xin Đức Phật, nay ông muốn trở về thì cũng nên vào thưa với Ngài một tiếng chứ”.

Ông đến xin Phật. Ngài hỏi:

- Này Tỳ-kheo! Vì sao con không muốn tu?

Ông thưa:

- Bạch Thế Tôn! Vì giữ giới nhiều quá, con giữ không nổi. Thà con về cưới vợ, lo cho vợ con, ở tại gia mà con biết bố thí cúng dường là được rồi.

- Xá Lợi Phất truyền giới cho con nhiều quá phải không. Thôi con ở lại tu đi, Ta chỉ truyền cho con ba giới, con giữ được không?

- Bạch Thế Tôn! Nếu giữ có ba giới thì con xin ở lại tu.

- Này tỳ-kheo! Giữ ba giới của thân, miệng, ý thôi.

Nếu người học ba giới này, rồi giảng chi tiết ra thì không ngoài hai trăm năm mươi giới của tỳ-kheo.



CÂU HỎI SỐ 14: Thế Nào Gọi Là Lục Sư Ngoại Đạo?

Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi hỏi:

- Kính Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao gọi là Lục Sư Ngoại Đạo?

Đức Phật dạy:

- Nay Văn Thù Sư Lợi! Sau khi Như Lai nhập diệt, có rất nhiều Ma Ba Tuần xâm nhập Phật pháp, trà trộn vào chùa, tự xưng là đệ tử của Ta. Bọn chúng đến nhà đàn việt ăn thịt uống rượu gây nên tiếng xấu, ảnh hưởng sự thanh tịnh của chúng Tăng; đây là hạng ngoại đạo thứ nhất.

Lại có những kẻ đem vợ con vào chùa, họ học thuộc giáo tướng Du-già, tự xưng là đệ tử của Ta mà vẫn uống rượu, ăn thịt, cũng đi tụng kinh cầu an, cầu siêu cho mọi người, nửa tăng, nửa tục; đây là hạng ngoại đạo thứ hai.

Lại có những kẻ tà ma, trên không được thầy truyền, dưới không có người chứng minh, bị ma quỷ ám ảnh, hiểu biết không đúng, lại cho mình là người thông minh, không chịu tinh tấn tu hành, lại tự xưng mình chứng đạo, bên ngoài như tu theo Phật pháp mà bên trong thực hành tà ma, mê hoặc

người đời, đưa họ vào đường tà, triệt tiêu hạt giống Phật; đây là hang ngoại đạo thứ ba.

Lại có kẻ chạy theo danh lợi, tụng vẽ bùa chú, sai khiến quỷ thần, lừa gạt người đời, bành trướng ác kiến để tiêu diệt chánh kiến của Ta; đây là hang ngoại đạo thứ tư.

Lại có kẻ luôn tin điều tốt xấu, học cách xem quẻ, luận bàn lành dữ, coi bói xem tướng, báo trước cho mọi người những điều họa phước, lừa đảo kiếm tiền, làm cho chánh pháp bị suy vong; đây là hang ngoại đạo thứ năm.

Lại có những kẻ cải trang bề ngoài, đầu óc trống rỗng, vô tài bất tướng, tu hành cho có, chưa chứng mà nói đã chứng, chưa ngộ mà nói đã ngộ, học được vài câu tự cho mình thông suốt tất cả giáo lí, không chịu ăn uống đạm bạc, thích ăn thịt cá, giữ gìn tà giới, lừa gạt người kém hiểu biết, không chịu nghiên cứu kinh điển, không tu phước huệ, không tụng kinh, ngồi thiền, không chịu tìm thầy, xuất gia học đạo, truyền trao giới pháp, lại dám cả gan tự mặc áo tu sĩ, nói mình giống Phật, lừa gạt những người cả tin, đưa họ vào đường mê, đoạn mất căn lành, tiêu diệt hạt giống trí tuệ; chỉ biết cố chấp, ngu si, ngoan cố; đây là hang ngoại đạo thứ sáu.

Bọn lục sư ngoại đạo này, vào đời mạt pháp trà trộn trong hàng Tăng chúng của Ta, phá hoại chùa chiền, hủy báng chánh pháp. Vì thế, các ông Bồ-tát Đại thừa phải đem hết nguyện lực, đầy đủ uy đức, nơi nào đủ duyên thì ứng thân, hoặc làm vua, làm quan, làm trưởng giả, làm đàn việt; mỗi người ở một phương để diệt trừ tà đạo, giữ gìn chánh pháp, không cho bọn tà đạo ngang nhiên quấy phá. Người nào thực hành đúng lời Ta dạy, mới là đệ tử của Ta; còn nếu kẻ nào thuận theo bọn tà ma thì là Ma Ba Tuần, cùng hủy báng chánh pháp, sẽ cùng nhau đọa vào địa ngục A-tỳ nhanh như tên bắn; khi mất thân người thì muôn kiếp khó mà trở lại được.

GIẢNG :

Bồ-tát Văn thù Sư Lợi hỏi :

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là ngoại đạo?

Đức Phật dạy:

- Văn thù Sư Lợi! Trong thời mạt pháp có Ma Ba Tuần khiến những người tu hành làm những điều sai quấy.

Đoạn này, Đức Phật chia ra làm sáu hạng ngoại đạo, gọi là Lục Sư Ngoại Đạo.

THỂ NÀO GỌI LÀ LỤC SƯ NGOẠI ĐẠO

* Sáu loại người tu sĩ thực hành sai chánh Pháp

* Ma Ba Tuần = ma vương ở cõi trời tha hóa tự tại tên là Ba Tuần

* **Ma sự:**

Những việc làm

- Xa lìa những pháp lành
- Bị lòng ham muốn lôi cuốn
- Thích lục trần ngũ dục
- Bị ma chướng ám ảnh

**“Ma dẫn lối, quỷ đưa đường
Thích tìm những chốn đoạn trường mà đi”**

Lục sư là sáu hạng người tu. Người tu hành có sáu hạng phá hoại, hủy báng chánh pháp của Phật nên Đức Phật gọi là Lục Sư Ngoại Đạo. Nếu chúng ta nhìn thấy người tu mà cho rằng “Người tu hành nào cũng vậy” là không đúng. Vì thế, Phật tử phải học giáo lý để có trí huệ, nếu sau này hàng cư sĩ tại gia hiểu rõ điều này, không cho ngoại đạo dựa vào trong pháp của Phật quấy phá; chúng ta không tin họ, cũng không theo họ. Nên nhớ, sáu loại người cạo đầu làm tu sĩ mà thực hành sai chánh pháp, đó là lục sư ngoại đạo.

Đức Phật dạy, ma Ba Tuần sau này dựa vào hàng đệ tử của ta, hủy hoại chánh pháp của ta, khiến cho mọi người dao động. Ma Ba Tuần là loại ma vương ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại, tên là Ba tuần. Cõi trời này thuộc sáu cõi trời dục. Đó là, trời Tứ Thiên Vương,

trời Dao Lợi, trời Dạ Ma, trời Đâu Xuất Đà, trời Hóa Lạc, trời Tha Hóa Tự Tại.

Trong sáu cõi trời dục này, ma Ba tuần ở cõi trời thứ sáu (Trời Tha Hóa Tự Tại), chúng có thần thông biến hóa tự tại.

Ma sự là những việc làm xa lìa pháp lành, bám theo lục trần, do lòng ham muốn lôi cuốn theo danh lợi mà làm.

Lục Trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý.

Khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần cảnh thì liền dính mắc. Nó bám theo, rồi suy luận, phân tích, bị lôi cuốn vào con đường tiền tài, danh vọng. Nếu chúng ta có Tánh Giác Biết hiển lộ thì khi thấy, biết mình đang thấy. Khi nghe, biết mình đang nghe thì không bị ma dụ.

Những người làm ma sự thì bị ma chướng ám ảnh. Lúc nào cũng mê theo tà chứ không theo chánh. Trong truyện Kiều có câu:

“Ma dẫn lối, quỷ đưa đường

Thích tìm những chốn đoạn trường mà đi”.

Ma sự là những điều giả dối làm cho người tu hành phá giới, tham đắm danh lợi, khiến cho tham, sân, si nổi lên.

Đức Phật dạy, bọn này có vợ con trong chùa, lại còn ăn thịt uống rượu.

Nếu người tu hành mà còn dâm dục thì sẽ thành ma. Bởi vì khi sinh lên cõi Trời Sắc Giới thì đoạn hết dâm dục, chỉ sống với tánh tĩnh giác. Cõi Trời Vô Sắc thì sống trong thiên định. Cõi Trời Dục còn dâm dục nhưng không có tà dâm (một vợ một chồng). Còn lên hai mươi hai tầng Trời Sắc Giới thì không còn dâm dục mà chỉ sống trong thiên định. Ma vương này ở cõi trời thứ sáu, họ còn dâm dục nên thành ma. Ma nào tu cao thì thành Ma Vương, tu vừa vừa thì thành Ma Dân, tu thấp thì thành Ma Nữ.

Dù cho người tu hành ở trong chùa rất tinh tấn, ngồi thiền, tụng kinh ngày bao nhiêu lần, nhưng khi bị ma chướng ám ảnh thì liền bị xen tạp pháp môn. Như đang tụng *kinh Di Đà*, nghe người ta nói tụng kinh này còn bị bệnh, nên tụng *kinh Dược Sư* thêm. Hôm nay tụng *kinh Dược Sư* không có bệnh nhưng nghe người khác nói trì chú thì ma không nhập, cho nên lo trì thêm chú. Do đó, tâm họ luôn lăng xăng vọng tưởng.

Có những người tu thiền thì ngủ gục từ lúc vào ngồi cho đến hết thời. Có người ngồi thiền thấy cảnh Phật hiện ra, thấy mình bay qua, bay lại. Khi xả thiền thì mừng lắm, mừng vì nghĩ mình sắp có thể bay đi. Nhưng ngày mai ngồi thiền lại không thấy cảnh hôm

qua hiện ra nữa, họ ngồi hai ngày sau, cho đến cả tuần lễ mà không thấy cảnh như trước hiện. Vừa ngồi vừa mong cầu. Ngồi thiền mà khởi tâm mong cầu thì tâm không định, đó là trạng thái bị ma chướng.

Khi ngồi thiền, nên hé mắt nhìn xuống khoảng bảy, tám tấc là được, và **biết mình đang ngồi**. Khi nhắm mắt hay mở mắt cũng vậy.

Đức Phật dạy: “Sau khi Như Lai diệt độ, có nhiều thứ Ma Ba Tuần ở trong Phật pháp, xung là đệ tử của Ta”.

Họ xưng là đệ tử của Phật nhưng lại thân cận với đàn na tín cúng, thân với phật tử bên ngoài, kết thành bà con, anh, chị, em nuôi. Các vị tu sĩ kết nghĩa anh, chị, em nuôi với những người ở ngoài đời là vì mong cầu lợi dưỡng. Người xuất gia bỏ nhà đi tu “cắt ái từ thân” mà khi vô chùa còn kết làm anh em, bà con với những người thế tục, rồi lại đi ra ngoài uống rượu, ăn thịt, có lúc họ còn tụ tập ăn uống ở trong chùa thâu đêm, làm mất cảnh thanh tịnh trong chốn Già Lam. **Đó là hạng ngoại đạo thứ nhất.**

Lại còn có **hạng ngoại đạo thứ hai** là những người tu ở trong chùa lại dấn theo vợ con, rồi học cách tụng kinh cho hay để đi làm đám kiếm tiền nuôi vợ con, rồi ăn thịt, uống rượu, làm ô uế cảnh thiền môn.

SÁU LOẠI TU SĨ PHÁ HOẠI CHÁNH PHÁP CỦA PHẬT

1. Tu ở trong Chùa

- Kết thân tộc với người thế tục
- Ăn thịt chúng sanh
- Uống rượu
- Đoạn mắt giống từ bi và trí tuệ

2. Tu ở trong Chùa

- Đem vợ con ở trong chùa
 - Ăn thịt, uống rượu
 - Học nghề làm đám lấy tiền
 - Cạo đầu, mặc áo tu sĩ
 - Lợi dụng đạo tạo đời
- (THẤY ĐÁM CỎ SƠN MÔN)

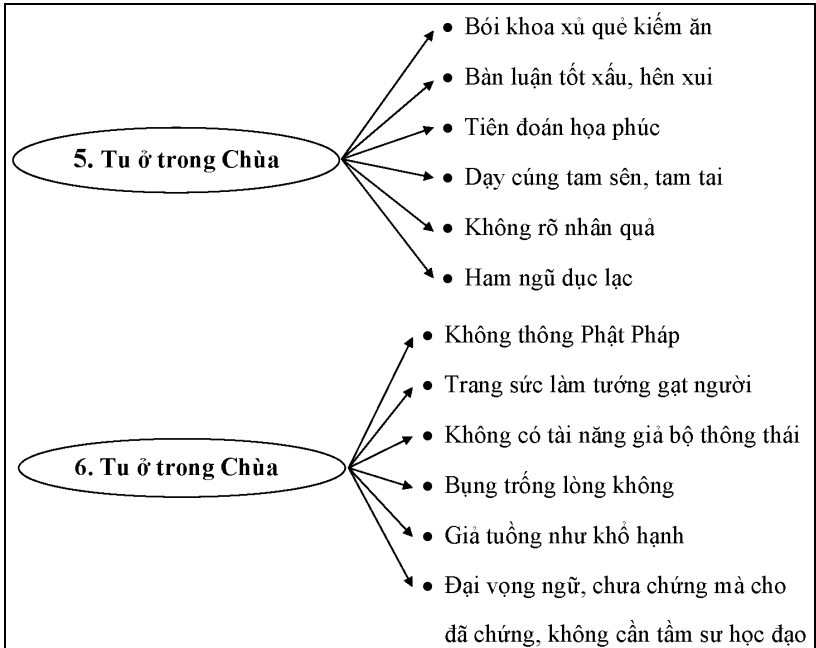
3. Tu ở trong Chùa

- Tự cạo đầu, mặc áo tu sĩ
- Không cần thầy truyền thọ
- Kinh điển không thông
- Học vẽ bùa niệm chú
- Lên đồng bóng trị bệnh
- Bị ma qui ám ảnh
- Tự xưng mình thành đạo mê hoặc người đời vụ lợi

4. Tu ở trong Chùa

- Dùng bùa chú sai khiến qui thần
- Học các nghề thế tục làm ăn, không phải tăng, không phải tục

“Nửa người nửa ngợm nửa đười ươi”



Lại có những kẻ luận bàn lành dữ, coi bói xem tướng, lừa đảo kiếm tiền... làm cho chánh pháp bị suy vong. Lại có kẻ đầu óc trống rỗng, vô tài bất tướng, tu hành cho qua ngày, chưa chứng mà nói đã chứng, thích ăn thịt cá, phạm theo tà giới, lừa gạt mọi người dễ tin, đưa họ vào đường mê, không tu phước huệ, chỉ chuyên đi tụng đám kiếm tiền sinh sống.

Hạng lục sư ngoại đạo do ma Ba tuần xúi giục vào trong đạo phá hoại chùa chiền, hủy báng chánh pháp. Cho nên tất cả những kẻ thường vu oan, giáng họa cho người khác phải học giáo lý cho rõ, để nhìn thấy

thật tướng của sự vật, thấy biết nhân quả, vì không hiểu vô thường nên cứ mãi mê chạy theo trần cảnh.

Ở đây, chúng tôi giảng thêm về sự vô thường. Vô thường là thay đổi nội tại và thay đổi hoàn cảnh. Thay đổi nội tại là sự thay đổi về thân và tâm. Thân có sanh, già, bệnh, chết. Còn tâm biến đổi liên tục không bao giờ dừng.

“Mới bình minh đó đã hoàng hôn

Đang nụ cười tươi, bỗng lệ tuôn

Đời thường sớm nắng chiều mưa vậy

Khuấy động lòng ta bao nỗi buồn.”

Khổ có tám điều: ái biệt ly, cầu bất đắc, oán tăng hội, ngũ âm xí thanh, sanh, lão, bệnh, tử.

Ái biệt ly khổ: vợ chồng yêu thương nhau bỗng chết mất một người, con đi học xa, đi lính...thương nhớ

Cầu bất đắc khổ: muốn làm ăn khá thì bị thua lỗ, muốn người ta thương mình mà người ta không thương...

Oán tăng hội khổ: hai người ghét nhau mà gặp nhau hoài, khổ tâm

Ngũ âm xí thanh khổ: sắc, thọ, tưởng, hành, thức, năm sự ngăn che này chống đối lẫn nhau. Trong thân thể thì có đất, nước, gió, lửa. Đất là chất cứng,

nước là chất ướt, lửa là hơi nóng, gió là hơi thở di động. Lửa nhiều quá thì nóng sốt, nước nhiều quá thì sinh trưởng, gió nhiều quá thì làm nhức mũi, đất nhiều quá thì cứng đơ tay chân. Bệnh là do đất, nước, gió, lửa không điều hòa với nhau mà ra. Nếu chúng ta biết rõ bốn đại này là duyên sanh giả hợp, thay đổi liên tục, dĩ nhiên là như vậy, chẳng buồn lo, chỉ nhìn **BIẾT** nó đang là, và tự tại uống thuốc là chúng ta thấy đạo. Vì thế, thiền sư Đại Xả nói rất hay:

“Bốn rắn chung rương trước giờ không

Núi cao năm uẩn đâu chủ ông

Chân Tánh sáng ngời đâu chướng ngại

Niết Bàn, sinh tử mặc che lòng”.

Vô ngã: vì tất cả các pháp đều do duyên hợp, do nhiều chất khác với nó tạo nên nó chứ không có thật, không có một chất đơn độc tạo nên. Cho nên nó là giả danh, giả tướng, giả ngã, tạm có, tạm gọi. Khi duyên hợp thì có, duyên tan thì không, nên gọi là Vô Ngã.

Khi Đức Phật còn tại thế, có sáu vị tu sĩ, tư tưởng của họ khác với giáo lý của Phật, đó là nhóm Lục Sư Ngoại Đạo, gồm có :

1. Phi Lan Na Ca Diếp: Không công nhận nghiệp quả đời sau. Ông nói chết là hết.

2. Mat Già Lê Câu Xá Li Tử: Chủ trương thọ mạng bất sanh, bất tử. Ông cho rằng con người sống hoài không chết.

3. Xan Đà Da Tỳ La Hiền Tử: Chủ trương con người chết sẽ tái sinh làm con người trở lại, giết con người chết đi thì sanh con người khác. Như cây cỏ khi nhổ nó đi thì sẽ sanh ra cây cỏ khác. Cho nên tha hồ giết ai thì giết không sợ gì cả. Không có luân hồi.

4. A Kỳ Đa Xi Xá Khâm Bà La: Chủ trương vạn vật cấu tạo giống nhau nên không có gì là tội và phước, không tin nhân quả.

5. Ca La Cưu Đà Ca Chiên Diên: Chủ trương tất cả chúng sanh đều do trời Tha Hóa Tự Tại sanh ra. Không do duyên hợp.

6. Ni Kiên Đà Nhã Đề Tử: Phái tu lửa thê.

SÁU PHÁI NGOẠI ĐẠO THỜI ĐỨC PHẬT (LỤC SƯ NGOẠI ĐẠO)	
1. Ông Phi Lan Na Ca Diếp	Không công nhận nghiệp quả đời sau. Chết là hết.
2. Ông Mạt Già Lê Câu Xá Ly Tử	Chủ trương thọ mạng bất sanh, bất diệt (7 đại cấu tạo tan hợp, hợp tan) .
3. Ông Xan Đà Da Tỳ La Hiền Tử	Chủ trương con người chết sẽ tái sanh, bất diệt (7 đại cấu tạo tan hợp, hợp tan).
4. Ông A Kỳ Đa Xi Xá Khâm Bà La	Chủ trương vạn vật cấu tạo giống nhau, cho nên không có gì gọi là tội khác phước.
5. Ông Ca La Cưu Đà Ca Chiên Diên	Tất cả chúng sanh đều do ngài Tha Hóa Tự Tại Thiên sanh ra → nếu giết người không thấy sợ thì không có tội. Nếu thấy sợ thì đọa địa ngục.
6. Ông Ni Kiền Đà Nhã Đề Tử	Phái tu lỏa thể, y phục là ràng buộc, không có ơn cha mẹ, không có tội phước gì cả. Nếu sanh ra 40 ngàn lần sẽ tự giải thoát.

Vì vậy, Đức Phật dạy, người tu sĩ chân chánh là đại may mắn trong đời này. Bởi vì, người tu sĩ tu hành chân chánh họ không cần cất nhà ở, có thiện tri thức bên cạnh, có bạn lành đồng tu, có phật tử tại gia ủng hộ, có giáo lý của Đức Phật hướng dẫn đi đúng đường, có giới luật, có già lam Thánh chúng bảo trì, không bị lừa gạt. Vì thế, người tu sĩ an tâm tu đạo không lo toan chuyện cơm, áo, gạo, tiền.



CÂU HỎI SỐ 15: Người Đần Độn, Tin Phật, Có Thể Thành Phật Không?

Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi hỏi:

- Kính Bạch Đức Thế Tôn! Nếu có kẻ thiện nam, người thiện nữ nào căn tánh đần độn, phước bạc, đức mỏng; mặc dù họ tin Phật tu hành, nhưng tâm không ngộ được. Vậy người đó có giải thoát được không?

Đức Phật dạy:

- Nay Văn Thù Sư Lợi! Nếu kẻ thiện nam, người thiện nữ nào căn tánh đần độn, nhưng họ có niềm tin kiên cố chân thật, thường xuyên phát nguyện ăn năn sám hối; đến khi tội chướng đời trước đã tiêu trừ hết thì trí tuệ phát sinh, liền được sáng suốt chứng ngộ, thấy được bản tánh thanh tịnh của mình cho đến khi thành Phật.

Giảng :

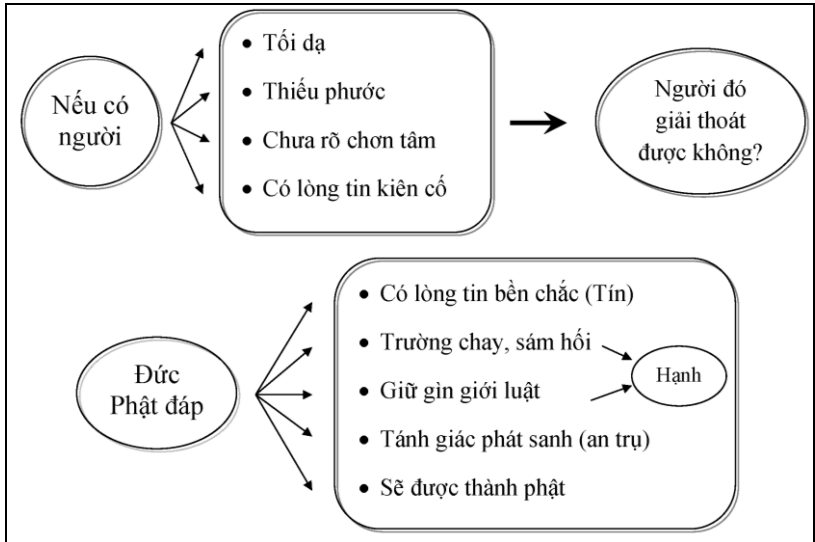
Người có căn tánh chậm chạp là người dốt nát, nghèo cùng, dung nhan xấu xí, có người sống như thực vật, không có kiến, văn, giác, tri. Họ không thể tu học được, không sáng tỏ Tánh Giác. Vì sao họ không sáng tỏ Tánh Giác? Là vì họ không tin mình có Phật tánh, không thấy được **Cái Biết** ở trong người

của mình; suốt ngày tâm của họ bị kéo theo dòng suy nghĩ liên tục (hành uẩn) rồi buồn, vui, mừng, giận, thương, sợ, yêu, ghét... Còn chúng ta có học Phật pháp, tập sống trong chánh niệm, niềm tin kiên cố, vâng theo lời Phật dạy; khi buồn mình biết mình đang buồn, khi vui mình biết mình đang vui, khi giận mình biết mình giận...

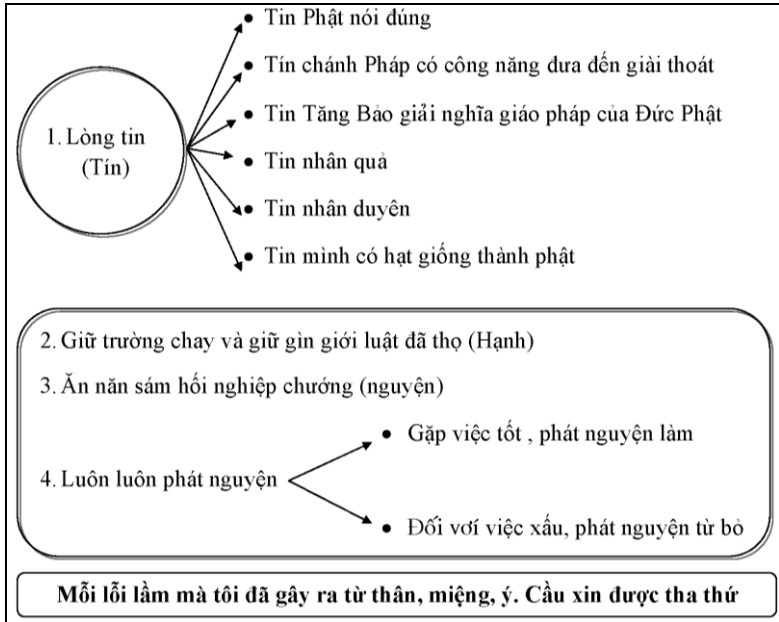
Nếu người căn tánh đần độn có lòng tin kiên cố, không bỏ trai giới, ăn chay. Khi nghe giáo pháp, họ phát nguyện ăn năn sám hối những tội của mình. Họ biết đời trước họ không nghe giáo pháp, không học giáo lý, không bố thí nên đời này nghèo. Hễ họ nghe tới đâu thì tin tới đó, nhưng họ vẫn không tỏ ngộ Tánh Giác được.

Đức Phật dạy, hạng người như vậy, họ kiên trì sám hối ăn năn đến một lúc nào đó tự nhiên họ hiểu đạo, thấy được Phật Tánh của họ. Họ tin Phật Tánh có sẵn, nên nỗ lực tu tập, nhất định họ sẽ thành Phật.

Chúng tôi tóm tắt lại câu hỏi số 15 bằng sơ đồ sau:



Đức Phật dạy: “Người có lòng tin chắc là người vững niềm tin. Họ trường chay sám hối, giữ gìn giới luật là họ đã thực hành về hạnh. Tánh Giác phát sanh là do học giáo lý, nhận biết Phật Tánh của mình, căn cứ trên Tánh Giác để tu, nếu niềm tin càng tăng trưởng, nhất định họ sẽ được thành Phật.



Lòng tin ở đây gọi là tín tâm. Thứ nhất họ tin Phật nói đúng. Khi học Phật pháp, tin Phật nói đúng, vì **Phật là đáng giác ngộ:**

“Kính lạy Phật, bậc thầy giác ngộ

Trải bao đời cứu độ chúng sinh

Như trăng giữa thảng tròn vành

Sáng soi mỗi bước tu hành con đi”.

Kê đến họ tin chánh pháp, là những giáo lý của Đức Phật dạy sẽ đưa đến giải thoát khỏi mọi ràng buộc, đưa con người đến sự bình an. Ngày xưa chúng ta cố chấp nên đau khổ, ngày nay học giáo pháp, rồi

thực hành, đạt được giải thoát. Đây là tin chánh pháp có công năng đưa đến giải thoát:

“Kính lạy Pháp, thuyền từ phổ độ

Đưa người qua biển khổ mênh mông

Giúp con sống trọn tâm lòng

Thương yêu tỉnh thức giữa vòng tham sân”.

Cuối cùng họ tin Tăng Bảo, tin những vị Thầy chỉ dạy, giảng ý nghĩa giáo pháp của Phật, làm cho họ hiểu biết để thực hành.

“Kính lạy Tăng vị thầy cao cả

Thay Phật Đà giáo hóa quần sinh

Dạy con biết lối tu hành

Trao đền chánh pháp phước lành thế gian”.

Chúng ta tin Phật, tin pháp, tin Tăng tức là tin Tam Bảo.

Chúng ta tin nhân quả, tức tin làm phước thì được phước, làm ác thì gặp ác. Nhân nào quả nấy không sai.

Chúng ta tin nhân duyên là thấy tất cả pháp đều do nhân duyên hợp lại mà sanh ra, không có vật nào tự sanh một cách độc lập được. Như con người có tồn tại độc lập được không? Không, phải hội đủ đất, nước, gió, lửa, bốn đại hòa hợp mới sinh tồn. Tất cả mọi sự

vật ở thế gian này đều là nhân duyên hòa hợp, không có món nào độc lập mà thành tựu. Vì thế, trong kinh A Hàm ghi:

“Cái này có nên cái kia có

Cái này sinh nên cái kia sinh

Cái này không nên cái kia không

Cái này diệt nên cái kia diệt”.

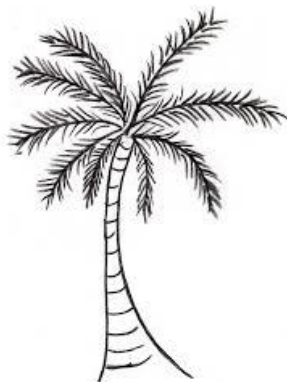
Lại nữa, chúng ta tin mình có hạt giống thành Phật, nghĩa là trong mỗi chúng ta có hạt giống thành Phật, đó là Phật Tánh hay gọi là Tánh Giác mà ít ai hay biết. Nếu người nào nhận ra được, thâm hội được, thì Đức Phật liền thọ ký người đó sẽ thành Phật.

Thứ hai là giữ trường chay và giữ giới luật đã thọ.

Các vị đã biết Phật, Bồ-tát không ăn thịt chúng sanh. Vì không ăn thịt chúng sanh nên mới thành Phật được. Chúng ta muốn về cõi Phật A Di Đà, dù cho mình có thần thông, có định lực cao mà còn ăn thịt chúng sanh thì không thể sanh về cảnh giới Cực Lạc được, vì còn ăn thịt chúng sanh thì còn phải trả nợ máu xương (răng đền răng, mắt đền mắt).

Thứ ba là ăn năn sám hối nghiệp chướng từ đây về sau: “Mọi lỗi lầm mà tôi gây ra từ thân, miệng, ý cầu xin được tha thứ”.

Chúng ta sám hối với Phật phải không? Không, chúng ta sám hối với những người mà chúng ta làm ác với họ, họ đang bám theo ta để đòi nợ, cả trong dòng máu, trong cái nhìn, trong hơi thở. Nó đi theo làm chướng duyên phá hoại chúng ta. Phải thệ rằng : Nay con ở trước Đức Phật cầu xin Ngài chứng minh cho con: “Con xin thành tâm sám hối những tội lỗi con đã gây ra từ thân miệng ý, nguyện từ đây không làm nữa“.



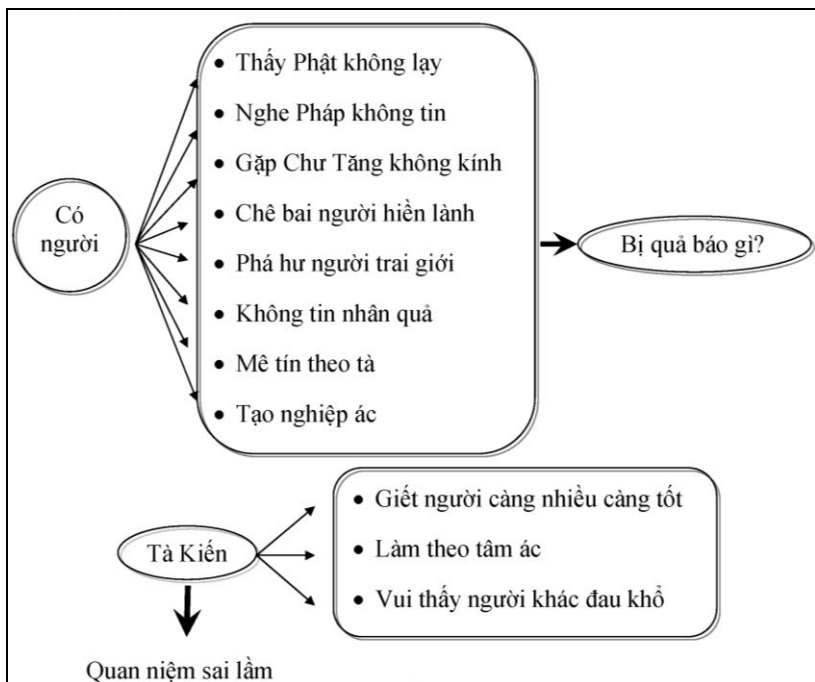
CÂU HỎI SỐ 16: Tà Kiến, Tạo Ác, Bị Quả Báo Gì?

Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi hỏi:

- Kính Bạch Đức Thế Tôn! Có những kẻ thấy Phật không lạy, nghe Pháp không tin, gặp Tăng không kính, hủy báng người làm việc thiện, phá hại người giữ trai giới, không tin nhân quả, khinh thường thánh hiền; họ lại tin theo tà ma, luôn luôn tạo nghiệp ác, không tu một chút điều lành; những kẻ này sẽ mắc quả báo gì?

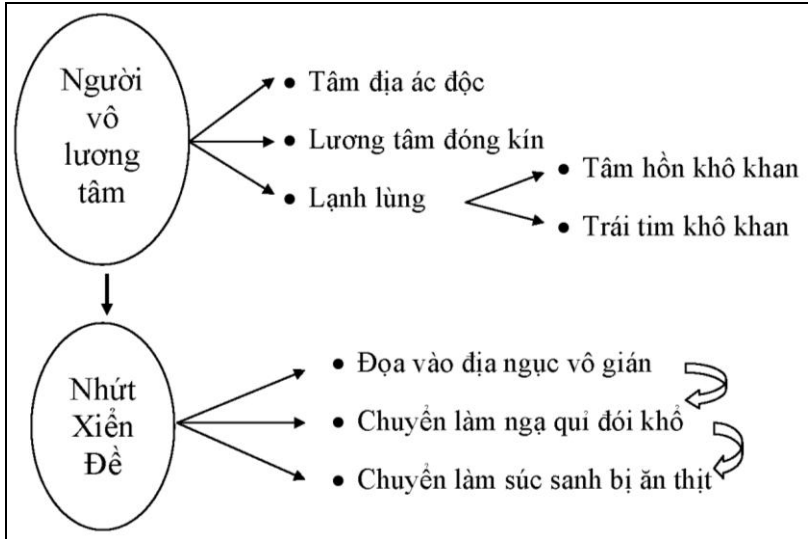
Đức Phật dạy:

- Nay Văn Thù Sư Lợi! Những kẻ này thường tin theo tà kiến. Khi còn sống không tin Tam bảo; sau khi chết, nhất định bị đọa vào ba đường ác, chịu các khổ não không có ngày thoát ra. Cho dù có ngàn Đức Phật xuất hiện ở đời cũng không cứu họ được.



GIẢNG :

Tà kiến là quan niệm sai lầm, họ cho rằng giết người càng nhiều càng tốt, họ làm theo tâm ác, vui thấy người khác khổ đau.



Tâm địa ác độc: Nếu thù ghét người nào thì họ quyết hại người đó cho đến cùng.

Lương tâm đóng kín: Không có tâm lành, dù mang thân người nhưng tâm địa giống như loài ác thú.

Khô khan : có tâm hồn khô khan, có trái tim khô khan. Cho dù người khác có khóc bao nhiêu nước mắt với họ thì cũng vô ích thôi.

Đức Phật gọi người vô lương tâm này là Nhứt xiển đề, họ không tin gì hết.

Nếu người phạm tội Nhất Xiển Đề thì đọa vào địa ngục vô gián, hết tội địa ngục vô gián thì chuyển làm nga quý đói khổ, hết kiếp nga quý thì chuyển làm súc sanh bị kẻ khác ăn thịt. Họ không bao giờ được làm người. Khi làm súc sanh thì lại ăn thịt các con vật khác, cho nên hết súc sanh thì lại đọa vào địa ngục trở lại nữa.

Đức Phật dạy, hạng Nhất Xiển Đề này không tin điều gì nên cứ mãi đọa vào địa ngục, súc sanh, nga quý, cho đến ngàn muôn kiếp cũng không thoát ra được.

CÂU HỎI SỐ 17: Tất Cả Nghiệp, Nghiệp Nào Nặng Nhất?

Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi hỏi:

- Kinh Bạch Đức Thế Tôn! Trong tất cả nghiệp, nghiệp nào nặng nhất?

Đức Phật dạy:

- Nay Văn Thù Sư Lợi! Có năm loại nghiệp nặng nhất: Thứ nhất là Nghiệp sát sinh: ăn thịt chúng sinh là nghiệp nặng nhất. Vì sao? Vì cắt một dao phải trả một dao, giết một mạng phải đền một mạng; cho nên, trải qua nhiều đời nhiều kiếp ăn nuốt lẫn nhau. Vì thế, Bồ-tát muốn thoát khỏi luân hồi, trước phải học từ bi, không ăn thịt, không giết hại.

Thứ hai là trộm cướp: lừa đảo gạt lấy tài sản của mọi người, dù trải qua trăm ngàn kiếp, họ vẫn phải trả nợ cũ. Vì sao? Vì vật thuộc sở hữu của người khác không cho mà tự lấy, cho đến một đồng tiền, một hạt gạo cũng phải trả lại, cho dù đã sám hối sau đó; cho nên, người tu đạo Bồ-tát muốn có nhiều của cải, được giàu sang như ý muốn, trước tiên phải tu hạnh bố thí. Tại sao lại đi trộm cướp, lừa đảo mọi người?

Thứ ba là phạm tội tà dâm: tình yêu luyến ái ràng buộc con người luân hồi sinh tử trong muôn ngàn ức kiếp, không giải thoát được. Vì tình dục là hạt giống của sinh tử; cho nên, Bồ-tát muốn thoát khỏi sinh tử, trước phải đoạn trừ ái dục.

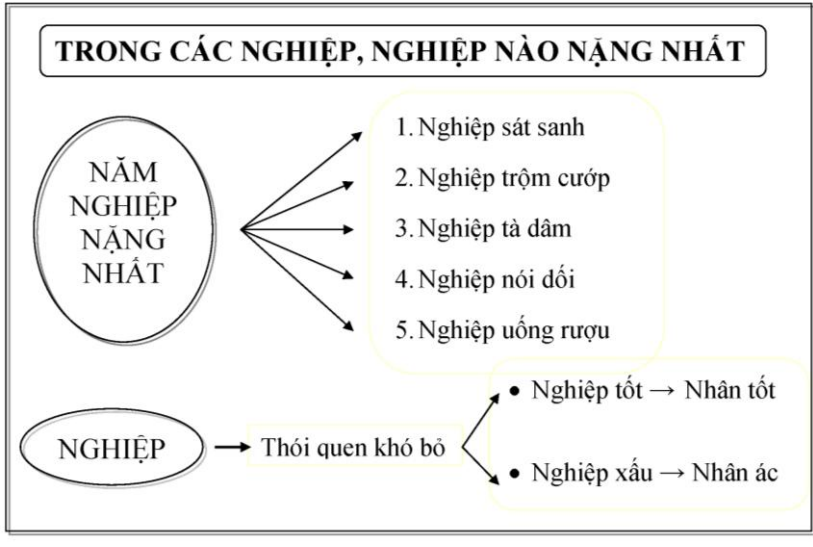
Thứ tư là phạm tội nói dối: do khẩu nghiệp vu khống, hủy báng lẫn nhau, nên trải qua trăm ngàn muôn kiếp chống đối, tranh cãi nhau. Vì sao? Vì oan gia báo thù, nhiều đời nhiều kiếp hại nhau bằng lời nói; cho nên, Bồ-tát muốn đắc đạo, trước phải thành thật, không được dối gạt.

Thứ năm là phạm tội uống rượu: rượu làm cho con người mê muội lý trí; trải qua trăm ngàn vạn kiếp, tâm trí vẫn bị tối tăm. Vì sao? Vì rượu có công năng làm cho tâm trí con người mê muội, nhiều đời ngu si, thân thể hôi hám, say xỉn, đi xiêu vẹo; cho nên, Bồ-tát muốn tinh thần sáng suốt, trí tuệ minh mẫn thì phải từ bỏ nghiệp uống rượu.

Năm nghiệp này rất nặng, người nào giữ được trọn vẹn thì vào thánh đạo ngay; ngược lại người phạm hết năm giới thì muôn kiếp đọa vào đường ác; khi mất thân người, muôn kiếp khó mà trở lại được.

Năm nghiệp này là tội nặng nhất trong các tội.

GIẢNG :

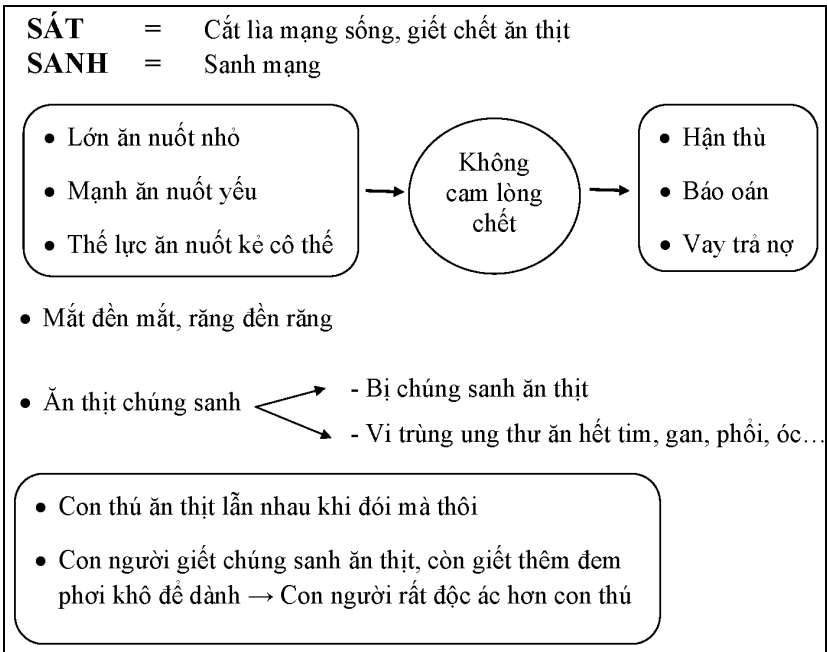


Trước tiên chúng ta phải biết nghiệp là gì?

Nghiệp là thói quen khó bỏ. Nghiệp có nghiệp tốt và nghiệp xấu. Nghiệp tốt là do nhân tốt, nghiệp xấu là do nhân xấu. Cho nên thi hào Nguyễn Du nói:

“Trót mang lấy nghiệp vào thân

Thì đừng trách lẫn trời gần, trời xa”



Sát sanh là giết hại sanh mạng.

Ai sát sanh? Lớn nuốt nhỏ, mạnh nuốt yếu, có thế lực mạnh ăn nuốt kẻ cô thế.

Đức Phật dạy, chúng sanh trăm đời ngàn đời ăn nuốt lẫn nhau để mà sống.

Mạnh nuốt yếu: Con người thấy những con vật yếu đuối như con gà, con vịt...liền bắt nó, cắt cổ để ăn. Nó không thể chống cự được.

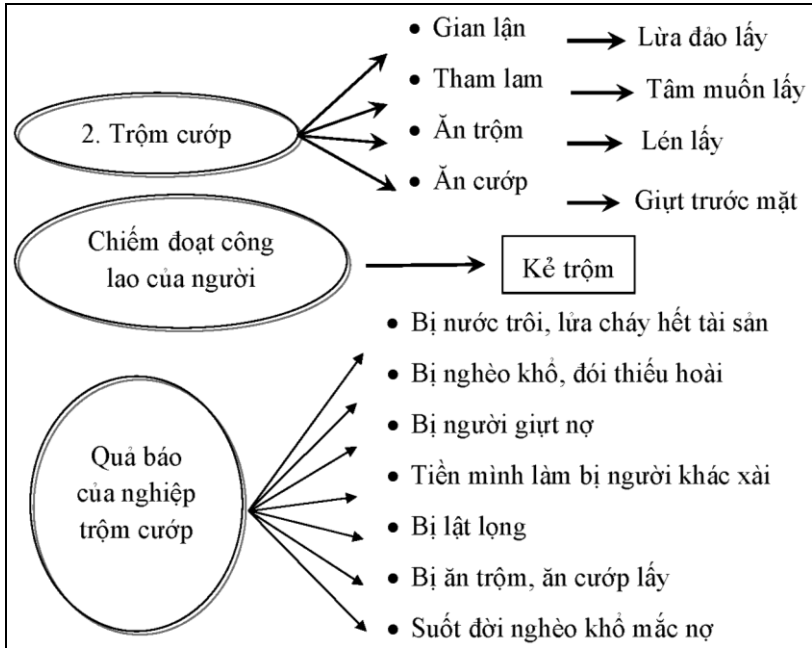
Thế lực mạnh ăn nuốt kẻ cô thế: Ở đời ăn nuốt nhau để sống, như con người ăn cá, ăn thịt.... Những con vật này cũng tham sống sợ chết, nên nó hận thù, báo oán. Do đó mà có sự vay trả nợ với nhau, mắt đền

mắt, răng đền răng. Nhưng con thú ăn thịt lẫn nhau khi chúng đói mà thôi, còn con người giết chúng sanh ăn thịt khi họ no. Vì thế, con người ác độc hơn thú vật nhiều. Quả báo sát sinh rất nặng, cho nên bậc Cổ đức dạy:

***“Cần phải tránh sát sinh thứ nhất
Người tu hành không thể hiểu sinh
Vật người một khi hóa thành
Cho nên sát hại mất danh thiện từ”.***

Thứ hai là trộm cướp: Tức lừa đảo gạt lấy tài sản của mọi người, dù trải qua trăm ngàn kiếp, họ vẫn phải trả nợ cũ. Vì sao? Vì vật thuộc của người khác, họ không cho mà ta tự lấy, dù một đồng tiền, một hạt gạo cũng phải trả lại. Người tu đạo Bồ-tát, muốn có nhiều của cải, được giàu sang như ý, trước tiên phải tu hạnh bố thí, sao lại đi trộm cướp, lừa đảo mọi người? bậc Cổ đức dạy:

***“Giới thứ hai diệt trừ trộm cắp
Vật của người chẳng động tham lam
Công tư của cải bạc vàng
Không nên khởi niệm lấy làm của ta”.***



Thứ ba phạm tội tà dâm : tình yêu luyến ái ràng buộc con người luân hồi sinh tử trong muôn ngàn ức kiếp, không giải thoát được. Vì tình dục là hạt giống của sinh tử; cho nên, Bồ-tát muốn thoát khỏi sinh tử, trước phải đoạn trừ ái dục. Bậc Cổ đức dạy:

“Giới thứ ba cấm là sắc dục

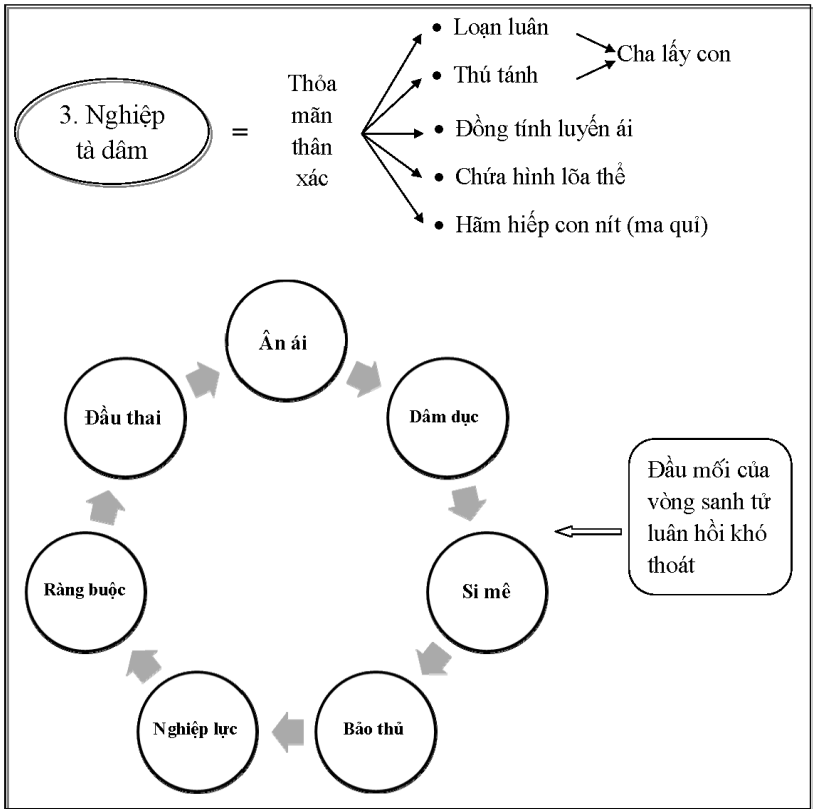
Chớ tư tình lén lút ngoại duyên

Trăng hoa lòng chớ đảo điên

Tâm cương cũng phải răn khuyên từ từ”.

Ân ái vợ chồng với nhau đã là nợ duyên ràng buộc khó rời, mà người vợ (hoặc chồng) còn đi ngoại tình với người khác thì vợ hoặc chồng rất đau khổ. Chúng ta tu hành, biết rõ nó là nghiệp lực, chỉ thỏa mãn thể xác trong chốc lát chứ không phải thuộc về tâm hồn. sống với nhau quan trọng là tâm hồn chứ không phải thể xác.

Đức Phật dạy, ân ái là nghiệp lực của si mê mà lý trí thường không thể tham dự. Vì vậy nó là đầu mối của con đường luân hồi, muôn ngàn kiếp không thể giải thoát.

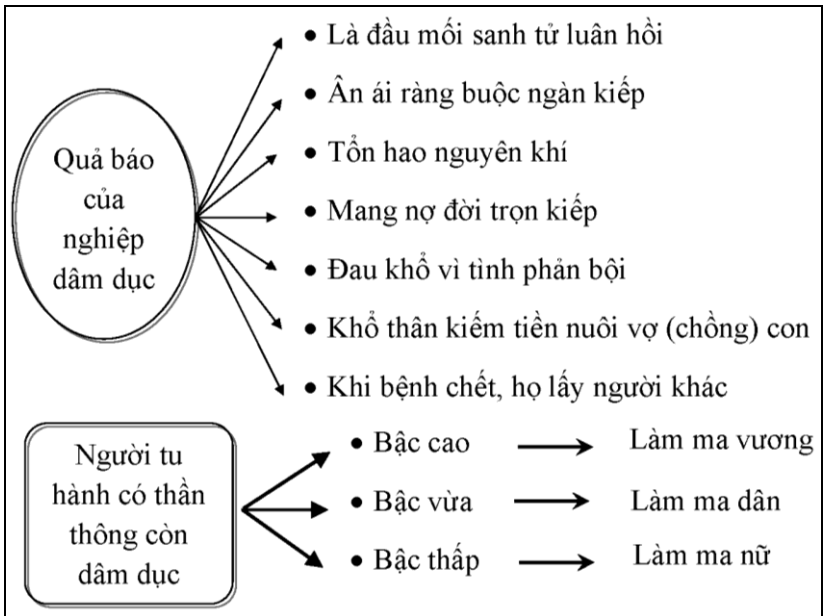


Đâm dục là tình ân ái, tình trai gái rất nặng. Bị mất tiền, bị con hư, không khổ nhiều bằng mất tình, chỉ có mất tình ân ái là đau khổ nhất, đưa đến chết chóc, tự tử.

Ngày xưa, có một người bị mắc nợ người khác. Sau khi chết, người này bị đọa xuống âm phủ mà chưa trả nợ hết, ông ta xin Diêm Vương cho trở về trần gian đầu thai sanh ra làm cha của chủ nợ để trả cho mau hết nợ, chứ làm trâu, làm chó, làm mèo ở trong

nhà thì chỉ có trả nợ mười lăm năm là cùng, còn làm cha thì trả nợ con suốt một trăm năm cuộc đời vậy.

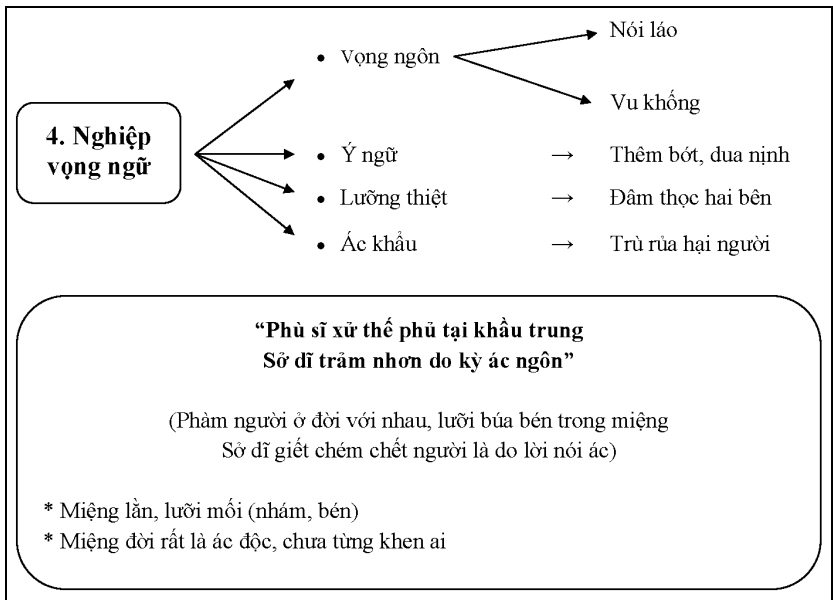
Nếu người tu hành có thần thông mà còn dâm dục, bậc cao thì làm ma vương, bậc vừa thì làm ma dân, bậc thấp thì làm ma nữ.



Thứ tư là phạm tội vọng ngữ: Khẩu nghiệp vu khống, hủy báng lẫn nhau, trải qua trăm ngàn muôn kiếp thường bị quả báo sống với người chống đối, tranh cãi. Vì sao? Vì oan gia báo thù, nhiều đời nhiều kiếp hại nhau bằng lời nói; cho nên, Bồ-tát muốn đắc đạo, trước phải thành thật, không được dối gạt.

Đức Phật dạy, tạo nghiệp vọng ngữ thì sẽ bị quả báo trong gia đình hay gây gổ lẫn nhau. Vu khống người khác, phỉ báng người khác thì bị người khác vu khống, phỉ báng lại, trong gia đình vợ chồng, con cái bất hòa, cứ lục đục suốt ngày, không ai chịu nhường ai cả. Đó chính là oan oan tương báo từ đời trước, đời nay đầu thai vào nhà mình để trả thù, dùng lời nói để ăn nuốt lẫn nhau.

Vọng ngữ có bốn: vọng ngôn, ý ngữ, lưỡng thiệt và ác khẩu.



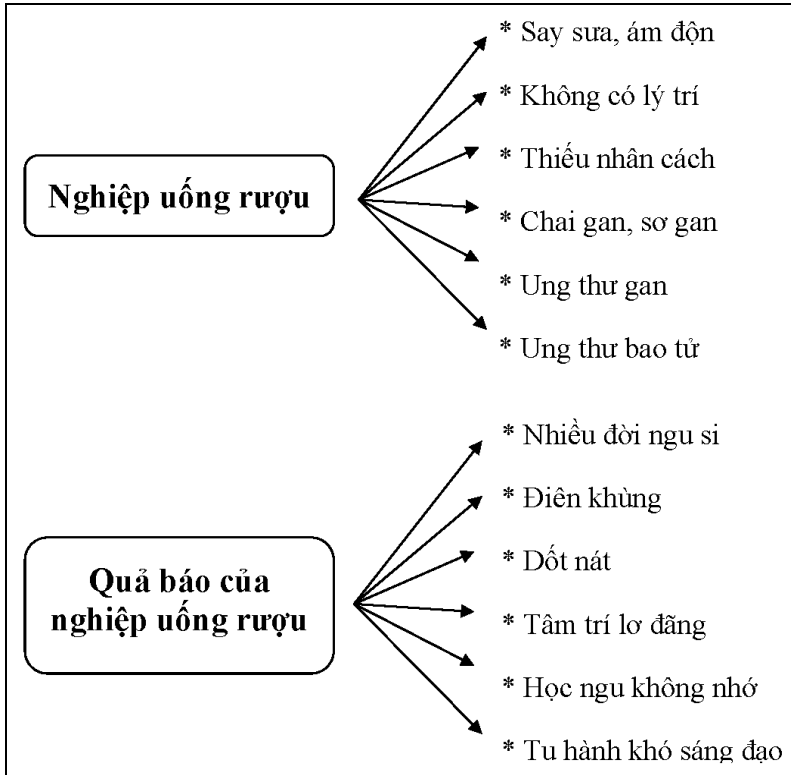
Vọng ngôn là nói láo, vu khống người ta. **Ý ngữ** là nói thêu dệt, thêm bớt khiến người khác phải mất của, mất tiền để mình trục lợi.

Lưỡng thiệt là nói đâm thọc, đến hai bên đâm qua thọc lại khiến người ta gây gổ lẫn nhau, còn mình thì sanh tâm thích thú. **Ác khẩu** là rửa người ta khiến người ta tức tưởi. Đây là nghiệp nặng nhất trong các nghiệp. Vì thế, bậc Cổ đức dạy:

“Vọng ngôn chuyện có nói không

Chết vào địa ngục cùm gông mang đây”.

Thứ năm là phạm tội uống rượu: Rượu làm cho con người mê muội lý trí; trải qua trăm ngàn vạn kiếp, tâm trí vẫn bị tối tăm. Vì sao? Vì rượu có công năng làm cho tâm trí con người mê muội, nhiều đời ngu si, thân thể hôi hám, say xỉn, đi đứng xiêu vẹo; cho nên, Bồ-tát muốn tinh thần sáng suốt, trí tuệ minh mẫn thì phải từ bỏ nghiệp uống rượu



Đa số những người uống rượu đều thiếu nhân cách, ít được mọi người tin tưởng. Người uống say rồi thì muốn nói gì cũng được; bởi vì rượu vào thì lời ra, họ không biết tôn ti trật tự, không biết tội phước. Người uống rượu thường bị ngu si ám độn, sanh con ra cũng bị ảnh hưởng theo, lại còn bị bệnh ung thư gan, sơ gan, loét bao tử... Cho nên, Đức Phật dạy:

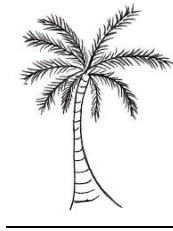
“Uống rượu men, rượu nấu

Người sống đam mê vậy

*Chính ngay tại đời này
Tự đào bới gốc mình”.*

Pháp Cú 247

Tóm lại, năm nghiệp này rất lớn, rất nặng, người nào giữ được hoàn toàn sẽ thành thánh đạo ngay. Trái lại, người nào trái phạm thì mãi mãi sa đọa luân hồi. Một phen mất thân người, muôn kiếp khó được lại.



CÂU HỎI SỐ 18: Nghiệp Gì Bị Làm Ngạ Quỷ?

Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi hỏi:

- Kính Bạch Đức Thế Tôn! Chúng sanh tạo những nghiệp gì mà chịu quả báo làm ngạ quỷ?

Đức Phật dạy:

- Nay Văn Thù Sư Lợi! Có những chúng sinh vì tham lam, bòn xén, không dám ăn mặc, lại đi lừa đảo trộm cắp của công để gom góp cho nhiều. Nếu có người nghèo đói đến xin, không chịu giúp đỡ một đồng, lại còn sân hận mắng chửi, chỉ biết thân mình, không nghĩ đến người khác đói lạnh. Những kẻ keo kiệt như vậy, sau khi chết nhất định đọa vào loài ngạ quỷ, luôn chịu đói lạnh, cổ nhỏ như kim, bụng to như trống, đầu lớn như núi, không thể ăn uống được; cho dù có thức ăn uống, nhưng tự nhiên biến thành sắt nóng, nước đồng sôi. Khi đói trong miệng khạc ra lửa dữ, mũi phun khói xanh, thân hình trần truồng gầy ốm đen đui; đến lúc này là trả nghiệp ngạ quỷ.

GIẢNG :

Đức Phật dạy, **ngạ** là đói khát, quỷ là cô hồn. Ngạ quỷ là người chết không ai cúng tế, luôn chịu cảnh đói khổ, đi lang thang, phiêu bạt hết chỗ này đến chỗ khác, bà con dòng họ đều chết hết rồi, không ai cúng cho ăn.

Ngạ quỷ là loài quỷ nhỏ bằng kim, nếu muốn cho chúng ăn thì phải đọc thần chú, khi đó cổ của chúng mới nở to ra để nuốt thức ăn. Loài này chuyên ăn những thứ máu huyết tanh hôi, sống trong huyết đồ, thường bồn xển và độc ác.

Hình dạng chúng xấu xí, dị dạng, đầu tóc rối bù, mình đầy lông lá, móng tay, móng chân dài ra, ốm o gầy còm, trần truồng, bụng to như cái trống, cổ nhỏ như cây kim, đói đến nổi khạc ra lửa, thở ra khói màu xanh. Hễ thấy đồ ăn thì đồ ăn biến thành lửa, thấy nước thì nước biến thành nước đồng sôi.

Như trong *kinh Vu-lan* có kể, bà Thanh Đề bị đọa làm ngạ quỷ do tham lam, bồn xển. Chuyện kể rằng: Sau khi chồng bà qua đời, của cải chia làm ba phần, một phần để buôn bán, một phần cho bà phụng dưỡng tuổi già còn một phần cúng Tăng chúng. Do tiếc của, nên bà giấu đi, không cúng, nhưng thề với con rằng: “ nếu mẹ không cúng dường Chư Tăng thì

mẹ sẽ bị đọa địa ngục”. Do vậy, sau khi chết, bà bị đọa địa ngục làm quỷ đói, chịu khổ muôn phần.

Ngạ quỷ thường ở trong hang núi hoặc cụm rừng âm u, dưới lùm cây, ao hồ, cánh đồng trống, sống phiêu bạt.



Những loài ngạ quỷ này nếu sống hiền lành, biết tu, biết giúp đỡ người khác thì tương lai sẽ được thác sanh làm người. Nếu độc ác, bón xén, nóng giận, tham lam sẽ bị đọa địa ngục hoặc đọa làm súc sanh. Vì thế, Đức Phật nhắc nhở chúng ta:

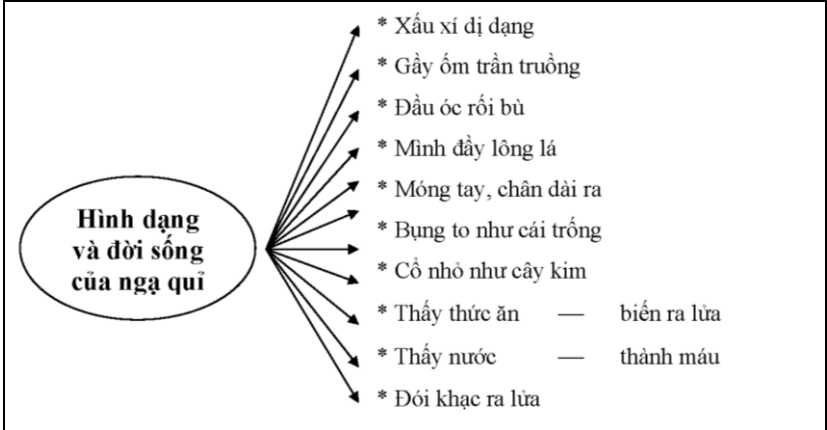
“Lửa nào bằng lửa tham

Chấp nào bằng sân hận

Lưới nào bằng lưới si

Sông nào bằng sông ái”

Pháp Cú 251



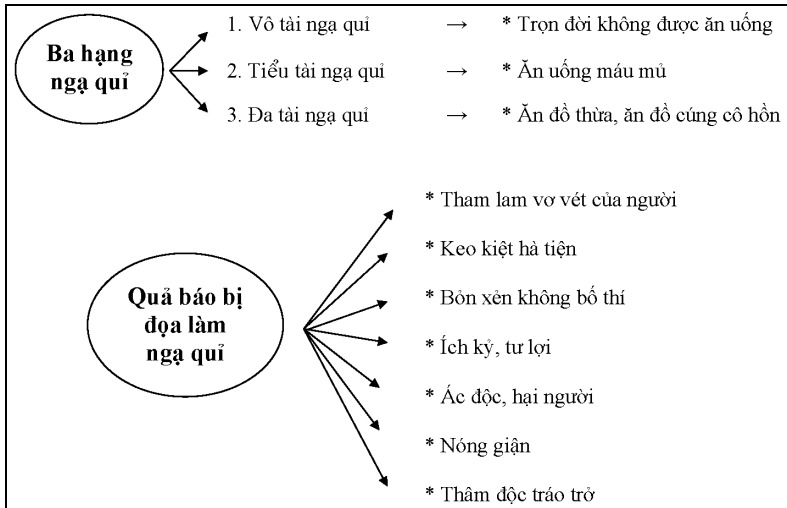
Có ba loài nga quỉ:

Thứ nhất, vô tài nga quỉ: Loài này suốt đời từ khi sanh ra đã không được ăn uống, trừ khi có trai đàn chẩn tế, cầu siêu bạt độ thì mới có dịp được ăn.

Thứ hai, tiểu tài nga quỉ: Loài này được ăn uống nhưng chỉ ăn được máu mủ .

Thứ ba, đa tài nga quỉ: Loài nga quỉ này hơn hẳn hai loại kia vì được ăn đồ thừa của người khác, hễ

nghe khua chén bát thì nó vào liếm hoặc ăn đồ cúng cô hồn.



Đức Phật dạy, quả báo làm thân nạ quỷ là do tham lam, có chín đồng muốn kiếm thêm cho đủ mười đồng, bòn xén, vợ vét của người khác, không biết bỏ thí, ích kỷ tư lợi, ác độc, hại người, không giúp cho bất cứ ai, keo kiệt, hà tiện, nóng giận, thâm độc, tráo trở...

Lại nữa, trong *Lương Hoàng sám* có kể câu chuyện: Ở trong chùa có một con dế, cứ đứng năm giờ sáng thì nó gáy lên, Chư Tăng nghe tiếng nó kêu liền thức dậy tụng kinh. Một hôm, Hòa thượng trong chùa đi vắng, mấy chú tiểu muốn ngủ thêm mà con dế đó cứ gáy hoài, mấy chú tiểu tức quá, bèn tìm bắt và chặt nó ra làm đôi. Lúc Hòa Thượng về, không nghe tiếng

để kêu, hỏi ra mới biết thì chuyện đã rồi. Ngài bèn lấy vải đỏ buộc quanh giữa bụng cái xác của nó để nối cái thân dính lại với nhau và chú nguyện cho nó nương nơi công đức này mà được sanh làm người. Về sau, nó đầu thai làm hoàng hậu trong cung vua Lương Võ Đế. Hoàng Hậu thường thích buộc một miếng vải đỏ quanh bụng. Bà rất ghét Chư Tăng, không thích đi chùa. Vua thấy vậy, đến trình với Hòa thượng. Ngài bèn kể cho vua nghe mọi sự. Vua về kể lại cho hoàng hậu, bà nghe xong tức giận, càng ghét chư tăng hơn nên quyết tâm trả thù.

Một hôm, bà làm bánh bao thịt chó rồi mang lên cúng dường Chư Tăng. Hòa Thượng Chí Công biết cái tâm thâm độc của bà nên đã cho làm bánh bao chay, bảo Chư Tăng bỏ bánh vào trong tay áo để khi ăn, lấy trong tay áo ra đổi bánh bao mặn. Thấy Chư Tăng vẫn ăn một cách bình thường, bà đắc thắng về tâu với nhà vua: “Mấy ông thầy chùa này tu hành chẳng ra gì, cũng không có thần thông, vậy mà bày đặt nói chuyện kiếp trước. Thiếp làm bánh bao nhân thịt chó mà bọn họ cũng ăn ngon lành, đâu biết gì”. Vua nghe xong, vô cùng kinh ngạc, liền lập tức lên chùa hỏi thăm, nếu thực như vậy thì sẽ không còn tin tưởng và bắt giam hết Chư Tăng. Khi gặp vua, Hòa Thượng kể rõ mọi việc, rồi dẫn vua ra xem chỗ chôn mả thịt chực cái bánh bao nhân thịt chó.

Một ngày sau, hoàng hậu chết, bị đọa làm măng xà. Vua buồn nhớ, suốt ngày ra ngoài lan can đứng nhìn thơ thẩn. Một hôm, vua bỗng nghe tiếng kêu rên thảm thiết: “Bệ hạ ơi! Thiếp đây, thiếp bị đọa làm thân măng xà, hãy cứu giúp thiếp với! Bệ hạ nhờ Hòa Thượng Chí Công lập đàn giải oan cầu siêu, sám hối cho thiếp thì thiếp mới thoát được nạn khổ này”.

Vua trình bày với Hòa Thượng, tha thiết nhờ ngài tìm cách cứu bà. Hòa Thượng thấy bà đã biết lỗi nên ngài viết ra bộ *Luong Hoàng Sám* tụng cho bà nghe. Sau khi nghe xong, bà thoát kiếp măng xà và được bồ-tát Quán Thế Âm cho một viên ngọc ngậm vào miệng, biến thành tiên bay lên trời. Trước khi đi, bà nói sẽ trở về cứu vua khi lâm nạn. Thời gian sau, vua bị giặc giết chết, bà liền bay xuống nhả hạt ngọc từ trong miệng ra cho vua ngậm, khi vua sống lại, bà liền trở về trời.

Nói tóm lại, do tâm ác độc nên bị đọa làm ngạ quỷ hay súc sanh vậy.



CÂU HỎI SỐ 19: Nghiệp Gì Bị Làm Súc Sanh?

Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi hỏi:

- Kính Bạch Đức Thế Tôn! Chúng sinh tạo những nghiệp gì mà chịu quả báo làm súc sanh?

Đức Phật dạy:

- Nay Văn Thù Sư Lợi! Có những chúng sanh thích ăn thịt uống rượu, giết hại động vật, cầm thú để tổ chức tiệc mừng, ăn uống no say, ca hát vui chơi, nên họ phải trả quả báo làm súc sanh, đền mạng oan khiên từ kiếp trước.

Lại có kẻ vay mượn tiền bạc của người khác, trả nợ chưa đủ; hoặc có kẻ lừa đảo, trộm cướp tài sản của công để thụ hưởng, nên bị quả báo làm súc sanh để đền trả nợ cũ; trả đến khi nào hết nghiệp súc sanh, mới thoát khỏi .

GIẢNG :

Súc là nuôi dưỡng, **sanh** là sanh mạng. Súc sanh là những con thú mình nuôi để sai khiến, đọa đày, cũng như để phục vụ việc ăn uống, như trâu, bò, heo, gà, chó... Những loài này mạng sống bị phụ thuộc vào con người, không có tự chủ, con người muốn làm thịt lúc nào thì làm... Chúng sống dơ bẩn, ngu si, không biết tôn ti trật tự, sống tồi tàn, loạn luân, không biết hổ thẹn.

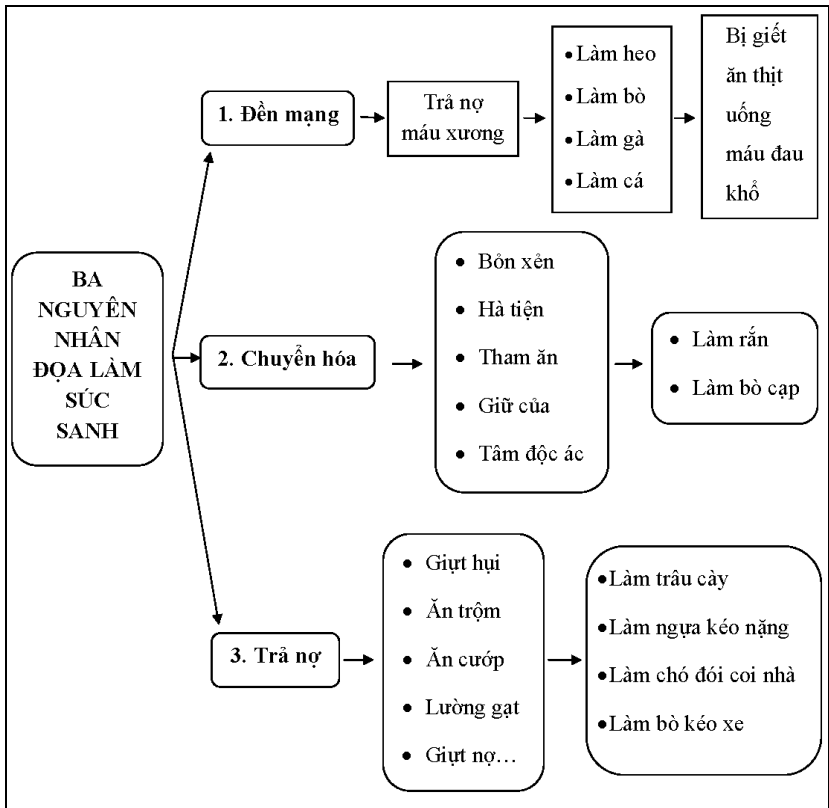


Có ba nguyên nhân đọa làm súc sanh:

1-**Đền mạng**: Trả nợ bằng máu xương của mình như làm thân heo, gà, bò, cá...để người khác giết ăn thịt hoặc uống máu...Hễ mình thiếu nợ máu xương thì trả bằng máu xương. Muốn không bị đền mạng, chúng ta phải ăn chay làm lành.

2-**Chuyển hóa**: Do tâm ác độc nên đọa thành rắn, thành cạp...Còn bòn xén, hà tiện, tham lam, giữ của thì đọa làm chó.

3-**Trả nợ**: Do đời trước giựt nợ, ăn trộm, ăn cướp, lường gạt...của người khác cho nên đời này phải làm thân trâu ngựa để trả nợ, nếu kiếp này không xong thì tiếp tục kiếp sau, trả cho đến chừng nào hết nợ thì thôi. Muốn không bị làm thân trâu bò để đền nợ thì mỗi người phải lo tu hành, tâm không độc ác, không tham lam, không trốn nợ của bất cứ ai.



CÂU HỎI SỐ 20: Sao Gọi Là Nhất Thế Tam Bảo?

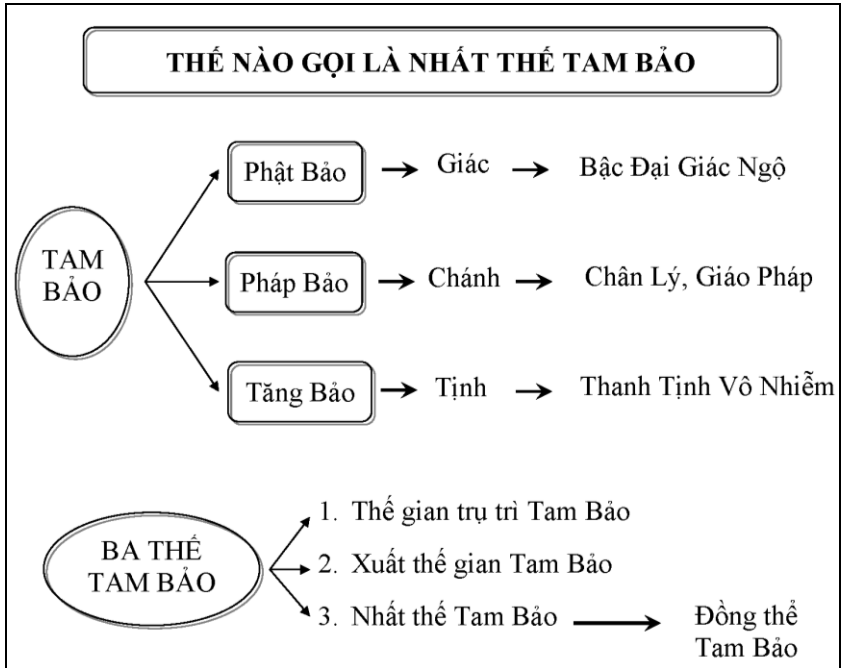
Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi hỏi:

- Kính Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào gọi là Nhất Thế Tam Bảo?

Đức Phật dạy:

- Nay Văn Thù Sư Lợi! Tánh là Phật bảo, vì như như bất động. Tâm là Pháp bảo, vì sáng suốt, công bằng và ngay thẳng. Thân là Tăng bảo, vì giữ giới pháp thanh tịnh.

GIẢNG :



Tam bảo là gì? **Tam** là ba, **Bảo** là quý báu. Tam bảo là ba ngôi quý báu: Phật Bảo, Pháp Bảo và Tăng Bảo.

Phật Bảo là Giác, Pháp Bảo là Chánh, Tăng Bảo là Tịnh. Giác, Chánh, Tịnh thuộc về thể tánh chứ không có hình tướng. Giác là bậc đại giác ngộ, Chánh là giáo pháp, là chân lý không bao giờ thay đổi. Tịnh là thanh tịnh, không nhiễm ô. Vậy ai giác ngộ, ai là chân lý, cái gì thanh tịnh không nhiễm ô? Có phải Phật Tánh, là tánh giác ngộ trong mỗi chúng sanh

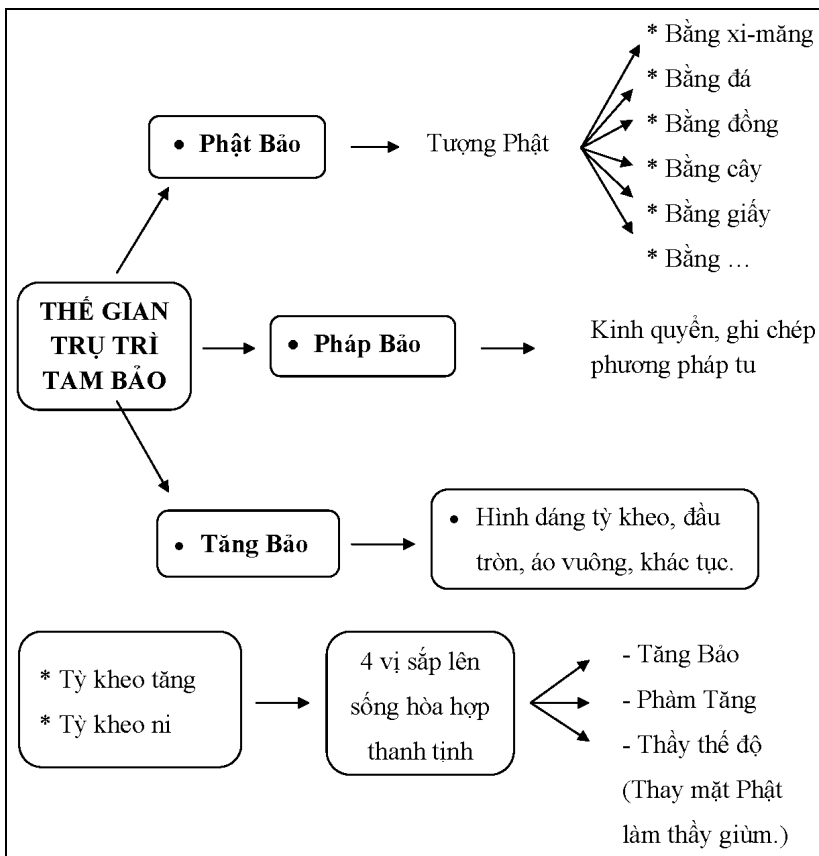
không? Vậy muốn hiểu rõ về Phật Tánh thì chúng ta phải tìm hiểu về ba thể của Tam Bảo.

Ba thể Tam Bảo: Thế Gian Trụ Trì Tam Bảo, Xuất Thế Gian Tam Bảo và Nhất Thể Tam Bảo

1. **Thế Gian Trụ Trì Tam Bảo:** Thế gian trụ trì Phật bảo, thế gian trụ trì Pháp bảo và thế gian trụ trì Tăng bảo.

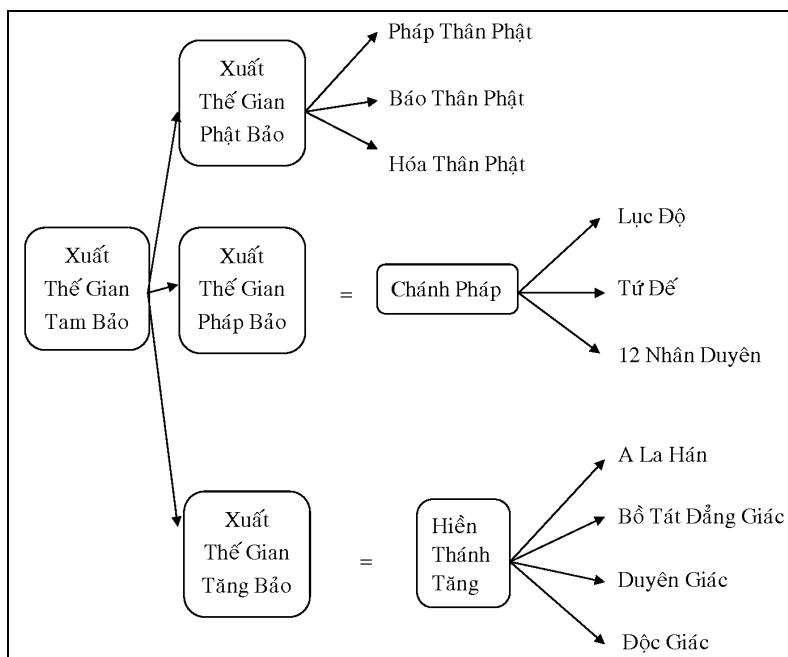
Phật bảo là tượng Phật được làm bằng xi măng, đá, đồng, đất, gỗ, giấy...

Pháp bảo là những kinh điển ghi chép những lời dạy của Phật và những phương pháp tu hành.



Tăng bảo là hình tượng tỳ-kheo đầu tròn áo vuông, khác thế tục, chưa nói đến thể tánh gì cả. Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni từ bốn vị trở lên, sống hòa hợp thanh tịnh gọi là Tăng. Nếu không có thể gian trụ trì Tam Bảo, không có tượng Phật, không có kinh luận và không có Chư Tăng thanh tịnh thì người ta không thể nhận ra được Tam Bảo trong tâm là **Giác** (Tánh Giác), **Chánh** (Chân Lý thường hằng), **Tịnh** (không nhiễm ô).

2. **Xuất Thế Gian Tam Bảo** gồm có Xuất Thế Gian Phật Bảo, Xuất Thế Gian Pháp Bảo và Xuất Thế Gian Tăng Bảo.

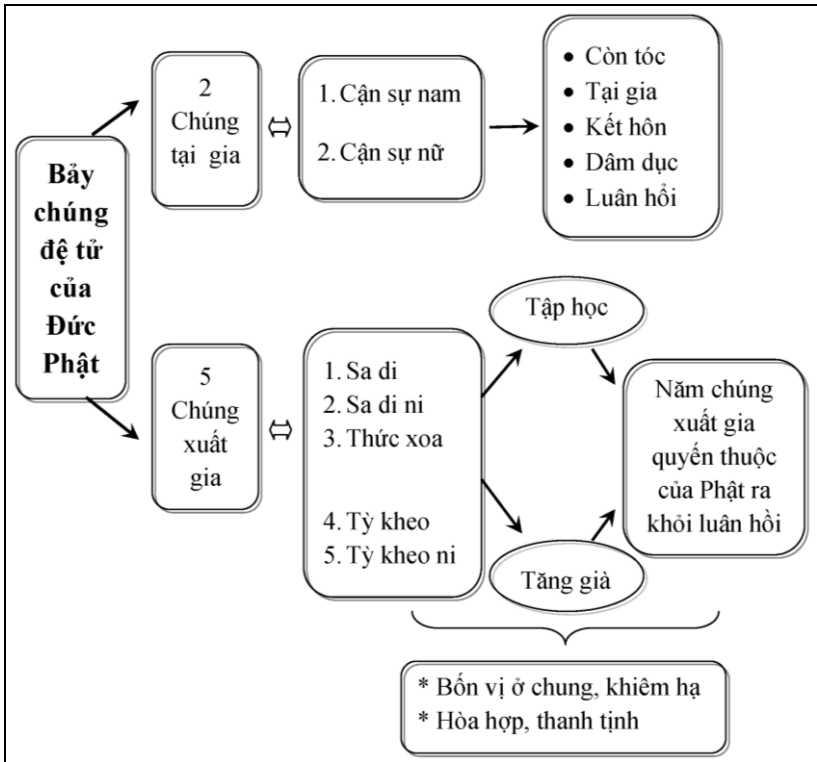


Xuất Thế Gian Phật Bảo tức pháp thân Phật, báo thân Phật và hóa thân Phật. Ba thân này không có hình tướng.

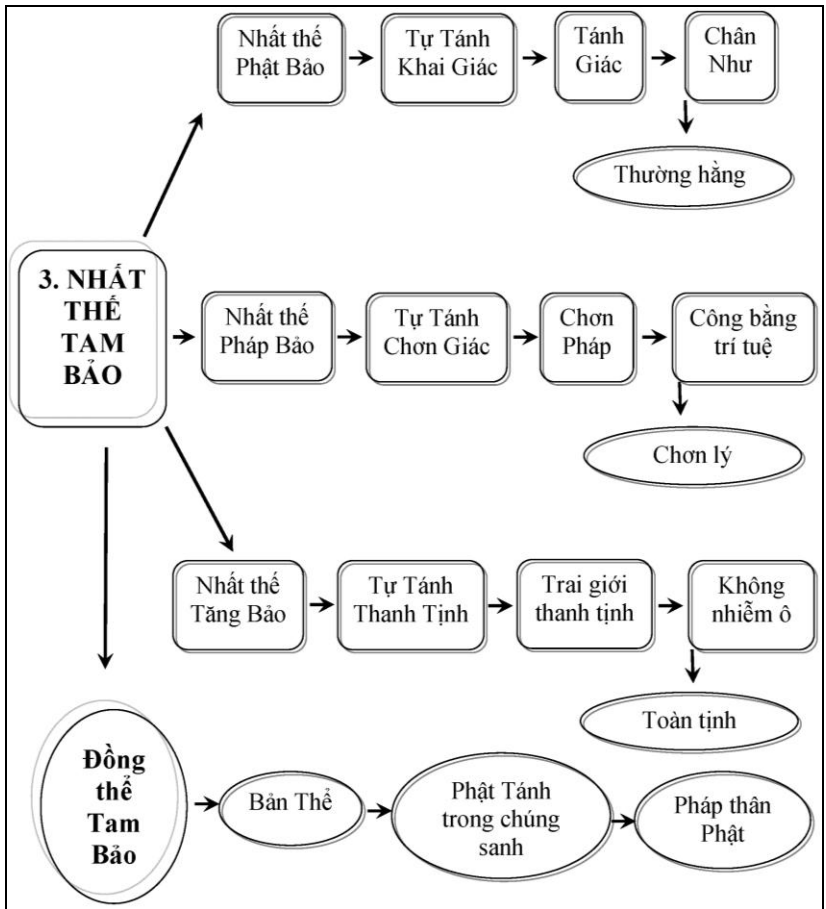
Xuất Thế Gian Pháp Bảo là những pháp tu như Tứ diệu đế, Thập nhị nhân duyên, hoặc Lục độ..., dạy chúng sinh thoát ra khỏi sự khổ đau của thế gian.

Xuất Thế Gian Tăng Bảo (Hiện Thánh Tăng) gồm các vị đã chứng Thánh quả A-la-hán, Duyên

giác, Độc giác, Bồ-tát ra khỏi thế gian, không còn luân hồi trong sáu nẻo.



3. **Nhất Thể Tam Bảo** còn gọi là **Đồng Thể Tam Bảo**, gồm nhất thể Phật bảo, nhất thể Pháp bảo và nhất thể Tăng bảo.



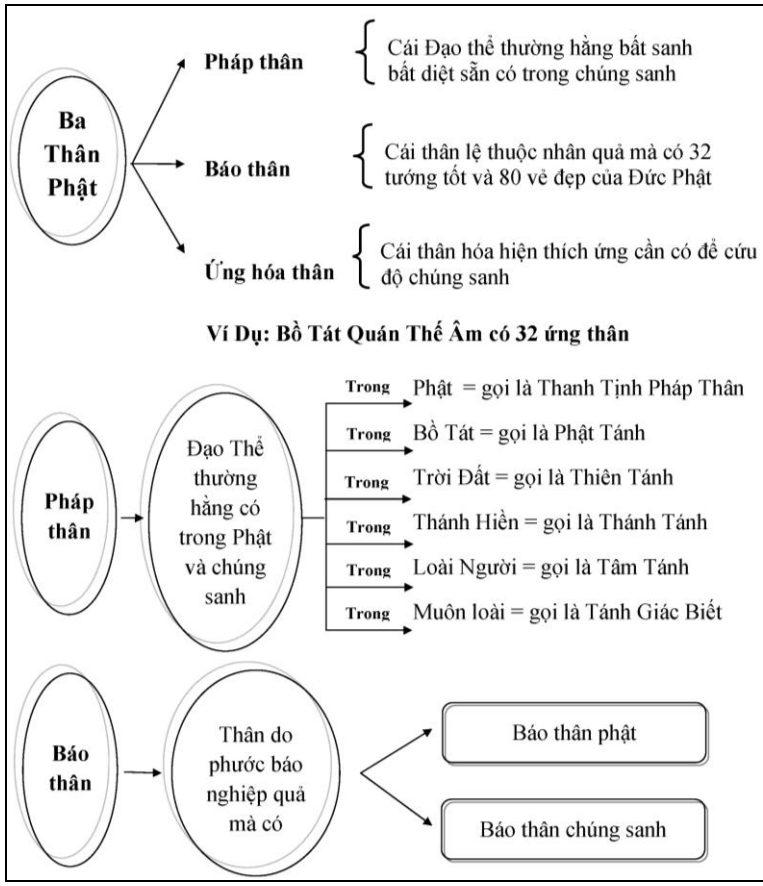
Nhất Thể Phật Bảo là Tự Tánh Khai Giác, là Tánh Giác, là Chân Như, là thường hằng vĩnh viễn.

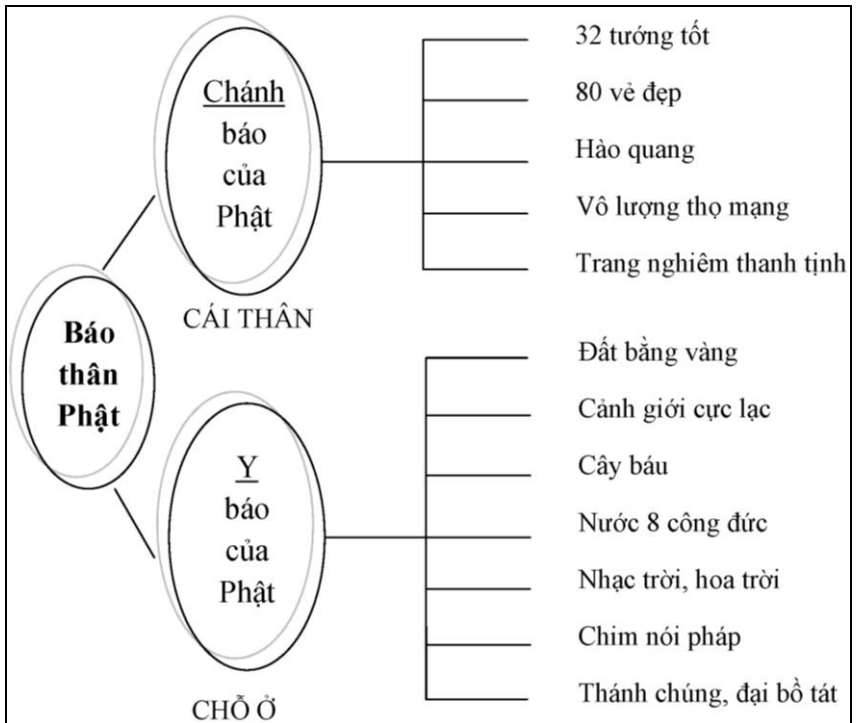
Nhất Thể Pháp Bảo là Tự Tánh Chơn Giác, là Chơn Pháp, là Chơn Lý, là Như Thị.

Nhất Thể Tăng Bảo là Tự Tánh Thanh Tịnh, trai giới thanh tịnh, không nhiễm ô, toàn tịnh.

Nhất Thể Tam Bảo là Bản Thể, là Pháp Thân Phật, là Phật Tánh trong mỗi chúng sanh, có đầy đủ năng lực và điều dụng. Vì thế, Cổ đức có câu:

***“Tôi tin chắc có Phật trong lòng
Cõi lòng thanh tịnh tự hư không
Mười phương tỏa khắp hương thơm ngát
Át cả bùn nhơ, át bụi hồng”.***





Pháp Thân là đạo thể thường hằng, bất sinh bất diệt, sẵn có trong mỗi chúng sinh. Pháp Thân Phật là Phật Tánh, là Tri Kiến Phật mà trong *kinh Pháp Hoa* nói, là Tánh Giác sẵn có trong mỗi chúng sinh.

Báo Thân là thân lệ thuộc nhân quả mà có; như Đức Phật Di Đà tu nhiều đời nhiều kiếp, gieo trồng nhiều căn lành nên thân tướng ngài rất sáng, rất cao đẹp, vô lượng quang, vô lượng thọ, vô lượng công đức. Như Đức Phật Thích Ca, do tu nhiều đời nhiều kiếp nên thân ngài có ba mươi hai tướng tốt, tám

mươi vẻ đẹp, hào quang vô lượng vô biên, có thần lực, định lực.

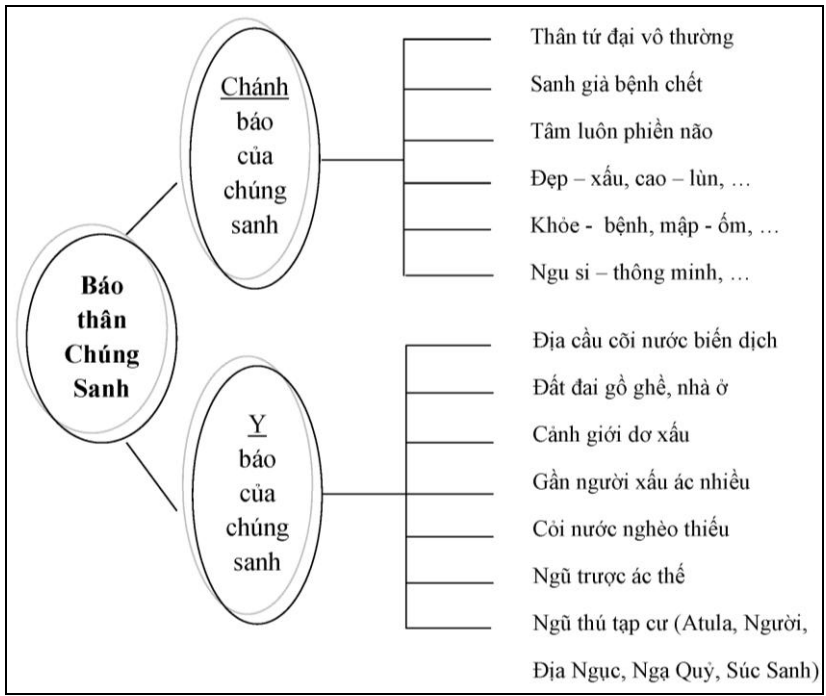
Ứng Hóa Thân là thân biến hiện. Như Bồ-tát Quán Thế Âm muốn độ trưởng giả thì hiện thân trưởng giả; muốn độ Bà la môn thì hiện thân Bà la môn... Như vậy, ứng hóa thân là thân tùy theo hoàn cảnh, tùy theo Bồ-tát, Phật, muốn độ ai thì hiện ra.

Pháp Thân Phật là đạo thể thường hằng có trong mỗi chúng sinh. Pháp Thân Phật ở trong thân Phật thì gọi là Thanh Tịnh Pháp Thân, ở trong Bồ-tát thì gọi là Phật Tánh, ở trong loài trời gọi là Thiên Tánh, ở trong Thánh Hiền gọi là Thánh Tánh, ở trong loài người gọi là Tâm Tánh. Đó là Pháp thân Phật bất sanh bất diệt, có sẵn trong mỗi chúng sinh.

Báo Thân Phật cũng có trong mỗi chúng sinh. Báo thân gồm có y báo và chánh báo.

Đối với Phật, chánh báo là ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, vô lượng quang, vô lượng thọ, trang nghiêm thanh tịnh; y báo là cõi nước cực lạc, đất bằng vàng, cây báu, nước tám công đức, nhạc trời, hoa trời, chim nói pháp, có thánh chúng đại Bồ-tát.

Đối với chúng sinh:



Chánh báo là thân tứ đại vô thường, do đất nước hợp lại mà có, chịu vô thường sanh, già, bệnh, chết. Tâm luôn phiền não vì đẹp, xấu, cao, lùn, khỏe bệnh, mập ốm, thông minh ngu si....

Y báo là nơi chúng ta đang sống, như đất đai nhà cửa, chỉ cho hoàn cảnh môi trường. Ứng hóa thân ở chúng sinh không có.



CÂU HỎI SỐ 21: Sao Gọi Là Tam Tụ Tịnh Giới?

Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi hỏi:

- Kính Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là ba tịnh giới?

Đức Phật dạy:

- Nay Văn Thù Sư Lợi! Một là trừ bỏ tâm ác; hai là đầy đủ thiện tâm; ba là độ hết tất cả chúng sinh. Đây là ba loại tịnh giới của Bồ-tát.

GIẢNG :

Khi ăn Quá đường, quý vị thâm niệm ba quán:

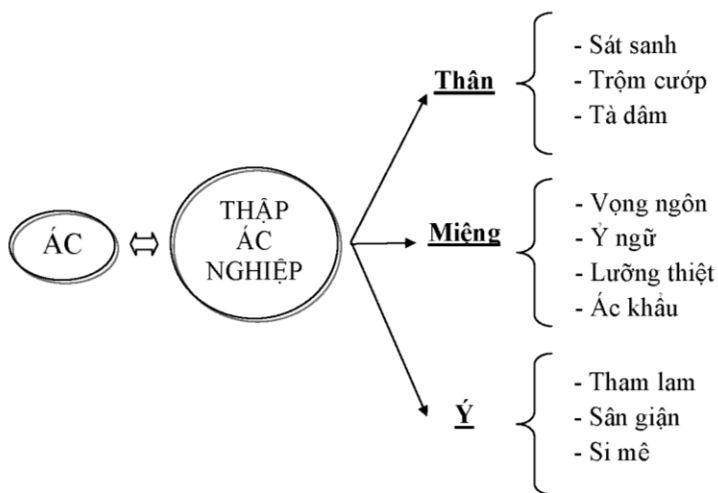
1. Nguyện đoạn nhất thiết ác.
2. Nguyện tu nhất thiết thiện.
3. Thệ độ nhất thiết chúng sinh.

Đây chính là ba tịnh giới. Ba Tịnh Giới (gọi là Tam Tụ Tịnh Giới) là ba nhóm giới luật có thể bao gồm, thâm nhiếp tất cả giới luật của Đại thừa, đó là:

- **Nhiếp luật nghi giới**
- **Nhiếp thiện Pháp Giới**
- **Nhiều ích hữu tình giới**

1. **Nhiếp Luật Nghi Giới:** Giữ gìn giới luật, đoạn tất cả ác

- Giới tại gia {
 - 5 giới tại gia
 - 8 giới Bát Quan Trai
- Giới xuất gia {
 - 10 giới Sa Di
 - 250 giới Tỳ Kheo
 - 348 giới Tỳ Kheo Ni
 - Thức Xoa Ma Na, 6 pháp học
- Giới bồ tát xuất gia {
 - 10 giới trọng
 - 48 giới khinh
- Giới bồ tát tại gia {
 - 6 giới trọng
 - 28 giới khinh



Nhiếp luật nghi giới chính là nguyện đoạn nhất thiết ác. Nhiếp luật nghi giới là gì? Là thực hành, giữ gìn tất cả giới luật để đoạn trừ tất cả ác như trong kinh dạy:

*“Nguyện đoạn các điều ác
Làm tất cả điều lành
Giữ tâm ý thanh tịnh
Đó là lời Phật dạy”.*

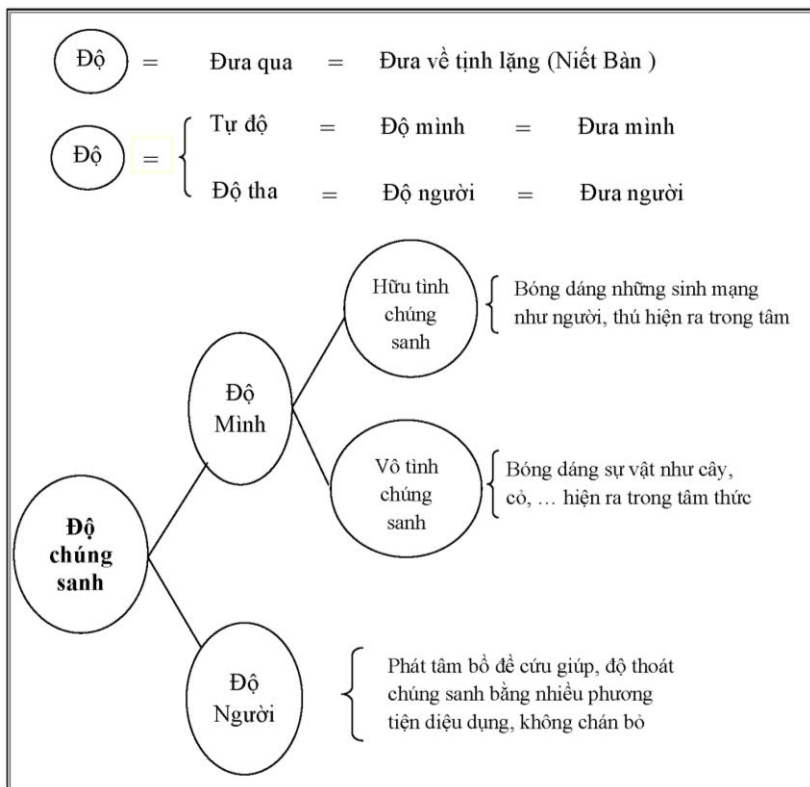
Nhiếp luật nghi giới gồm những giới luật mình **phải giữ**, như cư sĩ tại gia giữ năm giới: không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu. Những ngày chúng ta tu Bát quan trai, tập xuất gia một ngày một đêm, phải giữ 8 giới; Bồ-tát xuất gia, tại gia giữ 10 giới trọng, 48 giới khinh; sa-di, sa-di ni giữ 10 giới, thức-xoa-ma-na ni học 6 pháp và 292 hành pháp, tập sự làm Tỳ-kheo Ni hai năm, Tỳ-kheo giữ 250 giới ; Tỳ-kheo Ni giữ 348 giới.

Giữ giới là để đoạn trừ điều ác. Theo Phật giáo, giữa ác và thiện, muốn phân biệt rõ ràng phải căn cứ vào thập ác nghiệp và thập thiện nghiệp.

2-**Nhiếp thiện pháp giới** chính là nguyện tu nhất thiết thiện.

Nguyện làm tất cả việc lành không bỏ sót.

3-**Nhiêu Ích Hữu Tình Giới** : nguyện độ tất cả chúng sanh.



Độ là gì? Là đưa chúng sinh đến bờ tịnh lặng (Niết bàn tịch tĩnh), vắng bật phiền não. Độ chúng sinh gồm có độ mình và độ người.

Độ mình là độ cái bóng dáng hiện ra trong tâm gọi là Pháp Trần Phiền não, đưa nó trôi qua, không cho nó hiện hành. Chúng sinh gồm có hữu tình chúng sinh và vô tình chúng sinh. Chúng sinh ở đây chính là chúng sinh ở bên trong mình chứ không phải bên ngoài. Hữu tình chúng sinh là bóng dáng những sinh mạng như người, thú...hiện ra trong tâm chúng ta. Vô

tình chúng sinh là bóng dáng những sự vật như cây cỏ, nhà cửa...hiện ra trong tâm thức chúng ta. Đó chính là ký ức của mình, là những chủng tử tiềm ẩn trong thức A-lại-da, chúng luôn khởi vọng tưởng, loạn động, làm cho chúng ta nhớ nghĩ liên tục không dừng lại được, nó như dòng nước chảy. Nếu khi bóng dáng pháp trần như giận, tham, thương, ghét, đau khổ, hạnh phúc, hình ảnh, âm thanh... hiện ra thì chúng ta cứ an nhiên ghi nhận, thấy rõ nó đang diễn ra thôi, rồi chờ cho nó từ từ trôi qua, đừng bám víu, đừng suy tư về nó, tự nhiên nó sẽ theo thời gian mà trôi qua và lặn mất (đâu có thứ gì còn mãi trên thế gian này?); đây là cách tu của những vị A-la-hán. Chúng ta tu tập để biến thức A-lại-da thành Bạch Tịnh Thức thì chúng ta mới thành Phật.

Độ người là chúng ta phát tâm Bồ đề cứu độ chúng sinh bằng nhiều phương tiện diệu dụng, không nề hà mỗi mạt. Vì chúng ta bị nghiệp lực ràng buộc nhiều đời nhiều kiếp nên không có tính kiên trì độ sinh, dễ chán nản, thoái tâm. Chúng ta phải học hạnh nhẫn nại của Bồ-tát thì mới có thể làm Phật sự được. Muốn độ người, chúng ta phải độ mình trước.

Chưa đủ thiện duyên cứu độ người

Mình lo cứu độ chính mình đây

Thời gian tỉnh thức thời gian giác

*Vọng niệm thừa dần tuy rất dày
Nếu biết nước trong lòng bóng nguyệt
Thì đừng theo gió để rung cây
Bình minh có lúc lên đầu núi
Con én tâng không dẫn một bầy.*

Nhờ độ mình trước, ta mới có đủ khả năng diều
dụng để độ người khác được.



CÂU HỎI SỐ 22: Tu Phước Gì, Được Làm Đàn Ông?

Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi hỏi:

- Kính Bạch Đức Thế Tôn! Chúng sanh tu phước nghiệp gì được làm thân người nam?

Đức Phật dạy:

- Nay Văn Thù Sư Lợi! Nếu có chúng sanh nào cung kính Tam Bảo, hiếu dưỡng cha mẹ, thường tu mười điều thiện, thọ trì năm giới, thực hành Bát Chánh Đạo, ngưỡng mộ người tài đức; làm được những điều trên thì sanh ra được làm thân người nam. Nếu trải qua ba kiếp không tu tập như vậy thì trở lại làm thân người nữ, trong năm trăm kiếp được làm thân người; hoặc khi chuyển đổi thân mà quên mất cái nhân làm điều lành kiếp trước, lỡ gặp duyên xấu liền làm điều ác; khi mất thân người rồi, khó mà trở lại được.

Lại nữa, nay Văn Thù Sư Lợi! Thân người nam có đủ bảy điều đáng quý:

- 1. Có chí khí: đi bất cứ nơi đâu cũng không lo sợ.**
- 2. Làm chủ: làm việc gì cũng nắm quyền hành.**

3. **Tạo dựng cơ nghiệp**: có khả năng gây dựng cơ nghiệp.

4. **Tài giỏi**: giúp ích cho đất nước và nuôi dưỡng cha mẹ.

5. **Có Thánh trí** : có trí tuệ quyết đoán phải trái như Thánh nhân.

6. **Lãnh đạo**: nói ra điều phải, trên dưới đều nghe.

7. **Có tánh định**: thường gần gũi người hiền, tôn thờ các vị Thánh.

Thân người nữ có năm điều bất lợi:

1. **Không được làm chủ thân mình.**

2. **Không được làm chủ nhà.**

3. **Không được làm chủ người.**

4. **Không được làm chủ tài sản.**

5. **Không được làm chủ Thánh nhân.**

Cung kính Tam bảo là kính Phật (vâng theo lời Phật dạy), kính Pháp (thực hành theo pháp Phật dạy), kính Tăng (thân cận, học hỏi bậc tu hành đức độ).

Về hiếu dưỡng cha mẹ ít có người làm được trọn vẹn. Chúng ta phải biết ơn cha mẹ đã sinh ra chúng ta, tình thương vô bờ vô bến, luôn mong cho

con mạnh khỏe, thành đạt. Vì thế, cho hai câu thơ rất hay:

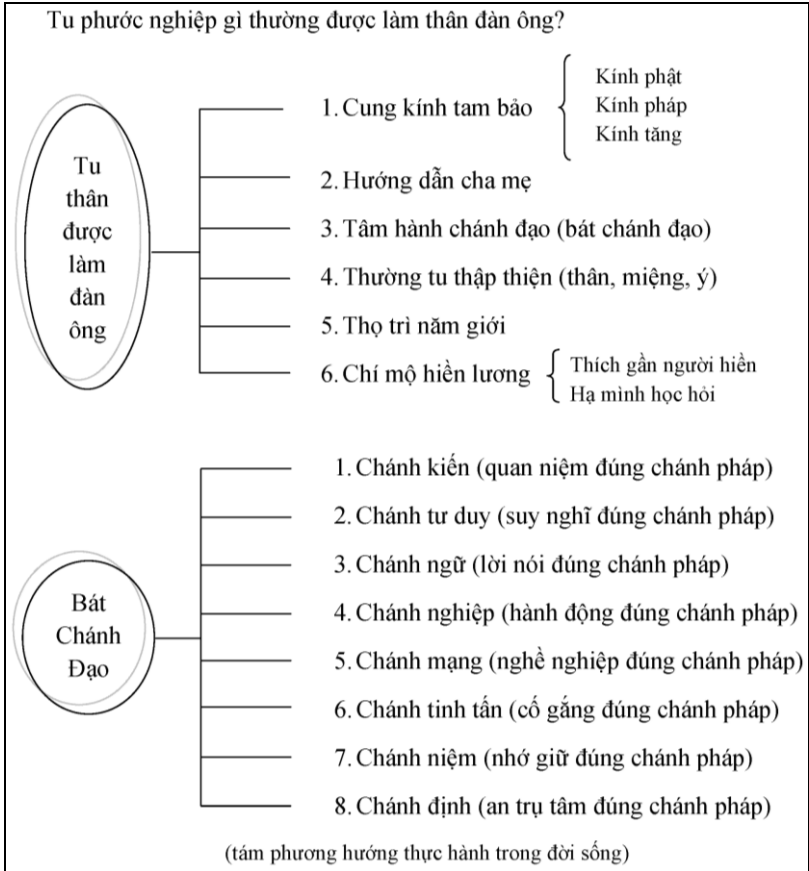
***“Nước biển mênh mông không đong đầy tình mẹ
Mây trời lồng lộng không phủ kín công cha”***

Tâm hành chánh đạo tức thực hành Bát Chánh Đạo (chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định).

Thực hành chánh kiến như thế nào? Đối với tất cả những sự vật nhìn thấy, mình phải quan niệm đúng chân lý: Biết thân, tâm vô thường, hoàn cảnh cũng vô thường... Thực hành chánh tư duy là suy nghĩ về những điều chân chánh, không khởi tâm trộm cướp, dối gạt người, không nên khởi tham, sân, si... Thực hành chánh ngữ là nói những lời chân thật, không vọng ngôn ỷ ngữ... Thực hành chánh nghiệp là nên hành động đúng theo thiện nghiệp, phù hợp giới luật, đạo đức, chân lý. Thực hành chánh mạng là nên làm nghề chân chánh, lương thiện để nuôi thân, không trộm cướp, lừa gạt, cờ bạc, giết mổ... Thực hành chánh tinh tấn là cố gắng làm theo những điều chân chánh, bỏ ác làm lành. Thực hành chánh niệm là nhớ đến những điều phải, điều chân chánh. Thực hành chánh định là luôn luôn an trú trong Tánh Giác biết của mình, không an trú trong vọng tưởng điên đảo.

Chí mộ hiền lương là thích gần người hiền, hạ mình học hỏi, không cống cao, ngã mạn.

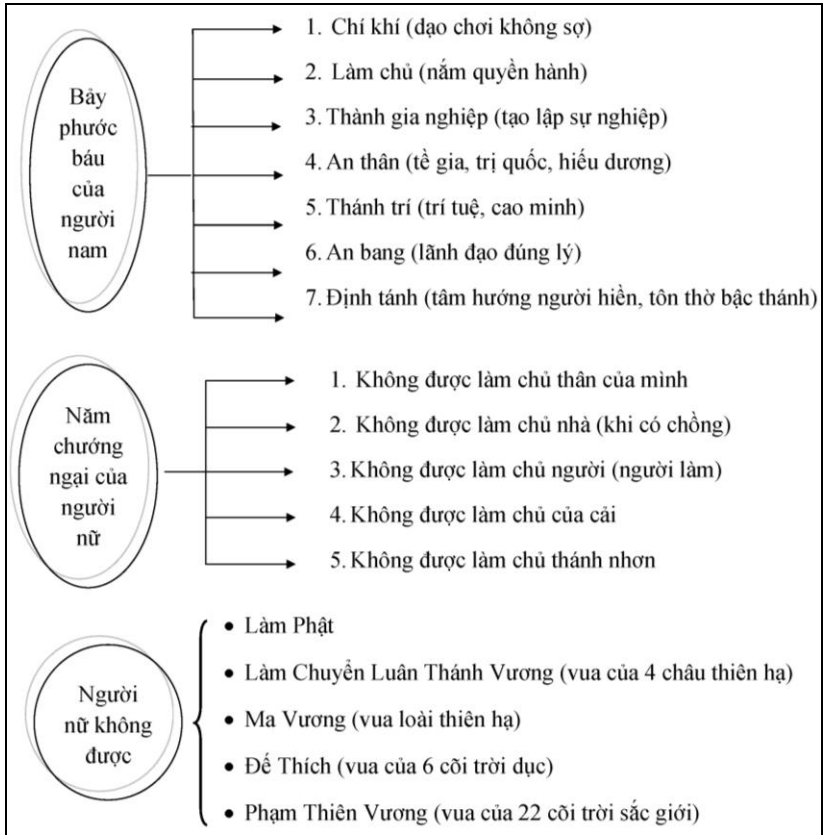
Xin tóm tắt đoạn trên bằng sơ đồ sau:



Chúng ta muốn làm thân người nam phải thực hành những điều như trên; nếu không thì sẽ bị đọa. Dù mang thân người nữ, nhưng có lòng rộng mở, từ, bi, hỉ, xả thì đang từ từ chuyển thành thân người nam.

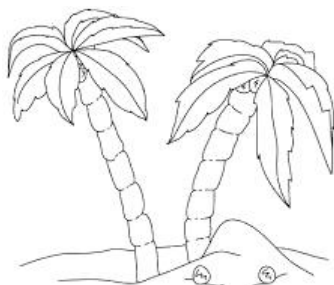
Nếu người nam mà keo kiệt, bòn xén, bắt bẻ, khó chịu...là đang chuyển dần thành thân nữ.

Làm người nam có bảy thứ báu, còn làm người nữ có năm cái lậu.



Nếu mang thân người nữ mà phát tâm xuất gia, tu hành tinh tấn thì sẽ thoát hữu lậu. Trong *kinh Pháp Hoa* có nói, thân nữ không được làm Ma vương, Chuyển luân thánh vương, Đế Thích, Phạm Thiên vương và Phật. Nhưng Long Nữ muốn thành Phật,

trước phải chuyển thành thân người nam. Sự chuyển này không phải chuyển thân hình mà là phải chuyển tâm.



CÂU HỎI SỐ 23: Trẻ Làm Ác, Già Mới Tu, Có Thành Phật Không?

Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi hỏi:

- Kính Bạch Đức Thế Tôn! Nếu có người lúc trẻ tạo nghiệp ác, đến lúc về già tu hành, có thành Phật được không?

Đức Phật dạy:

- Nay Văn Thù Sư Lợi! Biển khổ mênh mông, quay đầu là bờ. Nếu người nào hồi tâm phát nguyện tu hành, bỏ sai theo đúng, sửa ác tu thiện, ăn chay, giữ giới, tìm thầy sáng suốt cầu học, thông hiểu chánh pháp thì không luận già hay trẻ, nếu có chí tu hành thì có thể thành Phật.

GIẢNG :

Thế nào là tạo nghiệp ác? Từ lúc sanh ra cho đến nay, chúng ta đã tạo vô số nghiệp dù là thiện hay là ác. Nếu chúng ta không tạo nghiệp ác thì làm gì có thân phàm phu hôm nay. Chúng ta có tạo nghiệp thì phải nhận lấy quả báo. Và lại, chúng ta tạo nghiệp ác là do ba độc tham, sân, si hiển lộ trên thân, miệng, ý. Thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Sở dĩ, thân, miệng, ý tạo nghiệp ác là do sáu căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý, tiếp xúc với sáu trần cảnh bên ngoài là

sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Do có ý thức vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mà phát sanh thị phi, phải, trái, tốt, xấu...khiến cho tham, sân, si khởi ra. Khi ý thức chúng ta không khởi thì tâm sẽ tĩnh lặng. Chúng ta muốn tu hành tốt, phải loại bỏ tham, sân, si, nghĩa là loại bỏ tâm thức phân biệt.

Ý thức còn gọi là vọng tưởng điên đảo. Hễ mắt thấy sắc, ý liền khởi phân biệt buồn, vui, thương, ghét, khen, chê, phải, quấy... phiền não vọng động liền xuất hiện, tạo thành nghiệp lực. Nếu mắt thấy sắc, ý thức không xen tạp, không phân biệt phải quấy, mắt thấy để mà thấy, tai nghe để mà nghe thì làm gì tạo nghiệp được. Nếu không tạo nghiệp ắt có thể thành Phật. Cho nên, thiền sư Xuyên Công dạy:

***“Mắt thấy sắc không nhiễm sắc
Tai nghe thanh chẳng đắm thanh
Sắc, thanh vô quái ngại
Mới thật là chân định”.***

Phiền não vọng động gồm: phẫn, hận, phú, não, tật, xan, cuồng, xiểm, hại, kiêu, vô tâm, vô quý, trạo cử, hôn trầm, bất tín, giải đãi, phóng dật, thất niệm, tán loạn, bất chánh tri. (20 món Tùy Phiền Não).

Phẫn: giận dữ

Hận: thù

Phú: che giấu, nghĩa là chuyện người thì nói, lỗi mình giấu kín.

Não: phiền muộn.

Tật: ganh tỵ

Xan: tham lam. Hễ thấy đồ ngon vật lạ của người liền muốn đem về làm của mình.

Cuống: dối trá

Xiêm: nịnh hót

Hại: tàn ác, muốn làm cho người khác đau khổ.

Kiêu: kiêu căng, cho ta đây là giỏi, có tài cao, coi ai cũng không ra gì.

Vô tâm: không biết xấu hổ.

Vô quý: không biết thẹn.

Trạo cử: tâm lảng xãng, chuyện gì của ai cũng xen vào như mặt nước bị chao động.

Hôn trầm: lờ đờ.

Bất tín: ai nói gì cũng không tin, không tin nhân quả, muốn làm gì thì làm.

Giải đãi: làm biếng

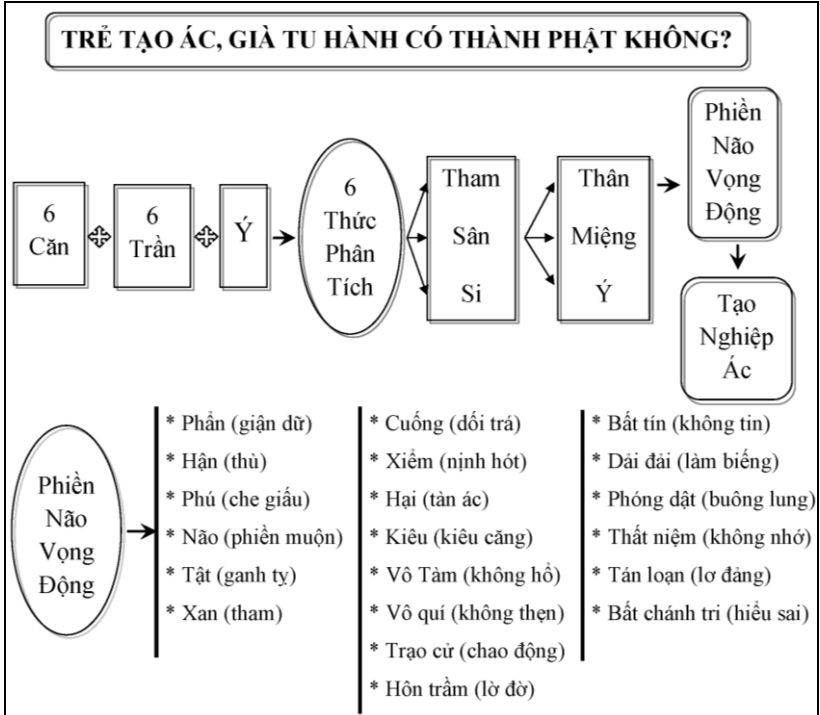
Phóng dật: buông lung, làm gì cũng không nghĩ đến nhân quả.

Thất niệm: không nhớ

Tán loạn: lơ đãng

Bất chánh tri: hiểu sai.

Chúng tôi tóm tắt lại điều này bằng sơ đồ sau:



Tánh Giác biết của con người luôn luôn hiện hữu, luôn an trú trong mỗi người, không bao giờ vắng mặt. Nó là hạt giống Phật. Cho nên, dù có sự vật hay không có sự vật, mắt vẫn thấy biết như thường. Đó là Cái Thấy Biết giải thoát, chỉ Biết thôi, không có suy luận phiền não. Thời Phật còn tại thế. Một hôm, trong lúc thuyết pháp, ngài đánh một tiếng chuông rồi hỏi:

- Này A Nan! Ông có nghe tiếng chuông không?

A Nan trả lời:

- Bạch Thế Tôn! Con nghe!

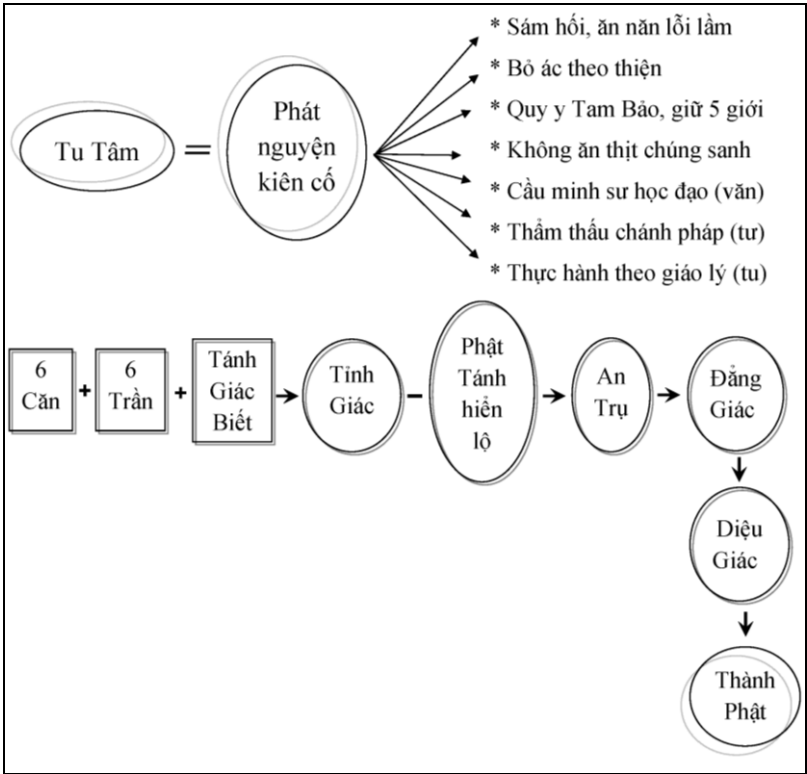
Đức Phật không đánh chuông mà vẫn hỏi:

- Này A-nan! Ông có nghe không?

- Bạch Thế Tôn! Con không nghe.

- Này A Nan! Ông vẫn còn điên đảo, khi có tiếng thì nghe có tiếng, khi không tiếng thì nghe không có tiếng chứ không phải là không nghe. Tánh Nghe của ông lúc nào cũng hiện hữu mà.

Vì thế, chúng ta muốn thành Phật thì phải tu ngay nơi Tánh Giác. Chúng tôi sơ lược qua bản đồ sau:



Muốn tu tâm, chúng ta phải phát nguyện kiên cố, ăn năn sám hối lỗi lầm, bỏ ác hành thiện, không tạo nghiệp ác, quy y Tam bảo, giữ gìn năm giới cấm, cầu minh sư học đạo, hiểu rõ chánh pháp, thực hành theo giáo lý Phật dạy. Người nào thực hành đúng những điều trên thì khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần, ý không khởi phân biệt, tâm rộng rang, tĩnh lặng, sống trong tĩnh giác thì Phật Tánh hiển lộ, an trú trong chánh niệm, thực hành được như thế thì nhất định sẽ thành Phật. Như thiền sư Ngộ Ấn nói:

Diệu tánh rộng không chẳng thể vin

***Rỗng không tâm ngộ việc dễ tin
Tươi nhuận sắc ngọc trong lửa cháy
Lò lửa hoa sen nở thật xinh .***

Ngày xưa có vị đại đức tên Ma La Na. Lúc chưa xuất gia, anh ta hành nghề săn bắn. Hôm nọ đi lạc vào rừng sâu, anh ta thấy ngôi tịnh thất của một thiền sư, vì quá khát nên vào xin nước uống. Vị sư chỉ cái lu nước đầy ngoài sân, bảo anh ta ra đó múc uống. Nước tuy đầy nhưng anh lại không thấy có giọt nào, liền thưa vị thiền sư. Vị sư bước ra múc cho anh uống và nói, nghiệp anh quá nặng nên nước đầy tràn mà vẫn không thấy. Nghe vị sư nói, anh suy nghĩ mình đã làm điều ác suốt mấy mươi năm, nên phát tâm xuất gia. Sau khi xuất gia, mỗi lúc ngồi thiền, cảnh tượng đầu rơi máu chảy của muôn thú cứ hiện ra, máu me ràn rụa, làm anh ta không thể tu thiền được, và anh xin thầy hoàn tục. Trước khi đi, thầy bảo anh ra chặt cây tươi chặt lại thành đống, đốt xong hãy đi. Anh ta làm theo, nhưng đốt hoài cây không hề cháy, nên anh vào thưa với thầy. Vị thầy dạy, thôi để ta dùng lửa định lực đốt cho. Ngồi thiền xong, thầy đưa cho anh ta một cục than nhỏ xíu bằng que tăm nhang, bảo anh cầm đến bỏ vào trong đống cây. Lạ thay, anh ta vừa bỏ vào, lửa bỗng bùng cháy thiêu rụi hết đống cây tươi. Anh thấy lạ bèn hỏi nguyên do. Thầy bảo, nhờ tu có định lực nên mới đốt cháy đống củi tươi kia, con tu chưa có định lực nên củi tươi không dễ gì cháy, muốn

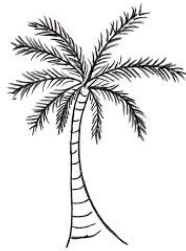
cho tan hết những hình ảnh Pháp Trần trong tâm, cần phải tu thêm nữa mới được

Nghe vậy, anh bèn ở lại tu tiếp tục. Nhờ thầy chỉ dạy và lòng kiên trì nhẫn nại, sám hối tội lỗi mình đã tạo, trải qua mấy năm sau, anh ta chứng quả A-la-hán.

Qua câu chuyện này, chứng minh rằng, người đã tạo vô số nghiệp ác, biết hồi đầu hướng thiện, phát tâm tu hành, sửa đổi lỗi lầm, sẽ thấy được Chân Như, Phật Tánh, và thành Phật không khó.

*Ở núi gương xưa dính bụi trần
Nay được chùi lau dáng mới tinh
Bợn nhớ sạch rồi, gương lập lánh
Chiếu soi diện mục thật phân minh.*

Thiền sư Tông Bản



CÂU HỎI SỐ 24: Trước Tu, Sau Phá Giới, Mắc Quả Báo Gì?

Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi hỏi:

- Kính Bạch Đức Thế Tôn! Nếu có kẻ thiện nam, người thiện nữ suốt đời ăn chay, giữ giới, làm các điều thiện, nhưng khi về già lú lẫn, phá trai phạm giới thì họ chịu quả báo gì?

Đức Phật dạy:

- Này Văn Thù Sư Lợi! Những chúng sinh này, tuy có căn lành, nhưng không phát đại nguyện, không hiểu biết chân chánh, xa lìa thầy tổ, nên mất hết công đức tu hành trước đây, bị giặc sáu căn lôi kéo, cướp mất hết Đạo lực, sinh tâm điên đảo, không thể thành tựu đạo nghiệp.

Người phạm tội ăn thịt, chắc chắn đọa vào thần đạo. Thượng phẩm thì làm Quỷ Vương, trung phẩm thì làm Dạ Xoa, hạ phẩm làm Quỷ La Sát. Ba loại quỷ này nhận lãnh sự cúng tế của mọi người, khi năng lực và phước đức hết thì theo nghiệp lực chịu luân hồi.

Lại nữa, có người chỉ phạm giới uống rượu, nhất định đọa trong loài quỷ. Thượng phẩm thì làm quỷ có cửa cải; trung phẩm làm quỷ phong nguyệt,

hạ phẩm làm quỷ tiêu tán. Đến khi năng lực và phước đức hết rồi, phải theo nghiệp báo mà chịu luân hồi.

Lại nữa, có người chỉ phạm giới dâm dục, nhất định phải đọa vào loài ma. Thượng phẩm là Ma Vương, trung phẩm làm Ma Dân, hạ phẩm làm Ma Nữ. Đến khi phước hết thì theo nghiệp báo luân hồi, một khi mất thân người muôn kiếp khó trở lại.

Lại nữa, có người chỉ phạm giới trộm cướp, chắc chắn phải đọa vào loài tà ma. Thượng phẩm làm Yêu Tinh, trung phẩm làm Yêu Quái, hạ phẩm làm người tà. Đến khi tà khí tiêu hết phải theo nghiệp báo luân hồi.

Lại nữa, có người chỉ phạm giới vọng ngữ, chuyện không nói có, chuyện có nói không, chưa chứng nói chứng, đầu óc trống rỗng, nhất định phải đọa vào loài yêu quái. Thượng phẩm làm Ly My, trung phẩm làm Vọng Lượng, hạ phẩm làm Y Thảo phụ mộc. Đến khi yêu khí tan hết phải theo nghiệp báo luân hồi, một khi mất thân người khó mà trở lại được.

Lại nữa, có người luôn sân hận, mặc dù có phước đức, nhưng nhất định phải đọa vào đường ác, làm A Tu La. Thượng phẩm làm a tu la vương,

trung phẩm làm dân a tu la, hạ phẩm làm nữ a tu la. A Tu La thường ưa thích đánh nhau, nên chịu đau khổ vô cùng. Đến khi phước hết phải chịu nghiệp báo luân hồi, một khi mất thân người khó mà trở lại được.

Vì sao? Vì người tu hành nếu ăn thịt mà muốn thành tựu đạo nghiệp thì khác nào nhận giặc làm con để mong cầu thân thích, là điều không thể được.

Người tu hành nếu uống rượu mà muốn thành tựu đạo nghiệp, cũng như uống thuốc độc để được an vui, là điều không thể được.

Người tu hành nếu phạm giới dâm dục mà muốn thành tựu đạo nghiệp, cũng như nấu cát mong thành cơm thì không thể được.

Người tu hành nếu phạm giới nói dối, lấy giả làm thật mà muốn thành tựu đạo nghiệp, cũng như kẻ nghèo hèn mà tự xưng mình là vua để cầu giàu sang là điều không thể được.

Những người thường giận hờn, hay tranh đua ganh tị với mọi người, thiếu lòng từ bi bình đẳng, lại muốn thành tựu đạo nghiệp; giống như kẻ chèo thuyền bị thủng đáy mà muốn vượt qua biển cả, cuối cùng thuyền chìm xuống biển. Kẻ này tự chuốc họa lạc, chứ không phải Phật không cứu.

Vì thế, chúng sinh muốn thành tựu quả Bồ-đề vi diệu, tự mình phải giữ giới thanh tịnh, thà hy sinh thân mình, chứ không phạm giới cấm, người đó nhất định sẽ thành Phật.

Đức Phật dạy:

- Này Văn Thù Sư Lợi! Người chứng đắc quả Phật là nhờ giữ giới thanh tịnh; tâm luôn chân thật kiên cố; tu hành bình đẳng không phân biệt kẻ oán, người thân; khiêm tốn tìm thầy học đạo; từ bi, nhẫn nhục, tinh tấn tu hành, đoạn trừ phiền não; việc khó làm mà làm được, điều khó xả mà xả được, tìm cầu học hỏi; cho đến gieo trồng tất cả hạt giống trí tuệ.

**TRẺ TU HÀNH TRAI GIỚI, LÚC VỀ GIÀ PHÁ GIỚI,
ĐIÊN ĐẢO, MẮC QUẢ BÁO GÌ?**

Trẻ → Tu

- * Trường trai
- * Gieo trồng căn lành

Già → Phá giới

- * Thiếu phát nguyện
- * Không kiên trì
- * Không có niềm tin vững chắc
- * Tu theo xu hướng bên ngoài
- * Phá trai ăn thịt
- * Phạm giới
- * Lìa xa minh sư
- * Cống cao ngã mạn
- * Bị 6 căn xoay chuyển
- * Theo ngũ dục lạc

GIẢNG :

Lúc trẻ tu hành, trường trai giữ giới, gieo trồng căn lành, đến khi già lại phá giới là do thiếu phát nguyện, thiếu kiên trì, không có niềm tin vững chắc, tu theo xu hướng bên ngoài, không lo nuôi dưỡng hạt giống bồ đề trong tâm, suốt ngày chạy theo ngoại cảnh. Vì nguyên nhân ấy, càng về già tâm càng lười biếng, buông lung, dễ tạo nghiệp ác, không có lập trường, phá trai, phạm giới, xa lìa minh sư, cống cao ngã mạn, bị sáu căn xoay chuyển, chạy theo ngũ dục

lạc. Cho nên, ngày một lún sâu vào trong biển sanh tử, không bao giờ thoát khỏi bến mê.

Do đó, chúng ta muốn thấy được Phật Tánh thì phải tinh tấn tu hành, trì trai giữ giới, tạo cho mình một niềm tin vững chắc, biết nhẫn nại vượt qua mọi nguy khó, sống an trú trong chánh niệm, thì Tánh Giác sẽ hiển lộ. Khi Phật Tánh đã hiển lộ, mọi hận thù đều xóa tan tất cả, không còn vướng mắc vào một cảnh nào, quả Phật ắt có ngày thành.

Một hôm, thiền sư Đại Mai hỏi Mã Tổ:

- Thế nào là Phật?

. Mã Tổ trả lời:

- Tâm là Phật. (Tâm tức Phật).

Thiền sư Đại Mai lãnh hội, liền lên núi cao tu hành. Trải qua thời gian dài, Mã Tổ cho người lên kiểm tra xem Đại Mai có còn giữ được tâm niệm như xưa không. Vị đệ tử của Mã Tổ thăm hỏi xong, liền nói:

- Ngày xưa Mã Tổ dạy ông “tức tâm tức Phật” nhưng bây giờ ngài lại dạy: “vô tâm vô Phật.

Nghe xong thiền sư Đại Mai bảo:

- Thăng cha Hòa thượng đó thật là láo phét, ta đã thâm hội nó rồi, ai nói gì thì nói ta cũng không nghe theo.

Điều này chứng minh rằng, niềm tin chân chánh rất quan trọng trong sự tu hành của mỗi người. Hễ có niềm tin thì sẽ đạt được những điều mong muốn. Vì thế, Đức Phật dạy:

“Nhu tăng đá kiên cố

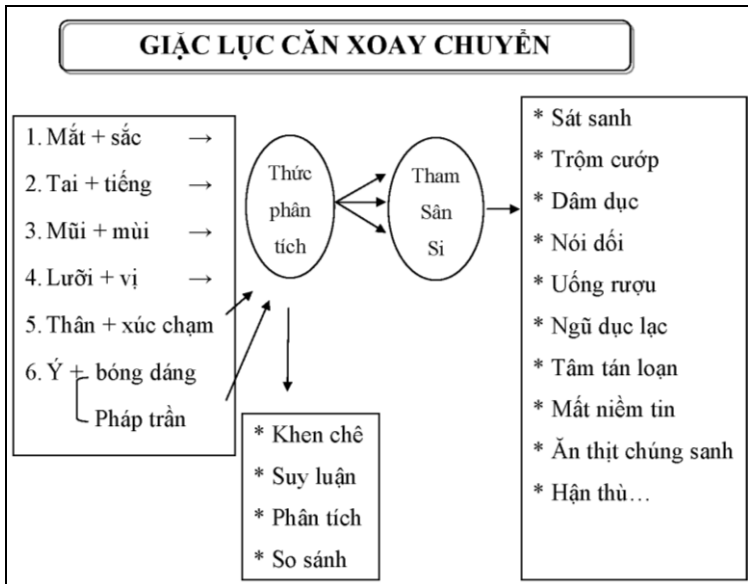
Không gió nào lay động

Cũng vậy, giữa khen chê

Người trí không dao động”.

Pháp Cú 81

Chúng ta lúc trẻ tu hành tinh tấn, nhưng về già lại phóng túng, giải đãi, nguyên nhân chủ yếu là do không phát nguyện kiên cố, nên bị tâm thức xoay chuyển và không có niềm tin kiên cố.



Nghĩa là khi mắt chúng ta thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý mang bóng dáng của pháp trần. Sáu căn này tiếp xúc với sáu trần liền khởi lên sự phân biệt, so sánh, khen chê... Khi ý thức đã xen vào thì ba độc tham, sân, si khởi lên, tạo ra bao nghiệp ác như sát sanh, trộm cắp, dâm dục, nói dối, uống rượu...

Nếu người sát sanh thì sẽ lạc vào thân đạo, hạng cao làm quỷ vương, hạng vừa làm quỷ dạ xoa, hạng thấp làm quỷ la sát. Quỷ Dạ Xoa khi đến địa ngục, tuân theo lệnh của Diêm vương, thường lột da xẻ thịt những tội nhân đã từng tạo ác nghiệp. Khi đã thành quỷ, ác báo cứ vay trả hoài không bao giờ cùng tận. Hễ mất thân người rồi, muôn kiếp khó gặp lại.

Bị làm quỷ là do kiếp trước gây nhân ác, sau khi chết liền bị đọa. Quỷ có khả năng biến hóa, thích ăn thịt và uống máu, hình dạng xấu xí. Có bốn loại quỷ: quỷ la sát, quỷ tà xá xà, quỷ dạ xoa và ngạ qu quỷ. Quỷ la sát thường ăn thịt người, nhất là thịt trẻ con.

Khi Đức Phật còn tại thế, có xuất hiện loài quỷ la sát chuyên đi bắt trẻ con để uống máu và ăn thịt. Trải qua thời gian dài, nó giết rất nhiều trẻ con, làm cho nhiều bà mẹ đau khổ vì mất con. Một hôm, họ kéo nhau đến bạch Phật, Phật liền phóng hào quang đến bắt một đứa con của quỷ la sát. Khi nó xách đứa

trẻ đầy máu me về cho con nó ăn, thấy mất một đứa con của mình, nó đau khổ, lăn lộn, gào thét vang trời rồi đi khắp nơi để tìm con. Sau đó, biết Phật đã bắt, nó tìm đến chỗ Phật đòi con lại. Đức Phật bảo nó:

- Này quỷ la sát! Tại sao ngươi chỉ mất một đứa con mà lại đau khổ như thế? Mỗi ngày, ngươi giết hại biết bao nhiêu đứa trẻ, sao ngươi không biết nghĩ đến nỗi đau mất con của các bà mẹ như ngươi.

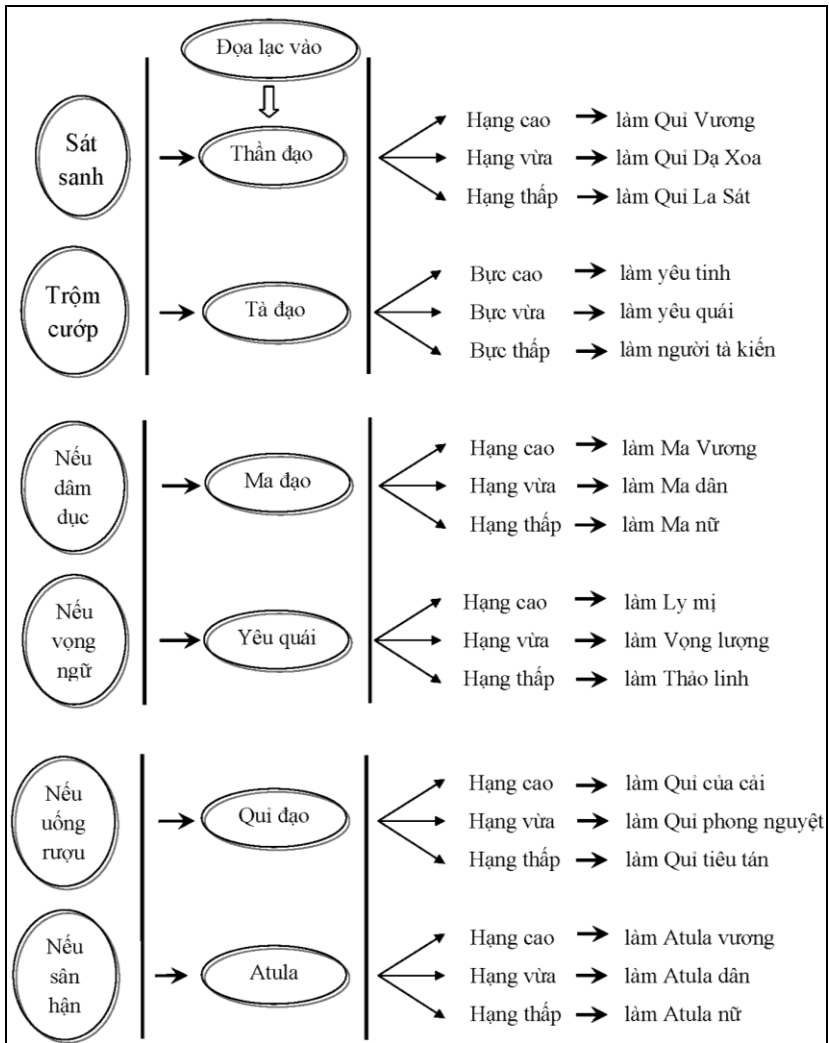
Quỷ đáp:

- Bạch Thế Tôn! Con vẫn biết điều đó, nhưng loài quỷ như chúng con, ngoài ăn thịt và uống máu ra, chẳng ăn được thứ khác được.

Đức Phật bèn khuyên nó quy y Tam Bảo, rồi sẽ có thức ăn thường xuyên và sẽ trả con lại. Nghe nói thế, nó liền chấp nhận quy y Tam Bảo, nguyện không bao giờ ăn thịt trẻ con nữa. Sau đó, Phật dạy Chúng Tăng mỗi khi cúng cơm quá đường, lấy bảy hạt bỏ vào một cái chén, chú nguyện rồi đem cho La Sát ăn. Nhờ thần lực chú nguyện của Chư Tăng, bảy hạt cơm đó biến khắp hư không, các loài quỷ mới có thể ăn được. Từ đó về sau không còn xảy ra việc mất trẻ con nữa.

Nếu trộm cướp thì lạc vào tà đạo, bậc cao làm yêu tinh, bậc vừa làm yêu quái, bậc thấp làm người tà kiến.

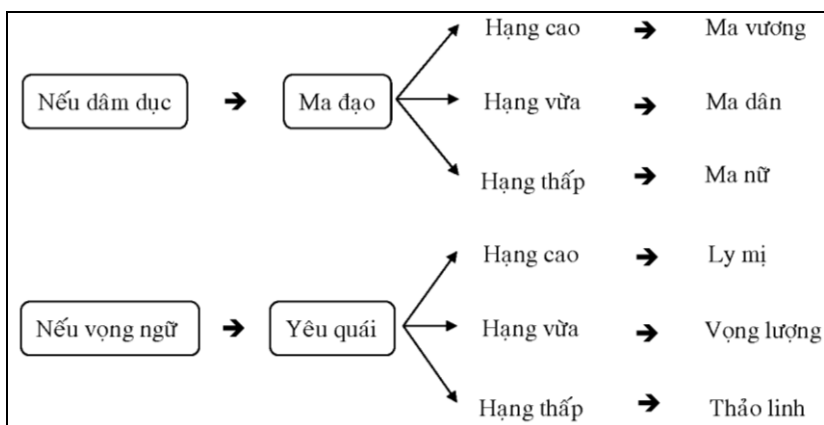
Yêu tinh là những hồn ma hiện đủ hình tướng, dùng phép thuật để gạt gẫm hoặc hại người. Loài này ở trong thế giới Ta Bà, vì cõi này là nơi ở của năm loại chúng sanh (ngũ thú tạp cư địa), ngoài loài người ra còn có rất nhiều loài sinh sống nữa, chúng ta là người phàm, năng lực còn yếu nên không thể thấy được .



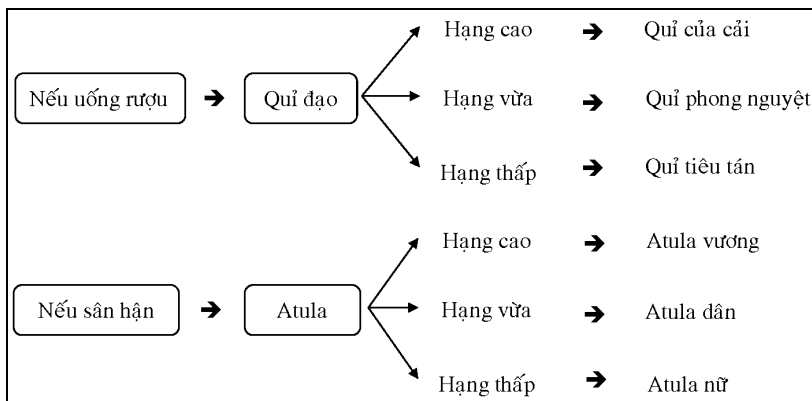
Tà kiến là những quan niệm sai lầm.

Nếu người phạm tội vọng ngữ, bị đọa làm yêu quái. Hạng cao làm Ly Mị, tức những con ma biến hóa ra để gạt gẫm người khác. Hạng vừa làm Vọng Lượng. Hạng thấp làm Thảo Linh. Như có người

muốn gặp bà con dòng họ chết lâu ngày, khi họ chơi cầu cơ, yêu quái này biết rõ tâm niệm của họ nên ứng hiện trong cơ, rồi giả nói là cha mẹ hay chú bác cô dì của họ lâu nay bị đọa nên rất đói khát khổ sở, bây giờ hãy cúng cho ăn. Do thiếu trí tuệ, tưởng đó là thật nên phải cúng cho nó ăn chứ thật ra, đó chưa chắc là bà con dòng họ của mình.



Nếu ai trước đây đã tu hành rồi mà nay phạm vào giới uống rượu thì sẽ lạc vào quỷ đạo. Hạng cao bị làm quỷ của cải, hạng vừa làm quỷ phong nguyệt, hạng thấp làm quỷ tiêu tán.



Quỉ cửa cải là những loại quỉ khi ta cúng thì chúng có thể đến ăn được.

Quỉ phong nguyệt thường làm mưa làm gió, phá hại mùa màng và con người.

Quỉ tiêu tán là loại quỉ thường phá hoại việc làm ăn của con người. Hễ con người làm gì, nó theo để phá, làm cho gia nghiệp tiêu tan, không bao giờ thành công.

Nếu người sân hận sẽ bị lạc vào A Tu La. Hạng cao làm A Tu La Vương, hạng vừa làm A tu la dân, hạng thấp làm A tu la nữ. Loài này cũng ở cõi trời, vùng ven biển, dưới chân núi hoặc trong hang động, nhưng hang động của nó có đèn đài cung điện rất đẹp. A tu la nam rất xấu còn A tu la nữ rất đẹp. Nó có thần thông biến hóa khắp nơi, có thể hiện thân lớn hoặc thân nhỏ. Nếu chúng ta không muốn bị đọa lạc như trên thì phải tinh tấn tu hành, không thoái tâm bỏ-đề,

không giải đãi, phóng dật đọa lạc. Khi giác ngộ, phải kiên trì giữ gìn những giới luật sau:

Trường trai, không ăn thịt chúng sanh. Nếu muốn thành Phật, chúng ta phải thực hành hạnh Bồ-tát; hoặc muốn về Tây phương Cực Lạc của Phật A Di Đà, cũng phải hành hạnh Bồ-tát mới về được.

Giữ giới luật để không gây nghiệp ác, phải chân thật, không dối trá; chân thật với bản thân và chân thật với mọi người. Khi mình tham, liền biết mình đang còn tham; khi giận liền biết mình đang giận, khi mình còn nhiều tính xấu, phải biết mình xấu chứ đừng có che đậy, hoặc tự bào chữa cho mình.

Bình đẳng tức là chúng ta nên hiểu rằng, mọi người đều có Phật tánh, có Tánh Giác như nhau, không ai hơn ai, kể cả Đức Phật cũng vậy

Khiêm tốn là hạnh vô ngã: Thân người là do tứ đại hợp lại mà thành, là giả danh, giả ngã, thân xác này là giả tướng, không có gì thật cả, vì khi chết tứ đại sẽ tan rã, chẳng có gì khiến chúng ta phải quyến luyến, chấp thủ. Khiêm tốn một chút cũng chẳng mất mát gì mà lại đạt nhiều thuận duyên trong quá trình tu học. Tuy thế, nhưng khó có người giữ được hạnh này.

Cầu học minh sư: Chúng ta nên cầu thầy học đạo, nhờ có minh sư chỉ bảo, chúng ta mới có thể hiểu

sâu giáo lý, thực hành đúng theo lời chư Phật đã dạy, mau chóng tiến lên bờ giác.

Nhẫn nhục là để điều hòa tâm ý: Khi tụng kinh hay lúc ngồi thiền hoặc ở bất cứ trường hợp nào chúng ta cũng phải điều thân và điều tâm. Nếu thân bệnh, tâm sẽ bị loạn động, tâm bệnh thì thân cũng bất an.

Tinh tấn: Là lòng kiên trì, không dừng nghỉ. Chúng ta nên làm những việc khó làm, bỏ những việc khó bỏ; giống như tham, sân, si rất khó bỏ, nhưng chúng ta là người tu theo Phật, phải quyết tâm trừ bỏ tất cả những tật xấu ấy. Ngoài ra, cũng nên thực hành các điều thiện, dù cực khổ, khó khăn đến đâu cũng phải kiên trì.

Phát triển hạt giống trí tuệ tức là phải tu tập giới, định, tuệ. Vì giới, định, tuệ là nền tảng vững chắc giúp cho người tu thăng tiến đến Niết bàn. Vì vậy, chúng ta phải giữ giới để sanh định, Từ Định sẽ phát sanh trí tuệ.

Cột tâm lấy giới làm giây

Lắng tâm lấy định dựng xây đạo tràng

Rõ tâm lấy huệ soi đường

Tâm không cảnh định Niết Bàn an vui.



CÂU HỎI SỐ 25: Không Tu. Chết, Rước Thầy Cúng, Có Được Siêu Không?

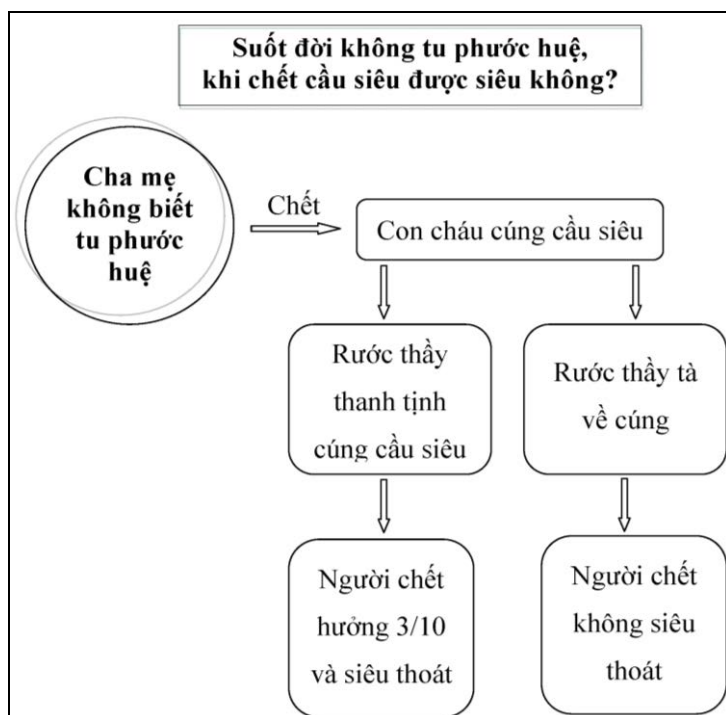
Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi hỏi:

- Kính Bạch Đức Thế Tôn! Có người lúc còn sống không chịu tu phước tuệ, sau khi chết, con cái bày tỏ lòng hiếu thuận, thỉnh thầy tụng kinh Đại thừa, cúng dường trai tăng, lập đàn chẩn tế để cầu hương linh siêu độ. Vậy hương linh này có siêu thoát được không?

Đức Phật dạy:

- Nay Văn Thù Sư Lợi! Có người lúc còn sống không chịu tu phước thiện gì, sau khi chết có con cháu làm việc công đức thì mười phần công đức, hương linh chỉ hưởng được ba phần. Vì sao? Vì khi làm phước, người sống đem tiền của và sức lực của mình để cúng dường chứ không phải người chết cúng. Do vậy, những người con cháu này được phước báo nhiều hơn hương linh. Nếu con cháu làm việc phước đức mà mời những kẻ uống rượu, ăn thịt, không thanh tịnh đến tụng kinh, lập đàn chẩn tế thì thiên thần không giáng lâm, thánh hiền không đến dự, chỉ gây thêm tội lỗi khổ lụy cho hương linh. Còn như con cái hiếu thuận thật sự, sau khi cha mẹ mất rồi, mỗi tuần một thất, làm

chay đủ bảy thất; suốt ba năm cả nhà ăn chay, giữ giới, xuất tiền của thanh tịnh, thỉnh quý thầy tu hành thanh tịnh, giới đức trang nghiêm đến tụng kinh điển Đại thừa, thiết lễ trai tăng, lập đàn chẩn tế, đúng như pháp mà cúng dường. Tang quyến chí thành thay thế hương linh cầu xin sám hối, giải bày lỗi lầm, cầu xin phước đức cho hương linh; tang quyến biết cách cầu siêu như vậy thì hương linh được siêu thoát; hoặc sanh lên cõi trời; người sống cũng được phước. Kể còn, người mất đều được an vui, thần thánh hoan hỉ.

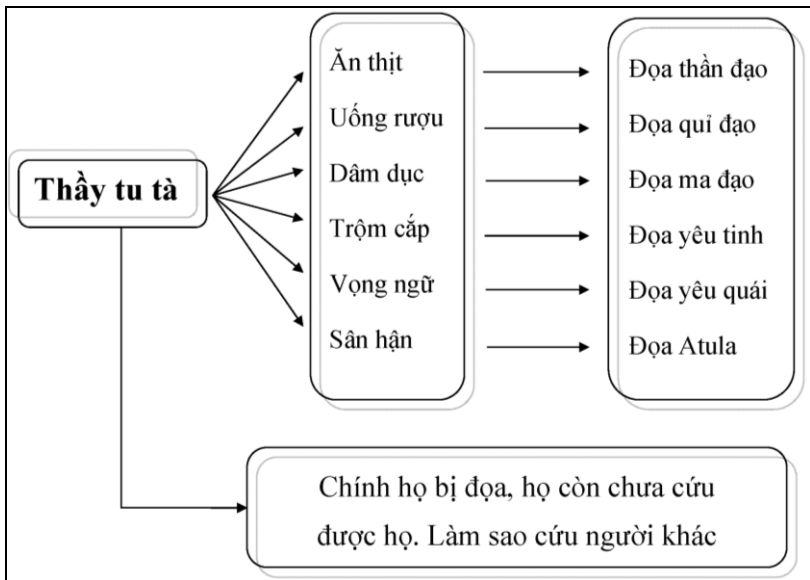


GIẢNG :

Đoạn này, bồ-tát Văn Thù hỏi Phật, những người ở đời không đi chùa, không quy y Tam Bảo, không biết làm phước, không biết Phật pháp... khi họ chết rồi, con cháu muốn cầu siêu cho họ, vậy họ có siêu không?

Đức Phật dạy: cũng được, nhưng phải biết cách. **Nếu rước thầy tà**, những người ăn thịt, uống rượu, không thanh tịnh...đến tụng kinh cầu nguyện, thì thiên thần không giáng lâm ủng hộ, thánh hiền không đến dự, càng tạo thêm tội lỗi cho hương linh.

Thầy tà là ai?



Là người ăn thịt, bị đọa làm thần, chính họ chưa được siêu thì làm sao có thể làm cho người khác siêu; người uống rượu, bị đọa vào quỷ đạo; người dâm dục, bị đọa vào ma đạo; người trộm cắp, lường gạt, thành yêu tinh; người vọng ngữ thì thành yêu quái; người sân hận, thành a tu la; những vị này chắc chắn không siêu được. Chính họ đã bị đọa, họ chưa cứu được họ, làm sao cứu ai được ! Vì cha mẹ mình vốn không có phước đức, lại tạo nhiều tội lỗi, không có trí huệ, tha hồ sống theo ngũ dục lạc, không biết quay đầu cầu sanh về cảnh lành, nếu như vậy, thì làm sao siêu được?

Nếu tỉnh những bậc tu hành đức độ, thanh tịnh, trai giới cầu nguyện, thì trong mười phần công đức, hương linh được hưởng ba phần, bảy phần còn lại thuộc về người làm. Chúng ta muốn cầu siêu cho ông bà, trước hết phải tu thân. Khi chúng ta quỳ trước linh sàng cầu nguyện, tâm thành của chúng ta quan trọng hơn ông thầy tụng. Nếu tỉnh được thầy thanh tịnh nữa thì sự cầu nguyện mới thành tựu mỹ mãn. Như bà Thanh Đề đã không cúng dường lại còn thê thốt nói đã cúng nên bị đọa địa ngục. Tôn giả Mục Liên muốn cứu mẹ phải chờ ba tháng Chư Tăng an cư kiết hạ xong, sắm sửa phẩm vật chay, thanh tịnh cúng dường, cầu thỉnh Chư Tăng thanh tịnh chú nguyện thì bà mới thoát khỏi địa ngục. Cũng vậy, con cháu muốn

cầu siêu cho ông bà cha mẹ, phải như lời Phật dạy, lòng thành kính, tâm thanh tịnh, thỉnh thầy trai giới, đạo hạnh thì sự cầu siêu mới có kết quả tốt đẹp. Vì vậy, Đức Phật nhắc nhở chúng ta:

“Điều cha mẹ, bà con

Không có thể làm được

Tâm hướng chánh làm được

Làm được tốt đẹp hơn”.

Pháp Cú 43

CÂU HỎI SỐ 26: Sao Gọi Là Minh Sư **Khẩu Quyết?**

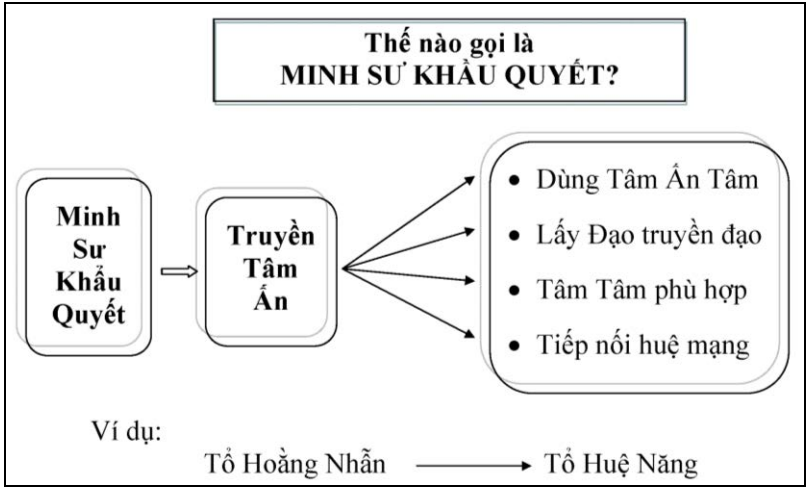
Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi hỏi:

- Kính Bạch Đức Thế Tôn! Khi làm Bạc thầy, phải chỉ dạy như thế nào? (Thế nào là Minh Sư Khẩu Quyết?)

Đức Phật dạy:

- Nay Văn Thù Sư Lợi! Sau khi Như Lai diệt độ, các Bồ-tát phải truyền tâm ấn và kế thừa tuệ mạng của Đức Như Lai. Mỗi ông nên đi giáo hóa một phương, khai thị chỉ dạy cho chúng sinh có duyên với mình mà họ chưa được khai ngộ, dạy cho họ hiểu biết nhân quả đúng đắn, tu hành chân chánh để hàng phục tà ma ngoại đạo, thực hành các công đức chân chánh thanh tịnh. Những chúng sinh không hợp căn cơ thì không độ, họ không có khả năng lãnh thọ thì không nên truyền thừa. Nếu có chúng sinh trí tuệ thông minh, tha thiết cầu đạo, thường thân cận thiện tri thức, ưa thích cúng dường, khiêm tốn cầu đạo học hỏi, thầy trò hiểu nhau, nên mới dùng tâm ấn tâm, đem đạo truyền đạo, tâm phù hợp tâm, nhiều đời tổ sư lưu truyền; đây gọi là “thiên cơ khẩu quyết”. Người có duyên

thì gặp, không luận căn cơ đốn tiệm, tất cả đều thành Phật.



GIẢNG :

Tổ Huệ Năng là người bán củi nuôi mẹ, một hôm ngang qua nhà một người, nghe họ tụng *kinh Kim Cang*, ngài liền lãnh ngộ lời kinh, bèn gọi mẹ cho người quen nuôi giùm, rồi tìm đến tổ Hoàng Nhẫn cầu học. Khi tổ Hoàng Nhẫn muốn tìm người để truyền tâm ấn, truyền y bát, tiếp nối huệ mạng Phật pháp, bèn bảo đại chúng, mỗi người làm một bài kệ trình lên. Thượng tọa Thần Tú trình một bài kệ rất hay, đề lên trên vách như sau:

Thân thị bồ đề thọ

Thân như minh cảnh đài

*Thời thời thường phát thức
Vật sử nhạ trần ai.*

Nghĩa là:

*Thân như cây bồ đề
Tâm như đài gương sáng
Lúc nào cũng lau chùi
Đừng để dính bụi nhơ.*

Tổ khen bài kệ hay và bảo mọi người chép học thuộc lòng. Thầy Huệ Năng cũng lên xem, rồi nhờ người chép bài kệ của mình cạnh bài kệ của Thần Tú:

*Bồ đề bốn vô thọ
Minh cảnh diệt phi đài
Bỏ lại vô nhất vật
Hà xứ nhạ trần ai?*

Nghĩa là:

*Bồ đề vốn không cây
Gương sáng chẳng phải đài
Xưa nay không một vật
Chỗ nào dính bụi nhơ.*

Mọi người thấy vậy đều xôn xao, Ngũ tổ đến xem xong, biết Huệ Năng đã thấy Tánh, nhưng ngài

giả bộ chê dở, lấy dế chà xóa bỏ. Đại chúng thấy Tổ chê cũng không để ý đến bài kệ của Thầy Huệ Năng nữa.

Một hôm, tổ xuống nhà bếp thấy Sư Huệ Năng đeo đá giã gạo, Tổ hỏi:

- Gạo trắng chưa?

Sư trả lời:

- Thưa thầy! Gạo đã trắng rồi nhưng chưa ai sàng.

Tổ biết sư đã tỏ ngộ, liền gõ lên cối ba tiếng. Sư hiểu ý, canh ba lên phòng tổ. Tổ bèn giảng *kinh Kim Cang*, khi nghe đến câu: “Bất ưng trụ sắc sanh tâm. Bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm. Ưng vô sở trụ nhi sanh kì tâm”. Sư liền thấy được Tánh Giác của mình, nó vốn không trụ nơi nào, nó chỉ BIẾT thôi: khi buồn biết mình đang buồn, mình vui biết mình đang vui, mình giận biết mình đang giận, mình thương biết mình đang thương..., nhưng Tánh Giác Biết không có hình tướng, Nó không buồn, vui, giận, thương... Nó chỉ BIẾT thôi mà không phân tích. Sư liền thốt lên:

“Nào ngờ Tự Tánh vốn tự thanh tịnh

Nào ngờ Tự Tánh vốn tự đầy đủ

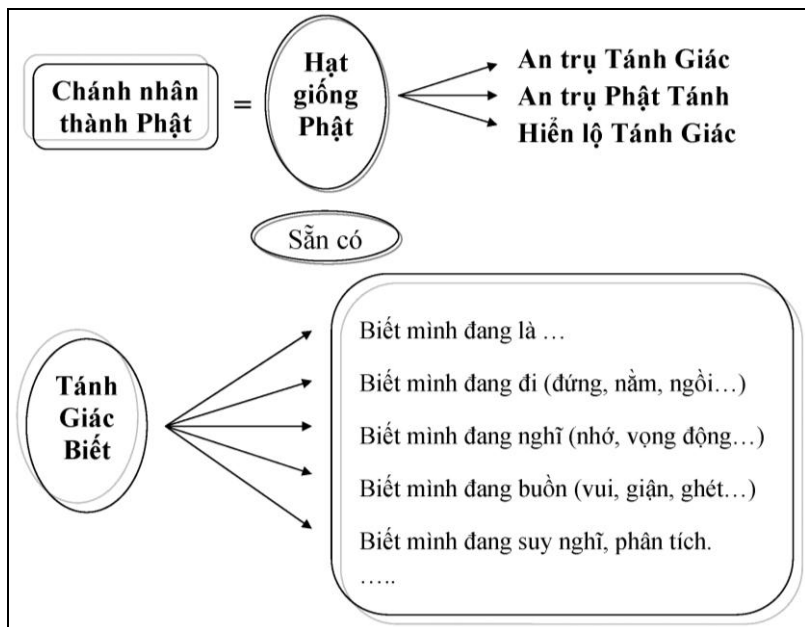
Nào ngờ Tự Tánh vốn không sinh diệt

Nào ngờ Tự Tánh hay sinh muôn pháp”.

Tổ nghe qua biết Sư đã ngộ được bần tâm, bèn nói: “Nếu chẳng nhận ra bần tâm của mình, học pháp cũng vô ích; người nhận ra Tánh Giác của mình là bậc đại trượng phu; người đó là Phật, là thầy của trời người”. Tổ liền truyền y bát cho sư.

Vì thế, chúng ta tu hành, phải nhận được bản tâm chân thật, hiển lộ được Phật Tánh, mới có thể tiếp nối huệ mạng Phật Pháp, khai thị cho những chúng sanh đủ nhân duyên với đạo.

Sau khi Phật diệt độ, các Bồ-tát phải dạy cho chúng sinh hiểu biết chánh nhân, chánh quả, chánh tu để mỗi chúng sinh đều hiển lộ được Phật Tánh, giác ngộ thành Phật.

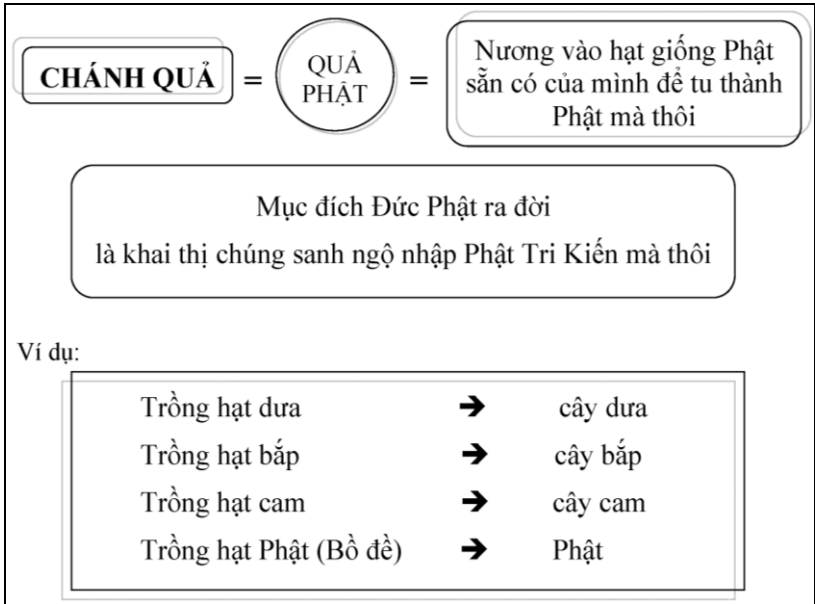


Chúng ta phát tâm tu hành, không phải muốn cầu phước báo, cầu quả Thanh văn, Duyên giác và Bồ-tát, mà chỉ cầu thành Phật. Muốn thành Phật, phải gieo hạt giống Phật, tức gieo chánh nhân thành Phật: an trú Tánh Giác, an trú Phật Tánh, hiện lộ Tánh Giác.

Dạy chánh tu tức là dạy chúng sanh gieo trồng hạt giống Phật chứ không phải các hạt giống của ba quả Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát .



Chánh quả tức là quả Phật, mỗi người tu hành phải quyết tâm cầu quả Phật, Vô thượng Chánh đẳng Chánh Giác.



Những chúng sanh không đủ căn cơ thì không độ, không đủ khả năng thọ lãnh thì không truyền. Tổ Bồ Đề Đạt Ma 80 tuổi, khi qua Trung Quốc hành đạo, chín năm ngồi thiền xây mặt vào vách để chờ thời cơ... Khi Huệ Khả chặt tay cầu đạo, thưa rằng:

- Xin tổ an tâm cho con.

Tổ bảo:

- Đưa tâm đây ta an cho.

Huệ Khả ngơ ngác hồi lâu rồi thưa:

- Con tìm tâm không thấy.

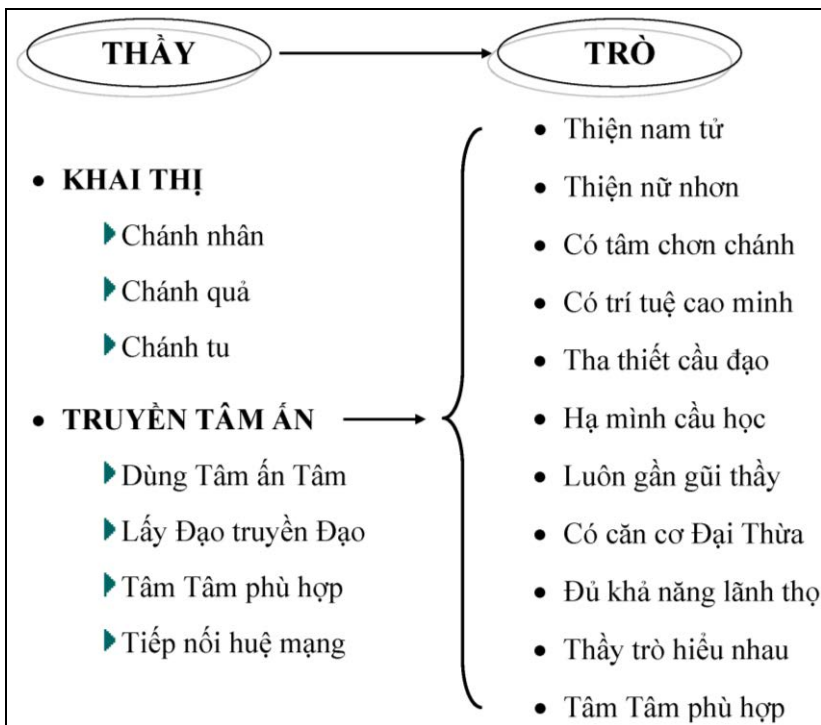
Tổ nói:

- Ta đã an tâm cho ngươi rồi đó.

Huệ Khả liền giác ngộ, biết những điều lằng xằng trong tâm trước đó, chúng chỉ là tâm thức, là vọng tâm, gặp cảnh thì sinh, hết cảnh thì lặn. Nay Tổ bảo đem tâm vọng đó ra thì không thể, vì nó đã trôi qua mất rồi. Chỉ có Tánh Giác biết mới thanh tịnh, thường hằng.

Như vậy, chúng ta phải tha thiết hạ mình cầu đạo, quyết tâm cầu đạo, không tiếc thân mạng như ngài Huệ Khả mới xứng đáng được tổ truyền tâm ấn. Tổ phải vượt đường xa vạn dặm, ngồi đợi chín năm mới gặp người xứng đáng, có căn cơ đại thừa như Huệ Khả để truyền trao. **Đại thừa là gì?** Là nói về Phật Tánh thanh tịnh, chỉ có Tánh Giác mới là ĐẠI. Khi mình hiểu và tin chắc mình có Tánh Giác đang hiện hữu, tức là mình có căn cơ Đại Thừa.

Thầy truyền đạo cho trò phải hội đủ các yếu tố như vậy. Thầy trò hiểu nhau, tâm tâm phù hợp. Thầy dạy cho đệ tử **chánh nhân**, tức chỉ cho đệ tử thấy Phật Tánh có sẵn trong tâm đệ tử; **chánh quả** tức khuyến khích đệ tử tu cho đến quả Phật, **chánh tu** tức tu hạt giống Phật chứ không phải hạt giống khác. Sau khi thấy đệ tử đủ khả năng, căn cơ lãnh thọ; thầy mới “dùng tâm ấn tâm, lấy đạo truyền đạo” được.



Lấy đạo truyền đạo là thâm hội trong chính mình và tất cả chúng sinh có một cái không hình tướng, không già không chết, thường hằng bất biến, thanh tịnh màu nhiệm, đó là Tánh Giác, là Phật Tánh. **Đắc đạo** là an trú được Tánh Giác này đây. Thầy muốn truyền đạo, phải hiển lộ tánh giác. Trò muốn thọ lãnh, cũng phải có tâm tương ứng với thầy. Như thế mới có thể nối tiếp huệ mạng đạo pháp được. Thiền sư Hương Hải nói rất hay:

*“Nghe lại điều mình thấy những ngày
Suy đi, nghĩ lại kỹ càng hay*

Chớ tìm tri thức trong cơn mộng

Có thể mới hay nhận được thầy “

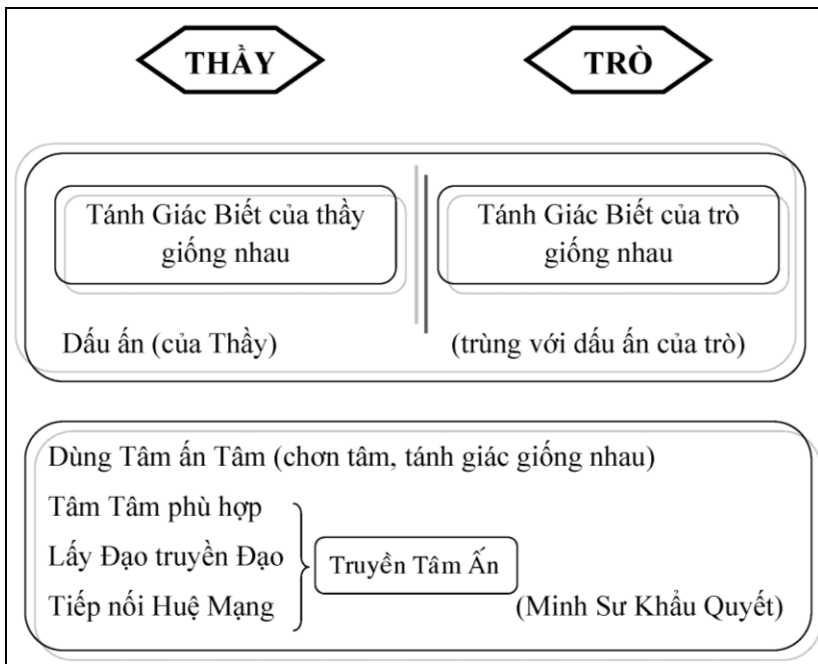
Khi thọ giới, chúng ta được tam sư, thất chứng truyền giới thân, huệ mạng. **Giới thân** là thân mình giữ giới. Thân mình gồm có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý phân tích. Khi sáu căn tiếp xúc sáu trần, thì sinh ra vọng động, phiền não. Thân mạng này thì biến dịch, thay đổi từ trẻ đến già và vô thường. Do vọng tưởng điên đảo nên thân này trôi lăn sinh tử luân hồi. Lúc giận thì làm a tu la; lúc buồn thảm thì đọa địa ngục... Còn **Huệ mạng** này, phàm phu có nhưng họ không thấy được, do bị che lấp bởi vọng niệm, điên đảo. **Huệ mạng** cũng chính là Tánh Giác Biết, nó không bị chi phối bởi phiền não, đau khổ.



Tánh giác biết của chúng sanh và Phật đều giống nhau. Nhưng chỉ khác là Phật luôn an trú trong Tánh Giác còn chúng sinh thì khi nhớ khi quên, vì lo bám theo Tâm Thức. Khi chúng ta niệm Phật, là đem tâm điên đảo nhớ Phật để nó bớt điên đảo. Nếu chúng ta niệm Phật mà tỉnh giác, biết mình đang nhớ Phật thì tâm vọng mới bớt điên đảo.

Giới Thân : thân mình giữ giới

Huệ Mạng : Tánh Giác



Nói về bậc minh sư có một câu chuyện rất hay. Ngày xưa, có một nhà vua muốn tìm minh sư để giảng *kinh Kim cang*, bèn đặt quyển *kinh Kim cang* dưới chiếu, trải ngay trước cổng thành rồi mời tất cả Chư Tăng vào cung đình để cúng dường trai tăng. Chư Tăng lần lượt giẫm lên quyển kinh để đi vào thành, riêng có một vị tăng người thấp bé, làm công quả trong chùa, luôn làm những việc nặng nhọc. Khi vị này đi ngang quyển kinh liền lộn ngược chân lên trời và nói: “Ái chà! Pháp bảo của Phật ai lại đặt dưới đất thế này!”. Vua biết đây là Thánh Tăng, bèn thỉnh lên pháp tòa, cúng dường y quý, thỉnh giảng *kinh Kim cang* làm lợi lạc cho đại chúng.

Như vậy, chúng ta thấy thật khó nhận được minh sư, khó biết Thánh Tăng, vì vậy, chúng ta phải có tâm cung kính với tất cả mọi người, như Bồ-tát Thường Bất Khinh, mới mong hiển lộ tánh giác, chứng quả thành Phật.



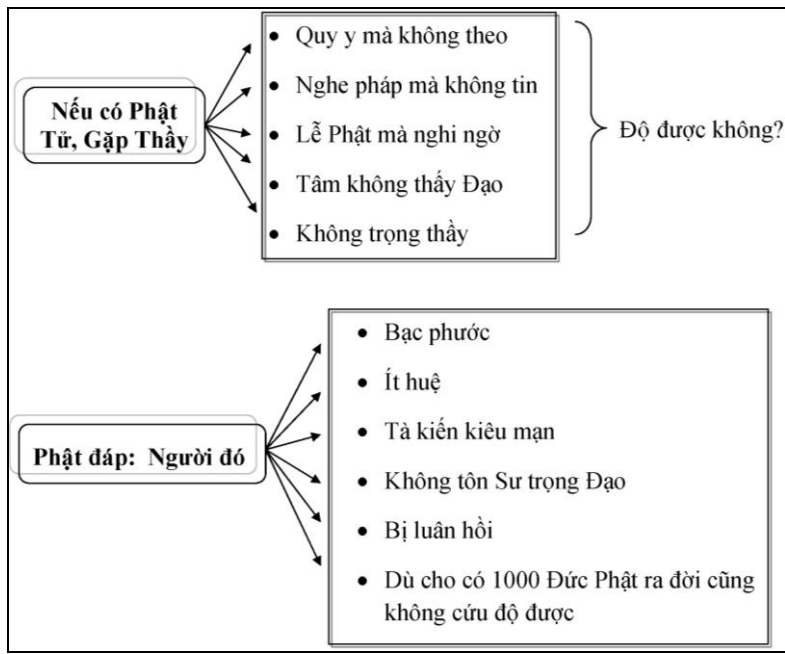
CÂU HỎI SỐ 27: Nghe Pháp, ...Nhưng Tâm Không Tin, Làm Sao Độ Họ?

Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi hỏi:

- Kính bạch Đức Thế Tôn! Nếu có kẻ thiện nam, người thiện nữ nào gần thầy nghe pháp, nhưng nửa tin nửa ngờ; giống như quy y mà như không; tuy thân lễ bái nhưng tâm nghi ngờ, tâm mình không ngộ đạo, lại đi trách thầy không khai thị. Những người như thế làm sao cứu độ?

Đức Phật dạy:

- Này Văn Thù Sư Lợi! Đây là những chúng sinh phước mỏng, huệ kém, không hiểu pháp vô vi, chấp trước sự tướng, bị tà kiến, kiêu mạn, che lấp tâm tánh, không hiểu biết sự thật. Vì sao? Vì người tu hành phải biết trọng thầy, kính pháp; nếu họ khinh thầy, không trọng pháp, đó là kẻ tăng thượng mạn. Tuy cùng đi chung với thầy, nhưng cách xa ngàn dặm; cho dù có ngàn Đức Phật ra đời cũng không thể nào cứu được họ, một khi mất thân người, muôn kiếp khó trở lại được.



GIẢNG :

Người ở gần thầy, nghe thầy thuyết pháp, nửa tin nửa nghi, quy y nhưng tâm không hướng về Đức Phật, thân tuy lễ bái Phật mà tâm còn nhiều nghi ngờ, không biết Phật này có linh hay không. Tự tâm mình không ngộ đạo, không thấy được Phật Tánh của mình, không thăm hỏi được Tánh Giác biết, nên trở lại trách thầy không chỉ dạy gì được cho mình. Ở với thầy mà chê bai, khinh khi thầy. Đức Phật dạy, những người như thế, là kẻ bạc phước, ít huệ, tà kiến kiêu mạn, không tôn sư trọng đạo, bị luân hồi. Dù cho một ngàn Đức Phật ra đời cũng không bao giờ cứu độ nổi, một khi mất thân người, muôn kiếp khó trở lại.

Quy y là quay về nương tựa Phật, Pháp, Tăng, nương tựa cả thân lẫn tâm, phải nói những điều giống như Phật nói, làm những điều giống như Phật làm, sống cuộc đời như Phật.

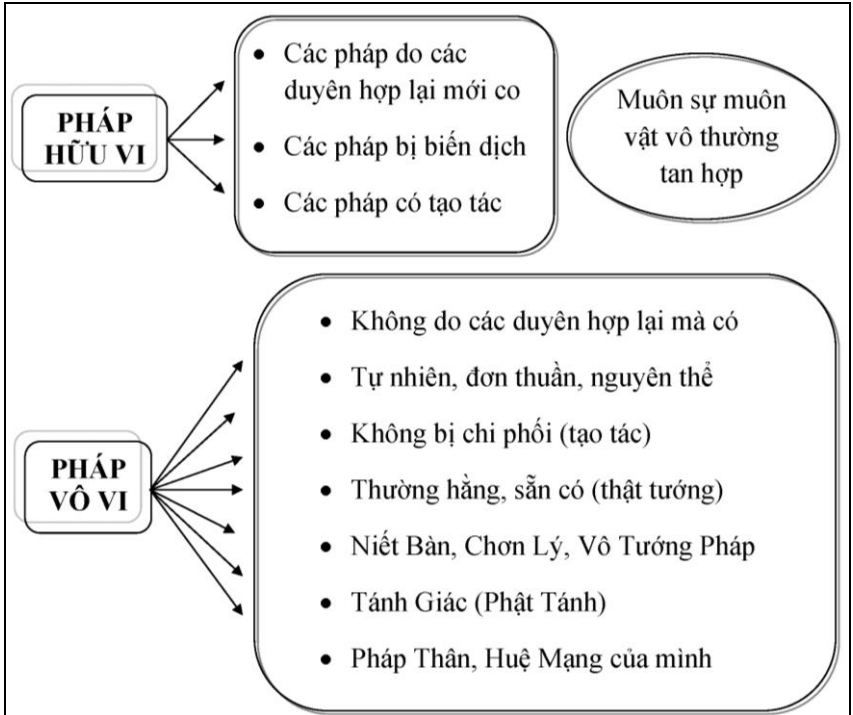
Quy y Phật mà không tin có Phật, quy y Pháp mà nghi ngờ chánh pháp, quy y Tăng mà không trọng Tăng; người như thế chẳng đạt lợi ích gì, chẳng thể tu đạo được. Cho nên, Đức Phật dạy: “Học đạo yếu môn tín tâm nhi thủ”, nghĩa là học đạo trước nhất là phải có tín tâm, đây là điều cần yếu bậc nhất, làm gì cũng phải có lòng tin mới làm được, hễ mất lòng tin thì sự việc khó thành.

Pháp chính là phương hướng, là cách sống đúng đắn, giúp ta trở thành người tốt, lợi ích cho tha nhân, là con đường giúp chúng ta tiến lên bờ giác.

Pháp có hai loại:

1. **Pháp hữu vi** là các pháp do duyên hợp lại mà thành. Các pháp là mọi sự vật hoặc sự việc có tên gọi, khi người ta nhìn vào hoặc nghe tên, họ có thể hiểu được nó một cách rõ ràng, như cái nhà, cái bàn, chiếc xe, con người... Tất cả sự vật trong vũ trụ đều do nhiều chất hợp lại mà có, danh từ Phật giáo gọi là duyên hợp. Pháp hữu vi là các pháp bị biến dịch, có tạo tác. Biến dịch nghĩa là biến đổi từ mới đến cũ, từ hợp đến tan. Tạo tác là do nhiều chất hợp lại với nhau để thành một món khác, gọi là có tạo tác.

2. **Pháp vô vi** là pháp không do duyên hợp mà có, không bị chi phối, tự nhiên, đơn thuần, nguyên thể, thường hằng, vô tướng...đó là Phật tánh của mỗi chúng sanh.



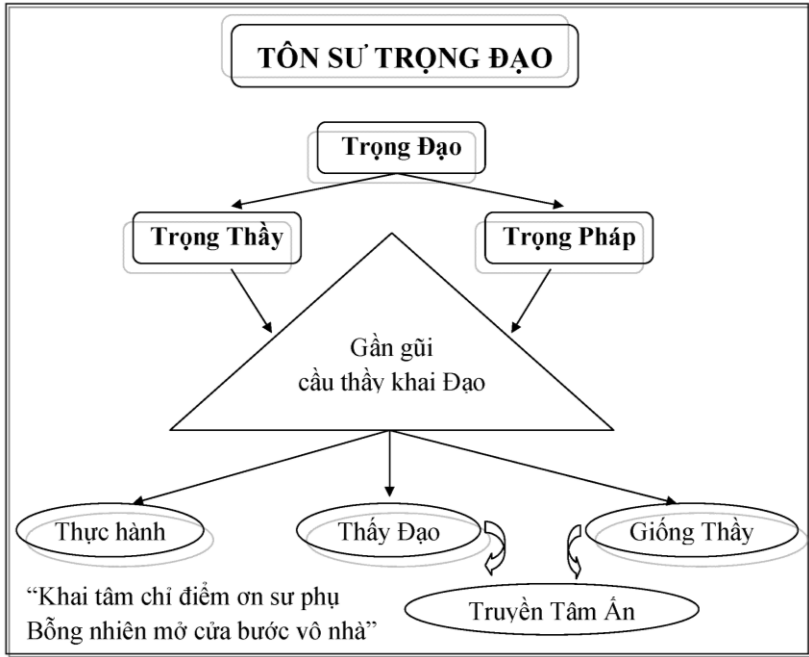
Chánh pháp là ngọn đèn soi đường chỉ lối cho chúng ta mà chúng ta nghi ngờ thì muôn kiếp phải bị đọa lạc thôi. Học đạo là thấy lại chính mình, nương theo thầy để thấy lại chính mình chứ không phải nương theo thầy để thấy ông thầy. Giống như chúng ta tu Tịnh độ mà nghi ngờ không có cõi Cực Lạc, nghi Đức Phật A Di Đà nói không đúng, nên không chịu

niệm Phật. Như thế sẽ không bao giờ an lạc, không bao giờ được sanh về cõi Phật.

Đạo giống như mạch nước ngầm ở dưới lòng đất vậy, chỉ cần chúng ta cố công đào thì sẽ gặp ngay. Đạo nằm sâu trong tâm, là Phật tánh thanh tịnh, khi hiển lộ ra, nó rất sáng suốt và vô cùng màu nhiệm. Người học đạo phải tôn sư trọng đạo, nếu không trọng thầy thì mình không học được bất cứ thứ gì từ ông thầy cả. Cho nên nói:

***“Ân giáo dưỡng một đời nên huệ mạng
Nghĩa ân sư muôn kiếp khó đáp đền”.***

Nghĩa là, khi chúng ta tu hành bị dính mắc hay chưa hiểu điều nào thì vị thầy sẽ khai mở, chỉ dẫn cho chúng ta hiểu được bản tâm, thấy được bản tánh. Và lại, trước khi đi tu, phải trọng đạo trước, vì có trọng đạo thì mới trọng thầy và trọng pháp. Nhờ trọng thầy và trọng pháp, chúng ta mới có cơ hội gần gũi thầy, cầu thầy khai đạo. Nhờ vậy, chúng ta mới nhanh chóng thâm hội được Tánh Giác của mình và biết cách an trụ với nó.



Ngày xưa, có thiền sư Long Đàm đi học đạo với thiền sư Ngộ Đạo, trải qua thời gian ba năm mà ông không thấy thiền sư Ngộ Đạo dạy gì cho ông cả, ông bèn xin đi chỗ khác tu. Thiền sư Ngộ Đạo mới hỏi nguyên do, ông thưa:

- Bạch thầy! Con đã hầu hạ thầy suốt ba năm mà không hề thấy thầy dạy hay truyền cho con một tâm yếu nào cả.

Thiền sư bảo:

- Ba năm qua ta dạy ông rất nhiều tâm yếu chứ sao lại không. Khi ông bung trà lên thì ta uống, khi ông bung cơm lên thì ta ăn, khi ông chào thì ta gật

đầu...như vậy mà ông còn bảo là ta không truyền tâm yếu gì là sao!

Nghe thầy nói thế, Long Đàm liền nhận ra Tánh Giác Biết của mình (Biết Thầy đang, Biết mình đang ...), hiểu rõ tâm yếu mà thầy muốn truyền trao, ông bèn ở lại học tiếp.

Cho nên, người học đạo muốn thành công trong việc tu tập, phải biết khiêm tốn, kính trọng thầy và tất cả mọi người. Phải tạo cho mình một niềm tin vững chắc, giữ tâm ý cho thanh tịnh, không bị chi phối bởi ngoại cảnh. Và lại, **học đạo là học chính mình**, học cách tu tâm, học khai hóa bản tâm, hàng phục được tâm. Khi rõ được tâm chính là rõ được pháp. Nếu không biết cách tu tâm thì sẽ bị đọa lạc. Nếu không thấy được Tự Tánh thanh tịnh của mình, dù có học giáo lý ngàn quyển cũng không bao giờ giải thoát.

“Đến đâu cũng cảnh ta bà

Khen chê ưa ghét hiện ra trong lòng

Hãy nhìn sâu tận bên trong

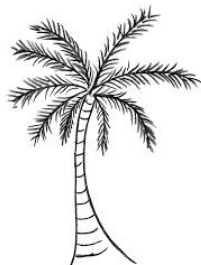
Thấy cho thông suốt bản tâm của mình

An nhiên ghi nhận phân minh

Nó đi nó đến biết mình biết ta”

Chúng ta không thể tìm an lạc trên chón núi cao, rừng sâu hay bất kỳ chỗ nào khi tâm ta còn nhiều vọng tưởng. Chỉ cần chúng ta nhận được Phật thật trong tâm thì dù ở chỗ nào tâm ta cũng đều an lạc, giải thoát. Chỉ có Phật bên trong ta mới biết nói, còn Phật

mà chúng ta thờ trên bàn không thể nói được, Đức Phật thờ trên bàn gọi là Tượng Phật, tức là tượng trưng cho Đức Phật bên trong. Chúng ta thấy Phật bên ngoài để nhớ Phật bên trong, Phật trong tâm nhắc nhở ta làm điều tốt, điều hay, tinh tấn tu hành, khuyên ta nên bỏ ác làm lành, an ủi ta, thức tỉnh ta. (Đó là lương tâm).



CÂU HỎI SỐ 28: Thân Có Đủ 7 Báu Bố

Thí Là Sao?

Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi hỏi:

- Kính bạch Đức Thế Tôn! Vì sao nói thân bồ thí có bảy thứ báu?

Đức Phật dạy:

- Nay Văn Thù Sư Lợi! Người không tham là bồ thí.

1. Mắt không tham sắc tốt đẹp là bồ thí sắc báu.

2. Tai không nghe âm thanh ưa thích, đàn sáo, ca hát trầm bổng, du dương là bồ thí thanh báu.

3. Lưỡi không tham ăn những món ăn ngon, là bồ thí vị báu.

4. Mũi không tham ngửi mùi thơm tho, là bồ thí hương báu.

5. Thân không tham mặc y phục mềm mại, tốt đẹp, là bồ thí xúc báu.

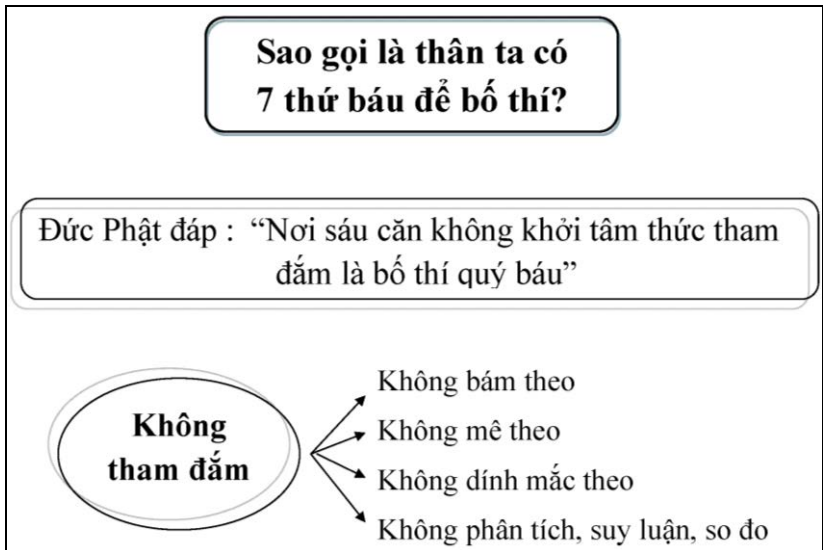
6. Ý chẳng màng danh lợi, luyện ái là bồ thí pháp báu.

7. Tánh không tham đắm dục lạc ở thế gian là bổ thí Phật báu.

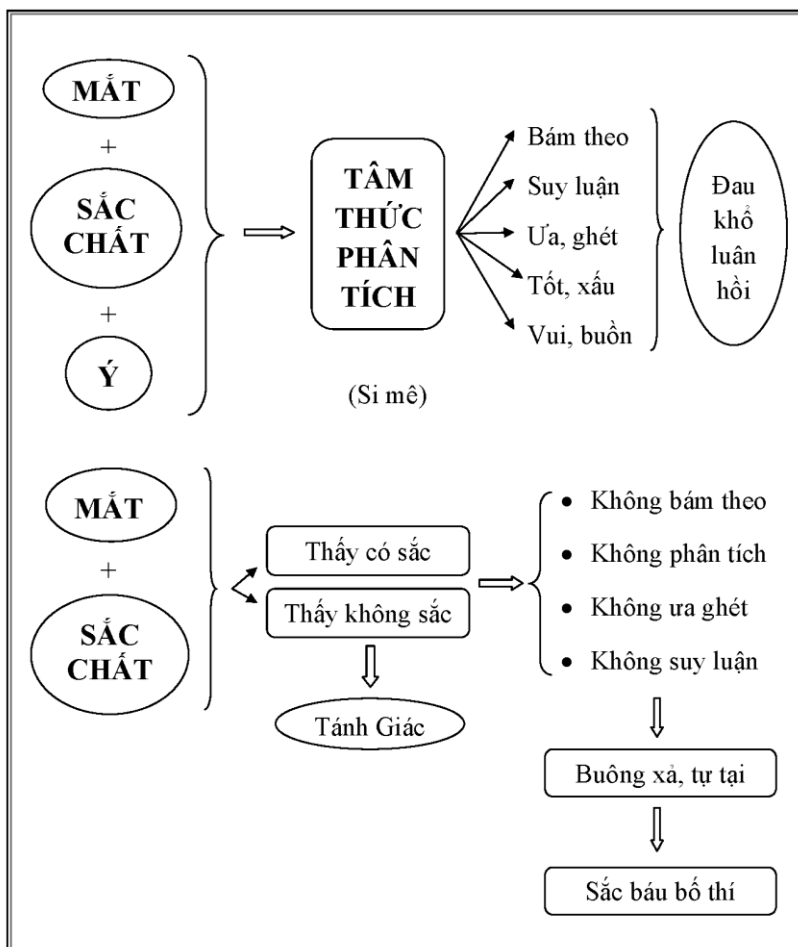
Nếu có người nào ngộ được trong thân mình có đủ bảy báu bổ thí này thì được phước đức, hơn cả đem bảy thứ báu ở thế gian như vàng bạc, trân châu, mã não, san hô, hổ phách...mà bổ thí gấp ngàn lần, cũng không thể nào sánh kịp.

GIẢNG :

Đức Phật dạy rằng, nơi sáu căn không khởi tâm tham đắm là bổ thí quý báu. Bổ thí là khi mắt thấy sắc đẹp, tâm chúng ta không đắm nhiễm, tai nghe âm thanh hay, mà không dính mắc, không phân tích suy luận, so đo theo thì gọi là bổ thí.



Mắt chúng ta khi tiếp xúc với trần cảnh tại sao lại có luân hồi, tại sao lại có bổ thí?



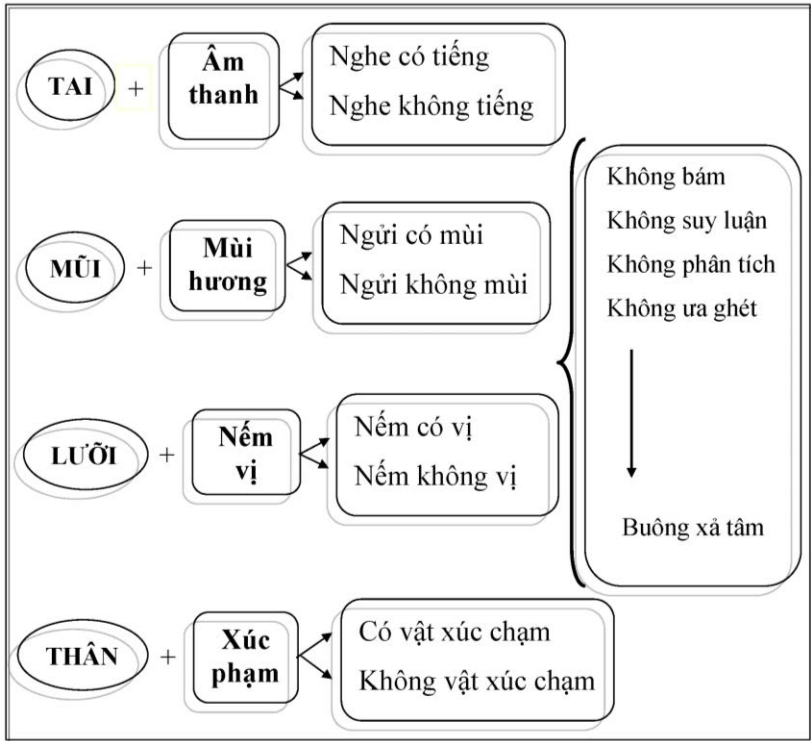
Thấy sắc chất mà bị Luân hồi là tại con mắt của mình thấy sắc chất liền dùng ý phân tích.

Khi mắt chúng ta tiếp xúc với sắc thì nên thấy có sắc và thấy không sắc thôi, lúc ấy Tánh Giác đang có mặt trong chúng ta. Tánh giác đã ngự trị trong ta thì tâm đang sáng suốt, thanh tịnh, không hề khởi tâm

tham đắm, không suy luận, không phân tích, không ưa ghét...buông xả tự tại, gọi là sắc báu bố thí:

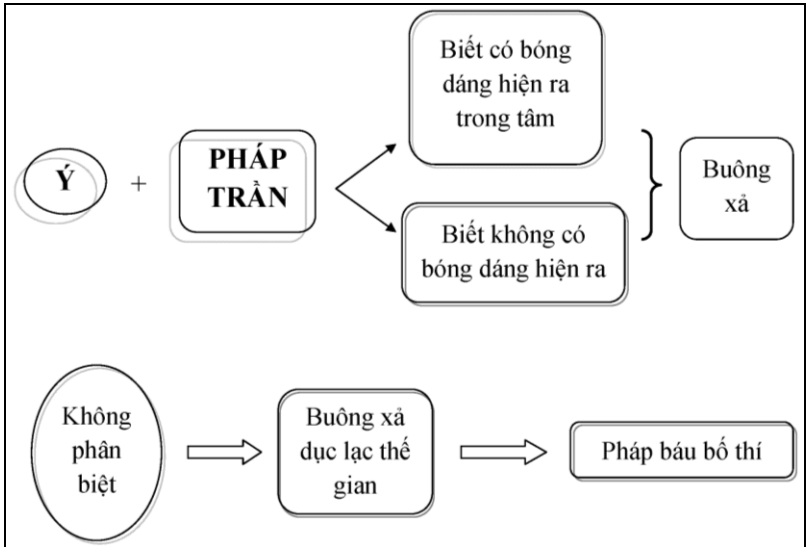
***“Thấy nghe như bệnh lừa huyễn hóa
Ba cõi như hoa đốm hư không
Xoay tánh nghe gốc lừa tiêu trừ
Trần tướng tiêu, giác tánh viên tịch.”***

Năm căn còn lại cũng tương tự như thế. Tai chỉ nghe có tiếng và nghe không tiếng. Mũi ngửi mùi thì chỉ ngửi có mùi và ngửi không mùi. Lưỡi chỉ nếm có vị và nếm không vị. Thân, khi có vật thì xúc chạm, khi không có vật thì thôi. Khi sáu căn tiếp xúc sáu trần mà không bám theo, không suy tư, không phân tích, không ưa ghét, tâm buông xả thì đạt được sắc báu bố thí, thanh báu bố thí, hương báu bố thí, vị báu bố thí, xúc báu bố thí. Những bố thí trên gọi là pháp báu bố thí.



Ý mang hình bóng của pháp trần. Pháp trần là những ký ức tốt, xấu đã qua. Khi trong tâm có bóng dáng của pháp trần hiện ra, thì ta **biết** nó đang hiện ra, trong tâm không có bóng dáng pháp trần hiện ra, ta cũng rõ **biết** nó không có gì hiện hành. Không có bóng dáng hiện ra trong tâm đó là tâm Bồ-đề. Lúc đó ta đang sống buông xả mọi tham ái nhiễm ô.

Khi cái ý bám vào phân tích thì biến thành Tâm Thức, nhưng khi tâm thức không còn phân tích nữa, lúc đó gọi là buông xả mọi dục lạc của thế gian. Khi tâm thức buông xả được thì gọi là Pháp báu bố thí.



Nếu chúng ta buông xả được tâm thì quý hơn đem vàng bạc ra bố thí.

Bố thí có hai loại: bố thí vật và bố thí tâm.

Bố thí vật là đem những thứ quý báu ra bố thí như vàng, bạc, ngọc, lưu ly, xà cừ, mã não, san hô, hổ phách, trân châu...loại bố thí này có hạn lượng.

Bố thí tâm :Nếu chúng ta buông xả được tâm thì đạt được bảy thứ báu bố thí như không tham sắc chất, không mê tiếng hay, không thích mùi thơm, không ưa vị ngon, không ham xúc chạm êm mát, không luyến pháp trần, không phân tích suy luận. Loại bố thí này không có hạn lượng.

**CÁC BẢO BỔ THÍ
CỦA THỂ GIAN
(CÓ HÌNH)**

Vàng bạc
Ngọc lưu ly (hột xoàn)
Ngọc xà cừ (Ngọc trai)
Mã não
Xan hô
Hổ phách
Trân châu (Đá quý)

Bổ thí vật



Hết (có hạn lượng)

**7 BẢO BỔ THÍ
(VÔ HÌNH)**

Không tham sắc chất
Không mê tiếng hay
Không thích mùi thơm
Không ưa vị ngon
Không ham xúc chạm êm mát
Không luyện pháp trần
Không phân tích suy luận

Bổ thí tâm



Còn mãi (vô giá)

Trong con người chúng ta có hai thứ, đó là thân mạng và huệ mạng. Thân mạng là mắt, tai, mũi, lưỡi. Huệ mạng là Tánh Giác Biết nơi mắt, tai, mũi, lưỡi, còn gọi là Pháp Thân. Dùng huệ mạng để thấy cái thân này, bởi tâm vốn vô thường, lúc buồn, lúc vui, lúc giận, lúc ghét... không bao giờ yên nên gọi là hành uẩn. Muốn tâm mình trống rỗng, thì phải tỉnh giác ngay hiện tại, không nhớ quá khứ, không nghĩ đến tương lai. Phải nhìn vào bản tâm và ghi nhận nó, **hiện nay, tại đây và bây giờ**, chờ nó trôi qua, không nên hành động, nếu hành động là đã đặt **ý muốn** của mình

vào đó rồi. Nếu chúng ta khởi tâm muốn thì liền bị vương mắc, hễ vương mắc sẽ bị đau khổ.

Một hôm, Đức Khổng Tử đi chơi trên núi Thái, gặp ông Lương Khởi Kỳ. Ông này đã trên 80 tuổi, ăn mặc sang trọng đẹp đẽ, cầm đàn ca múa thật vui vẻ. Khổng Tử thấy vậy bèn hỏi:

- Này tiên sinh! Ngài có chuyện gì vui hay sao mà thấy sắc mặt khoan khoái, tươi vui đến thế?

Lương Khởi Kỳ trả lời:

-Thưa Khổng Tử! Tôi thấy trên đời này, trời sinh ra muôn vật, nhưng con người là loài tối cao. Tôi làm được thân người là tôi đã có một niềm vui. Và lại, con người trên thế gian này có đàn ông và đàn bà, đàn ông là người nắm quyền, lại là người có bảy thứ báu, còn đàn bà thì không có phước bằng đàn ông. Hiện tôi là đàn ông, đó là niềm vui thứ hai. Tôi thấy con người trên thế gian này có rất nhiều người bị bệnh tật, cảm ngong, đui điếc...nhưng tôi đã hơn tám mươi tuổi rồi mà vẫn còn mạnh khỏe, đó là niềm vui thứ ba. Có người bị chết yểu mà tôi không như thế. Vậy là tôi có đến bốn niềm vui vậy”.

Khổng Tử khen ngợi ông ta là người biết nhìn và biết lắng nghe, biết tạo an lạc cho chính mình.

Hôm nay, chúng ta cũng đã có rất nhiều niềm vui: thân người khó được nay đã được, Phật pháp khó gặp nay đã gặp...Hạnh phúc ngay trước mắt mình, không cần đi tìm đâu xa:

*Thân nhàn tựa áng mây trôi
Gió trăng nửa gối việc đời nhẹ tênh
Cõi trần xa, cõi Phật thanh
Sân hoa màu đỏ, chim oanh hát mừng.*

Chu Văn An

Khi buồn, khi nghèo khổ, chúng ta nên nhìn xuống những người có hoàn cảnh khó khăn hơn, bạc phước hơn chúng ta, nhờ vậy, chúng ta mới đủ đức tin để vượt qua mọi khó khăn của cuộc đời. Mỗi người đều có nghiệp khác nhau, hoàn cảnh khác nhau. Chúng ta phải cố gắng tu hành để nghiệp chướng tiêu trừ, oan khiên dứt sạch. Và lại, phải nhìn xuống để sống chứ đừng nhìn lên, vì khi nhìn lên thấy mình thua sút người ta rồi sanh tâm buồn tủi. Bởi vì, người biết đủ thì nằm dưới đất cũng thấy an lạc, còn người không biết đủ dù ở trên cung trăng vẫn thấy thiếu. Do đó, chúng ta sống phải tập hạnh ít muốn biết đủ, thì cuộc sống mới an lạc, giải thoát được.



CÂU HỎI SỐ 29: Thế Nào Là Vương Xá Thành?

Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi hỏi:

- Kính bạch Đức Thế Tôn! Vì sao gọi là Thành Vương Xá?

Đức Phật dạy:

- Nay Văn Thù Sư Lợi! Tâm ví dụ cho Xá, Tánh ví dụ cho Vương. Người giữ giới thanh tịnh dụ cho Thành; sáu căn dụ cho sáu bộ quan lại; sáu trần dụ cho sáu tên giặc cướp; sáu cửa dụ cho cửa ra vào; năm dục dụ cho năm đường hầm hố; thấy, nghe, hay, biết dụ cho bốn tướng lĩnh cùng giúp Tánh Vương lo việc nước. Khi Tánh Vương ra ngôi ở Tâm Xá, thường cùng với sáu đại thần và bốn tướng bàn luận việc chính trị. Nếu Tánh Vương có đạo đức, khi mọi người làm điều tốt xấu, chẳng thiên vị tình riêng, có công thì thưởng, có tội thì phạt, cứ theo pháp luật mà thi hành, nên người phạm tội dù có chết cũng không oán hận. Pháp luật công bằng như vậy, lại xây thành quách ngoài biên cương kiên cố, đóng kín sáu cửa, giặc bên ngoài không xâm chiếm được, sáu thần ở trong thành làm việc công chánh liêm minh, bốn tướng

tài giỏi, trên dưới một lòng, Tánh Vương thái bình an lạc.

Nếu Tánh Vương vô đạo, tàn bạo, nghe lời sàm tấu của bọn nịnh thần, bỏ công theo tu, thưởng phạt không công bằng, trên dưới chống đối nhau; bên trong sáu đại thần bất hòa; bốn tướng ăn chơi trác táng; bên ngoài không đóng cửa thành để giặc cướp nổi loạn, đánh phá thành trì giới luật, vào trong thành cướp đoạt công đức của Tánh Vương. Khi phước hết, pháp không còn, thân tâm sa đọa thì phải bị trầm luân.

Vì thế, người cai trị ở thế gian phải có pháp luật, người điều phục tâm phải có Đạo Lý. Việc gì không công bằng thì không làm; người không ngay thẳng thì không đề bạt. Bậc lãnh đạo giao tiếp, ứng xử phải khéo léo, làm cho trên dưới đồng lòng, hòa hợp. Tâm Tánh sáng suốt hoàn toàn, thể dụng hiệp một thì nhân dân và Tánh Vương cùng hưởng cảnh thái bình. Như thế, gọi là Thành Vương Xá.

GIẢNG :

Thời Phật tại thế, Vương Xá là kinh thành của nước Ma Kiệt Đà do vua Tần Bà Sa La, hoàng hậu Vi Đề Hi và thái tử A Xà Thế ngự trị. Nhà vua cúng dường Trúc Lâm tinh xá cho Phật. Nơi đây, ngài đã độ các đệ tử nổi tiếng như Mục Kiền Liên, Xá Lợi

Phất, Ma Ha Ca Diếp... Những vị này, trước khi theo Phật, đều là những giáo chủ có rất đông đệ tử.

Thành Vương Xá nằm gần núi Kỳ Xà Quật, còn gọi là núi Linh Thứu, một thánh địa Phật giáo, nơi Phật giảng kinh, đặc biệt bộ kinh *Diệu Pháp Liên Hoa* và là nơi kết tập kinh điển lần đầu tiên sau khi Phật Niết bàn.

Đoạn này, khi bồ-tát Văn Thù Sư Lợi hỏi Phật về thành Vương Xá, Phật không trả lời giống như chúng tôi đã trình bày ở trên, mà ngài lại so sánh thành với con người chính mình, như các kinh Đại thừa ẩn dụ thường mượn cái có hình tướng (Vương Xá Thành) để nói về cái không hình tướng (Tâm con người).

Đức Phật so sánh tám đặc điểm giữa Vương Xá Thành và Tâm con người như sau :

Tại sao gọi là VƯƠNG XÁ THÀNH



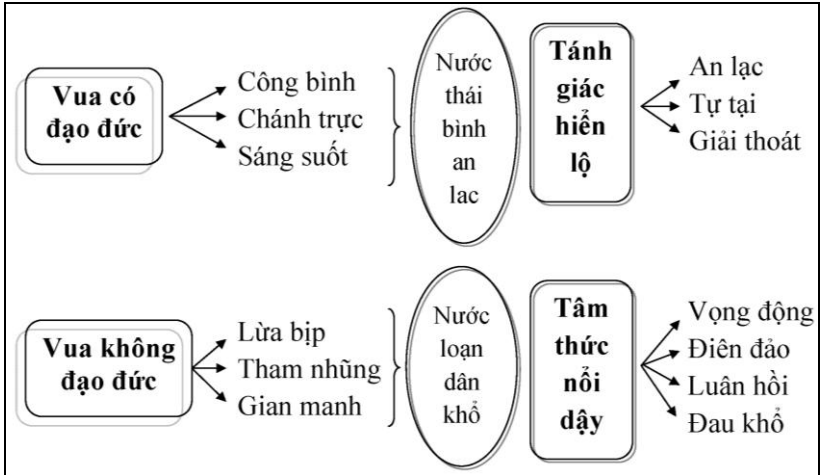
Ta thấy, một quốc gia thường phải có đủ các yếu tố như vua, quan, dân và lãnh thổ. Nếu thiếu một trong bốn yếu tố trên thì không gọi là một quốc gia bình thường. Cũng vậy, con người phải có đủ các yếu tố như sáu căn, sáu trần, cái ý và sáu thức... thì mới gọi là con người bình thường.

Vương là vua, chỉ cho Tánh Giác. Xá là nơi ở, chỉ cho Tâm Thức. Thành là pháp luật, chỉ cho sự trai giới. Quan lại là sáu căn. Giác là sáu trần. Cửa thành là sáu thức. Hàm hồ là ngũ dục lạc (tài, sắc, danh, thực, thù). Tướng lãnh là thân tứ đại.

Đức Phật lại dạy, khi vua có đạo nghĩa tức là vua công bình, chính trực, sáng suốt... thì người có tội

dù chết cũng không oán hận, nhân dân an lạc, đất nước thái bình.

Khi vua không đạo đức tức là vua lừa bịp, tham nhũng, gian xảo, khiến cho nước loạn dân khổ.

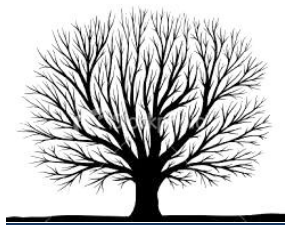


Vua có đạo nghĩa cũng giống như Tánh Giác đang hiển lộ trong sáu căn, không phân tích, không chạy theo sáu trần. Ngược lại, nếu phân tích, so đo thì Tánh Giác biết biến thành Tâm Thức, Tánh vương liền biến thành vô đạo.

Tánh Giác hiển lộ giống như ông vua có đạo, khiến cho tâm an lạc, giải thoát, tự tại. Tánh Giác không hiển lộ, giống như ông vua vô đạo, thì tâm thức nổi dậy, so đo, phân tích khiến cho vọng động, điên đảo, luân hồi, sinh tử.

Con người có thể và dụng, giống như một quốc gia. Con người như là một vũ trụ sâu thẳm, trong đó

bao gồm tâm hồn (thể) và thể xác (dụng); tinh thần và vật chất; bản thể và hiện tượng.



CÂU HỎI SỐ 30: TỰ THÂN CÓ PHẬT PHÁP **Là Sao?**

Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi hỏi:

- Kính bạch Đức Thế Tôn! Vì sao nói thân mình có Phật pháp?

Đức Phật dạy:

- Nay Văn Thù Sư Lợi! Người hiểu rõ Chân Tánh của mình là vật sở hữu sẵn có từ xưa đến nay, tức là tự thân mình có Phật. Hiểu rõ các pháp thế gian và xuất thế gian không có chướng ngại, tức là trong mình có Pháp.

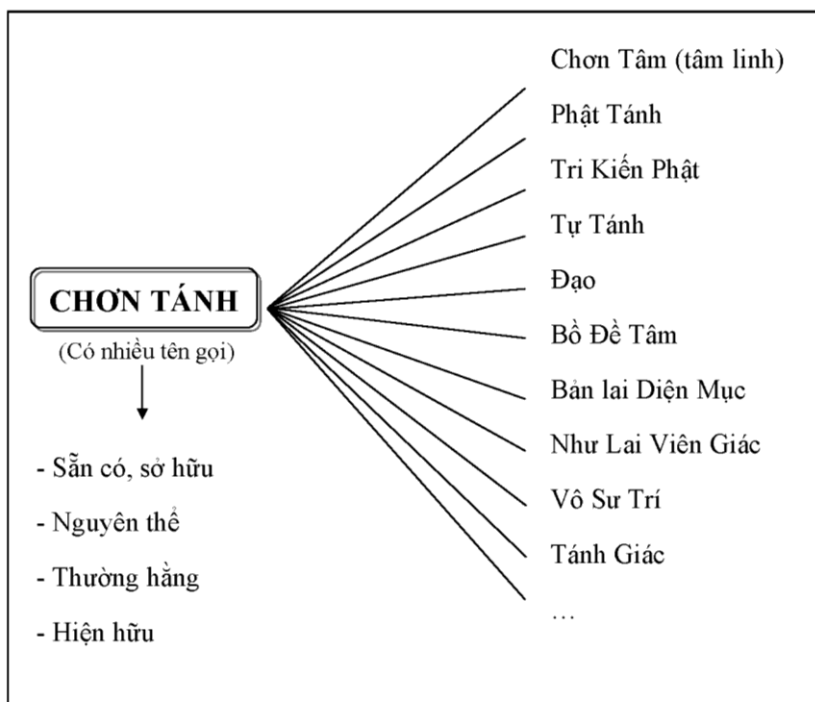
Tâm nhờ có đạo lý nuôi dưỡng, Phật nhờ có pháp hộ trì. Vì thế, chúng ta biết, vật chất cần để nuôi dưỡng thân mạng, đạo lý để nuôi dưỡng huệ mạng. Người nào ngộ đạo là thông suốt được đạo, tức là thành Phật.

GIẢNG :

Phật là Phật Tánh trong mỗi người. Pháp là Chánh Pháp, là giáo lý, là lối sống Đạo hạnh trong chúng sanh. Phật pháp là lời dạy của Phật.

Câu hỏi của bồ-tát Văn Thù Sư Lợi có hai ý: một, thế nào là tự thân mình có Phật? hai, thế nào là tự thân mình có pháp?

Thể nào gọi là TỰ THÂN CÓ PHẬT PHÁP?



Đức Phật dạy, Tánh Giác luôn có sẵn trong mỗi con người, sở dĩ bị đau khổ là do chúng ta luôn suy luận, phân tích, chạy theo ngoại cảnh. Nếu Phật Tánh không sẵn có thì làm sao chúng ta nhận biết được đây là bình hoa, kia là cây đèn...Không có **Tánh Biết** thì chúng ta sẽ không biết gì cả, chỉ cần mắt chúng ta vừa thấy vật gì hay tai vừa nghe tiếng thì sự **biết** đầu tiên ấy chính là Phật Tánh (chỉ là BIẾT thôi), nhưng sau đó cái Ý lập tức bám vô, liền có Tâm Thức xen vào

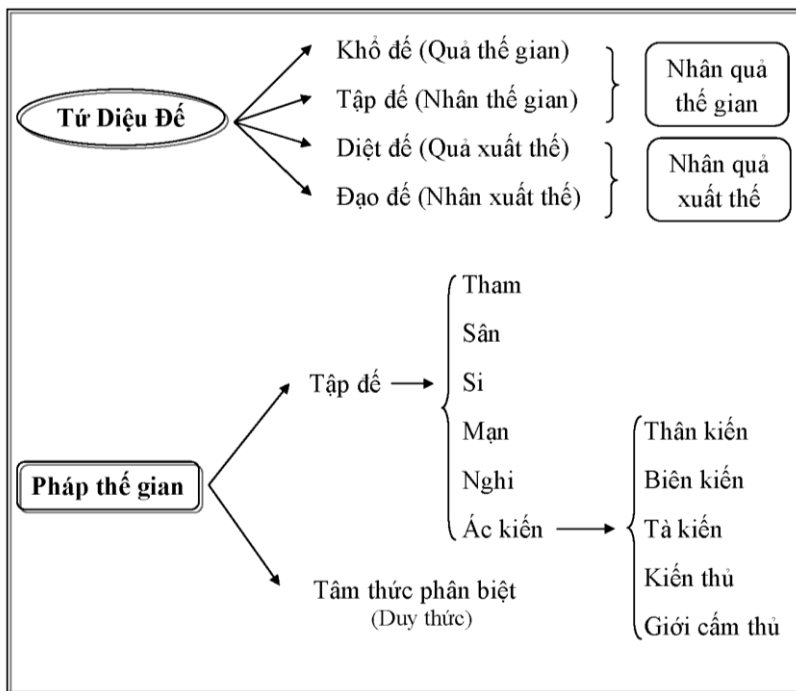
phân tích và Tánh Biết bị tâm thức trộn vào. Cho nên, Đức Phật dạy:

*“Đệ tử Gotama
Luôn luôn tự tỉnh giác
Bất luận ngày hay đêm
Là Ý tu thiên định”.*

Pháp Cú 301

Tánh Giác có rất nhiều tên: Chơn Tâm, Chân Tánh, Phật Tánh, Tri Kiến Phật, Tự Tánh, Đạo, Bồ Đề tâm, Bản Lai Diện Mục, Như Lai Viên Giác, Vô Sư Trí... Chân Tánh là sở hữu của mỗi người, khi mất thân này rồi, Chân Tánh vẫn còn; cho dù chúng ta có bị đọa vào địa ngục, nó cũng theo ta vào địa ngục; chúng ta lên thiên đàng, nó cũng lên thiên đàng. Chân Tánh không bao giờ mất, khi chúng ta bất giác và bám vào Tâm Thức thì bị đọa làm chúng sanh, bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ... Nhưng khi chúng ta tỉnh thức, quay về an trụ Tánh Giác thì sẽ thành Phật. Chân Tánh là thường hằng vĩnh viễn, là nguyên thể, không do bất kỳ một vật nào tạo ra cả. Tánh Giác là hạt giống thành Phật, vì vậy, ai đã thừa nhận và thâm hội được Tánh Giác thì Đức Phật liền thọ ký cho người đó sẽ thành Phật.

Pháp có hai: Pháp thế gian và pháp xuất thế gian. Muốn rõ pháp thế gian và pháp xuất thế gian thì chúng ta phải tìm hiểu về Tứ diệu đế.



Tứ Diệu Đế gồm Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế.

Khổ đế là quả khổ thế gian như cầu bất đắc khổ, ái biệt ly khổ... Chúng sanh chỉ sợ quả mà không sợ nhân nên tạo biết bao nghiệp ác. Do vậy, Đức Phật chỉ ra cái khổ trước rồi mới chỉ rõ cái nguyên nhân tạo khổ sau.

Tập đế là nguyên nhân gây tạo nghiệp. Tập là tập khí, là thói quen như tham, sân si...

Khổ đế và tập đế trên đây là nhân quả đi vào cuộc đời hay còn gọi là nhân quả thế gian. Còn Diệt đế và Đạo đế là nhân quả xuất thế gian.

Nếu người nào hiểu rõ đâu là pháp thể gian, đâu là pháp xuất thể gian thì người đó mới có Phật pháp trong tâm.

Pháp thể gian gồm Tập đế và tâm thức phân biệt.

Tập đế gồm tham, sân, si, mạn, nghi và ác kiến. Ác kiến gồm thân kiến, biên kiến, tà liên, kiến thủ, giới cấm thủ. Nếu chúng ta bị vướng mắc trong mười món này thì mãi mãi sẽ ở trong thể gian, không bao giờ vượt qua được.

Tham là tham dục, tìm đủ mọi cách để đoạt lợi cho mình.

Sân là sân hận.

Si là si mê

Mạn là ngã mạn

Nghi là nghi ngờ, làm gì cũng có tâm nghi ngờ, không có niềm tin, nghi Phật, nghi Pháp, nghi Tăng, nghi mình không có năng lực, tu không thể thành Phật...

Ác kiến gồm có 5 loại :

Thân kiến là quan niệm thân mình còn hoài không chết nên suốt ngày lo bồi dưỡng cho cái thân.

Biên kiến là chấp một bên, nghĩa là đã nghe ai là nghe một người, dù sai vẫn nghe theo, ai khuyên nhủ gì cũng không bỏ.

Tà kiến là tin theo tà.

Kiến thủ là chấp thủ, giữ chặt những suy nghĩ của mình không bao giờ thay đổi hay còn gọi là cố chấp.

Giới cấm thủ là chấp vào những luật lệ sai lầm, những niềm tin tôn giáo, như trong đạo Bà la môn có luật tế thần lửa bằng trẻ con và các loài súc vật...người nào khi đã rơi vào tà kiến rồi thì rất khó bỏ.

Ngày xưa, ở ngôi làng nọ, có lệ mỗi năm tìm một người con gái đẹp, trinh trắng, trói lại thả xuống sông, tục gọi là cưới vợ cho Hà Bá. Một hôm, có một vị quan mới nhậm chức được đưa về làng đó. Đến ngày làm lễ cưới vợ cho Hà Bá, vị quan đứng ra chủ trì buổi lễ. Đúng giờ Ngọ, trói cô gái, sắp thả xuống sông, vị quan liền nói: “Nếu cưới vợ cho Hà Bá thì phải hỏi ý kiến của ông ta, xem có bằng lòng hay không, chứ người con gái đó đối với chúng ta thì đẹp nhưng Hà Bá chưa chắc đã bằng lòng. Bây giờ, muốn cưới vợ cho Hà Bá thì nên cho người xuống dưới hỏi ý kiến Hà Bá trước, xem ông ấy có chịu cô gái này không?”.

Nói xong, vị quan ra lệnh trói tộc trưởng thả xuống sông để cho ông ta hỏi ý kiến của Hà bá có bằng lòng hay không rồi lên trả lời cho mọi người rõ. Sau khi thả tộc trưởng khoảng hai giờ đồng hồ mà vẫn không thấy trở lên. Ông mới ra lệnh trói thêm ông đình trưởng, rồi trói luôn bà mai mới thả xuống luôn.

Chờ lâu thật lâu vẫn không thấy ai lên cả, ông bèn ra lệnh trời thêm một ông trưởng làng để chuẩn bị thả xuống tiếp, ông trưởng làng nghe vậy sợ quá, yêu cầu hủy bỏ phong tục cưới vợ cho Hà Bá. Từ đó về sau, không còn tục lệ cưới vợ cho Hà Bá nữa và những cô gái đẹp thoát khỏi cảnh chết oan.

Tóm lại, tất cả phong tục tập quán đều do con người đề ra, nếu không có lợi ích thì nên bỏ đi, đừng tuân theo một cách mê muội, tạo thêm nghiệp ác thì muôn kiếp không bao giờ ra khỏi thế gian đầy ô trọc này.

Tâm thức phân biệt là những tập khí tạo thành cái nhân để đi vào thế gian gồm có Tám Thức Tâm Vương, sáu căn bản phiền não, hai mươi tùy phiền não và năm mươi một tâm sở.

Tám thức tâm vương gồm nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, mạng na thức và a lại da thức. Tám thức tâm vương này điều động hết tất cả toàn bộ. Cho nên, trong Duy Thức Học có bài kệ:

“Tám đĩa anh em một đĩa si (Mạt Na Thức)

Một thằng lanh lợi chẳng ai bì (Ý Thức)

Trước cửa năm thằng lo tiếp xúc (Tiền Ngũ Thức)

Một thằng làm chủ trong nhóm này”. (Alaya Thức)

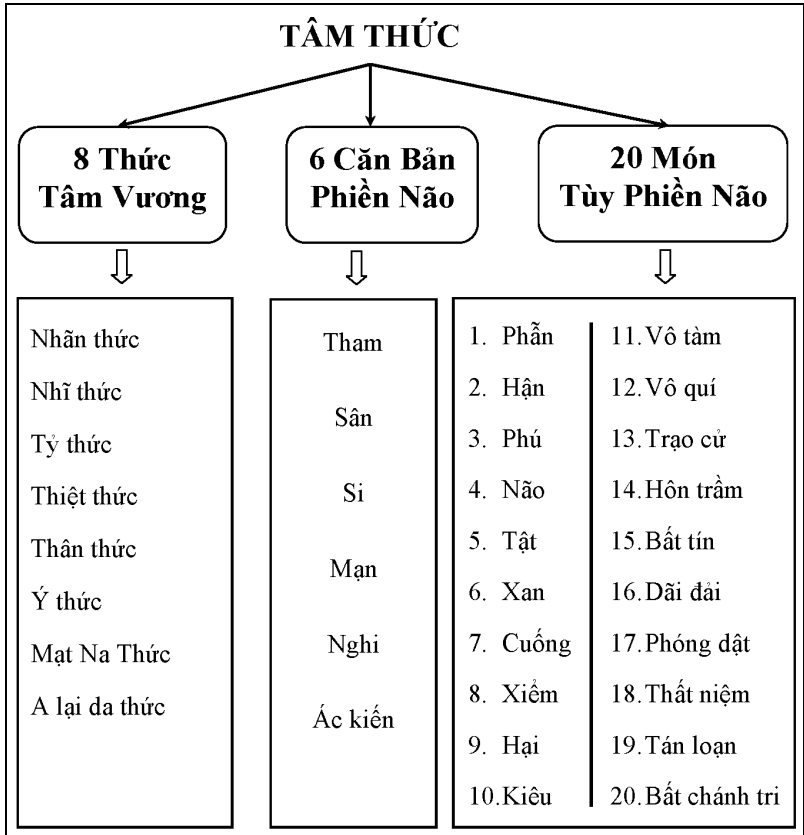
Khi mắt nhìn thấy sắc, tai nghe tiếng... chúng ta liền khởi phân biệt thì Tánh Giác liền bị trộn lẫn trong Tâm Thức, cũng như nước biển thành sóng, một khi Tánh đã trộn lẫn trong thức rồi, thì Tánh Giác bị che. Lúc đó, Tâm Thức dẫn chúng ta trôi lăn mãi trong vòng điên đảo. Khi sáu căn dính mắc vào sáu trần, Ý Thức liền nhảy vô phân tích, rồi lấy hình ảnh đưa cho Mạt Na Thức đem cất giữ vào A Lại Da Thức. Lúc chúng ta ngồi yên tịnh tu, bỗng Mạt Na Thức vào trong A Lại Da lấy những thứ nó đã cất, đem ra đưa lên bộ nhớ, làm cho chúng ta nhớ lại những chuyện xưa, tâm vọng tưởng khởi lên, tính toán việc này việc kia, bất giác, quên mất mình đang ngồi thiền. Vì vậy có câu:

Bất giác xuôi theo dòng nước lũ

Phan duyên dong ruổi kiếp lênh đênh.

Sáu món căn bản phiền não gồm tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến. Sáu món này biến ra Thập Triền, Thập Sử, là mười món trói buộc, mười món xúi dục, dẫn chúng ta đi vào pháp thế gian.

Hai mươi món Tùy Phiền Não gồm: phẫn, hận, phú, não, tật, xan, cuồng, xiêm, hại, kiêu, vô tâm, vô quý, trạo cử, hôn trầm, bất tín, giải đãi, phóng dật, thất niệm, tán loạn và bất chánh tri.



Những người bị trói buộc trong các pháp trên thì sẽ trầm luân trong biển khổ, không bao giờ thoát ra khỏi thế gian.

Phật Tánh luôn hiện hữu trong mỗi con người, dù nhỏ hay lớn, dù người hay vật đều có Phật Tánh.

Chuyện kể rằng, bò-tát Quán Thế Âm muốn thức tỉnh mọi người, nhân dịp lễ trai tăng, Bò-tát hiện thành một người phụ nữ đang mang thai, dẫn theo một con chó đến chỗ đám trai tăng. Khi mọi người đang chuẩn bị cúng dường mấy trăm vị Tăng, thì người phụ

nữ này vào xin cơm ăn. Mọi người phân vân không muốn cho, nhưng các vị Tăng lại đồng ý. Khi cô ta ăn được nửa bát, cô lại xin thêm một bát nữa cho đứa bé trong bụng. Mọi người bảo:

- Cô ăn là đứa nhỏ trong bụng no rồi, đâu cần xin thêm cho nó?

Cô bảo:

-Thằng nhỏ trong bụng cũng có Phật Tánh, tôi là một người, thằng nhỏ trong bụng cũng là một người.

Mọi người nghe cô nói dài dòng, nên cho thêm bát nữa. Vừa cho xong, cô lại xin thêm một bát nữa cho con chó. Mọi người không đồng ý và nói:

- Thức ăn chưa dâng cúng cho Phật và chư Tăng, làm sao cho chó ăn được?

Cô đáp:

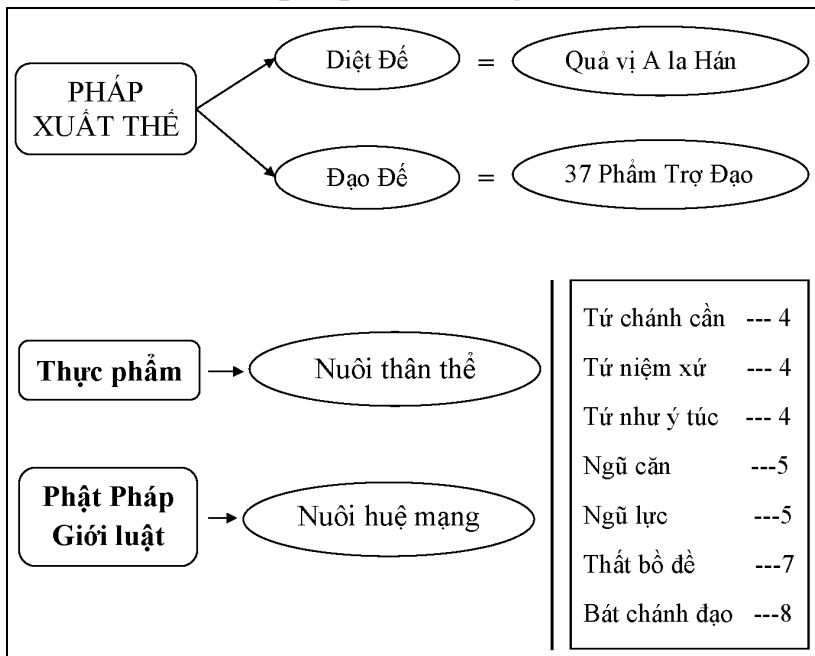
- Ở trong tôi cũng có Phật Tánh, đứa trẻ trong bụng tôi cũng có Phật tánh và con chó cũng có Phật Tánh, tại sao mọi người không cho?

Mọi người nổi giận la mắng... Cô liền hiện thành hình bò-tát Quán Âm bay đi. Chư tăng thấy vậy chạy ra quỳ lạy đánh lễ.

Câu chuyện trên chứng minh rằng, tất cả chúng sanh đều có Phật Tánh. Bò-tát Quán Âm làm như thế là muốn nhắc nhở cho mọi người nhận ra Phật Tánh bình đẳng, phải tôn trọng lẫn nhau, vì ai cũng có Phật tánh như nhau. Vì thế, Trần Nhân Tông nói:

*“Bụt ở trong nhà
 Chẳng phải tìm xa
 Nhân khuấy bốn, nên ta tìm Bụt
 Mới hay chính Bụt là ta”.*

Thế nào là pháp xuất thế gian?



Pháp xuất thế gian gồm Diệt đế và Đạo đế. Diệt đế là quả vị A-la-hán. Chúng ta muốn tu lên quả vị A-la-hán phải áp dụng Đạo đế. Đạo đế gồm có ba mươi bảy Phẩm Trợ Đạo. Quả vị cao nhất của Tứ diệu đế chỉ đạt đến quả A-la-hán mà chưa lên được quả vị Bồ-tát. Người muốn thực hành đạo Bồ-tát phải căn cứ

trên Phật tánh, muốn xuất ly thế gian phải tu 37 Phẩm Trợ Đạo.

Tứ niệm xứ quán là quán thân bất tịnh, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã (tức các pháp trên thế gian này không có thật ngã thường hằng, tất cả đều do duyên hợp mà thành, không có thật thể) và quán thọ thị khổ (tức khi cảm thọ thì sẽ khổ như cảm thọ vui, buồn, lãng xãng, lo âu... Cảm thọ thuộc về tâm thức).

Tứ chánh cần là bốn điều cần mẫn thực hành: điều lành chưa sanh thì làm sao cho nó sanh, điều lành đã sanh tìm cách phát triển, điều ác chưa sanh không cho nó sanh, điều ác đã sanh phải tìm cách diệt trừ.

Tứ như ý túc là bốn pháp vừa ý mình trên đường tu: dục, tinh tấn, nhất tâm, quán. Như chúng ta muốn tu hay làm điều gì tốt thì trước hết phải tinh tấn thực hành, sau đó phải quán chiếu, xem xét việc làm tiến triển thế nào, mặt nào tốt, mặt nào chưa tốt.

Ngũ căn là năm điều căn bản để đạt trí tuệ: tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn và huệ căn.

Ngũ Lực là năm động lực cần thiết để duy trì sức tu khiến cho không bị thoái chuyển: tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực và huệ lực.

Thất bồ đề phần gồm trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, niệm, định, xả. Trạch pháp là chọn lựa pháp môn tu. Đạo Phật có đến tám vạn bốn ngàn pháp môn tu, nhưng chúng ta nên chọn một pháp môn thôi. Bởi

vì, pháp môn nào cũng đưa chúng ta đến quả vị Niết bàn. Khi chúng ta đã chọn rồi thì phải quyết một lòng tu hành, không nên đứng núi này trông núi nọ, không nên tu pháp môn này vài ngày lại chuyển sang pháp môn khác. Nếu làm như thế thì tu muôn kiếp cũng không thể thành Phật được. Khi đã lựa chọn pháp môn rồi, chúng ta tinh tấn thực hành trong sự đam mê hoan hỷ, tâm được an lạc trong pháp môn tu, luôn nhớ đến sự tu của mình, những gì xảy ra trong tâm, chúng ta tập buông xả tất cả thì Phật Tánh sẽ dần dần hiển lộ.

Bát chánh đạo là con đường trung đạo có tám nhánh đi đến quả vị Phật gồm: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Ba mươi bảy phần trợ đạo thuộc về Đạo đế, khi chúng ta tu theo pháp môn này sẽ đắc quả A-la-hán.

Tâm phải nhờ đạo lý nuôi dưỡng thì mới thành tựu; bởi vì tâm chúng ta luôn khởi vọng tưởng không bao giờ yên. Đạo lý chính là giới luật, nếu không có giới luật để kèm tâm thì tâm cứ chạy theo ngoại cảnh, tạo ra nghiệp ác như phạm giới, phá trai...

Vả lại, Phật cũng nhờ giáo pháp phò trì. Phật đây chỉ cho Phật Tánh của mỗi người, nhờ giáo lý, chúng ta mới biết được trong mỗi chúng sanh đều có Phật Tánh, nhờ có giáo lý chúng ta mới thấy rõ con

đường chân chính để tu hành. Muốn Phật Tánh hiển lộ, chúng ta phải học đạo, phải tinh tấn tu hành.

Vật chất dùng nuôi dưỡng thân mạng, thân mạng mạnh khỏe chúng ta mới tu tập được. Cho nên chúng ta phải ăn uống điều độ cho có sức khỏe, có sức khỏe mới đủ sức tu tập. Thân an thì tâm mới an.

Đạo lý dùng nuôi dưỡng huệ mạng. Đạo lý là Phật pháp, là giới luật. Có Phật pháp, có giới luật thì huệ mạng mới hiển lộ. Huệ mạng là tánh giác biết, nằm trong thân ngũ uẩn chúng ta, còn gọi là **pháp thân**. Pháp thân phải nương vào sáu căn mà hiển lộ diệu dụng, cũng như điện có sẵn trong không gian nhưng muốn hiển lộ diệu dụng, nó phải nhờ bóng đèn. Điện phải nương vào bóng đèn mới tỏa ra ánh sáng, phải nương vào cái quạt mới tỏa ra gió mát. Nó tuy có sẵn trong không gian nhưng nếu không có dụng cụ thì không thể thấy được diệu dụng của nó. Như tánh giác biết của chúng ta cũng vậy, nó phải nương vào sáu căn mà hiển lộ diệu dụng (Cái Biết). Tánh giác giống như ánh sáng. Mỗi chúng sanh đều có tánh giác, đây chính là ánh sáng trong cõi lòng mình. Ánh sáng này không ai có thể thổi tắt được, lúc nào cũng rõ biết, sáng suốt. Người học đạo muốn thấy rõ bản tâm thì phải tìm ánh sáng trong tâm của mình, chứ đừng tìm cầu bên ngoài. Phải tự thắp sáng cây đèn của chính mình, đoạn trừ mọi ô nhiễm, phiền não thì Phật tánh sẽ hiển lộ. Phật tánh có sẵn trong mỗi người nhưng do

vô minh che lấp nên chúng ta không bao giờ nhận ra. Ngọn đèn tâm chính là trí tuệ của mỗi người, nếu chúng ta biết luôn thấp sáng thì khi làm bất cứ việc gì cũng thấy vui vẻ an lạc, tỉnh thức, nếu để cho phiền não khởi, liền bị bất giác, quên mất tánh giác. Cho nên, Đức Phật dạy:

*“Nếu không nhờ gió cuốn mây mù
Làm sao thấy trời xanh vô tận”.*



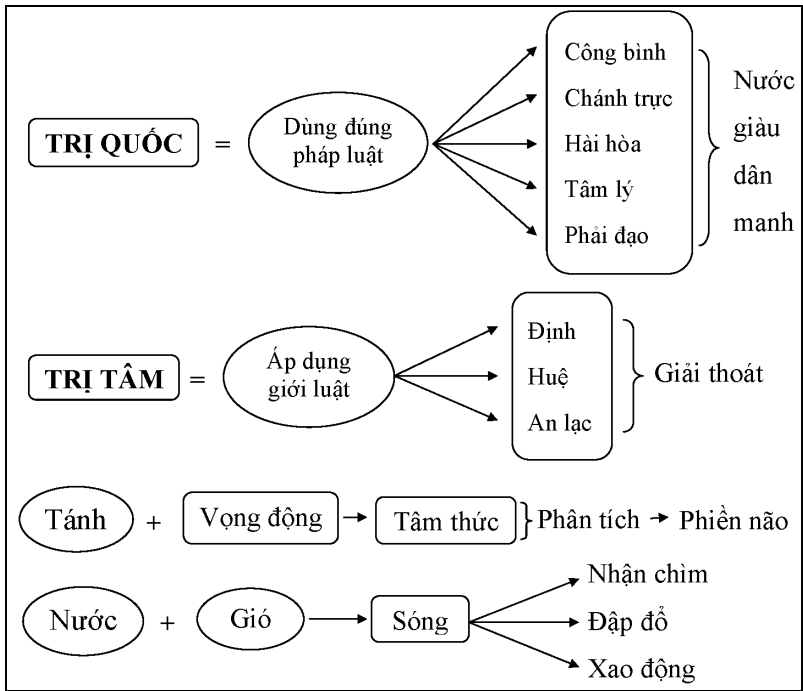
Tinh thần gồm tánh giác và tâm thức. Mình không khéo thì tánh giác biến thành tâm thức. Vật

chất gồm thân tứ đại. BẠN bè là sáu căn. Kẻ thù là sáu thức. ĐAM mê là sáu trần cảnh. HIỂM nạn là ngũ dục. HẠNH kiểm là giới luật. Nếu chúng ta không giữ giới luật thì tánh giác bị che bởi tâm thức, sẵn sàng chạy theo ngũ dục, rơi vào hiểm nạn. Tâm rất quan trọng, Đức Phật dạy:

*“Chạy xa sống một mình
Không thân, ẩn hang sâu
Ai điều phục được tâm
Thoát khỏi ma trời buộc”.*

Pháp Cú 37

Làm thế nào để điều phục tâm? Chúng ta muốn điều phục tâm phải có giáo lý; giống như trị nước phải có pháp luật. Pháp luật công bình, chính trực, hài hòa, tâm lý. Phải đạo thì dân giàu nước mạnh. Điều phục tâm là hàng phục vọng tưởng. Áp dụng giới luật, sinh giới định huệ, giải thoát. Muốn điều phục tâm phải giữ giới luật. Cái Tâm cần phải điều phục chính là cái tâm thức vọng động.

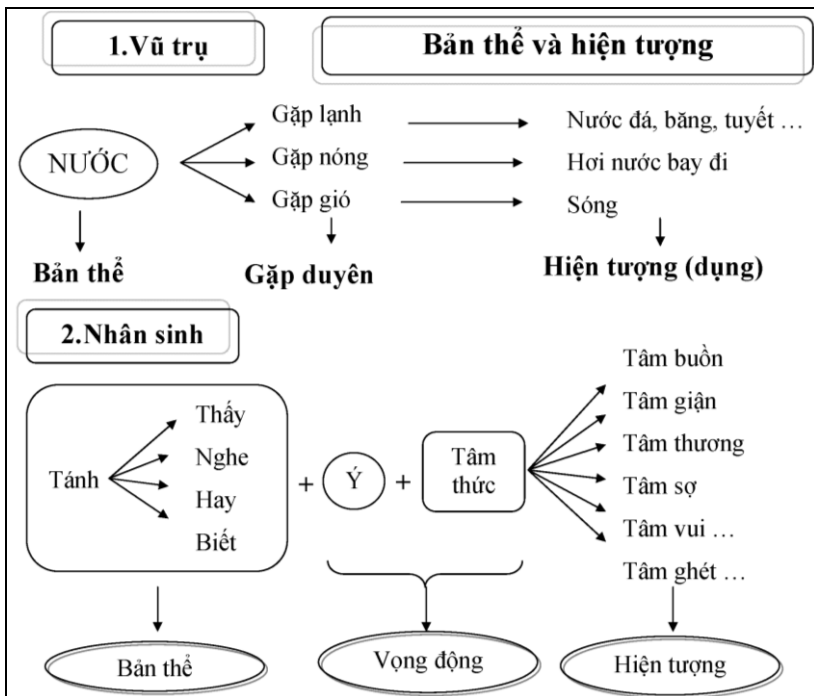


Ví dụ như nước (Tánh), nếu gặp gió thì biến thành sóng (tâm thức), xao động, nhận chìm, đập đổ... Cũng vậy, tâm mà vọng động thì biến thành tâm thức, rồi phân tích, so đo sinh ra phiền não.

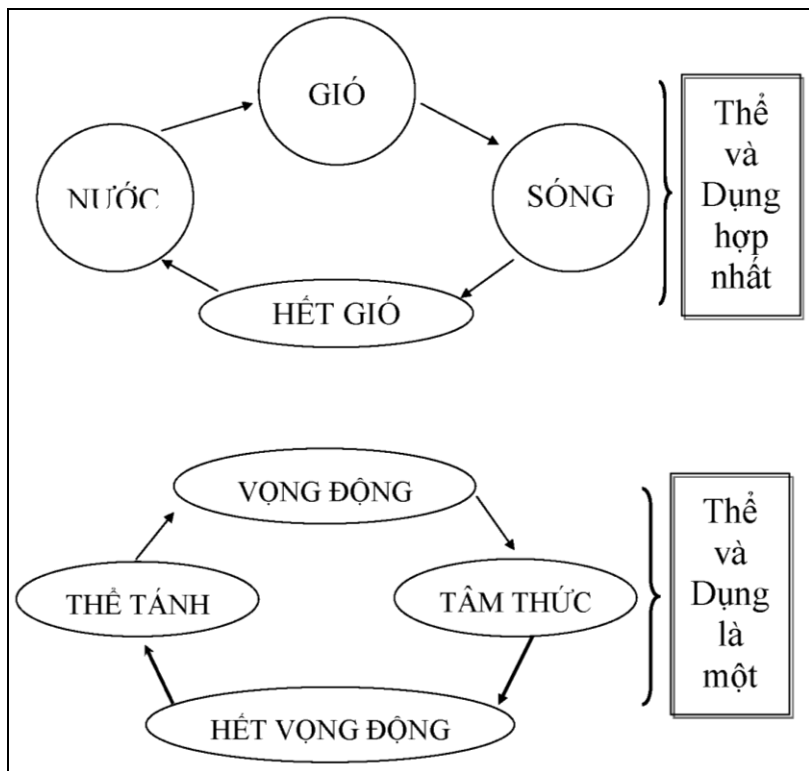
Thể dụng hợp nhất là gì?

Nước gặp lạnh thì biến thành băng tuyết, gặp nóng thì bốc hơi, gặp gió thành sóng. Như vậy, nước là thể, còn băng tuyết, hơi nước, sóng là dụng.

Cũng vậy, bản thể của mình là Tánh biết (thấy, nghe, biết). Nhưng mình bất giác để Tánh biết biến thành tâm thức thì nảy sinh tâm giận, buồn, thương, sợ, vui, ghét...(là dụng, là hiện tượng).



*Nước nguồn tinh khiết trong như ngọc
 Bỗng chốc rời non lảm thác gềnh
 Bất giác xuôi theo dòng nước lũ
 Phan duyên dong ruỗi kiếp lênh đênh
 Ngẫu ngẫu cát bụi nặng dòng sông
 Tham luyến phù sa ngập cõi lòng
 Quên nước tinh anh quên bản tịnh
 Có mà không biết cũng như không.*



Dù nước bùn hay nước sạch đều có tánh ướt trong đó. Trong tâm Vọng có ẩn chứa Chơn tâm trong đó, nếu mình khéo gạn lọc, khéo tu tập thì Chơn tâm sẽ hiển lộ. Nếu người không biết thể dụng hợp nhất, dễ bị trôi lăn sinh tử. Chúng ta trị tâm mình giống như vua trị dân vậy. Làm vua mà hiểu được quần thần và dân chúng, là ông vua quang minh chính đại, sẽ được quần thần hết lòng phò trì. Làm dân mà biết mang ơn và báo ơn là người biết đạo, là trung quân ái quốc. Như thế sẽ khiến nước giàu dân mạnh.

Nếu vua không công bình, chánh trực sẽ làm nản lòng quần thần, gây chia rẽ, bè phái, thế nào trong nước cũng xảy ra loạn lạc, nghèo đói.

Chúng ta biết được thể dụng hợp nhất trong vũ trụ, trong con người mình, thì sẽ mang lại lợi lạc cho mình và người khác. Giữ tâm thanh tịnh mới giải thoát được. Nếu không, mình phải trôi lăn trong phiền não, luân hồi.

Ngày xưa, Khổng tử là thầy của Tử Lộ, Tử Cống và Nhan Hồi. Một hôm, Khổng tử hỏi Tử Lộ:

- Thế nào là người trí, thế nào là người nhân?

Tử Lộ đáp:

- Thưa thầy! Người trí là người làm cho người khác hiểu mình, còn người nhân là người làm cho người khác thương mình.

Khổng tử lại hỏi Tử Cống, Tử Cống đáp:

- Thưa thầy! Người trí là người hiểu mọi người, người nhân là người thương mọi người.

Khổng tử lại hỏi Nhan Hồi, Nhan Hồi đáp:

- Người trí là người tự biết mình. Người nhân là người tự thương mình.

Khổng tử khen Nhan Hồi và nói:

Đúng vậy! Nếu người tự biết mình và tự thương mình là bậc đại sĩ.

Vì sao? Vì biết mình tức hiểu mình tốt hay xấu, phải hay quấy, vọng tưởng hay thanh tịnh...để

biết cách điều chỉnh mình cho tốt hơn, rồi mới giúp người khác sửa đổi được.

Chúng ta biết thương mình thì mới biết cách thương người khác, nhưng tình thương phải làm cho người khác hạnh phúc chứ không phải trói buộc người, làm cho người khác đau khổ. Người nào nói thương người khác mà khiến đối tượng đau khổ, đó là người chỉ biết thương mình, muốn thỏa mãn sự sở hữu của mình chứ không phải vì thương người khác. Chúng ta học giáo lý, phải biết áp dụng vào đời sống của mình, giúp mình ngày một thặng hoa, thanh tịnh và giúp người khác cũng được như mình vậy.



CÂU HỎI SỐ 31 : Quán Thế Âm Bồ Tát **Có Ngàn Tay Ngàn Mắt Là Sao?**

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát hỏi Phật :

Kính bạch Đức Thế Tôn, Quán Thế Âm Bồ Tát làm thế nào có ngàn tay, ngàn mắt ?

Đức Phật đáp rằng :

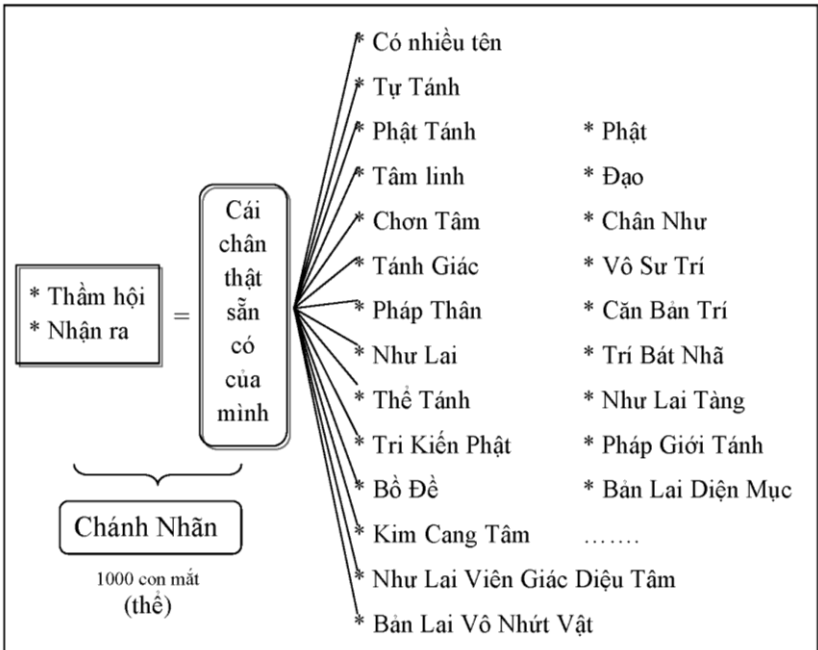
Con mắt là biểu hiện cho sự thấy được Tự Tánh của mình. Cánh tay biểu hiện cho sự ứng dụng nhiệm màu của tâm mình. Người nào giác ngộ triệt để Tự Tánh của mình, thấy được tâm linh sáng suốt của mình, người ấy cũng đồng như 1000 Đức Phật minh tâm kiến tánh không khác. Như thế gọi là một ngàn con mắt đồng phóng hào quang sáng ngời. Lại nữa, người nào hiểu được Tự Tánh của mình phát sanh ra công dụng ấy, cũng như công dụng của 1000 Đức Phật không khác. Như thế gọi là 1000 cánh tay đồng có tác dụng như Phật. Thể và Dụng hai pháp ấy đồng hiển hiện gọi là **VIÊN THÔNG GIÁO CHỦ QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT.**

GIẢNG :

Đức Phật dạy, người nào thấy được tự tánh của mình đang hiển lộ là luôn sống trong chánh niệm tỉnh thức, người này an trú vào Tánh biết, thấy được diệu dụng của Tự Tánh, minh tâm kiến tánh, tức mình có

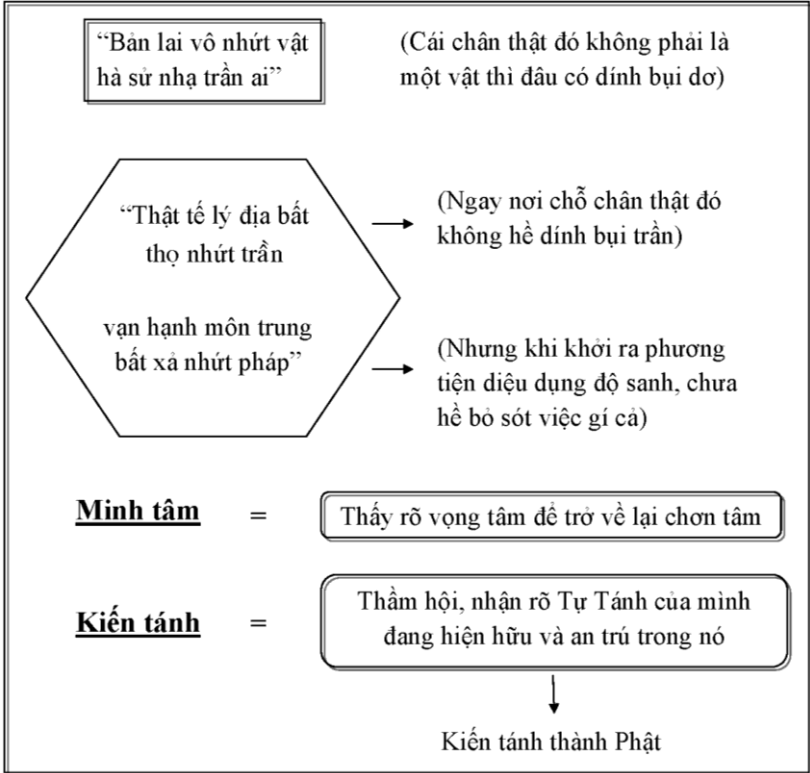
chánh nhãn, có một ngàn con mắt. Thật ra, mình biết có Tự Tánh, nhưng mình khó thấy được Tự Tánh, phải thâm hội nó thôi. Phải nhận ra cái chân thật sẵn có đang hiển lộ nơi chính mình qua sự Biết. Nó cũng giống như Điện trong không gian vậy. Chúng ta không thể thấy được điện, nhưng chúng ta thấy được cái diệu dụng của nó khi nó gá vào bóng đèn cho ra ánh sáng...Tự Tánh hay Tánh Giác cũng gá vào sáu căn để phát ra diệu dụng là Tánh Biết.

**QUAN THỂ ÂM BỒ TÁT
LÀM SAO CÓ NGÀN TAY NGÀN MẮT**



Phật Tánh có nhiều tên tùy theo diệu dụng, nó siêu hình, không bao giờ hoen ố, không dính bụi bặm.

Người nào minh tâm kiến tánh được thì có chánh nhãn, tức có một ngàn con mắt.



Minh tâm kiến tánh là gì? Minh tâm là thấy được tâm vọng tưởng, tâm phân tích và đưa nó về chơn tâm. Kiến tánh là nhận rõ Tánh Giác đang hiển lộ nơi mình từ sáng tới chiều.

Chỉ có bậc thánh đạt đến quả vị Bồ-tát thứ năm mươi mới có ngàn mắt ngàn tay, phàm phu không có được.

Phật Tánh tức là Căn Bản Trí, là Bản Thể, tượng trưng cho một ngàn con mắt, nằm lẫn trong tâm

thức, trong hành động của mình như nước nằm trong sóng vậy (trong phiên nã có Bồ Đề). Người nào giác ngộ triệt để tự tánh của mình thì thấy tâm linh sáng suốt của mình cũng giống như ngàn Đức Phật vậy.

Căn Bản Trí trong Kinh Pháp Bảo Đàn gọi là “Bản Lai Vô Nhứt vật”, không hề dính bụi, không xăn lẫn vọng động.

Tự Tánh hiển lộ ra khắp nơi và phát ra diệu dụng của nó làm phương tiện độ sinh, không bỏ sót việc gì. Khi Đức Phật thành đạo, ngài vẫn đi thuyết pháp nhưng không bao giờ rời đạo tràng, không bao giờ rời Tánh Giác. Chúng ta phải tập tu như vậy, tuy làm tất cả mọi việc như tụng kinh, cứu trợ, từ thiện, xã hội...nhưng phải biết đó chỉ là phương tiện.

Nhìn hình tượng ta thấy, mỗi bàn tay của bồ-tát Quán Thế Âm đều có một con mắt, điều này cho thấy, Tánh Giác hiển lộ khắp nơi .

Ngàn mắt ngàn tay biểu hiện diệu dụng phương tiện bất khả tư nghì, thích nghi với tất cả mọi hoàn cảnh. Như Bồ-tát khi hành đạo, ai xin gì cũng cho, xin mắt cho mắt, xin mũi cho mũi, xin tay cho tay...Như nước gặp gió thành sóng, thành bọt nước...nhưng bản thể vẫn là ướt.

Vạn hạnh môn trung bất xả nhất pháp là gì? Khi vị Bồ-tát đấng giác an trú trong tánh giác không nhiễm ô, là vị này có ngàn mắt ngàn tay, dùng tánh giác của mình khởi ra diệu dụng, nương thần lực của

Phật để cứu độ mọi người. Còn chúng sanh luôn sống trong buồn, giận, thương, ghét...Nếu như mọi người biết rằng:

*“Người thương người bao nhiêu vẫn thấy thiếu
Người ghét người chút xíu vẫn thấy dư”.*

Nếu được như Phật thì cuộc sống này ai nấy đều hạnh phúc, không xảy ra những cảnh tranh chấp, thù hận lẫn nhau. Chư Phật, Bồ-tát luôn mở lòng từ bi dành cho tất cả chúng sinh, đi vào cuộc đời hóa độ, các ngài luôn an trú trong tánh giác của mình. Như Phật Thích Ca Mâu Ni khi xuống Long Cung thuyết pháp, ngài vẫn luôn an trú trong đạo tràng, trong tánh giác:

Sống là động mà không xáo động

Sống là thương mà chẳng vấn vương.

Khi chư Phật, Bồ Tát an trú trong Căn Bản Trí, khởi ra nhiều phương tiện cứu độ chúng sanh, gọi là Hậu Đắc Trí.

Hậu Đắc Trí có diệu dụng đa dạng, là ngàn cánh tay, tức dùng nhiều phương tiện khác nhau để cứu độ tất cả chúng sanh không bỏ rơi một ai; trí này còn có tên là **Phương Tiện Trí, Sai Biệt Trí**, thần thông diệu dụng...Bồ Tát độ sinh nhưng không bị dính mắc, không bị ảnh hưởng theo phiền não của chúng sanh. Bồ Tát khởi ra diệu dụng, dùng ngàn mắt, ngàn tay cứu độ

Bồ Tát có năm mươi hai quả vị như sau: thập tín, thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa, đẳng giác (Bồ-tát bất thoái), diệu giác (thành Phật). Khi Bồ-tát đạt tới quả vị thập địa trở lên mới có thể khởi ra diệu dụng ngàn mắt, ngàn tay, an trú tánh giác để cứu độ chúng sinh.



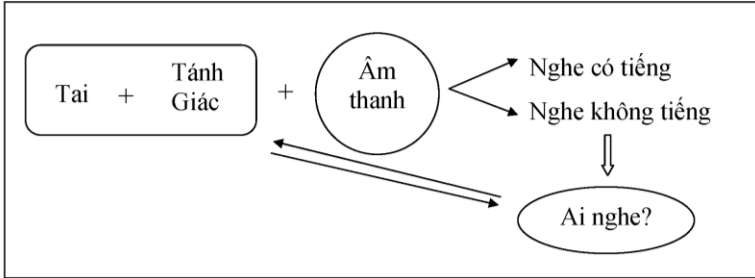
Trong *kinh Thủ Lăng Nghiêm*, tôn giả A Nan bị cô Ma Đẳng Già từng đeo đuổi mê mình, phạm phu như thế mà cô lại chứng quả A-la-hán trước, A Nan Tôn giả bạch Phật chỉ cách tu để mau chứng quả. Đức Phật chỉ mỉm cười, chưa trả lời thì mười phương chư Phật đều bảo: “Này A Nan! Con đường đi vào Niết bàn là do mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý của ông. Con đường đi vào địa ngục cũng do sáu căn của ông”.

Tôn giả nghe xong liền nghĩ: “Ta phải dựa vào mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý để tu tập cho mau chứng quả”. Nhưng sáu căn khó có thể tu song hành được, Tôn giả liền đến thỉnh Đức Phật dạy cho cách tu. Phật dạy Tôn giả hãy nghe các vị Bồ-tát mười phương trình bày cách tu mỗi căn; nếu Tôn giả thấy phù hợp cách nào thì chỉ chọn một căn trong sáu căn để hạ thủ tu thôi. Và 25 vị Đại Bồ-tát lần lượt trình bày pháp tu viên thông của mình; trong số đó, bồ-tát Quán Thế Âm trình bày cách tu nhĩ căn viên thông. Ngài A Nan chọn Pháp tu Nhĩ Căn Viên Thông và đã đắc quả A La Hán. Thật đúng là:

*Đây là phương tiện khá thành công
Truyền cho A Nan đúng như mong
Chúng sinh trầm luân đời mạt kiếp
Nên phải thực hành pháp viên thông.*

Bồ-tát Quán Âm tu như thế nào? Khi Bồ-tát nghe tiếng động thì biết đó là tiếng động mà không khởi tâm ưa ghét, phân tích nội dung...an trú trong Tánh Nghe đó, rồi xả luôn dụng công an trú, Biết tâm mình đang trống rỗng, đạt đến vô sở trụ thì sẽ thể nhập tự tánh, đạt đến nhĩ căn viên thông .

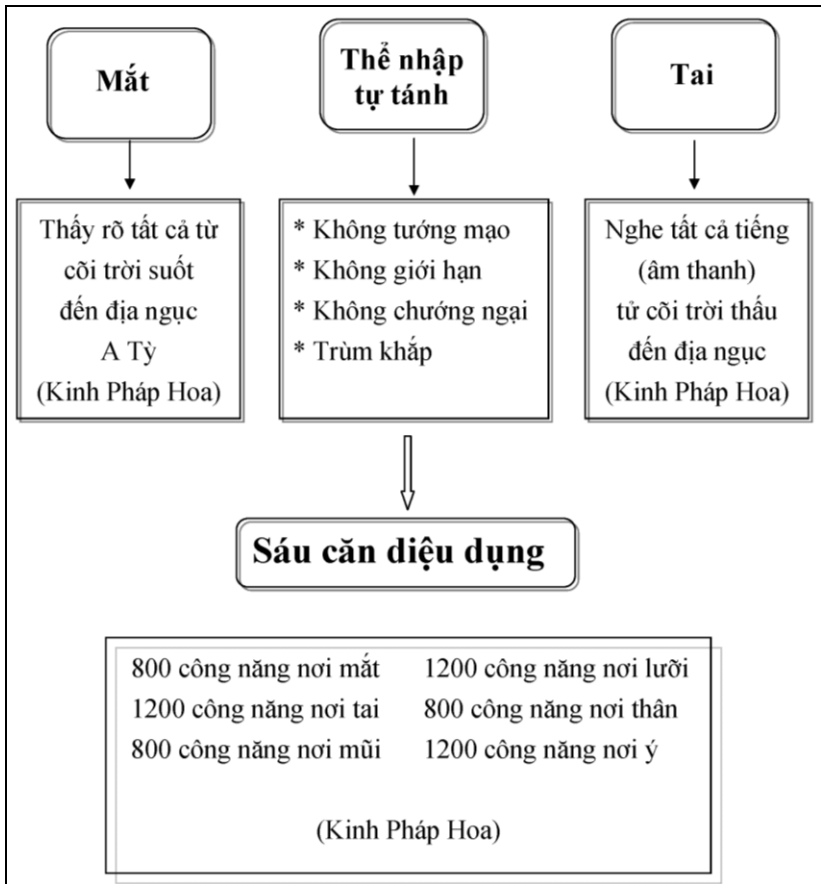
Quán Thế Âm Bồ Tát
Nhĩ căn viên thông
Ngàn tay ngàn mắt



Tiến Trình Tu Nhĩ Căn Viên Thông của Bồ Tát:

1. “Phân văn văn tự tánh” (xoay vào tánh giác)
2. An trú trong tánh giác mà không phân tích ra ngoài
3. Bỏ cái dụng công để an trú đó → biết mình đang an trú
4. Bỏ luôn cái ý thức là tâm mình đang trống rỗng
5. Bỏ luôn cái muốn bỏ đó
6. Rỗng rang (vô sở trụ) → thể nhập tự tánh → viên thông
7. Phương tiện diệu dụng → ngàn tay + ngàn mắt (tay không rời mắt)

Theo *kinh Pháp hoa*, khi Bồ-tát an trú Tri Kiến Phật, sẽ có tám công đức nơi mắt, một ngàn hai trăm công đức nơi tai, tám trăm công đức nơi mũi, một ngàn hai trăm công đức nơi lưỡi, tám trăm công đức nơi thân, một ngàn hai trăm công đức nơi ý.



Khi Bồ-tát **thử nhập tự tánh** rồi thì mắt thấy rõ tất cả từ cõi trời cho đến địa ngục A Tỳ; tai nghe tất cả tiếng từ cõi trời cho đến cõi địa ngục, không còn chướng ngại.

Ngày xưa, có nhà vua muốn ăn thịt ngọc trai ngoài biển, nên vua hạ lệnh cho dân làng ở vùng biển này lặn xuống biển sâu, mỗi ngày bắt dâng năm mươi con trai. Dân chúng rất khổ sở vì việc này. Một hôm, dân làng bắt được một con trai thật lớn, dâng lên vua.

Nhà vua hạ lệnh cho đầu bếp làm lấy thịt ngọc trai. Nhưng đầu bếp làm mọi cách vẫn không lấy được thịt nó. Vua ra lệnh lấy dao búa lớn đập mạnh thì trong đó có hình tượng bò-tát Quán Âm. Nhà vua sợ hãi, vội vàng lên chùa hỏi Hòa thượng việc này. Ngài bảo: “Do bệ hạ làm cho dân chúng quá khổ sở nên Bò-tát thị hiện để nhắc nhở. Nay bệ hạ không nên sát sinh và đừng làm cho dân khổ sở; nếu không, đời sau, bệ hạ sẽ bị đọa làm thân ngọc trai, bị người ta ăn thịt để đền tội”. Vua nghe Hòa thượng dạy rất sợ, từ đó phát tâm ăn chay để chuộc lại lỗi lầm.

Thật vậy, bò-tát Quán Âm dùng nhĩ căn viên thông, nên luôn lắng nghe tiếng kêu khổ của chúng sinh mà thị hiện để cứu độ họ:

***“Đến cõi Ta Bà chẳng quản thân
U minh thế giới quyết năng gần
Quán Âm linh cảm Như Lai nguyện
Lắng tiếng xa xăm cứu độ trần”.***

Thanh Sơn



CÂU HỎI SỐ 32. Thế Nào Gọi Là Ba Độc?

Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là ba độc?

Đức Phật dạy:

- Nay Văn Thù Sư Lợi! Ngu si tà kiến là độc thứ nhất; tham lam không biết là độc thứ hai; giận hờn, ganh ghét là độc thứ ba. Ba độc này là nguyên nhân tất cả hạt giống trong ba đường ác: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu người nào đủ tham, sân, si thì nhất định phải đọa trong ba đường ác, khi mất thân người muôn kiếp khó trở lại.

GIẢNG :

Ba độc gồm có tham, sân, si; ba thứ này lôi kéo chúng sanh đi vào ba cõi. Đó là cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô Sắc, muôn kiếp không bao giờ thoát ra được.

Tham, sân, si là đầu mối đau khổ của những người không biết tỉnh giác.

1. **Tham** là tham dục, đó là cõi Dục. **Sân** là cõi Sắc. **Si** là cõi Vô Sắc. Tham, sân, si là ba con rắn độc luôn thiêu đốt con người. Nó là đầu mối của mọi sự đau khổ, là ngọn lửa khốc liệt đốt hết rừng công đức của chúng ta. Bao nhiêu công đức tạo ra, khi sân giận

nổi lên, ngọn lửa sân sẽ đốt cháy sạch. Nó là con dao bén cắt lia tình vợ chồng, tình cha con, anh em, bạn bè. Khi đã giận lên rồi thì không còn kể thân sơ gì nữa, gặp ai cũng chẳng nể nang, không biết tôn ti trật tự. Sau cơn giận, dù chúng ta biết lỗi, nhưng vì xem trọng bản ngã nên không thể nhìn mặt nhau, không thể đoàn kết hòa thuận lại như trước. Do vậy, dần dần chúng ta trở thành người đơn độc, không ai dám gần gũi. Vì thế, nhà thơ Mang Viên Long nhắc nhở chúng ta:

*“Gặp nhau một thoáng cuộc đời
Xin đừng oán trách nặng lời khổ nhau
Mai kia dù tóc bạc màu
Cũng còn một chút trước sau côi này”.*

THỂ NÀO GỌI LÀ BA ĐỘC?

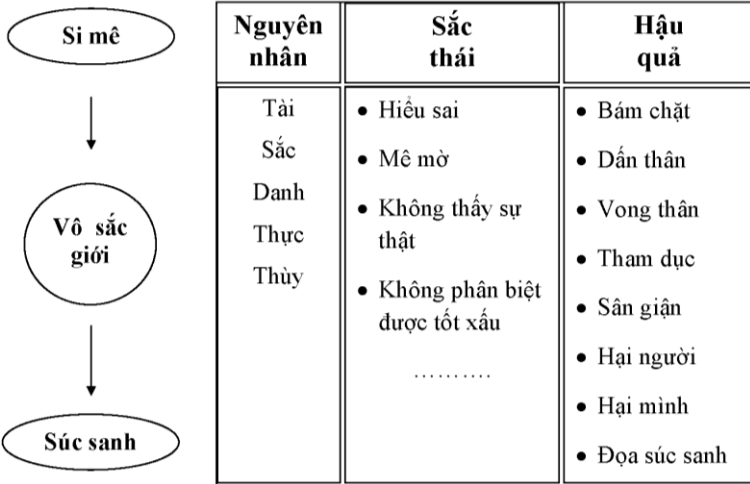
- | | | | | |
|---------|---|-------------|---|----------|
| 1. Si | = | Vô sắc giới | = | Súc sanh |
| 2. Tham | = | Dục giới | = | Ngạ quỷ |
| 3. Sân | = | Sắc giới | = | Địa ngục |

Đầu mối của đau khổ luân hồi

Miếng môi hấp dẫn khó buông bỏ

Ngọn lửa đốt sạch tất cả công đức

Con dao bén cắt lia tình vợ chồng, cha con, mẹ con, anh em, bạn bè, thầy trò



Con người vong thân

Ngu si tà kiến

Không tỉnh thức

“Bất úy tham sân khởi
Duy khủng tỉnh giác trì”

2. **Si** là si mê, hiểu sai, mê mờ, không thấy sự thật, không phân biệt được tốt xấu... Người si mê, sau khi mất thân này sẽ bị đọa làm súc sanh. Mê trong ngũ dục lạc như tài, sắc, danh, thực, thù:

Tài là những thứ như tiền, vàng bạc, kim cương...

Sắc là sắc chất như nhà cửa, xe cộ...Sắc còn là sắc đẹp.

Danh là danh vọng, ai khen thì chúng ta cảm thấy thích thú; còn bị chê liền nổi giận lôi đình.

Thực là mê ăn, thích ăn những thức ăn ngon; vì càng thích ăn ngon nên gây tội sát sinh càng nhiều, nhân tính con người giảm dần, thú tính tăng thêm.

Thù là ham ngủ. Do mê ngủ nên ngu si dần dần.

Si mê khiến con người đọa lạc, không những kiếp này mà còn vô số kiếp sau. Nhân si mê sẽ bị đọa làm súc sanh, khi đã làm súc sanh rồi thì bị bắt giết ăn thịt, hoặc ăn thịt con này con kia để tự nuôi sống, vì

vậy tạo nghiệp tiếp theo, vô cùng vô tận. Mãi bị đọa lạc trong ba cõi, khó có ngày ra.

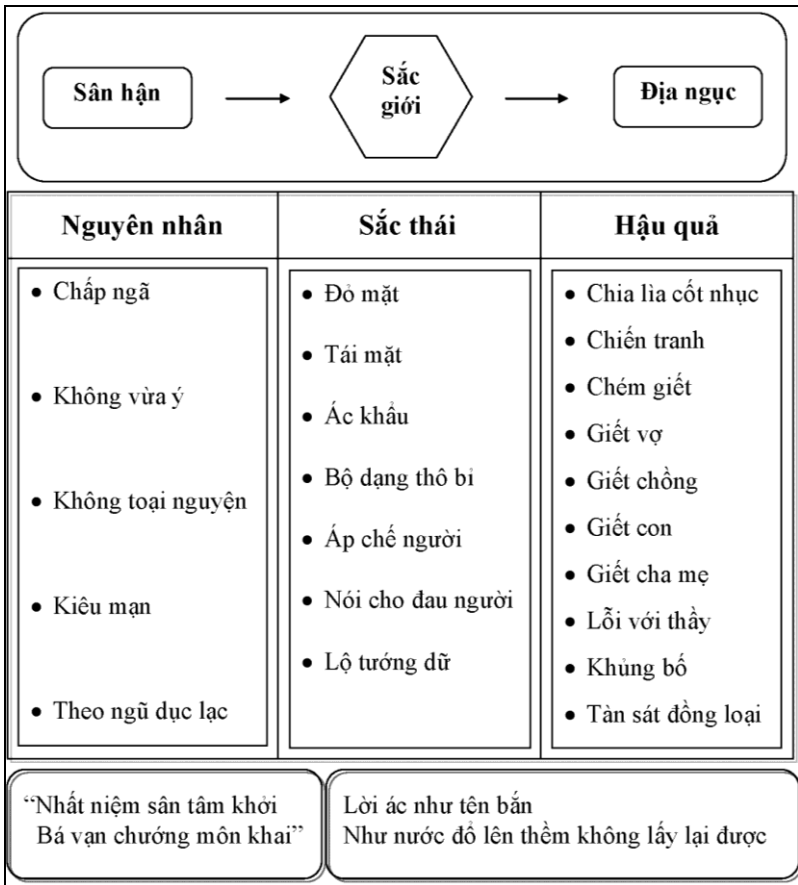
Tham dục	Động lực	Sắc thái	Hậu quả
<p style="text-align: center;">↓</p> <p style="text-align: center;">Dục giới</p> <p style="text-align: center;">↓</p> <p style="text-align: center;">Ngạ quỷ</p>	<p>Tài</p> <p>Sắc</p> <p>Danh</p> <p>Thực</p> <p>Thù</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Động lực thêm muốn không đáng • Lập mưu • Tính toán • Tranh giành • Chiếm đoạt • Xung đột 	<ul style="list-style-type: none"> • Chết chóc • Đau thương • Chia lìa • Nghèo khổ • Ân hận • Chiến tranh • Oán thù • Đọa làm ngạ quỷ

Dục là thúc dục, là sự ham muốn không dừng của con người, muốn được cái này, lại cầu cái kia, muốn cho bản thân, muốn cho bà con dòng họ và muốn cho cả những người mình thương.

Động lực của tham dục là do ngũ dục lạc. Những thứ này hấp dẫn lôi cuốn chúng ta rơi vào vòng xoáy tham dục, do thêm muốn nên phải tính toán, lập mưu chiếm đoạt; nếu chiếm chưa được thì xảy ra xung đột, rắp tâm hại người. Hậu quả của lòng tham dục là sự chết chóc, đau thương, chia lìa, nghèo khổ, oán thù, luân hồi vay trả. Cho nên nói:

**Mọi việc do chính mình muốn,
Định đoạt không phải người khác,
Hậu quả do mình gây ra,
Tự mình là người gánh chịu**

Người tham dục, sau khi mất thân người, muôn kiếp khó gặp lại, quyết định sẽ bị đọa làm ngựa quỉ.



3. **Sân** là sân hận, được bộc lộ trên khuôn mặt và hành động. Nguyên nhân của sân là chấp ngã, cho mình là hơn người, không ai có quyền nói tới mình, mình muốn cái gì phải được cái đó. Nếu không vừa ý liền nổi giận, vì khi đó ý đã biến thành tâm thức. Hiện tướng của sân là đỏ mặt tía tai, nói ác, hành động thô tháo, ức hiếp người khác, không hề chịu thua bất cứ ai. Hậu quả của sân là chia lìa cốt nhục, chiến tranh, giết chóc, có thể giết hại bất cứ ai, lỗi đạo với người khác. Cho nên Đức Phật khuyên:

***“Giữ ý đừng phẫn nộ
Phòng ý, khéo bảo vệ
Từ bỏ ý nghĩ ác
Với ý, nghĩ hạnh lành”.***

Kinh Pháp Cú

Ngày xưa, có một người thợ săn chuyên săn những con thú về bán. Ngày nào hắn cũng săn rất nhiều thú rừng. Nhưng hôm đó, hắn đi khắp nơi vẫn không thấy con thú nào mà chỉ gặp một vị thiền sư. Hắn giận quá quát mắng:

- Tại sao tôi đã cố tránh ông rồi, nhưng sao hôm nào cũng gặp? Hễ mỗi lần gặp ông, tôi không săn được con thú nào cả ?

Vị sư bảo:

- Đức Phật thường dạy người xuất gia, ngày ăn một bữa, ngủ dưới gốc cây không quá ba đêm, cho nên tôi phải di chuyển từ cây này đến cây khác.

Anh ta tức quá đòi giết vị sư. Ngài bảo:

- Anh không được làm như thế, tạo nghiệp ác sẽ bị đọa địa ngục đó.

Hắn nghe sư nói, càng tức tối, lao tới chém sư. Ngài liền trèo lên cây. Hắn vẫn không chịu thua, vội vã đi tìm nhánh cây dài thọc lên. Vị sư vội vàng chuyền qua chuyền lại trên các cành cây nên áo cà sa bị rơi xuống, không may, chiếc cà sa rơi trùm lên thân hắn. Lúc đó, hai con chó săn thấy áo cà sa tưởng vị sư đã bị rơi xuống nên nhảy bổ tới, ra sức cắn xé, tan nát thây thi, ai ngờ đó chính là ông chủ của nó.

Qua câu chuyện, chúng ta thấy sân, si rất có hại cho bản thân, không những hại đời này mà còn hại vô số kiếp về sau. Vì người sân nhiều, sau khi mất thân này sẽ bị đọa vào địa ngục, khó thoát ra được. Vì thế, bậc Cổ đức thường dạy:

***“Sân, si nghiệp chướng không chừa
Bo bo mà giữ tương đưa làm gì?”.***

Đức Phật dạy, chúng ta phải tu trừ ba độc bằng cách hiển lộ Tánh Giác. Khi giận, biết mình đang giận thì cơn giận sẽ bị ngưng lại.

là một niệm tỉnh giác, an trú tỉnh giác nơi sáu căn, không dính mắc cảnh trần:

*“Từ xưa tâm cảnh liên quan
Cảnh mà xao động tâm an mấy người
Muốn tâm lắng bớt duyên đời
Cảnh mà thay đổi dễ dòi được tâm”.*

Cảnh và tâm (HT. Thích Bửu Huệ)

Thật vậy, chúng ta phải lo nỗ lực tu hành, được an lạc đời này cũng như chúng ngộ mai sau; đừng nên tham đắm mãi ngũ dục, tâm thức chứa đầy tham, sân, si; như thế sẽ mãi luân hồi sanh tử, chịu rất nhiều đau khổ:

*“Đời người ngắn ngủi chết từng phần
Già bệnh làm suy tâm lực dần
Chẳng biết làm sao ra khỏi được
Vợ con tài sản quẩn chặt chân
Một mai kiệt sức thân này bỏ
Tiền của theo đời, nghiệp theo thân
Cách mặt xa lòng ai tưởng nhớ
Ăn năn hối hận cũng bằng không”.*



CÂU HỎI SỐ 33: Thế Nào Gọi Là Tứ Đại?

Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi hỏi:

- Kính bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là tứ đại?

Đức Phật dạy:

- Nay Văn Thù Sư Lợi! Đất có tánh cứng, nước có tánh ướt, lửa có tánh nóng, gió có tánh động. Bốn đại hòa hợp trong thân người tạo thành một thể; nghĩa là da, thịt, gân, cốt hợp lại trong thân gọi là địa đại. Nước miếng, nước tiểu, máu lưu thông khắp thân thể, gọi là thủy đại. Hơi ấm điều hòa lan truyền khắp thân thể, gọi là hỏa đại. Sự chuyển động trong thân thể, gọi là phong đại. Bốn đại điều hòa thì thân thể an vui, bốn đại bất thường thì sinh bệnh khổ; như thế gọi là tứ đại.

GIẢNG :

Tứ đại gồm: đất, nước, gió, lửa. Sao gọi là đại? Bởi vì đây là bốn chất lớn, quan trọng hiện hữu khắp trong vũ trụ: trong con người, trong các loài thú vật, trong cây cỏ, trong không gian ... Thể của nó rất rộng lớn, muôn hình vạn trạng. Giống như nước, bên ngoài là nước giếng, nước đá, nước mưa, sương; bên trong cơ thể là nước miếng, nước mũi, máu... Trong không gian, nó ở thể hơi. Như đất bên trong con người là xương, lông, tóc... còn ở bên ngoài nó là cây, cỏ, cát, sỏi... nó biến hóa muôn hình vạn trạng

như vậy. Trong không gian, nó là lân hư trần. **Địa đại** (đất) là chất cứng, **thủy đại** (nước) là chất lỏng, **hỏa đại** (lửa) là chất nóng, **phong đại** (gió) là thể di động.

Chúng tôi tóm tắt tứ đại theo sơ đồ sau:

THỂ NÀO GỌI LÀ TỨ ĐẠI?				
Tứ đại là 4 chất quan trọng có mặt ở khắp nơi, tạo thành thế giới, vạn vật và con người				
1. Địa đại	=	Chất đất	=	Thể cứng
2. Thủy đại	=	Chất nước	=	Thể lỏng
3. Hỏa đại	=	Chất lửa	=	Thể nóng
4. Phong đại	=	Chất gió	=	Thể di động

Đức Phật nói về tứ đại để chỉ rõ bản chất thật của chính con người mình. Xưa nay chúng ta cứ ngỡ thân này là của mình. Nhưng không, thân này là một kho chứa nhiều thứ chống trái nhau. Nếu chúng hòa hợp thì thân khỏe, nếu chúng bất hòa thì thân bệnh. Nếu khô nước thì thân teo lại, nếu nóng quá thì mình bị lở môi miệng, nếu nước vào nhiều trong thân thì gây đau đốn, nếu gió vào nhiều thì thân uể oải. Cho nên, bậc Cổ Đức dạy:

“Mọi vật thế gian chẳng có bền

Khi thành, khi bại, lúc lênh đênh

Trông qua vũ trụ đều là khổ

Vướng nổi tử sanh lão, bệnh phiền. »

Chúng ta biết tu hành, tâm an ổn niệm Phật thì bốn chất này hòa hợp, thân thể khỏe mạnh; nếu thiếu tu, sân giận thì người bốc hỏa, nóng nảy. Bốn đại này thường chống trái nhau làm cho cái thân sinh nhiều bệnh tật. Bốn đại này giống như bốn con rắn độc trong thân. Thế nên Đức Khổng Tử nói: “Ta có mối lo lớn, vì ta có thân này”.

Đức Phật phân tích về tứ đại để chỉ cho chúng ta hiểu rõ thân thể của ta là duyên hợp, không nên lo bồi bổ quá đáng cho nó mà tạo nhiều tội nghiệp. Chúng tôi phân tích kỹ bốn đại theo kinh điển như sau:

Thứ nhất là địa đại, nó có trong thân và có bên ngoài vũ trụ.

ĐỊA ĐẠİ = CHẤT ĐẤT

Đất trong thân = tóc, lông, răng, móng, da, thịt, gân, xương, tủy, tim, gan, màng, lá lách, phổi, bao tử, ruột...

Đất bên ngoài = cây, cỏ, đất, đá, bụi, núi, gò, nhà, cầu, đường, cõn, bãi biển, vi trần, lân hư trần...

Đặc điểm của đất:

- Biến dịch đa dạng
- Dung chứa tất cả chất dơ, sạch, tốt, xấu (rác, thây ma, ...)
- Đất vẫn luôn thân nhiên, không vui, không buồn dù ai đổ lên đất các loại.

Đất trong thân gồm tóc, lông, răng, móng, da, thịt, gân, xương...các chất trong cơ thể của chúng ta, khi ta chết đi thì thân này trả về cho tứ đại.

Đất bên ngoài như cây, cỏ, đất, đá, gò, nhà, bụi bặm...

Đất trong thân và bên ngoài giống nhau, sở dĩ ta thấy khác vì nó biến hóa nhiều dạng vậy thôi. Khi mình chết, chôn xuống đất, nó cũng giống như đất bên ngoài.

Đặc điểm của đất là biến dịch đa dạng, dung chứa tất cả các chất dơ sạch. Tuy biến dịch nhưng đất vẫn an nhiên tự tại, không mất bản chất của nó, vẫn

thản nhiên không vui không buồn dù ai đổ lên bất cứ vật gì trên đất.

Thứ hai là thủy đại, nó có trong thân và bên ngoài.

THỦY ĐẠI = NƯỚC			
Nước trong thân:	* Máu	* Nước mắt	* Mồ hôi
	* Mủ	* Nước mũi	* Nước bọt
	* Đàm	* Chất nhòn	* Mỡ
	* Mật	* Nước tiểu	* ...
Nước bên ngoài:	* Nước sông	* Băng	
	* Nước mưa	* Sương	
	* Nước đá	* Tuyết	
Đặc điểm của nước:			
<ul style="list-style-type: none">• Thay đổi biến dịch đa dạng• Rửa đủ loại dơ sạch, thơm hôi, tốt xấu• Dung chứa rác, bùn, thầy ma, đủ loại...• Nước vẫn thản nhiên không xao động• Nước không vui, không buồn			

Nước trong thân là máu, mủ, đàm, nước tiểu, mồ hôi... nó rất dơ.

Nước bên ngoài gồm nước sông, nước mưa, băng, tuyết...

Đặc điểm của nước là thay đổi, biến dịch đa dạng; dung chứa tất cả dơ, sạch, tốt, xấu... lúc nào

nước cũng vẫn thân nhiên, không vui không buồn dù ai đem thân ma thú bỏ xuống nước.

Thứ ba là hỏa đại : là hơi nóng. Hơi nóng cũng có trong thân và bên ngoài vũ trụ.

HỎA ĐẠI = LỬA

Lửa trong thân: Hơi ấm trong thân (37 độ C)

Lửa bên ngoài: ánh nắng mặt trời, lửa than, lửa lò nấu, đuốc, lửa trong không gian, hơi ấm trái đất

Đặc điểm của lửa:

- Đa dạng trong vũ trụ
- Làm ấm mọi nơi
- Đốt cháy tất cả không phân biệt
- Lửa luôn thân nhiên, vô tình, hiện diện mọi nơi, không vui, không buồn

Lửa bên trong là thân nhiệt khoảng 37 độ C. Nếu lên 40 độ thì lửa thạnh hơn nước, người mình sẽ phát sốt.

Lửa bên ngoài gồm ánh nắng mặt trời, lửa than, đuốc, hơi ấm trái đất...

Thân thể mình luôn lệ thuộc vào bên ngoài. Nếu không khí bên ngoài 0 độ thì mình bị bệnh liền, như vậy mới biết, thân thể mình mong manh, không chắc chắn gì cả.

Thứ tư là phong đại, tức gió trong thân và bên ngoài.

PHONG ĐẠI = GIÓ

Gió trong thân:

- Hơi thở vô ra
- Khi lưu chuyển trong tim, gan, ruột, phổi, tay, chân...

Gió bên ngoài:

- Gió mát, gió nóng, gió lạnh
- Không khí di động

Đặc điểm của gió:

- Đa dạng trong vũ trụ
- Làm mát mọi nơi

Gió trong thân tức là hơi thở vô ra. Nếu không có hơi thở thì máu không lưu thông khắp cơ thể, chỉ cần không thở khoảng mười phút thì chết liền.

Gió bên ngoài là gió nóng, gió mát, gió lạnh, không khí di động... Chúng ta sống được là nhờ gió bên ngoài; nếu không có gió bên ngoài thì gió bên trong không hoạt động được. Chúng ta có thể nhịn ăn, nhịn uống vài ngày nhưng không thể nhịn thở lâu trong vòng 10 phút.

Đức Phật nói, dù gió bay qua chỗ có mùi hôi, mùi thơm, nó vẫn không phân biệt khen chê gì cả. Khi xuyên qua chỗ sinh lầy, hôi thúi thì gió có mùi thúi; xuyên qua khóm hoa thì biến thành mùi thơm. Dù

thơm hay hôi nó vẫn thổi qua tất cả, không phân biệt, khen chê, tính toán, buồn vui. Nói về thân tứ đại, ngũ uẩn này, thiền sư nói rất hay:

“Bốn rần chung rương trước giờ không

Núi cao năm uẩn đâu chủ ông

Chân Tánh sáng ngời đâu chướng ngại

Niết Bàn, sinh tử mặc che lòng”.

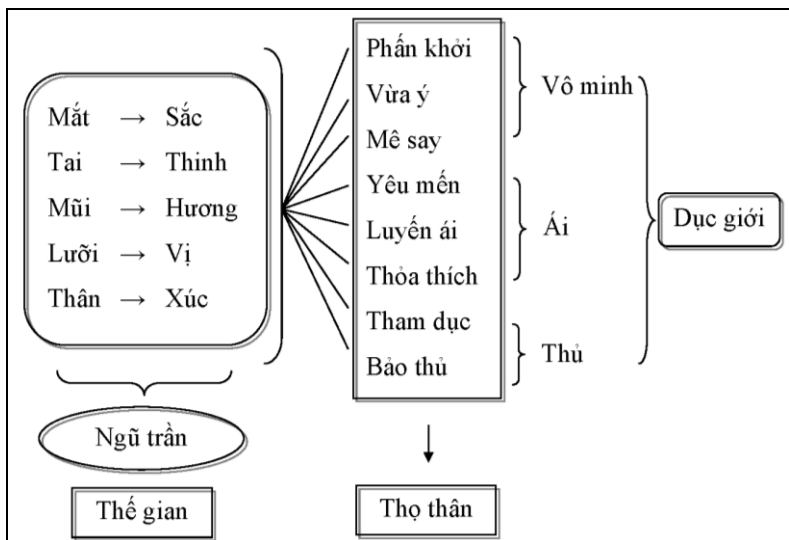
Chúng ta phải biết bốn con rần độc đất, nước, gió, lửa ở trong thân mình luôn quấy rối, hành hạ chúng ta suốt đêm ngày. Chúng ta chỉ mượn thân này để tu hành, không nên chiều chuộng nó quá, nếu thân no đủ thì tham dục dễ sinh. Vì vậy, Đức Phật thường dạy hàng đệ tử xuất gia phải biết đủ ba thứ: ăn, mặc, ở. (Tam thường bất túc).

Xin giảng thêm về hơi thở rất quan trọng trong đời sống tu hành; chúng ta có thể dựa vào nó để làm đề tài tu thiền, tức quán sổ tức. Cũng vậy, khi mình đi kinh hành, ý thức phải đặt ngay trên từng bước chân, an nhiên tỉnh giác. Khi mới ngồi thiền, ta phải dành nửa tiếng đầu tiên để theo dõi hơi thở, để cho thân thể mềm mại, thông thả, sau đó mới quán chiếu thân tâm. Khi chúng ta tập trung ý thức vào một chỗ thì sẽ có định lực, tâm sẽ an trụ, thanh tịnh. Thiền sư Nhất Hạnh dạy rất hay:

“Thở vào tâm tĩnh lặng

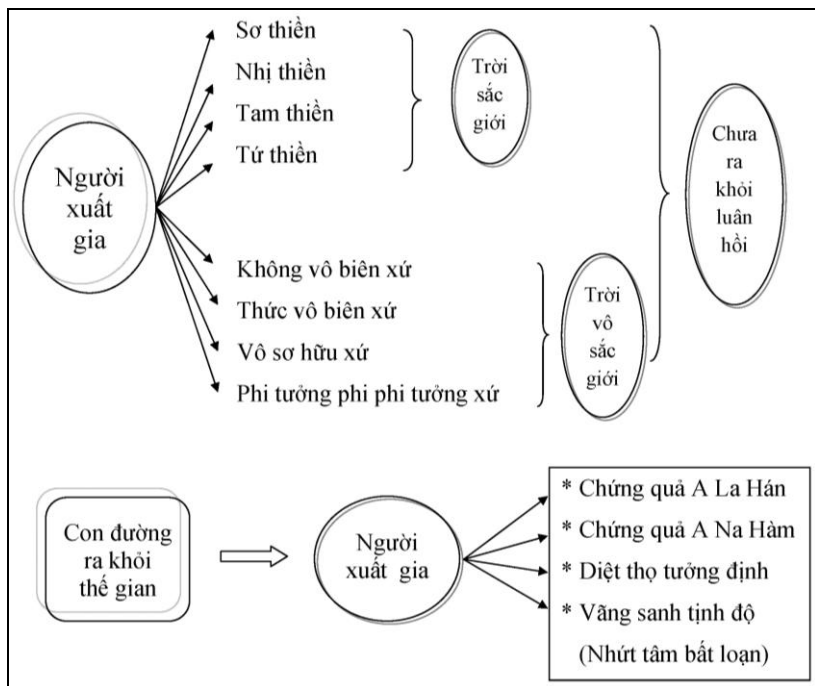
Thở ra miệng mỉm cười
An trú trong hiện tại
Giây phút đẹp tuyệt vời”.

Khi chúng ta niệm Phật cũng nên theo hơi thở. Lúc chúng ta thở vào niệm A-di-đà Phật, thở ra cũng niệm như vậy. Nếu chúng ta biết niệm câu A-di-đà Phật vào trong từng hơi thở thì khi chúng ta lâm chung rất an ổn. Đức Phật thường dạy: “*Mạng người chỉ một hơi thở*”. Vì thế, chúng ta luôn quán nghĩ vô thường đến với chúng ta bất cứ lúc nào. Khi sáu căn của chúng ta tiếp xúc với sáu trần, phải luôn tỉnh thức, đừng để nó bám theo vòng xoáy cuộc đời. Phật dạy, chỉ tu theo hạnh xuất thế mới có thể ra khỏi thế gian này.



Xuất gia có hai bậc tu:

Nếu xuất gia, tu thiên định, chỉ đạt đến cõi trời sắc giới, trời vô sắc giới, vẫn chưa ra khỏi luân hồi, phải chứng đến quả vị A La Hán mới ra khỏi luân hồi được. Chúng tôi xin tóm tắt qua sơ đồ sau:



Nếu xuất gia, tu chứng quả A-la-hán, A-na-hàm, nhập Diệt thọ tưởng định, hoặc vãng sanh Tịnh độ thì sẽ thoát khỏi luân hồi, thoát khỏi bốn con rắn này.

Người cư sĩ cũng có thể tu hạnh xuất thế để vãng sanh Tịnh độ, thoát khỏi bốn con rắn độc.

Chúng tôi xin kể câu chuyện :

Một hôm có vị tỳ-kheo đến thưa cùng Đức Phật:

- Bạch Thế Tôn! Làm sao để hộ niệm cho một người cư sĩ lúc lâm chung được vãng sanh Tịnh Độ ?

Phật dạy:

- Này tỳ-kheo! Nếu thầy gặp người cư sĩ này vào lúc lâm chung thì hãy nói: ông đừng sợ vì ông đã quy y Phật, thì có Phật hướng dẫn chỉ đường; vì ông đã quy y Pháp, nên ông đã tin tưởng thực hành theo chánh pháp; vì ông đã quy y Tăng, nên ông đã theo thiện tri thức học pháp rồi; ông lại giữ năm giới thanh tịnh. Lúc này, ông hãy nhất tâm niệm Phật, nhất định ông sẽ được vãng sanh, đừng lo lắng gì cả. Nếu người đó còn quyến luyến cha mẹ thì hãy khuyên rằng: ông cùng cha mẹ gặp nhau chỉ là nhân duyên; khi ông chết rồi, nếu có cơ hội trở lại cõi này thì cha mẹ cũng không nhìn nhận ra ông đâu. Bởi vậy, ông nên niệm Phật vãng sanh Tây phương, có thần thông rồi quay trở lại thăm, hóa độ cha mẹ. Nếu người này vẫn còn tham luyến tài sản thì phải khuyên ông ta rằng: tài sản trên đời thật mong manh, một cơn nước lũ, một cơn hỏa hoạn sẽ thiêu cháy tất cả.

Người trong lúc hấp hối, chỉ nhất tâm niệm Phật, không còn quyến luyến gì, thì nhất định người đó sẽ được vãng sanh. Đây là người cư sĩ đạt đạo nhờ tu theo hạnh xuất thế, nhất tâm niệm Phật mà được vãng sanh, thoát khỏi vòng luân hồi vậy. Tóm lại,

chúng ta phải biết thân này giả hợp, tài sản cũng không thật có, đừng nên tham luyến quá mà tạo nhiều tội nghiệp. Bạc Hiền Trí biết rõ đời là huyễn mộng, nên quyết tâm xa lìa:

*“Người đắm say ái dục
Tự lao mình xuống dòng
Như nhện sa lưới dệt.
Người trí cắt trừ nó
Bỏ mọi khổ, không màng”.*

Pháp Cú 347



CÂU HỎI SỐ 34: Thế Nào Gọi Là Hiếu Thuận?

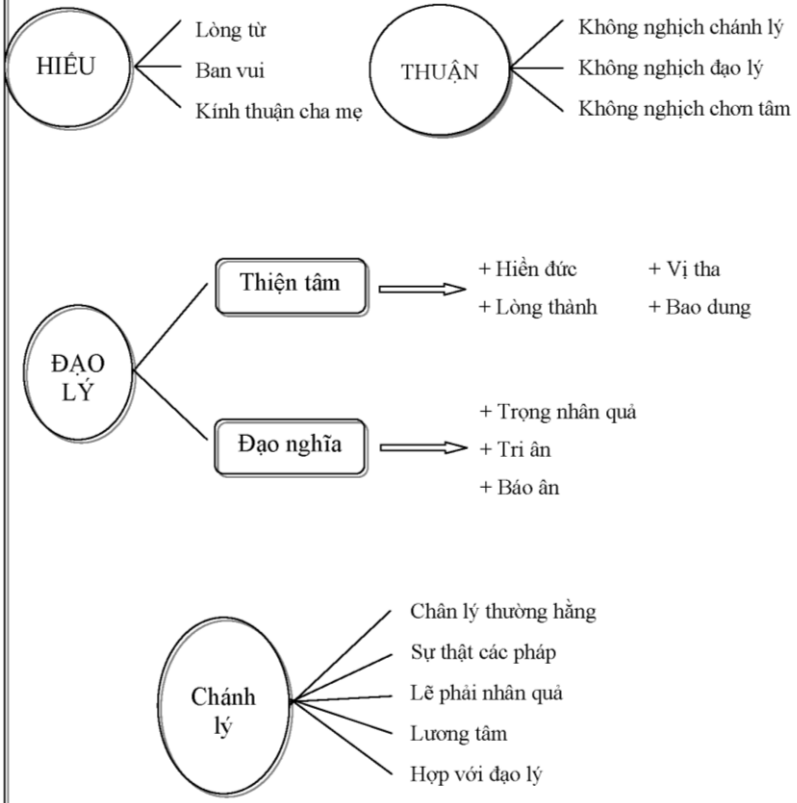
Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi hỏi:

- Kính Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là hiếu thuận?

Đức Phật dạy:

- Nay Văn Thù Sư Lợi! Hiếu là lòng từ, thuận là không trái với chân lý. Người có hiếu thuận thì không bao giờ giết hại chúng sinh để mình được sống; người này không vì lợi ích riêng mình mà làm tổn hại việc công, tôn kính Tam bảo, kính thuận cha mẹ, không say mê nhậu nhẹt, không ăn chơi trác táng, không thương riêng ai, không ghét ai, chỉ luôn khuyên mọi người trong gia đình cùng tu phước huệ, trên dưới hòa thuận, làm cho cha mẹ đã qua đời hết khổ được siêu sinh. Như thế gọi là con cái hiếu thuận ở thế gian.

THỂ NÀO GỌI LÀ HIẾU THUẬN?



GIẢNG :

Hiếu là lòng từ, nghĩa là thương tất cả mọi chúng sanh, không giết hại chúng sanh. Hiếu còn có nghĩa là ban vui, kính thuận cha mẹ.

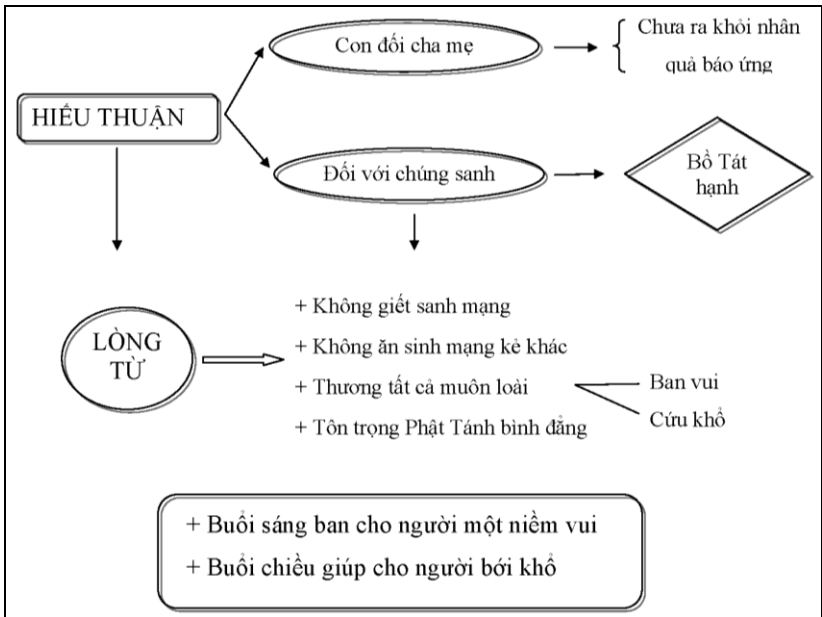
Thuận là không nghịch chánh lý, không nghịch đạo lý, không nghịch với chân tâm.

Chánh lý là chân lý thường hằng, là lẽ phải, là lương tâm, hợp với đạo lý, là sự thật không thay đổi.

Đó là chân lý của đạo Phật như vô thường, khổ, không, vô ngã ...

Đạo lý là thiện tâm, là đạo nghĩa. Thiện tâm là hiền đức, không làm cho người khác đau khổ; còn có nghĩa là lòng lành, vị tha, bao dung, độ lượng. Đạo nghĩa là tôn trọng nhân quả, không dám làm ác, biết tri ân và báo ân.

Trong kinh Kim Cang, hiếu thuận được chia làm hai. Hiếu thuận đối với ông bà cha mẹ và hiếu thuận đối với chúng sanh.



Hiếu thuận của con cái đối với ông bà cha mẹ, theo cách hiếu thuận đơn thuần của thế gian, là phải phụng dưỡng, không cãi lời, việc làm này chưa

ra khỏi nhân quả báo ứng, vì còn giết sinh mạng để dâng cho cha mẹ ăn...(còn luân hồi trả nợ máu xương)

Hiếu thuận đối với chúng sanh, nghĩa là chúng ta phải thực hành hạnh Bồ-tát, hướng dẫn chúng sanh tu hành, giúp họ thoát khỏi khổ đau, tiến đến bờ giải thoát an vui.

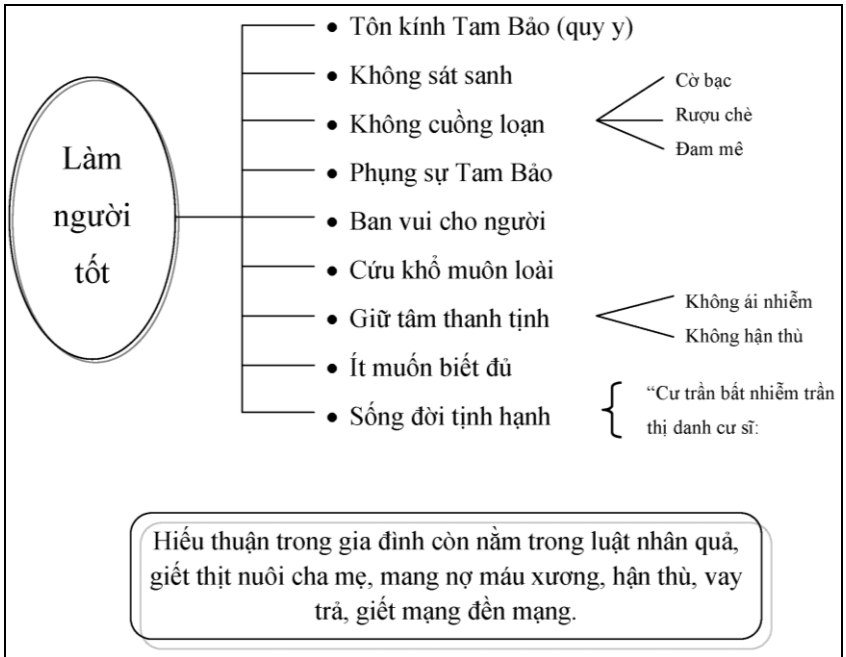
Hiếu thuận chính là lòng từ bi, luôn thương yêu tất cả muôn loài, không bao giờ giết hại hay ăn thịt bất cứ sanh mạng nào. Người có tấm lòng từ bi luôn tôn trọng và bình đẳng đối với chúng sanh, không khinh khi ngạo mạn, xem sự đau khổ của người khác như chính cái khổ của bản thân mình.

Chúng ta muốn báo hiếu đúng pháp như lời Phật dạy, thì phải nhớ ơn, kính trọng, vâng lời, phụng dưỡng, giữ danh giá cho dòng họ, làm vẻ vang gia tộc, làm người hữu dụng cho gia đình, cho xã hội, hướng dẫn cha mẹ quy y Tam bảo, bỏ ác hành thiện, tu hành tinh tấn, thoát khỏi mọi ràng buộc khổ đau.

Muốn có hiếu, trước tiên chúng ta phải làm người tốt. Người tốt là người biết tôn kính Tam bảo, không sát sanh hại vật, không cuồng loạn, không cờ bạc rượu chè, không đam mê tử sắc, phải phụng sự Tam bảo, cứu giúp tất cả mọi loài, giữ tâm ý thanh tịnh, không ái nhiễm, không hận thù, sống theo hạnh **ít muốn biết đủ** (thiểu dục tri túc), tu tịnh hạnh .

Thực hành được như thế là người không nhiễm trần tục:

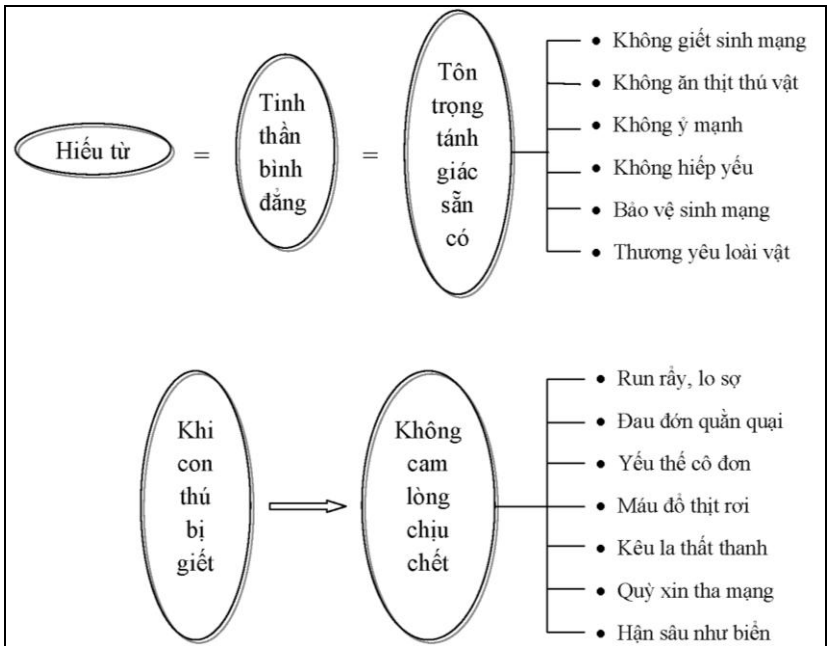
***“Cõi lòng thanh tịnh hết trần duyên
Thanh tịnh vô vi dưỡng tánh hiền
Muôn hạnh Như Lai đều lập đủ
Độ mình, độ thế khỏi lao phiền.”***



Hiếu thuận theo *kinh Kim cang*, là hiếu thuận của một người Phật tử, của một vị Bồ-tát đối với tất cả chúng sanh. Nghĩa là không giết hại chúng sanh, thương chúng sanh như con của mình, vì con thú nó cũng có Tánh Giác Biết, chúng cũng biết sợ, biết thích

mát, tránh nóng... tất cả đều tham sống sợ chết như nhau. Cho nên, chúng ta phải biết ban vui cứu khổ.

Hiếu thuận còn là lòng từ, cho nên gọi là hiếu từ. Hiếu từ là tinh thần bình đẳng, bảo vệ sinh mạng của mình và các loài. Đức Phật dạy, con vi trùng rất nhỏ ở trong nước, chúng ta cũng phải lược ra, nếu không lược, không nên uống, vì uống sẽ mang tội sát sanh, hễ sát sanh thì phải đền mạng. Và lại, người có hiếu, không ăn thịt thú vật, không ý mạnh hiếp yếu, phải thương yêu, bình đẳng với mọi loài. Bởi lẽ, tất cả chúng sanh đều có Phật Tính như nhau.



Khi con vật bị giết, không con nào cam lòng chết, cho nên chúng run rẩy, lo sợ, đau đớn quần quai, thân yếu thể cô, máu đổ thịt rơi, kêu la thất thanh, quỳ xin tha mạng. Nếu chúng sanh bị giết trong tình thế như vậy, tâm sẽ oán hận, nguyện sớm đầu thai để báo thù. Cho nên Đức Phật dạy, làm người phải có lòng từ, phải thương yêu mọi người và mọi loài, không nên giết hại chúng sanh.

KHÔNG ĂN THỊT CHÚNG SANH

“Cũng có lúc lòng lạnh bất nhẫn

Nghe tiếng kêu hối hận giật mình

Máu me ràn rụa thân hình

Mắt trông cảnh thảm động tình xót xa

Con nguyện hứa thứ tha tất cả

Lòng dạn lòng cải hóa tự tâm

Học đòi theo bậc thiện nhân

Tạm dùng rau trái nuôi thân qua ngày”

Bữa cơm thanh tịnh không thù hận

Một bụng rau tươi mát dạ dày

Tại sao chúng ta không nên giết hại chúng sanh?
Vì tất cả chúng sanh đều có Phật Tính như nhau, vì
tránh nhân quả báo ứng. Vấn đề nhân quả rất rõ ràng:

“Nhân xưa muốn biết hỏi ai

Hãy xem những việc nay mai kiếp này

Muốn biết quả báo kiếp sau

Hãy xem những việc ngày nay ta làm”.

Nói về nhân quả chúng tôi trình bày qua sơ đồ
dưới đây:

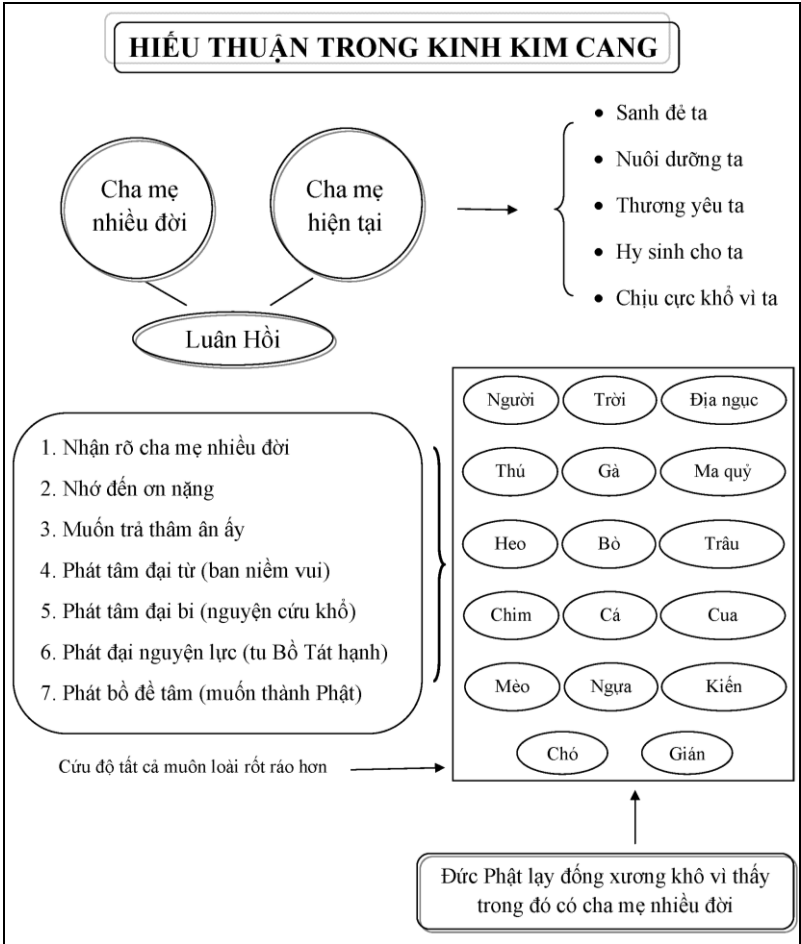
NGUYÊN NHÂN KHÔNG SÁT SANH

1. Tôn trọng sự công bằng kiếp sống
2. Mở rộng lòng từ bi (ban vui, cứu khổ)
3. Tôn trọng Phật Tánh bình đẳng (ai cũng có)
4. Tránh nhân quả báo ứng :
 - Trả thù
 - Chết yếu
 - Bệnh độc
 - Tàn tật
5. Sợ ăn làm thịt bà con :
 - Ông bà
 - Cha mẹ
 - Con cháu
 - Thân tộc

Luân hồi làm thú, cá, chim,
heo, gà, chó...

Hiếu thuận trong *kinh Kim cang* là hiếu thuận đối với cha mẹ hiện tại và cha mẹ nhiều đời trước. Cha mẹ nhiều đời sau khi chết đều phải luân hồi, có khi làm người, khi làm trời, khi làm súc sanh, khi đọa địa ngục... Có thể chúng ta đã trải qua nhiều đời làm con của các loài, hôm nay mới được trở lại làm người.

Cho nên, ngày nay chúng ta phải nhớ ơn và đền ơn, vì ơn sanh thành rất nặng, chín tháng cưu mang, ba năm bú mớm. Cha mẹ là những người nuôi nấng, dạy dỗ cho chúng ta nên người, trở thành người hữu ích trong xã hội. Do vậy, chúng ta phải trả ơn, nhưng muốn trả ơn, chúng ta nên phát tâm đại từ, hành đạo Bồ-tát, thương yêu và cứu độ tất cả chúng sanh. Chúng ta muốn cứu độ rất ráo thì phải phát tâm tu hành thành Phật, mới có thể đạt được ước muốn. Nếu chúng ta nhận rõ tất cả chúng sanh đều là cha mẹ nhiều đời của ta thì mình không nên ăn thịt, uống máu bất cứ con vật nào. Chúng ta muốn sống lâu, không bệnh tật thì phải ăn chay, làm lành, tu phước.



Tóm lại, chúng ta phải thực hành, tu tập đúng theo tinh thần hiểu thuận trong *kinh Kim cang* mà Đức Phật đã dạy. Được như thế, chẳng những chúng ta tỏ lòng hiểu thuận với cha mẹ hiện tại mà còn với cha mẹ nhiều đời nhiều kiếp về trước; quyết tinh tấn tu hạnh Bồ-tát, thẳng tiến đạo Bồ đề.



CÂU HỎI SỐ 35: Thế Nào Gọi Là Phương Tiện?

Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi hỏi:

- Kính Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là phương tiện?

Đức Phật dạy:

- Nay Văn Thù Sư Lợi! Hai chữ phương tiện có nhiều ý nghĩa, nhưng tóm lại có mười lăm điều:

- 1. Không nuôi và giết hại chúng sinh.**
- 2. Không uống rượu ăn thịt.**
- 3. Không nấu rượu.**
- 4. Không xâm lấn hại nhau.**
- 5. Không được chỉ sai đường cho người khác.**
- 6. Không đốt núi rừng.**
- 7. Không được than trời, trách đất.**
- 8. Không khinh khi thần thánh.**
- 9. Không nói lời thô lỗ.**
- 10. Phải làm nhiều việc nhân nghĩa, tích chứa phước đức.**
- 11. Sống tiết kiệm biết đủ, không tham lam.**
- 12. Thương kính người già, giúp kẻ nghèo đói.**
- 13. Thương yêu giúp nhau lúc hoạn nạn.**

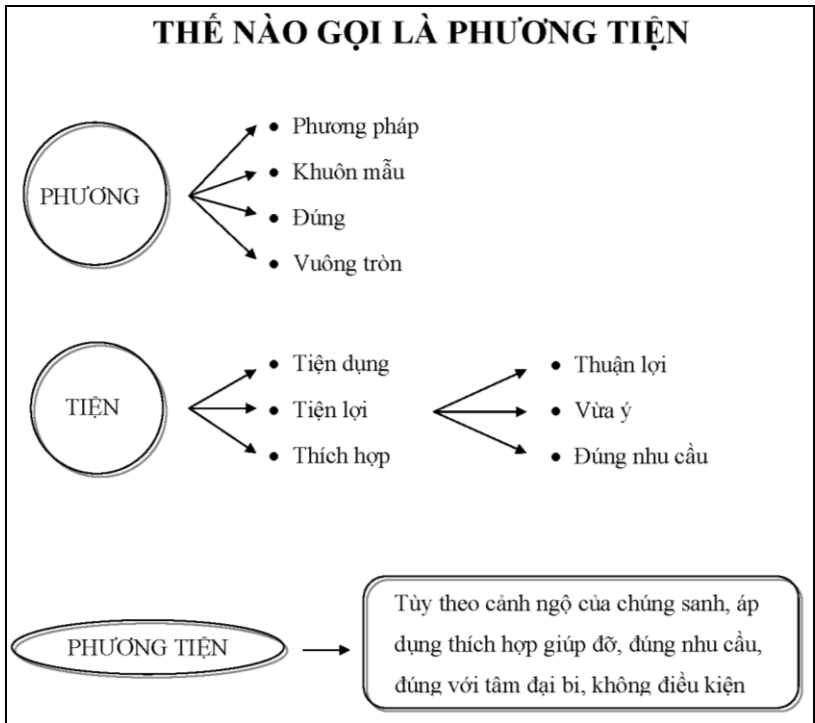
14. Trồng giống Bồ-đề của Phật.

15. Xem kẻ oán, người thân giống nhau, cứu giúp bình đẳng.

Người nào làm được mười lăm điều phương tiện này sẽ được mười năm điều phước báo thanh tịnh, thường sinh làm người, hoặc làm trời, hưởng thụ an vui.

GIẢNG :

Thế nào là phương tiện? **Phương** là phương pháp, khuôn mẫu, đúng đắn, vuông tròn. **Tiện** là tiện dụng, thích hợp, đúng nhu cầu... Tóm lại, phương tiện là tùy theo hoàn cảnh của chúng sanh cần mà mình giúp đỡ, cứu độ một cách vô điều kiện.



Hai chữ phương tiện ở đây, theo tư tưởng *kinh Kim cang*, là những việc làm của các bậc Đại Bồ-tát. Các ngài phát ra diệu dụng phương tiện từ nơi Thể Tánh của mình, cho nên các ngài không tính toán, so đo, sẵn sàng hy sinh vì người, đúng theo nhu cầu của họ và làm lợi ích cho người. Như bồ-tát Quan Thế Âm hiện ra ngàn tay ngàn mắt, tùy theo căn cơ của chúng sanh mà cứu độ, không bỏ một ai:

Hóa thân ngồi cõi Ta Bà

Thân lên trên Phật, thân qua dưới đời

Thuyền từ xông lướt biển khơi

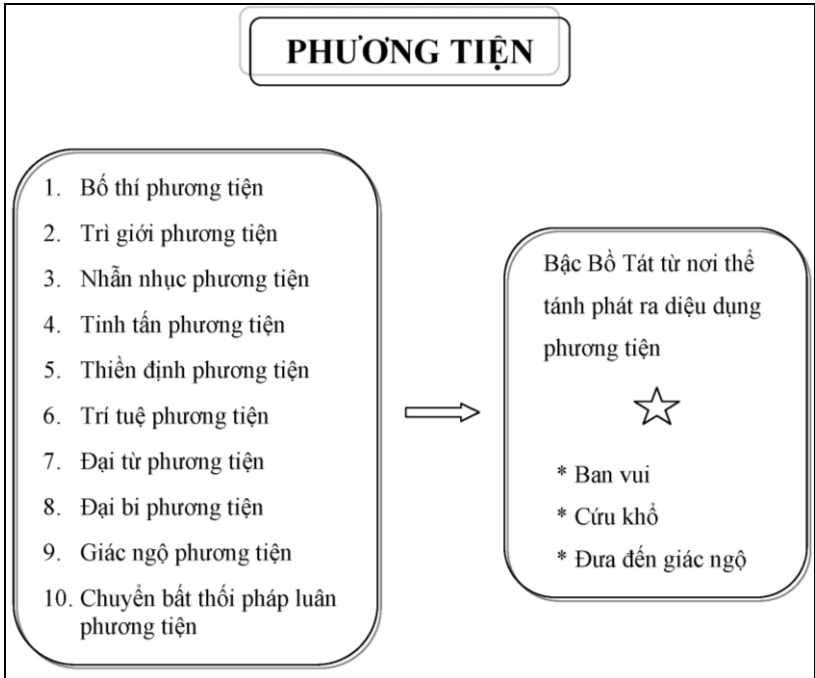
Tâm thanh cứu khổ độ người trần gian.

Thanh Sơn

Giống như thể ướt của nước vậy, nước mưa cũng có thể ướt, sương cũng có thể ướt, nước mắt cũng có thể ướt. Thể của nước chỉ có một (thể ướt) nhưng ẩn chứa dưới nhiều hình dạng nước khác nhau. Cũng vậy, Phật Tánh thanh tịnh cũng đều ẩn trong tất cả việc làm của các bậc Đại Bồ-tát. Tất cả hành động của các ngài phù hợp với tâm đại từ là ban vui và tâm đại bi là cứu khổ chúng sanh, nên gọi là phương tiện.

Bồ-tát dẫn thân phụng sự chúng sanh mà không từ chối điều gì, dù là có lợi cho người mà có hại cho mình vẫn làm, đó gọi là **quyền phương tiện**. Bồ-tát thường tu theo Lục Độ, Vạn Hạnh, tức là quyền phương tiện để thành Phật chứ không phải để làm người, làm trời. Đúng theo tinh thần: “Nguyện vì chúng sinh chịu vô lượng khổ, làm cho chúng sinh được an vui”.

Quyền phương tiện gồm có mười điều: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, đại từ, đại bi, giác ngộ, chuyển bất thoái pháp luân.



Bồ thí phương tiện là bồ thí bất nghịch ý, có nghĩa là nếu gặp người xin nhà thì cho nhà, xin đất cho đất, xin thân cho thân, xin máu thịt cho máu thịt...

Trong Bản Sanh truyện có kể câu chuyện: Khi Đức Phật còn hành đạo Bồ-tát. Một hôm, ngài đang ở trên cây, nhìn xuống đất thấy có con cọp mẹ bị đói vì đang cho con bú, ngài liền nhảy xuống đất để cho cọp ăn thịt.

Trì giới phương tiện tức giữ gìn giới luật theo đúng luật nghi nhưng cốt yếu là mang lại lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Nhẫn nhục phương tiện là nhẫn chịu nghịch cảnh, nhận phần cực khổ về mình để chúng sinh được an vui.

Tinh tấn phương tiện là tìm đủ mọi cách để giúp chúng sanh, không bao giờ từ chối điều gì.

Thiền định phương tiện là giữ tâm thanh tịnh, lìa xa những dục lạc, giúp người không cần báo đáp.

Trí tuệ phương tiện là lúc nào trí tuệ cũng hiển lộ, an trụ tánh giác mà làm.

Đại từ phương tiện là khởi tâm bình đẳng thương tất cả chúng sanh.

Đại bi phương tiện là cứu khổ chúng sanh. Bồ-tát giống như người mẹ hiền, luôn muốn cứu khổ tất cả chúng sanh, thương chúng sanh như con đẻ của mình.

Giác ngộ phương tiện là đem trí tuệ vô lậu giác ngộ chúng sanh. Ban đầu, Bồ-tát cho ăn, cho mặc, cho tiền...Sau đó, ngài tìm cách giúp chúng sanh học Phật nghe pháp, thoát khỏi tham, sân, si.

Chuyển bất thoái pháp luân phương tiện là tùy căn cơ chúng sanh mà hướng dẫn họ tu học đúng pháp, giúp họ dễ dàng tiếp thu và giác ngộ Phật pháp.

Phương tiện là cách mà Đức Phật dùng phương pháp cứu độ chúng sanh. Bồ-tát phải thực hành quyền phương tiện mới có thể thành Phật được.

Đối với những người mới phát tâm tu hạnh Bồ Tát, Phật dạy cho những phương tiện cấp thấp. nếu thực hành được những phương tiện này, mới có thể hành hạnh Bồ-tát. Bồ-tát sơ phát tâm có thể thực hành mười lăm phương tiện dưới đây, đi vào cuộc đời, chỉ dạy cho chúng sanh.

CỬ TRẦN BÁT NHIỆM TRẦN PHƯƠNG TIỆN

- 1- Không nuôi thú để bán ăn thịt
- 2- Không uống rượu ăn thịt chúng sanh
- 3- Không làm nghề nấu rượu bán
- 4- Không xâm lấn hại người
- 5- Không chỉ làm đường cho người
- 6- Không đốt núi rừng cây cỏ
- 7- Không oán Trời trách đất
- 8- Không khinh khi Thần Thánh
- 9- Không nói lời thô tục
- 10- Tích tu nhân nghĩa, ban bố Phước Đức
- 11- Cần kiệm, ít muốn, biết đủ
- 12- Kính người già, thương người nghèo đói
- 13- Giúp kẻ khác (người và thú) lúc hoạn nạn
- 14- Gieo giống Bồ Đề của Phật
- 15- Oán thân bình đẳng

Không nên nuôi gà, heo, bò, trâu, dê để giết thịt, buôn bán.

Không nên uống rượu ăn thịt, là vì những kẻ hay nhậu nhẹt, ăn thịt chúng sinh, thường bị quả báo, nên con của họ thường không thông minh, hay quậy

phá, bắt hiếu, là do oan hồn của thú vật đầu thai vào nhà mình để trả thù.

Không nấu rượu để bán, là vì rượu làm cho người say xỉn, bê tha, không còn trí huệ. Do vậy, tội nghiệp rất nặng.

Không xâm lấn hại người, tức không tham lam, chèn ép người khác.

Không chỉ làm đường cho người, tức là hướng dẫn mọi người đi đường lành nẻo chánh.

Không đốt núi rừng cây cỏ, là vì khi mình đốt, tất cả sinh vật trong đó đều bị chết một cách quay cuồng, hoảng loạn. Bởi thế, tội báo rất nặng, có thể bị quả báo điên loạn.

Không trách trời oán đất mà phải tin tưởng nhân quả. Muốn biết nhân đời trước, hãy xem quả hiện tại; muốn biết quả đời sau, hãy xét nhân hiện tại.

Không khinh khi thần thánh, vì phải kính trọng các vị có đạo đức.

Không nói lời thô tục, chửi bới người khác.

Tích tụ nhân nghĩa, ban bố phước đức, thì dù một việc thiện nhỏ mình cũng làm đừng bỏ qua. Điều ác nhỏ cũng quyết từ chối.

Cần kiệm biết đủ, không tham dục thì tâm luôn an lạc.

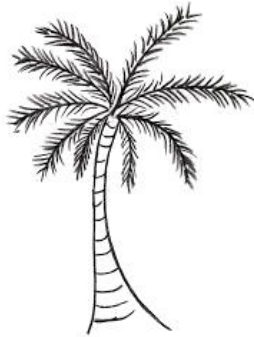
Kính người già, thương kẻ nghèo đói.

Giúp kẻ bị hoạn nạn, tức không kẻ là người hay thú vật, hễ thấy có nạn liền cứu.

Gieo giống Bồ đề, tức là chỉ cho người cái Phật Tánh sẵn có trong họ.

Xem oán thân bình đẳng, tức là giúp đỡ mọi người hết lòng, đừng khởi tâm người thân giúp nhiều, người lạ giúp ít.

Phật dạy, người ở đời mà thực hành được mười lăm điều phương tiện trên thì chắc chắn sẽ được sanh cõi trời, cõi người, hưởng thọ an vui.



CÂU HỎI SỐ 36: Thế Nào Gọi Là Hảo Tâm?

Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi hỏi:

- Kính Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là hảo tâm?

Đức Phật dạy:

- Nay Văn Thù Sư Lợi! Hai chữ hảo tâm có ít người làm được. Nếu người thật sự hảo tâm làm lợi ích cho mọi người mà không mong cầu đền trả . Như làm việc giúp người mà không mong họ đền trả lại; cúng dường, bố thí mà không mong được phước báo, làm lợi ích cho người mà không mong cầu báo đáp; luôn khiêm tốn với mọi người; việc khó xả mà xả được; việc khó nhẫn mà nhẫn được; việc khó làm mà làm được; không phân biệt kẻ oán, người thân, cứu giúp bình đẳng, làm chân thật chứ không nói suông.

Kẻ ngu, miệng thì nói hảo tâm mà trong lòng không có chút thiện. Người hiền thường làm việc thiện, nhưng miệng không nói, chỉ tâm niệm làm lợi ích giúp người mà không cầu danh vọng; như thế, gọi là hảo tâm. Ngược lại, có kẻ chỉ bố thí ra con tép mà muốn bắt lại con tôm, gieo giống ít mà

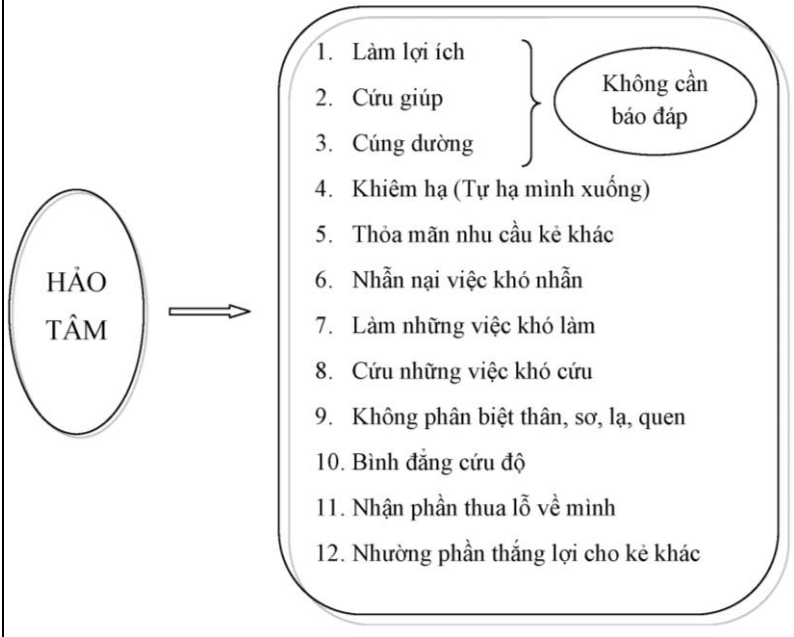
muốn thu hoạch thật nhiều, người này không có hảo tâm.

GIẢNG :

Hảo tâm tức là tâm làm việc thiện mà không mong đền đáp, không mong ai nhớ ơn. Đây là hạnh tu của Bồ-tát. Chúng ta muốn về Cực Lạc, phải tu hạnh hảo tâm.

Hảo tâm theo Kinh Kim Cang ở đây là cái tâm cao tột hơn cái tâm của cha mẹ đối với con cái của họ. vì bậc cha mẹ ở đời họ làm việc cực khổ vì muốn cho con của họ được đầy đủ sung sướng mà thôi, còn bậc Bồ-tát hảo tâm thì đối với tất cả chúng sinh, đều làm lợi ích cho tất cả, không phân biệt thân sơ.

THỂ NÀO GỌI LÀ HẢO TÂM



Hảo tâm như trên rất khó có ai làm được, chỉ có bậc tu hạnh Bồ-tát mới có thể làm. Tại sao? Tại vì người đời không hiểu được nhân quả sâu sắc giống như Bồ-tát.

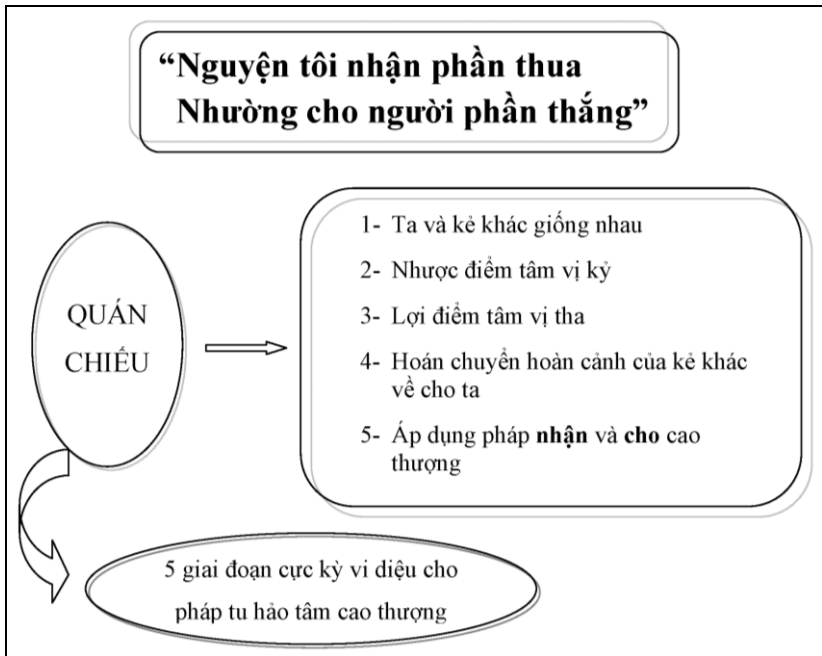
Chúng ta phải biết, tất cả chúng sanh đều có thể là cha mẹ nhiều đời, nhiều kiếp của mình, từng khó nhọc sanh đẻ, nuôi dưỡng, hy sinh cho mình rất nhiều, không thể kể xiết. Chúng ta phải nghĩ nhớ ân nặng ấy và mong đền đáp thì mới có hảo tâm như Bồ-tát, mới phát tâm đại từ, đại bi, đại nguyện lực để cứu độ muôn loài thành Phật. Bằng không thì chúng ta sẽ ở

mãi nơi thế gian này chịu biết bao đau khổ, cay đắng của một kiếp người, cứ mãi vay trả, trả vay không bao giờ chấm dứt:

***“Truân chuyên chìm nổi cứ an lòng
Số kiếp phù sinh gắng trả xong
Sống ở trần gian là chịu khổ
Đã là người nên phải long đong”***

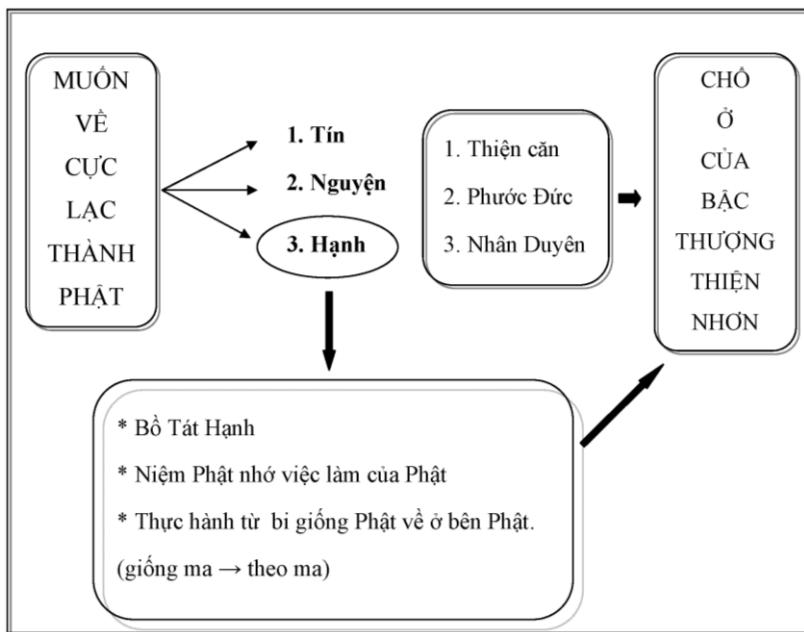
Chúng ta muốn tu hạnh hảo tâm phải luôn tâm niệm rằng: nguyện tôi nhận phần thua, nhường cho người phần thắng.

Đức Phật dạy, phải quán chiếu năm điều để tu hạnh hảo tâm cao thượng theo sơ đồ dưới đây:



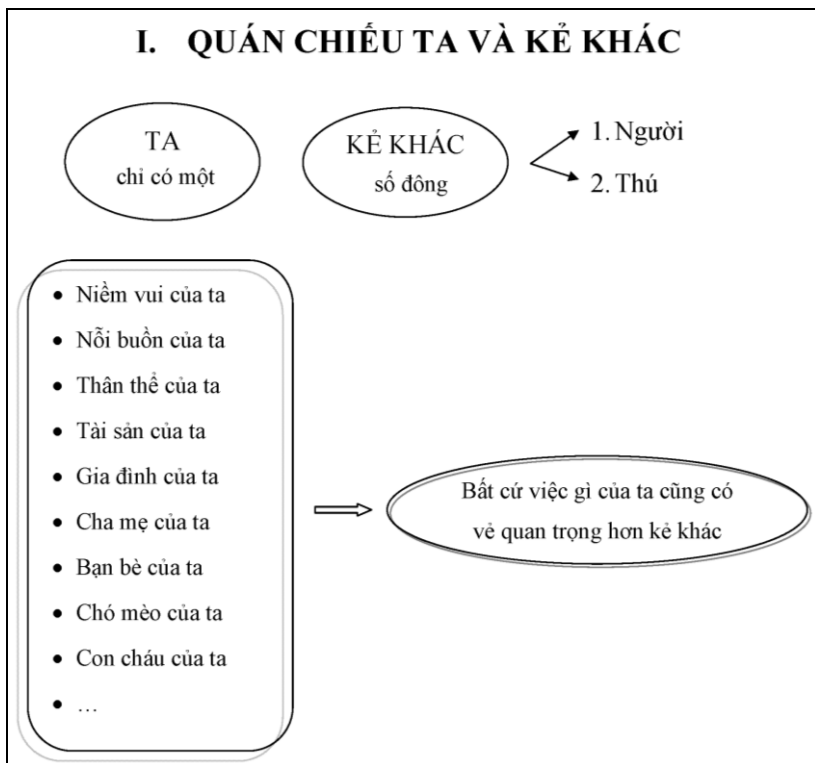
Đây là hạnh của Bồ-tát, chúng ta muốn về cõi Cực Lạc phải tu theo hạnh này.

Lại nữa, chúng ta muốn về Cực Lạc, phải có đủ ba điều là tín, nguyện, hạnh. Phải hành hạnh Bồ-tát, niệm Phật và làm theo việc làm của Phật, thực hành hạnh từ bi giống như tâm của Đức Phật.



Thông thường tâm chúng sanh thấy cái gì của mình cũng quan trọng hơn của người khác, chỉ vì cái ta quá lớn. Nếu chúng ta chịu quán chiếu, sẽ thấy mình thật là ích kỷ.

I. QUÁN CHIẾU TA VÀ KẺ KHÁC



Qua sơ đồ trên, chúng ta thấy tâm mình không giống Phật, chúng ta phải biết quán sát lại chính mình để tu tập giác ngộ, thấy được Bản Lại Diện Mục của mình:

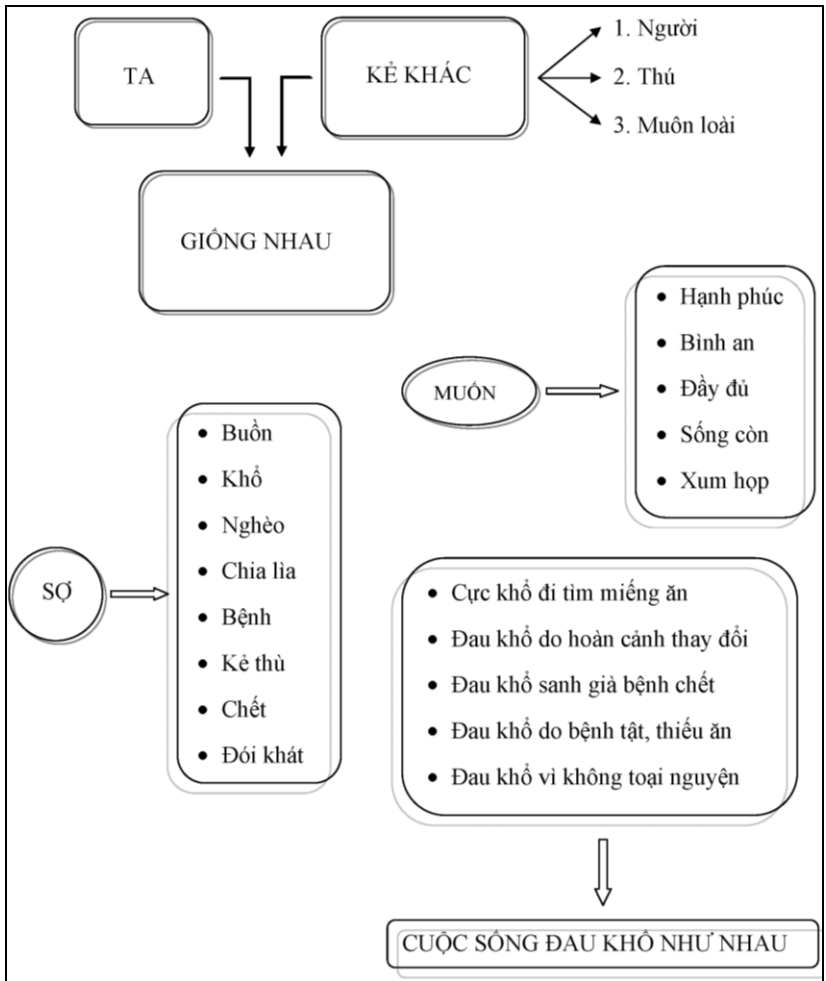
Hàng ngày quán lại nơi chính mình

Xét nét kỹ càng chớ dễ khinh

Trong mộng tìm chi người tri thức

Mặt thầy sẽ thấy trên mặt mình.

Thiền Sư Hương Hải

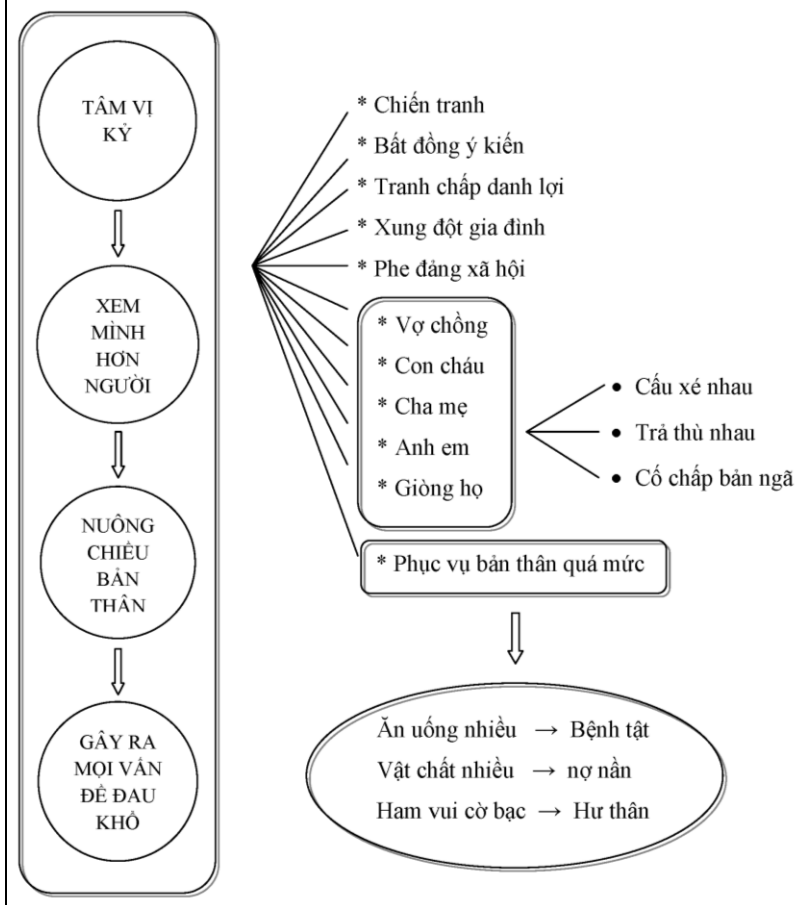


Cuộc sống con người ai cũng đau khổ như nhau, khổ vì tìm cầu cơm ăn, áo mặc, khổ vì sanh, già, bệnh, chết...Nếu chúng ta biết quán chiếu thì sẽ khởi tâm thương xót đối với tất cả chúng sanh, không nỡ làm tổn thương, làm hại ai cả. Nhưng tâm ích kỷ rất khó đoạn trừ, cho nên cuộc sống mọi người thường bất đồng, xung đột gia đình, tranh chấp danh lợi, phe

đảng xã hội...Tóm lại, đời là bể khổ. Chính vì thế, nhà thơ Đoàn Như Khuê đã nói:

*“Biển khổ mênh mông sóng ngập trời
Khách trần chèo một chiếc thuyền chơi
Thuyền ai ngược gió, ai xuôi gió
Ngâm lại cùng trong biển khổ đời”.*

II. NHƯỢC ĐIỂM CỦA TÂM VỊ KỶ = ÍCH KỶ



Biết được tâm ích kỷ gây hại cho mình và cho người như vậy, chúng ta nên học hạnh BỒ-tát, chuyển hóa tâm ích kỷ thành ra tâm vị tha, làm lợi lạc cho mình và cho tất cả mọi người.

III. LỢI ĐIỂM CỦA TÂM VỊ THA

1. Thương cái khổ của người khác



* Kiếm sống khổ

* Già hoại khổ

* Bệnh tật khổ

* Sợ chết khổ

2. Tôn trọng muôn loài

3. Xem nhẹ thân mình

4. Hy sinh cho kẻ khác

5. Nhớ ơn muôn loài cung cấp tiện nghi, thân mạng cho mình sống (nhà xe, quần áo, nước, điện ...)

6. Có đạo tràng để tu, nhớ ơn nhiều người đóng góp

7. Không giết sinh mạng để ăn thịt

8. Không lừa đảo cướp đoạt tài sản của người

9. Không xâm phạm tịnh hạnh của kẻ khác

10. Giữ gìn hạnh kiểm, khiêm hạ, không uống rượu say

11. Không dối trá đâm thọc gây chia rẽ người khác

12. Nguyên cho người niềm vui

13. Nguyên giúp kẻ khác bớt khổ

Tâm vị tha là tấm lòng thương về cảnh khổ của người khác, tôn trọng muôn loài, vì biết tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Nhớ ơn muôn loài vì mọi vật dụng chúng ta dùng trong sinh hoạt từ ăn uống hằng ngày cho đến xe cộ...tất cả đều nhờ ơn của mọi người, do họ làm ra mà có. Vì thế, chúng ta không

nên giết sinh mạng để ăn thịt, không lừa đảo, cướp đoạt của người, không xâm hại tịnh hạnh kẻ khác, giữ gìn hạnh kiem, không đâm thọc chia rẽ người khác, nguyện cho người vui và bớt khổ...Chúng ta phải thực hành phương tiện Phật dạy, như không uống rượu ăn thịt, không xâm lấn hại người để được hưởng phước cõi trời, cõi người. Cao hơn nữa là thực hành hạnh Bồ-tát để cứu khổ muôn loài, giúp mình và người đều trọn thành Phật đạo.



CÂU HỎI SỐ 37: Sao Gọi Là Người Trí, Ngu, Mê, Ngộ?

Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi hỏi:

- Kính Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào gọi là người trí ? Thế nào gọi là người ngu? Thế nào gọi là kẻ mê? Thế nào gọi là người ngộ? Xin Ngài từ bi giảng nói rộng cho chúng con hiểu.

Đức Phật dạy:

- Nay Văn Thù Sư Lợi! Chữ trí là biết. Người trí biết đạo Phật cần phải tu, biết có Thánh giáo cần phải học, biết có thầy sáng suốt cần phải cầu, biết có phước thì quyết chí làm, biết phạm tội thì nên sám hối; cho đến biết tất cả pháp thế gian và xuất thế gian có nhân quả luân hồi; giống như biết ban ngày có mặt trời, ban đêm phải có đèn và biết rõ sự báo ứng của việc làm lành dữ. Nếu như người nào thấy biết như vậy mà bỏ ác làm lành, bỏ tà theo chánh, không nói chuyện thị phi, không làm việc trái đạo, không tu theo tà ma, không lấy vật của người khác, tâm niệm luôn chân chánh thành thật, tích chứa phước đức lưu truyền cho đời sau thì gọi người này là có trí.

Chữ ngu là tối. Kẻ ngu si tâm trí tối tăm, không biết có Thánh phàm, không biết có Cực Lạc, có địa ngục, không tin có tội phước luân hồi; họ cứ tham đắm tử sắc, sát sinh hại mạng để cung cấp cho bao tử mình. Cả đời kẻ ngu giết hại vô số chúng sinh, gây nhiều oán thù, luân hồi xoay vần ăn nuốt lẫn nhau, không bao giờ dứt. Vì sao? Vì tất cả loài súc sinh; trâu, dê, heo, ngựa đều là người thân hay kẻ thù nhiều đời nhiều kiếp của chúng ta. Chúng ta làm việc thiện hay ác theo đó mà chịu luân hồi, thay hình đổi dạng, làm thân súc sinh. Kẻ ngu không biết, nên giết hại súc sinh để ăn, giống như giết cha mẹ mình, ăn thịt bà con dòng họ của mình, cha bị con giết, con bị cháu giết. Trong vòng luân hồi, cha con không biết nhau, nên giết hại và ăn thịt lẫn nhau, mãi mãi vô cùng tận; một khi mất thân người muôn kiếp khó trở lại.

Kẻ ngu si tham đắm rượu ngon, sắc đẹp. Họ muốn hưởng thụ khoái lạc cuộc sống, buông lung sáu căn, tham luyến sáu trần, lừa đảo dối trá đủ cách, chỉ biết hưởng thụ ngay hiện tại mà không nghĩ đến quả báo đau khổ đời sau; chân tánh bị mê muội trôi theo vọng tưởng trần tục, trái với giác ngộ; cho dù họ gặp được Thánh hiền cũng không thể cứu được, họ đắm chìm trong biển khổ,

đánh mất Chân Tánh, một khi mất thân người muôn kiếp khó trở lại.

Chữ ngộ nghĩa là giác ngộ. Người giác ngộ rồi thì tự biết tâm mình là Phật, mộ đạo tu hành, ba nghiệp không tạo tội, sáu căn thanh tịnh, đầy đủ phương tiện khéo léo, không chấp ngã, chấp nhân, độ mình, độ người đều thành Phật đạo. Mặc dù họ ở thế gian nhưng không đắm trần tục, ở chốn trần lao chuyển đại pháp luân, giáo hóa thế giới Ta Bà trở thành nước Cực Lạc, biến địa ngục thành thiên đường, chỉ cho kẻ ngu thấy được Phật tánh, làm các Phật sự, độ thoát chúng sinh, luôn thực hành từ bi, cứu giúp tất cả chúng sinh. Nếu có chúng sinh nào cúng dường người giác ngộ này thì được phước báo; giống như cúng dường tất cả các Đức Như Lai trong ba đời, công đức như nhau.

Vì sao? Vì tự mình giác ngộ rồi, chỉ dạy người khác giác ngộ, gọi là Chánh Giác; lại thuyết pháp giáo hóa chúng sinh, dùng thần thông diệu dụng giống như Đức Phật, thường khai thị Tri Kiến Phật⁴ cho chúng sinh, chỉ dạy cho chúng sinh ngộ

⁴ **Tri kiến Phật:** Trong *kinh Pháp Hoa* có câu: "Ta vì một đại sự nhân duyên nên xuất hiện ở thế gian là Khai thị ngộ nhập tri kiến Phật. **Khai:** Mở tri kiến của Phật cho chúng sinh thấy. **Thị:** Chỉ tri kiến của Phật cho chúng sinh

được Tri Kiến Phật, làm cho chúng sinh ngộ được Tri Kiến Phật. Vì sao? Vì người giác ngộ gọi là Bồ-tát hiểu rõ các pháp khẩu quyết, chân chánh bí mật của Phật. Nếu có kẻ thiện nam, người thiện nữ nào hiểu được pháp khẩu quyết của Bồ-tát giáo hóa liền tin theo, là chân nhân, chánh quả.

Vậy thế, cho dù người tuổi nhỏ tu hành theo chánh pháp này thì liền thành Phật đạo; người hai mươi tuổi tu hành theo chánh pháp này, cũng thành Phật đạo; người ba mươi tuổi tu hành theo chánh pháp này, cũng thành Phật đạo; cho đến người tám mươi tuổi tu hành theo chánh pháp này, cũng thành Phật đạo; kẻ thiện nam, người thiện nam tu hành theo chánh pháp này, cũng thành Phật đạo; người giàu sang, kẻ nghèo hèn tu hành theo chánh pháp này, cũng thành Phật đạo; từ quan đến vua tu hành theo chánh pháp này, cũng thành Phật đạo và cả loài nhân, phi nhân tu hành theo chánh pháp này, cũng thành Phật đạo.

Khi đó, Đức Thế Tôn nói kệ:

Nếu kẻ nam, người nữ

Gặp được thầy sáng suốt

thấy. **Ngộ:** Giác ngộ, hiểu biết, chúng sinh nhờ Phật chỉ bày giác ngộ được tri kiến của Phật. **Nhập:** Vào được tri kiến này. Nghĩa là chúng sinh ngộ rồi, vẫn tu hành đều chứng nhập tri kiến, tức là thành Phật.

Tu hành theo chánh pháp

Tất cả đều thành Phật

NGƯỜI TRÍ

- THẾ NÀO LÀ NGƯỜI TRÍ?
- THẾ NÀO LÀ NGƯỜI NGU?
- THẾ NÀO LÀ NGƯỜI MÊ?
- THẾ NÀO LÀ NGƯỜI GIÁC NGỘ

- KHÔNG PHẢI CHUYỆN CỦA MÌNH THÌ KHÔNG XÍA VÔ
- KHÔNG PHẢI ĐÓ CỦA MÌNH THÌ KHÔNG LẤY
- TƯ TƯỞNG TRONG SẠCH, THÀNH THẬT
- GIỮ GÌN CHỮ TÍN NHƯ GIỮ CỬA BÁU

“Nhơn phi nghĩa bất giao
Vật phi nghĩa bất thủ”

“Bất can kỹ sự mạc khả đương đầu”

GIẢNG

1. Người trí: Đức Phật dạy rằng, người trí là người thấy rõ thật tướng các pháp. Nghĩa là thấy rõ các pháp là duyên hợp, giả có, như huyễn, như hóa, không bền chắc, đều do các duyên hợp lại mà thành. Và lại, người trí thấy rõ nhân quả tội phước, nhìn tất cả con người trên thế gian này, mỗi người đều sống

theo quả báo của đời trước. Tất cả những nhân đã gây tạo đời trước, nên đời này chuốc lấy quả báo, vì vậy các ngài không tạo nghiệp. Đức Phật dạy: “Bồ-tát sợ nhân, chúng sinh sợ quả”.

Chúng ta tu Tám Thánh Đạo, mười hai nhân duyên, trì chú, niệm phật, tu theo giáo lý của Đức Phật thì mau chóng ra khỏi thế gian. Còn như chúng ta hằng luôn sống trong tham, sân, si, gây nhân không tốt, sát hại sinh mạng...sau khi chết sẽ đọa vào địa ngục hay súc sanh. Hơn nữa, người trí thấy rõ thế gian này, ngoài cuộc sống tầm thường, được mất, hơn thua, danh lợi...còn có một con đường xuất ly thế gian, đó là đạo Phật. Giáo lý đạo Phật chỉ rõ Phật Tánh có sẵn trong mỗi chúng sanh, giúp họ mau chóng thoát khỏi nhà lửa tam giới. Cho nên tôn giả A Nan phát nguyện:

“Đời đau khổ con thể vào trước

Dù gian nguy chí vẫn không sờn”.

Cho nên, đạo Phật có nhiệm vụ cứu đời, nếu đời không đau khổ thì đạo Phật không có ý nghĩa gì nữa. Cũng như bị bệnh cần phải uống thuốc, nếu không bệnh thì uống thuốc làm gì. Ngoài ra, người trí còn biết chánh pháp là pháp lành để giải thoát cuộc đời đau khổ, là con đường ra khỏi thế gian, nên khi buồn phải biết cách quán chiếu, lúc vui cũng thế. Người trí biết có thiện tri thức để gần gũi, biết đạo Phật là đã có Phật, biết chánh pháp là có Phật pháp,

nương giáo lý làm con thuyền Bát Nhã đưa mình vượt khỏi thế gian.

Ngày xưa, vua nước Lỗ có một cái lọ, luôn đặt trước mặt để làm gương cho quân thần và dân chúng. Cái lọ này, hễ cho nước đầy vào thì nó dốc ngược hết nước ra ngoài, đổ vừa thì nó đứng thẳng, không có nước thì nó lại nghiêng qua một bên.

Một hôm, Khổng Tử đến xem cái lọ rồi nói với học trò:

- Nay các con! Sống ở đời, hễ cái gì đầy thì phải đổ, nếu giữ trung bình thì nó đứng yên, không chứa gì thì nó nghiêng ngã.

Tăng Tử, học trò của Khổng Tử hỏi:

- Thưa thầy! Nếu đổ đầy nước thì nó ngã, vậy có cách nào chứa đầy nước mà không ngã đổ không?

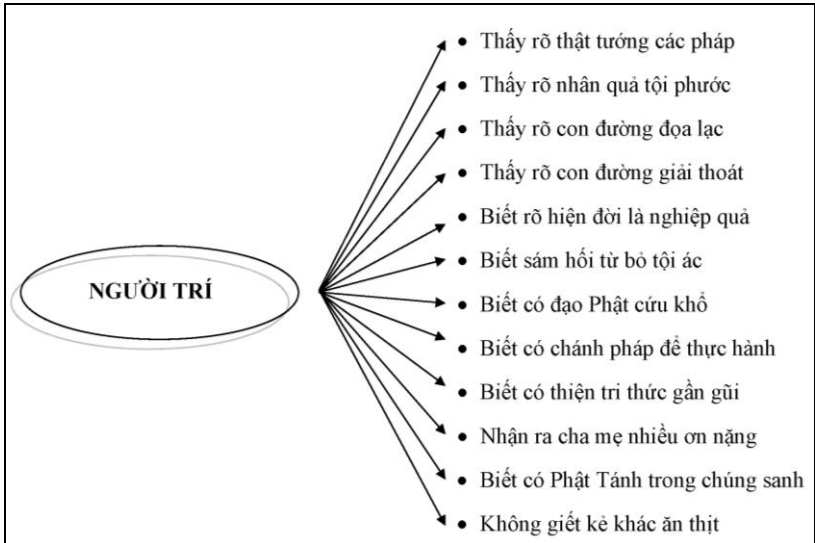
- Nay các trò! Có chứ, ta sẽ nói cho các con nghe đầy mà không đổ. Đó là người trí sống ở đời, tuy thông minh nhưng phải tỏ ra khờ khạo, họ không lộ vẻ thông minh, tài giỏi hơn người, nên họ không bao giờ bị ngã đổ. Một người có địa vị cao, chức lớn, phải biết khiêm tốn. Khi có sức mạnh phải tỏ ra yếu đuối một chút. Khi giàu sang phú quý thì phải sống bình dị, hòa đồng với mọi người, biết hành thiện, bố thí. Người làm được như vậy thì nước dù có đầy bao nhiêu cũng không thể đổ.

Ở thế gian này, con người tuy sống với nhau nhưng ít khi tin tưởng lẫn nhau, tâm luôn nghi ngờ,

không ai chịu nhường ai. Có người bề ngoài thanh lịch, đáng vẻ trí thức nhưng trong lòng lại xảo trá, lừa bịp. Có người luôn nói lời đường mật, đạo đức, tỏ vẻ quan tâm chăm sóc người khác nhưng sau lưng thì lại khinh khi, nham hiểm, tìm mưu tính kế hại người. Nhưng cũng có người tuy dung mạo xấu xí, lời nói thô tháo nhưng trong lòng rất thánh thiện, biết thương yêu giúp đỡ mọi người. Cho nên cổ nhân có câu: “Dò sông dò biển dễ dò, nào ai lấy thước mà đo lòng người”.

Tóm lại, người trí thấy có Phật tánh trong mỗi chúng sanh, thấy có thiện tri thức nên gần gũi, thấy có thiện ác báo ứng nên lo làm lành. Họ sống cuộc sống rất bình thản, biết người, biết ta. Vì thế, trong *kinh Pháp Cú*, Đức Phật dạy:

*“Bậc hiền sĩ, trí tuệ
Hãy gần gũi thân cận
Thiện nhân trí giả ấy
Như trăng bước đường sao”.*

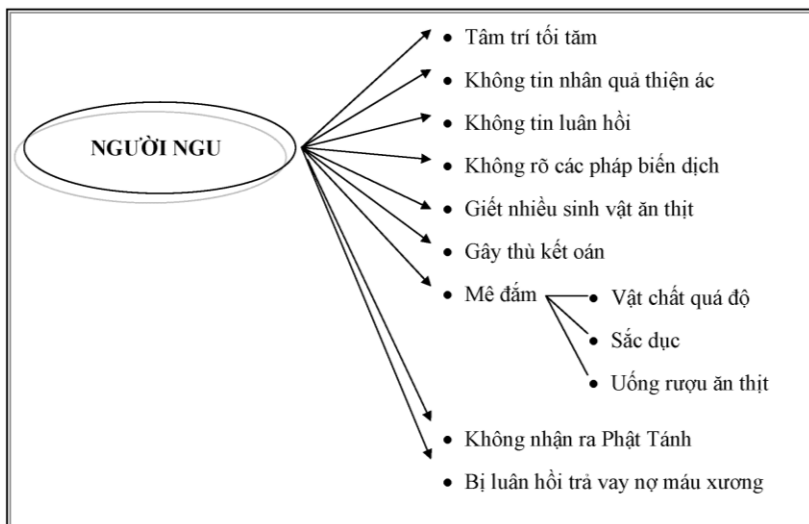


2. Người ngu:

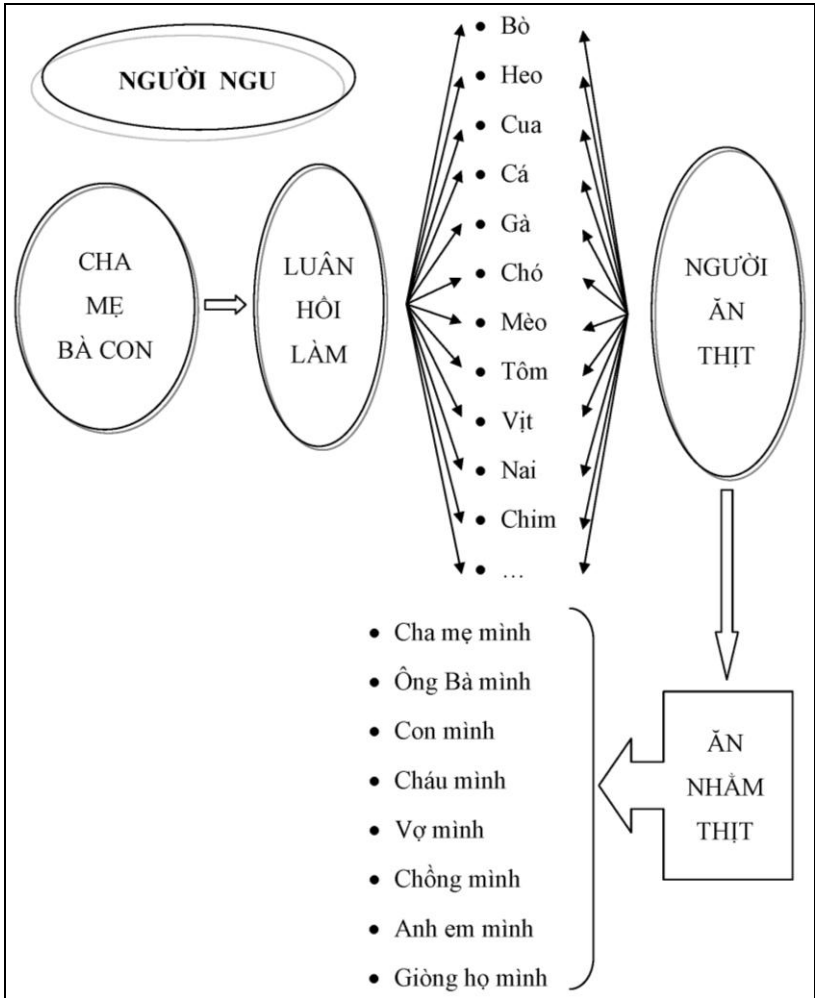
Người ngu tâm trí tối tăm, không tin nhân quả thiện ác, không tin luân hồi, không rõ các pháp đều thay đổi, không rõ thiện ác tốt xấu, ai bảo làm gì thì làm, bảo đi đâu cũng theo, thấy mọi sự mọi vật là trường tồn vĩnh cửu, chấp thân này là thật có, nên có ai đụng đến thì liền nổi sân, say đắm sắc dục, uống rượu ăn thịt, sát sanh hại mạng, gây thù kết oán, mắc nợ máu xương, không nhận ra Phật tánh nên mãi bị luân hồi đau khổ .

*“Kẻ ngu si thiếu trí
 Tự ngã thành kẻ thù
 Làm các nghiệp bất thiện
 Phải chịu quả đắng cay”.*

Kinh Pháp Cú



Vả lại, người ngu không nhận ra cha mẹ nhiều đời của họ bị luân hồi, đầu thai làm người hay làm súc sanh như cá, gà, heo, dê, chó mèo... nên họ thường bắt chúng giết ăn thịt. Họ đâu biết đó là những người thân nhiều đời của họ, cứ vay trả, trả vay không bao giờ dứt. Do không có trí nên họ đã ăn biết bao người thân trong kiếp trước của mình. Những người kiếp trước thấy con cái mình, bà con của mình lại đi ăn thịt mình, nên họ sanh lòng căm thù, rồi quyết tâm báo thù, cắt đứt tình máu mủ. Do vậy, suốt đời suốt kiếp oán thù mãi chất chồng, oán khiên không bao giờ dứt, lên xuống mãi trong vòng lục đạo.



Đức Phật dạy, con người sở dĩ bị chết là do chính mình tự tạo: một là bệnh chết; hai là bị hình luật xử tử mà chết; ba là chết vì đao binh đâm chém.

Bệnh chết là do ăn uống quá độ như uống quá nhiều rượu và hút nhiều thuốc lá khiến sơ gan, ung thư phổi; lại do ăn uống, thức ngủ không điều độ, lao

tâm lao lực nghĩ lo quá nhiều việc, quên ăn mất ngủ, dâm dục quá độ.

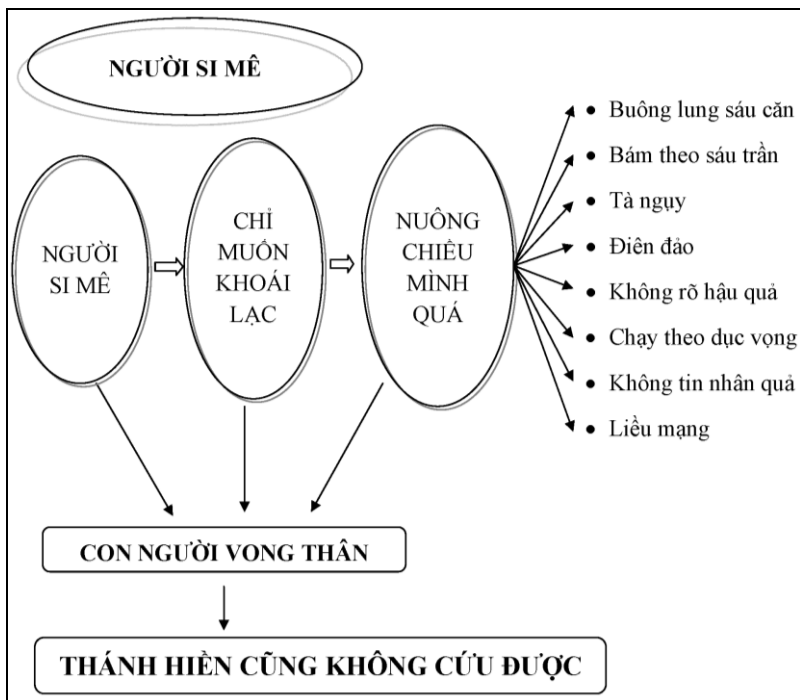
Bị xử tử là vì tham muốn, dục vọng quá nhiều, si mê quá độ, gây tạo việc xấu ác nên bị lâm vào cảnh ngục tù, xử tử.

Chết vì binh đao đâm chém là do gây thù kết oán với người khác, yếu mà chống với kẻ mạnh, ngu si mà chống lại người khôn ngoan, liều mạng nên phải chết.

3. Người mê:

Người si mê tham đắm rượu ngon, gái đẹp muốn được khoái lạc, ăn chơi trác táng, lối sống buông thả, không nghĩ đến ngày mai, chỉ biết thọ dụng hiện tiền, không nhìn lại quả báo đau khổ của đời sau, mê muội Chân Tánh (không thấy được Tánh Giác), chạy theo dục vọng, trái với giác ngộ, hợp với trần lao, dù gặp được thánh hiền cũng không thể cứu độ được, họ chìm sâu vào biển khổ, đánh mất Chân Tánh, tạo nghiệp bất thiện chồng chất. Vì thế, thi hào Nguyễn Du nói rất hay:

***“Trót mang lấy nghiệp vào thân
Thì đừng trách lẫn trời gần trời xa”.***



4. Người giác ngộ:

Người giác ngộ trước tiên là biết Phật tánh của mình sẵn có và đang hiển lộ. Cũng như Đức Thế Tôn ngồi dưới cội Bồ đề suốt bốn mươi chín ngày đêm, tất cả những gì xảy ra trên thân, tâm của ngài, ngài đều biết hết. Khi đến vào đêm thứ bốn mươi chín, ngài mới ngộ ra một điều: “Trong thân Ta và thân chúng sanh, có một cái không bao giờ mất đó là Tánh Giác biết”. Do vậy, ngài đã giác ngộ, chứng quả Bồ-đề:

*“Cõi lòng trong sạch hết trần duyên
 Thanh tịnh vô vi dưỡng tánh hiền
 Muôn hạnh Như Lai đều lập đủ
 Độ mình độ thế khỏi lao phiền.”*



Người giác ngộ thấy trong tâm mình có Phật, sáu căn của họ thanh tịnh, không chạy theo sáu trần, thân miệng ý rất trong sạch, không cố chấp mình và người, cư trần bất nhiễm trần, độ mình và độ người, phát tâm làm Phật sự để chánh pháp mãi lưu truyền, phát tâm từ bi, ban vui cứu khổ, thấy rõ các pháp là hư giả, không chạy theo cảnh, luôn an trú trong tánh giác.

CÂU HỎI SỐ 38: Chúng Sinh Có Phật Tánh, Sao Không Thể Thành Phật?

Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi hỏi:

- Kính Bạch Đức Thế Tôn! Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, vì sao họ không chịu tu hành để thành Phật?

Đức Phật dạy:

- Nay Văn Thù Sư Lợi! Chúng sinh không chịu tu hành là vì nghiệp họ nặng, oan trái nhiều. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh đều mê muội, điên đảo từ đời vô thủy cho đến ngày nay, không trồng căn lành, chỉ tạo nghiệp ác, oan gia ràng buộc, nghiệp này nối nghiệp kia; người này không tha thứ người kia, người kia không chịu tha thứ cho người này, tạo thành lưới nghiệp giăng khắp thế giới. Họ cứ ra vào ba đường, sáu nẻo, gặp nhau thì tàn hại lẫn nhau, báo ứng xoay vần không bao giờ dứt. Nếu như trả hết oan trái, được sinh trong loài người, nhưng họ không có căn lành, không gặp được chánh pháp, các căn tâm tối, bị ma chướng quấy phá, không thể tu hành hướng thượng. Vì thế, họ không thể thành Phật đạo, không chứng chánh quả Vô Thượng Bồ Đề được.

Này Văn Thù Sư Lợi! Người không giữ giới sát sinh, lại ăn thịt chúng sinh thì người đó đoạn tuyệt hạt giống từ bi. Người không giữ giới trộm cắp, lại lấy tài sản của người khác thì người ấy đoạn mất hạt giống giàu sang. Người không giữ giới dâm, lại đi tà dâm thì người ấy đoạn mất hạt giống thanh tịnh. Người không giữ giới vọng ngữ, không nói lời chân thật, lại nói dối, nói thêu dệt... thì người này đoạn mất hạt giống chân thật. Người không giữ giới uống rượu, lại đi uống say xỉn thì người này đoạn mất hạt giống trí tuệ, bị vô minh che lấp tâm tánh.

Vì thế, người không giữ năm giới cấm, làm tuyệt đường làm người, làm trời. Người giữ được năm giới vững chắc thì không còn trở lại ba đường ác đạo – địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Thiên ác đều do mọi người tạo ra thì họ phải gánh chịu. Vì sao? Vì ông tu ông đắc, bà tu bà đắc, tu nhiều được quả nhiều, tu ít được quả ít, càng tu càng chứng. Ai tu nấy hưởng, người khác không hưởng được, người nào gây tội thì phải trả nghiệp, người khác không thay được. Cho nên, mọi người muốn thoát khỏi địa ngục thì phải trừ bỏ tâm ác; muốn thoát khỏi súc sinh thì không được giết và ăn thịt chúng sanh; muốn được thân người, trước phải hiếu thảo và từ bi; muốn sinh lên cõi trời phải giữ mười giới của

thân, miệng, ý; muốn thành Phật đạo thì tâm trí phải sáng suốt; tâm sáng suốt thì hiểu rõ nhân quả, thấy được tâm linh của mình, liền thành Phật đạo, không còn nghi ngờ gì nữa.

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát thưa:

- Kính Bạch Đức Thế Tôn! Hay thay, hay thay! Thân người khó được, Phật pháp khó gặp, trung tâm văn hóa khó sinh, thiện tri thức khó tìm. Ngày nay, mọi người được sinh ra ở trung tâm văn hóa, được gặp chánh pháp, gặp thiện tri thức, đầy đủ tất cả phương tiện tu học; nếu mọi người không phát tâm tu hành thì Đức Phật không thể cứu được.

Lúc đó trong đại hội, những người mới phát tâm như Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Ni, ưu bà tắc, ưu bà di và vô lượng thiên, long, bát bộ, trời người đều ngộ được bản lai Phật tánh của mình. Toàn thể Đại Chúng đều hiểu rõ, tất cả công đức do tâm mình sinh ra, pháp thân huệ mạng cũng do mình thành tựu.

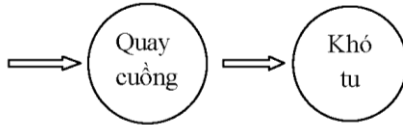
Đại chúng nghe Đức Phật dạy xong, đều rất vui mừng, vâng theo lời Phật dạy.

HẾT THẤY CHÚNG SANH ĐỀU CÓ PHẬT TÁNH (hạt giống Phật)
TAI SAO HỌ KHÔNG THỂ TU HÀNH ĐỂ THÀNH PHẬT

ĐỨC PHẬT ĐÁP

TẤT CẢ CHÚNG SANH CÓ SẴN HẠT GIỐNG ĐỂ THÀNH
PHẬT, SỞ DĨ HỌ KHÔNG TU HÀNH ĐỂ THÀNH PHẬT
ĐƯỢC LÀ VÌ HAI ĐIỀU:

1. Nghiệp lực nặng
2. Oan trái nhiều



GIẢNG

Sở dĩ chúng ta không thể thành Phật là do nghiệp lực nặng và oan trái quá nhiều.

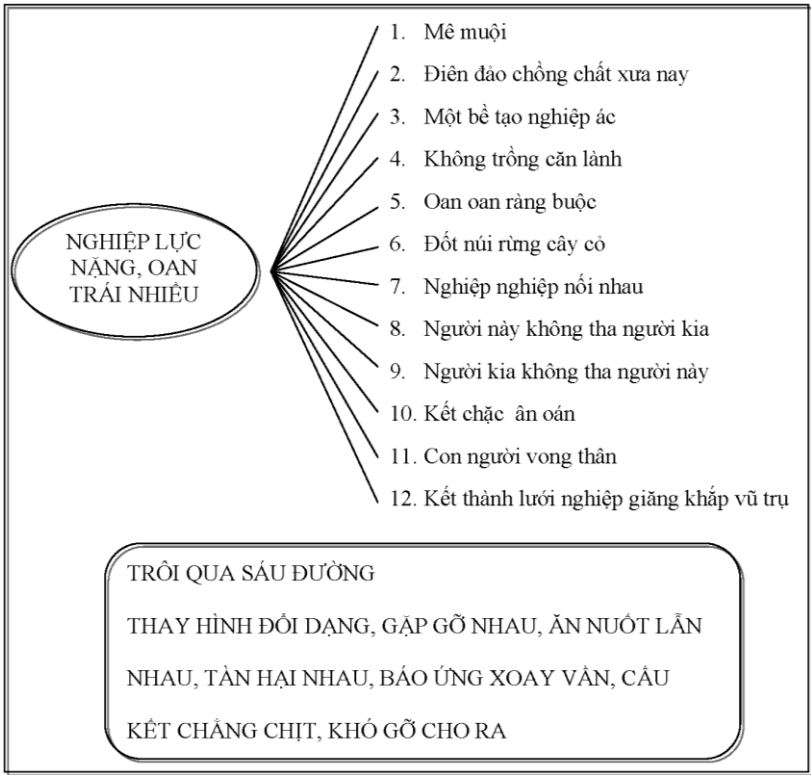
Tại sao gọi là nghiệp lực nặng? Nghĩa là người tạo nghiệp mà không biết dừng, không biết mình đang tạo nghiệp, giận mà không biết mình đang giận, tham mà không biết mình tham... Cho nên, sau khi chết người đó vẫn mang theo tham, sân, si.

Người nghiệp lực nặng, oan trái nhiều thì khó tu thành Phật, bởi vì, hễ gây nhân thì phải chịu quả, nghiệp chướng chồng chất, oan gia ràng buộc. Và lại, người nghiệp nặng thường bị mê muội, nên Tánh Giác không hiển lộ, họ mờ mịt không tin nhân quả, không thấy rõ thật tướng của các pháp, nhận giả làm chân,

điều sai cho là đúng, đúng cho là sai, điên đảo chông chất.

Điên đảo tức là tham, sân, si hiện ra trong tâm, so đo, phân tích phải quấy, đúng sai, không biết trông căn lành, hận thù cứ chông chất. Những người như thế tuy có học đạo nhưng do mê muội và nghiệp quá nặng nên cứ lao vào trong bể khổ trầm luân, dần dần kết thành lưới nghiệp, giăng khắp thế giới, không bao giờ thoát ra. Khi giận thì đọa vào a tu la, khi tàn ác thì đọa vào địa ngục, khi tham lam thì làm ngựa quỉ, khi mê muội thì làm súc sanh, cứ trôi lăn mãi trong sáu đường, lên xuống trong ba cõi, thay hình đổi dạng, lúc làm con này, lúc làm con kia, luôn ăn nuốt, tàn sát lẫn nhau...

Còn nữa, tất cả chúng sanh đều có sẵn hạt giống Phật, nhưng nghiệp lực nặng và oan trái nhiều nên mê muội, tức không có huệ nhãn, không chịu tu hành, điên đảo chông chất, chuyên tạo nghiệp ác, không chịu gieo trồng căn lành, oan gia ràng buộc, nghiệp chướng chông chất, kết chặt ân oán hết đời này sang đời khác, không ai có thể cứu giúp được.



Tất cả những gì chúng ta gánh chịu hôm nay đều do bản thân của ta gây tạo nghiệp từ bao kiếp trước. Vì nghiệp là một thói quen khó có thể bỏ được, nó là động lực thúc đẩy, là tập khí chứa nhóm lâu ngày thành hành vi quen thuộc, thành sở thích:

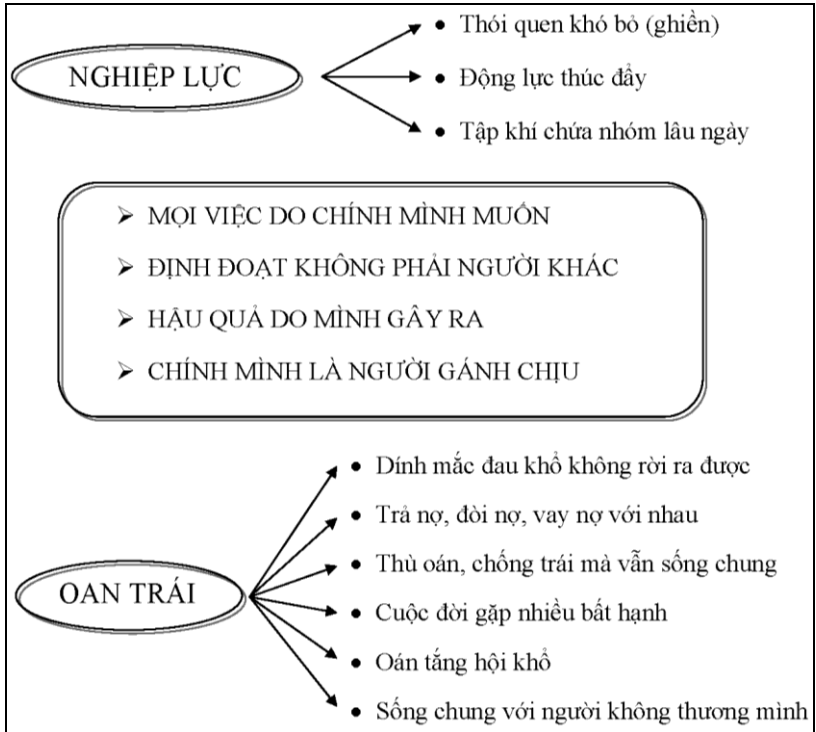
Mọi việc do chính mình muốn

Định đoạt không phải người khác

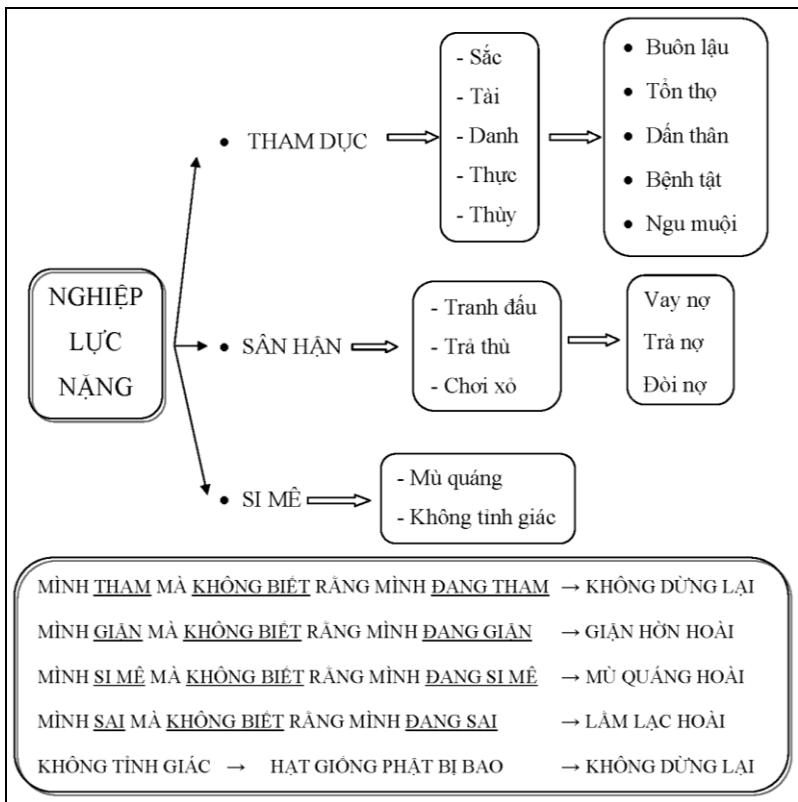
Hậu quả do mình gây ra

Chính mình là người gánh chịu.

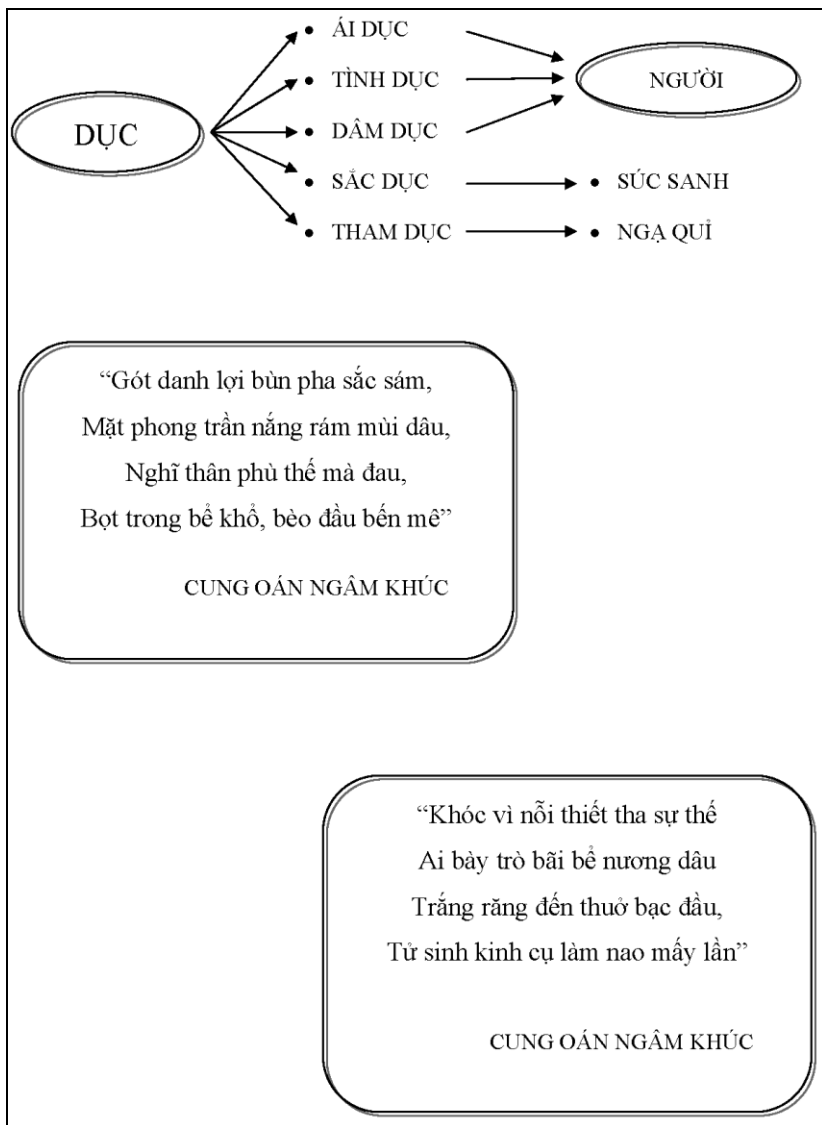
Con người sống ở đời gặp nhiều bất hạnh là do gây nhân không tốt, nên bây giờ gần với ai, sống với ai cũng bị họ ruồng bỏ, bị họ phản bội. Do tạo nhiều oan trái nên phải sống chung với những người không thương mình, tới ngày họ âm mưu hại mình, trả thù qua trả thù lại, nên gọi đó là nghiệp lực. Người có nghiệp lực nặng, oan trái nhiều thì dù cho có hạt giống Bồ đề trong tâm, nhưng nếu không gặp thiện tri thức khai ngộ, cũng khó có thể tu hành thành Phật.



Không ai trong chúng ta không tạo nghiệp lực, không có oan trái. Nhưng chúng ta có thể thành Phật được là vì chúng ta biết tỉnh giác, biết rõ việc chúng ta đang làm. Tánh Giác càng hiển lộ bao nhiêu thì quá trình thành Phật càng gần bấy nhiêu. Người biết tu thì khi gặp oan trái chúng ta nên nhất tâm sám hối lỗi lầm, khiến cho oan khiên dần dần dứt sạch, không tạo thêm nghiệp mới. Những người nghiệp nặng, oan trái nhiều mà họ không biết tỉnh giác, họ sân, si càng nhiều, dục vọng càng lớn, phiền não càng quán chắc. Người bị nghiệp lực nặng là người nhiều tham dục, sân hận và si mê.



Tham dục là tham tài, sắc, danh, thực, thù.



Người nhiều ái dục, tình dục và dâm dục, nếu biết hướng thiện thì sẽ đầu thai làm người. Người tham sắc dục một cách quá độ thì sẽ đọa vào loài súc sanh. Đã là súc sanh thì cuộc sống không có tôn ti trật tự gì cả, mẹ lấy con, con lấy mẹ... quay cuồng mãi trong biển khổ sanh tử không bao giờ thoát được.

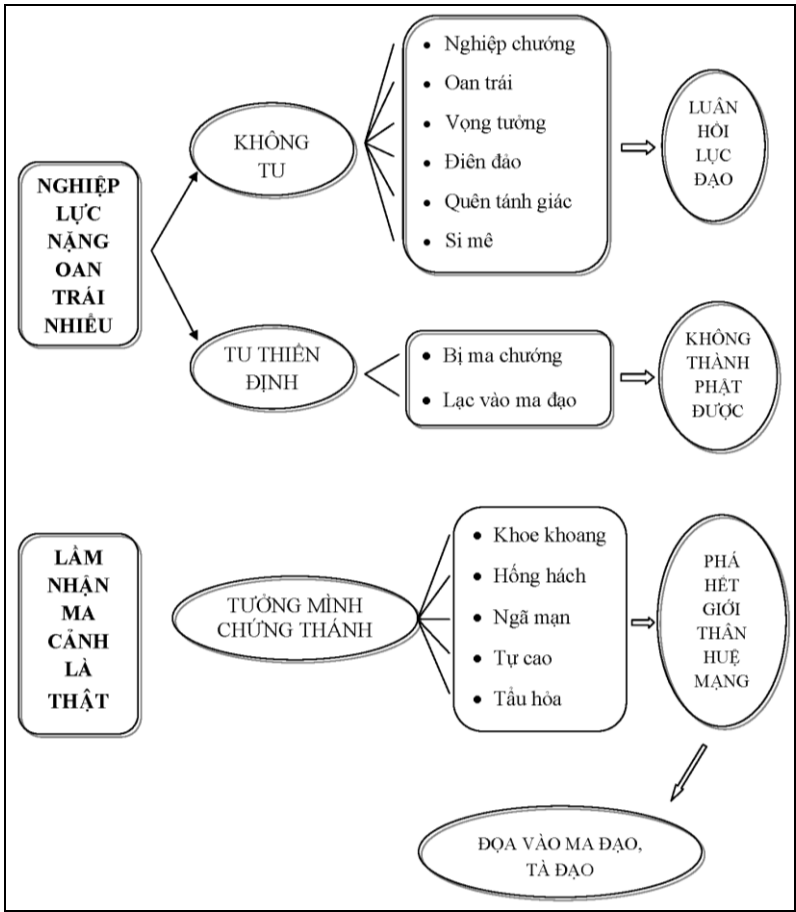
Người bị nghiệp chướng nặng, oan trái lại chồng chất có hai:

1. **Nếu người này không xuất gia**, không lo tu hành sẽ bị nghiệp chướng, oan trái, vọng tưởng, điên đảo lôi cuốn quên mất Tánh Giác, bị si mê thì sẽ luân hồi trong sáu đường.

2. **Nếu người này xuất gia**, cũng bị ma chướng trở ngại trên đường tu. Hễ tu thiền thì bị ma chướng, dễ lạc vào ma đạo. Tại sao họ bị lạc vào ma chướng? Bởi vì họ nhận lầm ma cảnh là thật, tưởng mình đã chứng thánh rồi, nên dễ bị tâu hỏa nhập ma, khoe khoang, cống cao, ngã mạn, tự cao, tự đại.

Những người như thế họ vốn không gieo trồng phước đức từ nhiều kiếp trước nên kiếp này dù phát tâm tu hành cũng không thể nào thành Phật được. Hơn nữa, do nhận lầm cảnh giả cho là thật, những ma cảnh hiện ra cứ tưởng là cảnh thánh đã chứng, nên họ phá sạch giới thân huệ mạng. Khi đã mất hết giới, thân, huệ mạng thì sẽ lạc vào ma đạo và tà đạo. Bởi vậy, trong *kinh Pháp Hoa* có dạy: “Những người

nghiệp nặng, oan trái nhiều như thế thì dù cho có ngàn Đức Phật ra đời cũng không thể nào cứu nổi”.



Cho nên Lục Tổ Huệ Năng dạy:

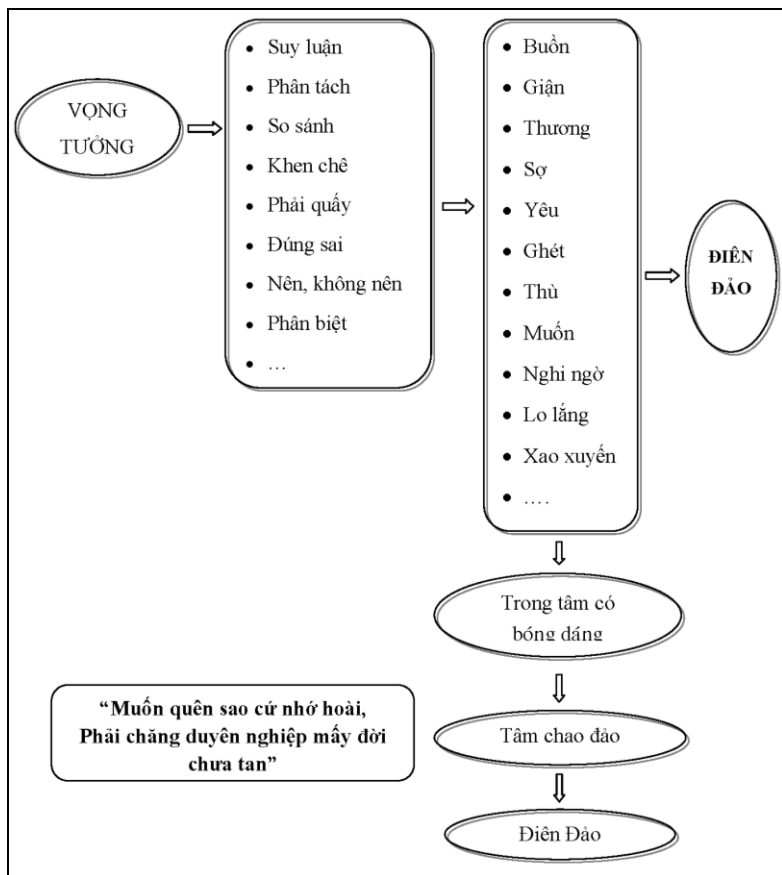
*“Nếu người thật tu đạo
Không thấy lỗi thế gian”.*

Đức Phật dạy, trên đời này không có điều đúng cũng chẳng có điều gì sai. Lúc Lục Tổ sắp nhập diệt, hàng đệ tử hỏi:

- Thưa thầy! Sau khi thầy nhập diệt rồi, nếu có người đến hỏi đạo, chúng con phải trả lời như thế nào?

Tổ đáp:

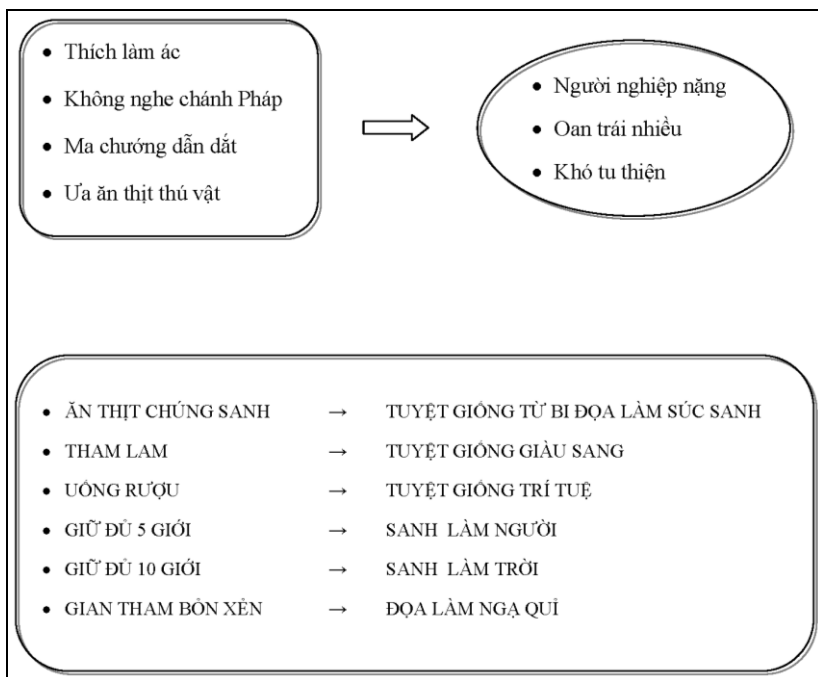
- Nay các con! Nếu người ta hỏi thế nào là đen thì các con trả lời là :bởi nó không phải trắng, thế nào là đúng thì trả lời là :nó không phải sai, thế nào là khôn thì trả lời là tại không phải ngu. Đúng sai là do con người nghĩ ra mà thôi chứ trên cõi đời này có gì đúng, có gì sai đâu. Đúng sai là do tâm phân biệt mà có. Chúng ta thấy sự việc rồi suy luận, phân tích, so sánh, khen chê nên mới sanh buồn, giận, thương ghét... Đây là do tâm vọng tưởng, gọi là điên đảo. Cho nên, hễ khi có vọng tưởng thì điên đảo liền sanh ra.



Đức Phật dạy, người nghiệp nặng, oan trái nhiều thì rất khó tu thiện, bởi vì các căn ám độn. Họ không có trí huệ gì cả, thích làm ác, không nghe chánh pháp, thường bị ma chướng dẫn dắt, thích ăn nhiều thịt thú vật.

Nếu người nào giữ đủ năm giới thì sẽ sanh làm người. Giữ đủ mười giới thì sanh vào cõi trời. Người gian tham bòn xén thì đọa làm ngựa quỉ. Vì thế, Đức Phật dạy:

**“Hãy gấp làm điều lành
Ngăn tâm làm điều ác.
Ai thích làm việc ác
Chứa ác, tất chịu khổ”.**



Đức Phật dạy, muốn làm việc thành công trọn vẹn thì phải có phước, thiếu phước thì không thể làm được gì cả. Phước có ba loại: phước vật, phước đức và phước trí.

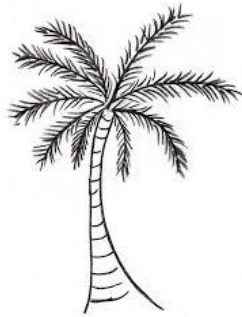
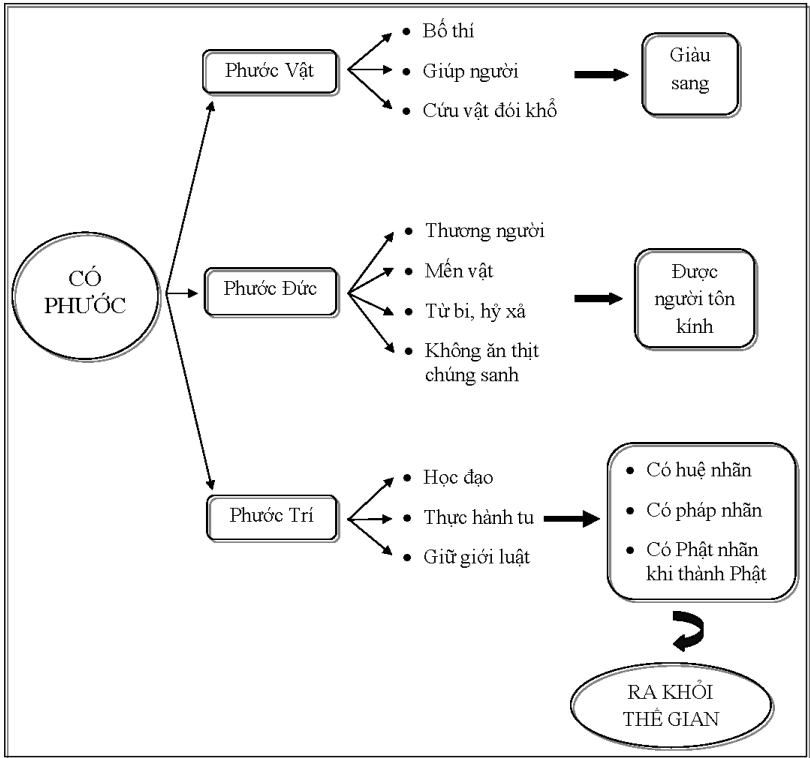
Người có phước vật luôn được giàu sang. Được giàu sang là do biết bố thí, biết giúp đỡ kẻ khác, biết thương người cứu vật đói khổ.

Người có phước đức thường được người đời tôn kính, bởi lúc nào họ cũng thương người, mền vật, có tấm lòng từ bi, hỷ xả, không bao giờ ăn thịt chúng sanh.

Hai hạng người trên, tuy có phước nhưng chưa ra khỏi thế gian.

Người có phước trí là người có huệ nhãn và pháp nhãn. Khi tu hành thành Phật thì có Phật nhãn. Những bậc này thích học đạo, biết giữ gìn giới luật, biết thực hành theo giáo lý của Phật dạy; sau khi mất thân này không còn trở lại trong ba cõi sáu đường, thoát khỏi luân hồi, ba nghiệp thanh tịnh, sinh về cõi Phật:

*“Muốn ra khỏi biển luân hồi
Quả kia phải hái cho rồi đừng gieo
Dừng chân thì bóng chẳng theo
Dừng tâm thì nghiệp chẳng đeo bên
mình
Ai ơi hãy khéo giữ gìn
Đừng cho ý mã tung hoành tự do”.*



LỜI CẢM TẠ



Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Tất cả mọi hiện tượng, mọi sự vật trên thế
gian này được hình thành đều do các duyên
hòa hợp. Nhưng việc hoàn thành một tác
phẩm Phật Giáo cần có đủ ba yếu tố là Thiện
căn, Phước đức và Nhân duyên.

Hôm nay, quyển ĐẠI THỪA KIM CANG
KINH LUẬN GIẢNG GIẢI được ra đời, nhờ
những đóng góp kỹ thuật của nhiều Thiện
Hữu Tri Thức:

- 1) Sư Cô Thích Nữ Viên Thắng ở Việt
Nam đã xem 23 DVDs và theo lời
giảng của Sư Cô Thích Nữ Phước Hoàn,
sau đó hệ thống lại thành văn tự.
- 2) Nhóm các em Phật tử ở Việt Nam, đã
vẽ sơ đồ của Sư Cơ trong các bài giảng
ra bằng Computer.

- 3) Phật tử Diệu Hương ở Australia, đã giúp Sư Cô điều chỉnh và vẽ lại tất cả các sơ đồ cho toàn bộ kinh .
- 4) Phật tử Thiện Đạo ở Australia, bằng Computer đã giúp Sư Cô sắp xếp và trình bày quyển kinh một cách mạch lạc và trong sáng.
- 5) Em Đức Phú ở Việt Nam đã phác họa hình bìa của quyển Kinh rất đẹp.
- 6) Hai Sư Cô Thích Nữ Trung Hằng và Thích Nữ Bích Phương đã phát tâm chia xẻ mọi công việc nặng nhọc trong Ni Viện, giúp Sư Thầy của mình có đủ thời gian viết và duyệt lại toàn bộ bản thảo Quyển Kinh Giảng Giải trước khi gửi đến nhà in.

Xin cảm niệm công đức của tất cả quý vị, cầu nguyện mười phương Chư Phật gia hộ quý vị thân tâm thường an lạc.

Tỳ Kheo Ni Thích Nữ Phước Hoàn

(Như Thanh)

<http://quangduc.com/author/post/9634/1/thich-nu-phuoc-hoan>

